**Lý thuyết Trò chơi và**

**Chuyển đổi sang Nền dân chủ**

**Mô hình Tây Ban Nha**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Josep M. Colomer

Giáo sư

Cao Ủy Nghiên cứu Khoa học

Barcelona, Tây Ban Nha

**Edward Elgar**

Người dịch: Nguyễn Quang A

*‘Một trong ít những đóng góp độc đáo cho các tài liệu khoa học về chuyển đổi sang dân chủ, cuốn sách của Colomer áp dụng các mô hình giải tích để khám phá tính phức tạp của sự chuyển đổi ở Tây Ban Nha. Phân tích của ông sẽ là điều thích thú cho những người theo dõi sự dân chủ hóa ở nơi khác.’*

* Giáo sư Adam Przeworski,

Martin A. Ryerson

Distinguished Service Professor,

Đại học Chicago, Hoa Kỳ.

*‘Một trong những sách hay nhất trong Khoa học Chính trị về chuyển đổi.’*

* Giáo sư Juan J. Linz, Đại học Yale, Hoa Kỳ

*‘Cuốn sách này có thể trở thành một cuốn Khoa học Chính trị kinh điển. Nó đặc biệt ngắn, sáng sủa và, về toàn bộ, thuyết phục.’*

* Dr Iain McLean, Nuffield College,

Oxford, Anh Quốc

Sự chuyển đổi sang nền dân chủ Tây Ban Nha thường được xem như một mô hình cho các xã hội khác đang trải qua quá trình thay đổi chính trị; một tấm gương về thương lượng và đồng thuận tránh được cả bạo lực và nội chiến.

*Lý thuyết Trò chơi và Chuyển đổi sang Dân chủ* phân tích cách cư xử chiến lược và những tương tác chính trị trong những đoạn then chốt của sự chuyển đổi Tây Ban Nha, giải thích vì sao nó đã là một quá trình thành công đến vậy. Nhấn mạnh các vai trò xác lập chương trình nghị sự, mặc cả, và ra quyết định chiến lược của các diễn viên trung tâm, cuốn sách này sử dụng một phương pháp lựa chọn duy lý để mô hình hóa sự chuyển đổi sang dân chủ ở Tây Ban Nha.

Cuốn sách này rọi ánh sáng mới lên quá trình chuyển đổi sang dân chủ và sẽ được các sử gia và nhà khoa học chính trị chào đón cả như một đóng góp then chốt cho sự hiểu biết lịch sử của thời kỳ đó lẫn như một áp dụng sáng tạo của phân tích lựa chọn duy lý.

**Josep M. Colomer** là giáo sư Khoa học Chính trị tại Cao Ủy về Nghiên cứu Khoa học (High Council of Scientific Research) ở Barcelona, Tây Ban Nha và giáo sư khách và cán bộ giảng dạy tại Đại học New York, Hoa Kỳ.

©Josep M. Colomer 1995

Mục lục

[Danh sách các bảng vi](#_Toc400957746)

[Danh sách các hình vii](#_Toc400957747)

[Lời giới thiệu viii](#_Toc400957748)

[Lời cảm ơn x](#_Toc400957749)

[Dẫn nhập 1](#_Toc400957750)

[1. Một sự Chuyển đổi Bắc cầu 10](#_Toc400957751)

[2. Sisyphus và Bóng tuyết 20](#_Toc400957752)

[3. Một cái Bẫy Sadducean 29](#_Toc400957753)

[4. Thắt và Thắt Chặt 37](#_Toc400957754)

[5. Thứ Bảy Linh thiêng trong màu Đỏ 51](#_Toc400957755)

[6. Sự Đồng thuận Đêm khuya 58](#_Toc400957756)

[*7.* Nhân danh Đức Vua! 78](#_Toc400957757)

[Kết luận 93](#_Toc400957758)

[Index 97](#_Toc400957759)

# Danh sách các bảng

1.1. Thứ tự sở thích về sự liên tục (C), cải cách (r) và đoạn tuyệt (R) ……………………………………………. 11

1.2. Hai phân bố sở thích về liên tục (C), cải cách (r) và đoạn tuyệt (R) ………………………………………… 14

3.1. Sở thích của các thành viên Hội đồng Quốc vương đối với các ứng viên cho chức Thủ tướng.. 34

4.1. Các thứ tự ưu tiên giữa Suárez và các nhà liên tục ………………………………………………………………… 40

4.2. Các thứ tự ưu tiên giữa Suárez và phe đối lập đoạn tuyệt …………………………………………………….. 47

4.3. Các thứ tự sở thích trên các lựa chọn khả dĩ và các kết quả ………………………………………………….. 49

5.1. Các thứ tự ưu tiên giữa Suárez và Carrillo …………………………………………………………………………….. 53

6.1. Những người bỏ phiếu trong quá trình lập hiến của Cortes ………………………………………………….. 61

6.2. Các sở thích chân thật về Hiến pháp và Chế độ quân chủ ……………………………………………………… 62

6.3. Bỏ phiếu tinh vi về Hiến pháp và Chế độ quân chủ ……………………………………………………………….. 63

6.4. Trao đổi phiếu dưới áp lực của những “quyền lực de facto” …………………………………………………. 68

6.5. Trao đổi phiếu về các vấn đề xã hội ……………………………………………………………………………………… 69

6.6. Trao đổi phiếu về vấn đề trường học …………………………………………………………………………………… 70

6.7. Trao đổi phiếu về vấn đề phân quyền …………………………………………………………………………………… 72

7.1. Các tướng chỉ huy quân khu trong tháng Hai 1981 ……………………………………………………………….. 82

7.2. Những sở thích được tưởng tượng của các tướng chỉ huy quân khu và của nhà Vua ……………. 83

7.3. Những sở thích của nhà Vua Juan Carlos ………………………………………………………………………………. 86

7.4. Những sở thích của các tướng chỉ huy quân khu và của các công dân …………………………………… 91

# Danh sách các hình

2.1. Phân bố của sự sẵn sàng tham gia vào một hành động tập thể …………………………………………….. 22

2.2. Sự tham gia vào hành động tập thể ………………………………………………………………………………………. 23

2.3. Những biến thể của sự tham gia vào hành động tập thể ………………………………………………………. 23

4.1. Trò chơi giữa Suárez và các nhà liên tục ……………………………………………………………………………….. 40

4.2. Trò chơi giữa Suárez và phe đối lập đoạn tuyệt ……………………………………………………………………. 48

5.1. Trò chơi hợp pháp hóa Đảng Cộng sản …………………………………………………………………………………. 53

7.1. Kế hoạch cho cuộc đảo chính 23 tháng Hai 1981 ………………………………………………………………….. 81

7.2.Trò chơi bị thông tin sai giữa các tướng chỉ huy quân khu và nhà Vua ………………………………….. 83

7.3.Trò chơi thực giữa các tướng chỉ huy quân khu và nhà Vua ………………………………………………….. 87

7.2.Trò chơi giữa các tướng chỉ huy quân khu và công dân ............................................................. 91

# Lời giới thiệu

Bạn đọc cầm trên tay cuốn thứ hai mươi tám[[1]](#footnote-1)\* của tủ sách SOS2, cuốn *Lý thuyết Trò chơi và Chuyển đổi sang Nền dân chủ – Mô hình Tây Ban Nha (Game Theory and the Transition to Democracy – The Spanish Model)* của Josep M. Colomer. Đây là cuốn thứ 6 về kinh nghiệm chuyển đổi từ chế độ độc tài sang các chế độ dân chủ của các nước Đông Âu, Nam Phi và Tây Ban Nha: Hungary (cuốn số 14), Ba Lan và Nam Phi (các cuốn số 24, 25, 26 và 27) và Tây Ban Nha trong cuốn này.

Tây Ban Nha là một nước quân chủ, năm 1873 nền cộng hòa thứ nhất được lập ra nhưng bị lật đổ năm 1874; nền cộng hòa thứ hai được lập ra năm 1931 nhưng đã bị lật đổ bởi cuộc nội chiến đẫm máu 1936-39 và sau đó trên danh được khôi phục nhưng thực chất đã là chế độ độc tài hoàn toàn của một người, Tướng Franciso Franco. Franco chết năm 1975 và sau cái chết của ông đã là một quá trình chuyển đổi từ 1976 đến 1981 khi nền dân chủ được thiết lập hoàn toàn; và quá trình chuyển đổi này là nội dung của cuốn sách mà bạn sắp đọc.

Chuyển đổi Tây Ban Nha là một cuộc chuyển đổi hòa bình được coi là tấm gương cho nhiều sự chuyển đổi sau này ở các nơi khác ở Nam Âu, Mỹ Latin và Đông Âu.

Colomer đã sử dụng cách tiếp cận lựa chọn duy lý (rational choice), sử dụng các công cụ của lý thuyết lựa chọn xã hội (social choice theory) và lý thuyết trò chơi, để làm sáng tỏ quá trình chuyển đổi Tây Ban Nha và để rút ra những kết luận đáng giá cho tất cả những người quan tâm đến sự chuyển đổi từ chế độ độc tài sang chế độ dân chủ, trong đó có chúng ta, những người Việt Nam.

Các bạn ngại toán hay các lý thuyết này hãy yên tâm vì cuốn sách được tác giả viết rất đơn giản và sáng sủa, không đòi hỏi những kiến thức cao siêu nào cả trừ việc biết sắp xếp thứ tự (thí dụ trong quan hệ lớn hay bé hơn như sắp thứ tự 1, 2, 3,… ; hay thứ tự trước sau abc…; hay thứ tự khác [thắng nhau] như kéo cắt được giấy, giấy bọc được đá, đá đập hỏng được kéo… mà chắc ai cũng nhớ qua trò chơi con trẻ) và khả năng suy luận bình thường. Những khái niệm của hai lý thuyết này được tác giả trình bày ngắn gọn, sáng sủa và dễ hiểu trong cuốn sách nên ai cũng thể đọc nó chẳng mấy khó khăn. Có thể chính qua cuốn sách này mà nhiều bạn sẽ học được những điều cơ bản của lý thuyết lựa chọn xã hội và lý thuyết trò chơi và có hứng thú để tìm hiểu sâu hơn. Các bạn đọc quen biết các lý thuyết này cũng sẽ thấy những ứng dụng vô cùng lý thú về việc áp dụng chúng trong hoạt động xã hội và chính trị.

Mỗi quá trình chuyển đổi là khác với quá trình dân chủ khác do hoàn cảnh khác nhau về lịch sử, xã hội, kinh tế, văn hóa nhưng vẫn có những đặc trưng chung cho tất cả những cuộc chuyển đổi hòa bình như vậy từ chế độ độc tài sang chế độ dân chủ. Đấy là điểm đáng quan tâm nhất ngoài việc hiểu diễn biến chính trị muôn màu muôn vẻ ở mỗi nước.

Thay cho việc giới thiệu những bài học chung đó chỉ xin nhắc đến vài khẳng định và vài cụm từ đặc trưng: chủ nghĩa tất định lịch sử không tồn tại, tất cả phụ thuộc vào chính sự chủ động của chúng ta và một chút may mắn; thương lượng, thỏa hiệp, hợp tác là những đặc trưng quan trọng; sự yếu của các bên là một điều kiện cần cho sự thương lượng; sự thiếu hay yếu của các nhóm tối đa chủ nghĩa là một điều kiện cần, hay nói cách khác là sự điều độ, cẩn trọng, ngại rủi ro, không làm liều từ phía những người đóng vai chính; tuy vậy sự răn đe, đe dọa cũng là cần trong thương lượng, nhất là để buộc đối tác tôn trọng những cam kết; điều kiện cần để có thể thương lượng hay để thương lượng thành công là các bên đừng đứng kề nhau trong một thang sắp thứ tự sở thích;… là những bài học chung của tất cả các cuộc chuyển đổi hòa bình. Và đó không phải chỉ là những nét chung được khái quát hóa qua những kinh nghiệm lịch sử mà còn được trụ đỡ bởi một khung khổ lý thuyết vững vàng.

Cuốn sách khá ngắn, được viết sáng sủa, dễ đọc và tất cả những ai quan tâm đến sự chuyển đổi ôn hòa từ chế độ độc tài toàn trị sang chế độ dân chủ thực sự nên bỏ công đọc cuốn sách này, nhất là các bạn trẻ.

Các chú thích đánh dấu sao (\*) là chú thích của người dịch và các chú thích khác là của tác giả. Tôi cũng chuyển các chú thích cuối chương (trừ ở Chương 4) thành chú thích cuối trang để tiện theo dõi. Tuy đã cố gắng hết sức nhưng chắc chắn bản dịch còn nhiều thiếu sót mong được bạn đọc chỉ bảo và góp ý.

Bắc Ninh 12-10- 2014

Nguyễn Quang A

# Lời cảm ơn

Tôi đã bắt đầu chuẩn bị cho cuốn sách này trong thời gian tôi là một Học giả Khách tại Đại học Chicago trong năm học 1988-1989. Lúc đó tôi hưởng một trợ cấp nghiên cứu từ Ủy ban Hỗn hợp Tây Ban Nha – Mỹ cho Hợp tác Văn hóa và Giáo dục (đáng tiếc không còn được trao nữa). Tôi biết ơn David Laitin, ông đã là người đỡ đầu của tôi tại Wilder House, Trung tâm Nghiên cứu Chính trị, Lịch sử và Văn hóa, cũng như Gary Becker, James Coleman, Russell Hardin và Adam Przeworski, vì tất cả các thứ tôi đã bắt đầu học ở đó. Muộn hơn trong thời gian trau chuốt tài liệu, công trình của Juan J. Linz, người đã nghiên cứu sâu rộng nền chính trị Tây Ban Nha, đã là tài liệu tham khảo liên tục cho việc so sánh những sự phát hiện và tương phản những cách tiếp cận. Tôi cũng muốn nhắc đến William H. Riker, vì nhiều năm tại Đại học Rochester, tôi đã lấy cảm hứng trực tiếp từ ông và nhận được sự hoan nghênh nồng nhiệt cho phiên bản trước bằng tiếng Tây Ban Nha của cuốn sách này. Được xuất bản năm 1990, nó đã được Giải Anagrama cho các Tiểu luận, giải thanh thế nhất cho sách không hư cấu ở Tây Ban Nha.

Tôi nhận được lời khuyên hay cho phiên bản tiếng Anh từ Andreu Mas-Colell, Đại học Havard, Xavier Vives, Viện Phân tích Kinh tế (SCIC) ở Barcelona, Richard Gunther, Đại học Bang Ohio, và Patrick Dunleavy, Trường Kinh tế học và Khoa học Chính trị London. Sự cổ vũ cũng đến từ Biên tập và các nhà phản biện ẩn danh của tạp chí *American Political Science Review* (nơi bài “Transitions by Agreement: Modeling the Spanish Way – Những sự Chuyển đổi bằng Thỏa thuận: Mô hình hóa Con Đường Tây Ban Nha” được đăng tháng Mười Hai 1991), và từ những người tham gia tại vài cuộc gặp gỡ của Hội Khoa học Chính trị Mỹ, và Phiên Đặc biệt về “Những sự Chuyển đổi sang Dân chủ ở Đông và Nam Âu và Mỹ Latin” mà tôi đã thu xếp cho Đại Hội Thế giới Hội Khoa học Chính trị Quốc tế, được tổ chức ở Buenos Aires, tháng Bảy, 1991. Trong những giai đoạn khác nhau từ 1992 tôi cũng đã là Khách hay Giáo sư Khách tại Bộ môn Chính trị học của Đại học New York. Tại đó, công trình và những đề xuất của Steven J. Brams đã giúp làm sáng tỏ một số khía cạnh tranh cãi của các công cụ lý thuyết trò chơi, như các khái niệm cân bằng, được dùng trong cuốn sách này.

So sánh với lần xuất bản trước bằng tiếng Tây Ban Nha, trong cuốn sách này tôi đã loại bỏ vài chương, mở rộng hay viết lại những phần của các chương khác, và đã soát lại toàn bộ bản thảo. Những bình luận và gợi ý của Mark Wickham Jones và hai nhà phản biện ẩn danh cho nhà xuất bản đã đặc biệt bổ ích cho mục đích này. Susan Rutherford, với lương tri và sự hiệu quả, đã chuyển bản gốc thành bản tiếng Anh dễ đọc.

Lần xuất bản này được dịch với sự giúp đỡ của Văn phòng Sách và Thư viện (Dirección General del Libro y Bibliotecas) của Bộ Văn hóa Tây Ban Nha.

# Dẫn nhập

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Một bài học quan trọng, mà tôi vì là người đã học được từ sự chuyển đổi dân chủ Tây Ban Nha, mà trong đó tôi đã dứt khoát tham gia vào, là chủ nghĩa tất định lịch sử không tồn tại. Trong việc trải qua và làm nên thời kỳ này của lịch sử, tôi đã nhận được sự phê chuẩn quan trọng nhất của một ý tưởng cốt yếu: rằng tương lai, chẳng những không bị định đoạt, mà luôn luôn là lĩnh vực của tự do, mở và không chắc chắn, mặc dù có thể thấy trước được bằng những phân tích các điều kiện cấu trúc và các lực lượng hoạt động của xã hội mà trong đó chúng ta sống, mà điều cốt yếu nhất của nó là ý chí tự do của những người định hình lịch sử.

Aldolfo Suáres

*Thủ tướng Tây Ban Nha, 1976-81*

(“La Tradición Política,” trong *Historia de la Transición,* Madrid: Diario 16, 1983)

Sự chuyển đổi dân chủ Tây Ban Nha, mà đã xảy ra trong giai đoạn 1976-81, đã thường được xem như một mô hình cho các quá trình thay đổi chính trị khác từ sự cai trị độc tài. “Mô hình Tây Ban Nha” thường được đồng nhất với các cuộc thương lượng và các hiệp ước giữa các elite chính trị và một sự đồng thuận giữa tất cả công dân mà tránh các hành động trả thù, sự đối đầu bạo lực và nội chiến. Các chính trị gia Tây Ban Nha thường tự giới thiệu mình ở nước ngoài như các nhân vật đi đầu đáng tự hào trong quá trình này, và nhiều chính trị gia từ các nước chuyển đổi khác – ở Nam Âu vào giữa các năm 1970, ở Mỹ Latin trong các năm 1980, và ở Đông Âu từ cuối các năm 1980 – đã thường xuyên tham khảo một cách sinh động đến kinh nghiệm Tây Ban Nha và lấy cảm hứng từ nó.

Các học giả về chuyển đổi so sánh cũng đã đặc biệt lưu ý đến “mô hình Tây Ban Nha.” Một trong số họ, Juan J. Linz, người đã nghiên cứu sự đổ vỡ của các nền dân chủ một cách sâu rộng, đã quay lại chủ đề này sau làn sóng chuyển đổi dân chủ trong các năm 1970 (Linz 1978, 1981). Những sự nhắc đến mô hình Tây Ban Nha cũng nhiều trong sự phát triển đầu tiên của “cách tiếp cận chiến lược” đến việc nghiên cứu những sự chuyển đổi khỏi sự cai trị độc tài, dưới sự chỉ đạo của O’Donnell, Schmitter và Whitehead (1986). Adam Przeworski khi đó đã đi xa đến mức để nói rằng “Tây Ban Nha có vẻ là nước phải được nghiên cứu” (*Op. cit.,* vol. 3:61). Sau sự sụp đổ của các chế độ Cộng sản ở Đông Âu, ông đã trình bày “phép màu Tây Ban Nha” như kịch bản cho các nước vùng đó. Theo lời ông:

Từ 1976, chỉ trong mười lăm năm, Tây Ban Nha đã thành công trong việc củng cố các định chế dân chủ một cách không thể đảo ngược được, cho phép sự thay phiên nắm quyền một cách yên bình; trong việc hiện đại hóa nền kinh tế của nó và biến nó thành có sức cạnh tranh quốc tế; trong việc áp đặt sự kiểm soát dân sự trên quân đội; trong việc giải quyết các vấn đề quốc gia phức tạp; trong việc mở rộng các quyền công dân; và trong việc đưa ra những thay đổi văn hóa mà đã biến nó thành một phần của cộng đồng các quốc gia Âu châu. Và điều này – Przeworski nói thêm – là cái mọi người ở Đông Âu kỳ vọng xảy ra. Những người Đông Âu tin sâu sắc rằng nếu họ đã không ủng hộ “hệ thống,” thì họ đã giống như Tây Ban Nha. Và bây giờ hệ thống này không còn nữa (Przeworski, 1991: 8).

Mục đích của cuốn sách này là để phân tích một cách mới sáng tạo cách cư xử chiến lược và những tương tác chính trị mà đã làm cho sự chuyển đổi Tây Ban Nha là một quá trình thành công như vậy.

Điểm đầu tiên cần lưu ý là sự chuyển đổi hòa bình, được thương thuyết của giai đoạn 1976-81 tương phản một cách sắc nét với quá trình bất ổn và kết quả hung bạo của đoạn lịch sử trước đó, Nền Cộng hòa Tây Ban Nha Thứ hai. Nó được dựng lên năm 1931 và bị lật đổ bởi một cuộc đảo chính quân sự, gây ra một cuộc nội chiến dài và đẫm máu trong năm 1936-39.

Chắc chắn đã có những sự khác biệt cốt yếu giữa cấu trúc xã hội Tây Ban Nha của các năm 1930 và cấu trúc của các năm 1970. Trong trường hợp trước, Tây Ban Nha đã là một xã hội chủ yếu nông thôn, đơn giản mà trong đó các vấn đề xã hội-kinh tế, tôn giáo, văn hóa-ngôn ngữ và chính trị đã đặt các nhóm dân cư khác nhau vào cùng bên của chiến hào. Ở một bên đã là các nhóm bảo thủ, công giáo, tập quyền chủ nghĩa và quân chủ còn bên kia đã được xác định bởi lập trường tiến bộ, thế tục, liên bang chủ nghĩa và cộng hòa của các thành phần của nó. Tối đa chủ nghĩa theo các thái cực đã góp phần vào sự phân cực và xung đột.

Hiển nhiên, loại này của đặc tính cấu trúc có thể giúp giải thích sự thành hình của những sở thích chính trị và những ưu tiên của các cá nhân và nhóm trong một xã hội và, theo cách này, những kết cục tập thể được tạo ra bởi sự tương tác của chúng. Theo cùng tuyến lập luận, “hiện đại hóa” xã hội-kinh tế của Tây Ban Nha trong các năm 1960 phải được bao gồm vào bất kể sự giải thích nào về những sở thích chính trị đa chiều và ôn hòa hơn được bày tỏ trong quá trình yên bình, được thương lượng của sự thay đổi chính trị trong cuối các năm 1970.

Tuy vậy, điểm chủ yếu được nhấn mạnh trong các trang tiếp theo là, không có gì được quyết định trước trong các cấu trúc xã hội, kinh tế hoặc văn hóa liên quan đến một kết cục chính trị như một sự thay đổi chế độ sang dân chủ. Các xã hội với cùng các cấu trúc, mà trong đó các công dân có cùng các sở thích, có thể chọn những sự lựa chọn chính trị khả dĩ (political alternatives) khác nhau phụ thuộc vào cách những thứ này được chọn.

Quả thực, các cấu trúc, kể cả các cấu trúc hay định chế chính trị của chế độ độc tài trước kia, có áp đặt những hạn chế lên số lượng và tính sẵn có của những lựa chọn chính trị khả dĩ. Thế nhưng các cơ hội do các cấu trúc này đưa ra cho phép những sự lựa chọn khác nhau và có thể tạo ra những kết cục khác nhau tùy thuộc vào sáng kiến, các chiến lược và sự may mắn của các diễn viên chính trị. Khác đi thì sẽ là không thể để hiểu những sự khác biệt chính trị, chẳng hạn, giữa sự ổn định của các nền dân chủ Na Uy và Hà Lan và sự bất ổn của nền dân chủ Đức trong các năm 1930, vì tất cả chúng đã đều chịu các quá trình giống nhau sâu sắc của suy thoái kinh tế và sự tan rã xã hội. Tương tự, tương phản nền dân chủ lâu bền ở Ấn Độ với sự bất ổn chính trị ở Pakistan sau sự chia tách và độc lập đồng thời của chúng; hoặc những con đường khác nhau mà Venezuela và Columbia đã đi sau sự dân chủ hóa song song của chúng trong cuối các năm 1950; hoặc những khác biệt chế độ giữa một số nước Trung Mỹ nhỏ như Costa Rica và Nicaragua trong hầu hết thế kỷ này, và vân vân.

Trong trường hợp Tây Ban Nha, là rõ rằng tương phản với tình hình trong những năm 1930, “tính phức tạp xã hội” và phúc lợi vật chất, rất đặc trưng cho một xã hội tương đối phát triển như Tây Ban Nha trong các năm 1970, đã tạo khả năng cho những thỏa thuận chính trị mới. Thế nhưng, như sẽ thấy trong các trang tiếp theo, các kết cục chính trị sau chế độ độc tài Franco đã đạt được bằng những phương pháp như trao đổi những sự thỏa mãn của các nhóm khác nhau về các vấn đề khác nhau và những cách cư xử chiến lược về phía các diễn viên chính trị mà đã không nhất thiết là những cách cư xử duy nhất đã có thể được chấp nhận lúc đó.

Một phần, chính kinh nghiệm thất bại và bản thân quá trình chính trị đã định hình những sở thích và lựa chọn của các diễn viên. Là rõ, thí dụ, đối với tất cả các diễn viên và các nhân chứng của sự chuyển đổi Tây Ban Nha vào các năm 1970, rằng chính ký ức, chấn thương nội chiến của cuối các năm 1930, đã nuôi sự sợ hãi về một sự lặp lại của một xung đột dữ dội trong các tầng lớp rộng của xã hội. Chính sự kinh hãi này đã đem lại một khuynh hướng thiên về thương lượng và thỏa hiệp về phần các diễn viên chính trị chủ chốt. Vượt qua bất cứ chủ nghĩa tất định cấu trúc nào, việc học từ thất bại quá khứ tỏ ra là một nhân tố rõ rệt về sự nghiêng theo các hiệp ước mà thường đã được nhấn mạnh như một nét đặc trưng của “mô hình Tây Ban Nha.”

Cụ thể hơn, như sẽ thấy trong một số tình tiết được thuật lại trong cuốn sách này, kết cục dân chủ, thành công của quá trình thay đổi chính trị ở Tây Ban Nha trong năm các 1976-81 đã là một kết quả trực tiếp của nghệ thuật về sự định chương trình nghị sự, về sự mặc cả và về các quyết định chiến lược bởi các diễn viên chính trị chủ chốt. Loại đặc biệt này của mối quan hệ giữa các phương tiện và các kết quả nhắc nhở chúng ta về tục ngữ, “con đường tới địa ngục được lát bằng những ý định tốt.” Diễn giải một cách đơn giản, cũng có thể nói rằng thiên đường của nền dân chủ thường xuyên được rải nhựa đường bằng những ý định xấu, những đam mê hèn hạ và những tính toán tư lợi. Chính vì lợi ích của khía cạnh chiến lược này của quá trình, chứ không phải vì sự tồn tại của các điều kiện cấu trúc tiên quyết nào đó, mà người ta có thể để ý đến mô hình Tây Ban Nha về chuyển đổi dân chủ như một nguồn màu mỡ của sự truyền cảm hứng cho những thỏa hiệp mới trong các nước khác, cho dù – như đã là trường hợp của hầu hết các nước Mỹ Latin và trường hợp Đông Âu – chúng có những điểm xuất phát rất khác nhau.

**CÁCH TIẾP CẬN LỰA CHỌN DUY LÝ**

Cách tiếp cận được dùng trong cuốn sách này cho việc mô hình hóa con đường Tây Ban Nha đến dân chủ dựa phần lớn vào các giả thiết lựa chọn duy lý (rational choice).

Giả thiết thứ nhất trong các giả thiết này là, các quyết định của các diễn viên có thể được giải thích như được dẫn ra từ những tính toán duy lý.

Điều này không có nghĩa rằng các quá trình trí tuệ, đạo đức và cảm xúc thực mà xảy ra trong đầu và trái tim của các nhà hoạt động chính trị, các chính trị gia chuyên nghiệp và các thành viên của quân đội như những người diễu hành qua cuốn sách này đã là các sơ đồ đồ thị, các đường cong và các matrix được trình bày trong tài liệu này. Các công cụ hình thức như những thứ này được dùng một cách đơn giản chỉ để quy giản lượng khổng lồ các nhân tố xen vào trong thế giới thực thành những nhân tố mà cho phép tác giả và độc giả có một sự giải thích rõ và dè sẻn[[2]](#footnote-2)\* về những kết cục thực.

Những kết cục tập thể do vậy được giải thích như những sản phẩm của những lựa chọn (choice) riêng biệt từ các lựa chọn khả dĩ (alternative). Tuy vậy, như sẽ thấy, những hệ quả không dự tính trước của những tương tác giữa các diễn viên thường hay xảy ra. Hơn nữa, những ràng buộc định chế được áp đặt lên các diễn viên làm giảm phạm vi của các lựa chọn khả dĩ phải được chọn và gián tiếp gây ra một khuynh hướng thiên về một nhóm cá biệt các sở thích. “Những lựa chọn duy lý,” vì thế, được phân tích bên trong một khung khổ định chế và như một nguồn thường xuyên của những kết cục tập thể “phi duy lý-irrational.”

Lợi thế của lập luận hình thức, suy diễn, đặc trưng của cách tiếp cận lựa chọn duy lý là, nó cho phép sự nhận diện các yếu tố mà có thể giải thích các kết cục thực theo cách đúng đắn và chính xác hơn phương pháp quy ước của sự khái quát hóa quy nạp từ những quan sát thực nghiệm. Một khi một tập hợp các lựa chọn khả dĩ, các diễn viên xác đáng và các sở thích được đưa ra và những ngụ ý suy diễn của phân tích được trình bày rõ ràng, thì sự tương phản giữa những kết quả hình thức và những kết cục thực có thể hoặc xác minh tính hợp lệ của sự giải thích hoặc gợi ý một sự sửa đổi hay mở rộng các giả thiết nhằm tạo ra một sự khớp giữa mô hình và thực tế. Theo cách này, là có thể để làm tinh và tinh chỉnh sự giải thích, tách cái quan trọng khỏi cái thừa hay không thích đáng, và để tạo ra tri thức thực và sự hiểu biết.

Hai loại khác nhau của công cụ hình thức trong cách tiếp cận lựa chọn duy lý, dựa một cách tương ứng vào lý thuyết lựa chọn xã hội và lý thuyết trò chơi, được sử dụng suốt cuốn sách này.

Tập hợp thứ nhất của các công cụ tập trung vào những thí dụ về cái William H. Raker gọi là “nghệ thuật lôi kéo, vận động chính trị” hay *heresthetic,* mà liên quan đến những khía cạnh nhất định của sự biểu quyết hay bỏ phiếu [voting] (Riker 1983, 1986, 1993).

Tất cả ba phạm trù của “lôi kéo” trong biểu quyết được Riker phân biệt – “kiểm soát chương trình nghị sự,” “lôi kéo các chiều-manipulation of dimensions” và “biểu quyết chiến lược’ – thực ra, đều hiện diện trong những trang tiếp theo.

Phạm trù thứ nhất, “kiểm soát chương trình nghị sự,” được dùng trong Chương 1 để giải thích thứ tự và kết quả của các lựa chọn tập thể giữa các lựa chọn khả dĩ của sự tiếp tục, cải cách và đoạn tuyệt chế độ độc tài sau cái chết của Tướng Franco năm 1975. Sẽ được chứng tỏ rằng, bằng một sự kế tiếp của các lựa chọn, đã tránh được một “chu kỳ” hay một sự bất ổn định thường trực và, sau khi loại trừ các lựa chọn khả dĩ khác ở các giai đoạn khác nhau của quá trình quyết định, lựa chọn khả dĩ còn lại – dân chủ - cuối cùng đã xuất hiện như lựa chọn thắng cuộc.

“Lôi kéo các chiều” trong biểu quyết cho phép chúng ta giải thích trong Chương 3 làm thế nào trong năm 1976 lại đạt được việc đề cử một Thủ tướng theo chủ nghĩa cải lương bên trong các định chế độc tài: một chiều kích mới của “các gia đình chính trị” (“những người Công giáo,” “các nhà kỹ trị,” “các nhà Falangist”) đã được đưa thêm vào chiều tiếp tục-đoạn tuyệt nhằm để thay đổi sự bỏ phiếu của một số chính trị gia Francoist đang hưởng quyền bỏ phiếu lúc đó.

Cuối cùng như được giải thích trong Chương 6, “biểu quyết chiến lược” và “trao đổi phiếu-vote trading” đã là công cụ chủ yếu được các thành phần quốc hội Tây Ban Nha sử dụng trong các năm 1977-78 cho việc đồng ý về và chấp thuận một Hiến pháp dân chủ mới.

Loại thứ hai của công cụ lựa chọn duy lý được sử dụng trong cuốn sách này dựa vào lý thuyết trò chơi. (Thêm vào các sách cơ bản mà tôi không cảm thấy cần liệt kê ở đây, giống với cố gắng của tôi để sử dụng lý thuyết trò chơi cho việc phân tích các tình tiết chính trị trong thế giới thực có thể thấy trong các sách như của Lewin, 1988; Tsebelis, 1990; và Chong, 1991.)

Các sơ đồ này là lý thú bởi vì các giả thiết lựa chọn duy lý là không chỉ thích hợp cho việc phân tích các tình huống mà trong đó các sở thích và các ràng buộc của các diễn viên được xác định hay thiết lập một cách rõ ràng, giống như các thứ vừa được nhắc tới về bỏ phiếu. Lý thuyết trò chơi cung cấp các công cụ đặc biệt hữu ích cho việc nghiên cứu các tình huống mà trong đó các quy tắc tương tác là mơ hồ hơn hay chẳng hề được xác định, như xảy ra với nhiều tình huống đặc trưng trong một quá trình thay đổi chính trị.

Một sự thay đổi chế độ chính xác là sự thay đổi các quy tắc chơi và, thật logic, trò chơi cho sự thay đổi các quy tắc chơi không thể được định hình hoàn toàn bởi những khuyến khích được xây dựng bởi các quy tắc đang bị thay đổi. Một số tương tác giữa các diễn viên trong một quá trình thay đổi chính trị vì thế là ít bị ràng buộc hơn so với trong một tình huống chính trị ổn định, dù đấy là một chế độ độc tài hay một nền dân chủ hợp hiến, đã được củng cố.

Đồng thời, các diễn viên xen vào một quá trình giống thế này, cho dù họ có các sở thích chính sách khác nhau thậm chí mâu thuẫn nhau, có thể chia sẻ những sở thích hay lợi ích chế độ và hiến pháp nào đó (chẳng hạn, các nhóm nhỏ có thể thấy trước bị đặt ở phía hữu hay tả của không gian chính sách có thể trùng nhau trong việc ủng hộ sự đại diện theo tỷ lệ hơn là quy tắc đa số được các nhóm lớn hơn mong muốn.)

Những nét đặc trưng này của một quá trình chuyển đổi sang dân chủ tạo ra một tình huống mà trong đó các tương tác giữa các diễn viên được xác định đồng thời, như trong các trò chơi “tổng không bằng không,” bởi các khía cạnh xung đột và các cơ hội hợp tác cho lợi ích chung của họ.

Khung khổ lý luận của lý thuyết trò chơi, mà tập trung vào những lựa chọn chiến lược, như thế là đặc biệt thích hợp cho việc phân tích một quá trình thay đổi chính trị như vậy, được đặc trưng bởi nhiều bất trắc giữa các diễn viên liên quan đến tương lai và bởi các vấn đề về tính ổn định của các kết cục.

Cho nên, các sơ đồ khác nhau của “các trò chơi” được sử dụng trong các trang tiếp theo để mô hình hóa các tương tác thực giữa các diễn viên chủ chốt trong quá trình chuyển đổi chính trị Tây Ban Nha. Hãy để tôi đưa ra trước vài từ kỹ thuật mà sẽ được giải thích và làm rõ kỹ hơn qua sự trình bày.

Nhìn vào những kết quả hình thức của chúng, chúng ta sẽ thấy các trò chơi với các loại khác nhau của “sự cân bằng.” Chúng ta hiểu “cân bằng” là một kết cục tập thể ổn định được tạo ra bởi các quyết định của những diễn viên nhất định mà từ đó không diễn viên nào có khuyến khích để rời khỏi nó một cách đơn phương. Một quyết định khác của diễn viên rời khỏi quyết định “cân bằng” của nó sẽ tạo ra một kết cục tập thể xấu hơn.

Tuy nhiên, trong những trò chơi nhất định kết quả là khác nếu chúng ta giả thiết rằng các diễn viên chỉ có những tính toán ngắn hạn, để ý chỉ đến những hệ quả trực tiếp của các quyết định của họ (như trong khái niệm cân bằng Nash), so với nếu chúng ta giả thiết rằng các diễn viên nhìn xa trông rộng và họ có thể đoán trước các quyết định duy lý và các phản quyết định khả dĩ của tất cả các diễn viên từ trạng thái ban đầu (như trong quan niệm cân bằng “không thiển cận” của Brams). Tôi sẽ biện luận rằng giả thiết sau cùng này về những người chơi có óc xét đoán và hướng tương lai là thích hợp hơn cho một quá trình thay đổi chế độ, mà những kết cục của nó có khuynh hướng có những hệ quả dài hạn và nó thường không xảy ra nhiều lần trong đời của một người.

Như thế chúng ta sẽ thấy những trò chơi với một cân bằng ổn định, duy nhất; các trò chơi với hai cân bằng khả dĩ; các trò chơi với một cân bằng không hiệu quả mà có thể được cải thiện bởi sự hợp tác lẫn nhau giữa những người chơi, tức là, những trò chơi với một cân bằng “không thiển cận” khác với cân bằng Nash của chúng; và cuối cùng, các trò chơi với một kết quả không cân bằng do các trò chơi song song mà trong đó một người chơi dính líu đến.

Cụ thể hơn, trong Chương 2 động học của các phong trào chống-Francoist và sự gia tăng của những kẻ xoay chiều (trở mặt) giữa những người ủng hộ chế độ độc tài được mô hình hóa bằng “các trò chơi lật-tipping games” mà trong đó tồn tại hai cân bằng khả dĩ tại các mức đỉnh và đáy của sự huy động được kỳ vọng.

Một trò chơi với hai loại cân bằng khác nhau được trình bày trong Chương 4 để phân tích những sự mặc cả giữa những người theo đường lối tiếp tục và các nhà cải cách của chế độ độc tài sau cái chết của Tướng Franco. Một mặt, trò chơi có một cân bằng Nash không hiệu quả mà trong đó không có sự đồng ý nào giữa những người chơi. Mặt khác, trò chơi có một cân bằng khác, hiệu quả, “không thiển cận,” mà trong đó cả hai người chơi đồng ý về một cải cách có chừng mực của các định chế độc tài, mà có thể đạt được bằng việc sử dụng sức mạnh-đe dọa bởi những người theo chủ nghĩa cải cách.

Ngược lại, tương tác giữa các nhà cải lương chủ nghĩa trong chính phủ và phe đối lập dân chủ được mô hình hóa trong cùng chương đó bằng một trò chơi có chỉ một cân bằng ổn định mạnh mà trong đó không có sự đồng ý nào cũng chẳng có khả năng tác nào cho lợi ích chung giữa hai người chơi.

Trò chơi “Thế khó xử của Tù nhân - Prisoner’ Dilemma” khá nổi tiếng là một trò chơi với một cân bằng không hiệu quả mà có thể được cải thiện bằng sự liên lạc và những sự đe dọa lẫn nhau giữa những người chơi. Nó được sử dụng ở Chương 5 để cách điệu hóa tương tác và những khả năng hợp tác giữa chính phủ cải lương chủ nghĩa và Đảng Cộng sản mà ban đầu đã bị loại trừ khỏi sự tham gia chính trị trong cuộc bầu cử đa đảng đầu tiên.

Thông tin không hoàn hảo và các trò chơi song song (hay “lồng vào nhau”) được giới thiệu trong Chương 7. Hai giả thiết khác nhau về thứ tự ưu tiên được trình bày để mô hình hóa tương tác giữa Vua Tây Ban Nha và các tướng tá khi sự lựa chọn khả dĩ về một *cuộc đảo chính* quân sự nổi lên. Trò chơi thứ nhất cho thấy những tính toán bị sai hướng của một số nhà âm mưu, mà tương ứng với trò chơi được biết đến trong lý thuyết trò chơi như “Battle of the Sexes – Cuộc chiến của các Giới.” Trong trò chơi này có hai cân bằng khác nhau; đạt được cái nào trong hai cân bằng phụ thuộc vào sức mạnh-đe dọa của các người chơi. Các giả thiết thay thế và thực tế hơn về các sở thích của nhà Vua, tuy vậy, hình thành một trò chơi khác với một cân bằng ổn định, duy nhất mà trong đó các tướng tá tránh đảo chính.

Cuối cùng, một trò chơi tiềm tàng, thực ra không được chơi công khai giữa các thủ lĩnh quân sự và hầu hết công dân cũng được xây dựng. Dù sơ đồ hình thức cho thấy rằng trò chơi có một cân bằng duy nhất mà trong đó một cuộc đảo chính độc tài sẽ không bị toàn bộ công dân kháng cự, kết cục thực đã thuận lợi hơn nhiều cho nền dân chủ bởi vì kết cục của trò chơi song song giữa nhà Vua và quân đội, được trình bày ở trước, đã xác định những lựa chọn của những người chơi quân sự trong trò chơi này. Những sự thiếu nhất quán bề ngoài giữa những kết quả nhận được bởi lập luận suy diễn và hình thức từ các giả thiết có vẻ phù hợp về các sở thích của các diễn viên như thế được loại bỏ khi các sơ đồ dùng cho phân tích các phần khác nhau của câu chuyện được kết hợp lại trong một toàn cảnh đầy đủ hơn.

**SỰ CHUYỂN ĐỔI TÂY BAN NHA SANG DÂN CHỦ**

Cuốn sách này chứa một sưu tập các tình tiết chính trị của sự chuyển đổi Tây Ban Nha sang dân chủ. Chúng được chọn vì tính xác đáng của chúng nhằm để hiểu những thời khắc then chốt nhất định và những khía cạnh cốt yếu của toàn bộ quá trình thay đổi chính trị, và để minh họa tầm quan trọng của cách cư xử chiến lược trong loại đó của tình hình.

Tuy vậy, bạn đọc được cảnh báo rằng đừng kỳ vọng một lịch sử đầy đủ của sự chuyển đổi Tây Ban Nha ở đây. Một tổng quan về một số sự thực lịch sử có lẽ sẽ giúp nhằm theo dõi chuỗi các tiểu luận diễn giải được trình bày trong những trang tiếp theo. (Về những tường thuật chi tiết hơn, có thể tham khảo các công trình như của Carr và Fusi, 1987; Maravall và Santamaría, 1986; Preston, 1986; và Gunther *et al.*, 1988).

Tiếp sau chiến thắng của mình trong nội chiến 1936-39, mà trong đó Cộng hòa Tây Ban Nha Thứ hai đã thất bại, Tướng Francisco Franco đã thiết lập một chế độ độc tài cá nhân suốt đời. Suốt một giai đoạn áp bức và khổ cực, chế độ Franco đã tồn tại lâu hơn các chế độ của các đồng chí của ông ta Adolf Hitler và Benito Mussolini và đã được hầu hết các chính phủ phương Tây chính thức công nhận trong các năm 1950. Trong các năm 1960 và đầu các năm 1970, công nghiệp hóa và các mối quan hệ kinh tế với nước ngoài đã góp phần tạo ra một mức độ đồng thuận thụ động giữa các giới nhất định của xã hội Tây Ban Nha liên quan đến tính ổn định chính trị và sự sung túc vật chất tương đối được chế độ độc tài bảo đảm. Đồng thời, tuy vậy, xung đột xã hội và sự phản đối chính trị đã tăng lên giữa một thế hệ mới của các sinh viên, các nhà chuyên nghiệp thành thị và công nhân công nghiệp. Như một kết quả của điều này, một sự đối lập chính trị mới đã được tạo ra, chủ yếu bị chi phối lúc đó bởi các nhà hoạt động Cộng sản.

Khi Franco chết trên giường vào tháng Mười Một 1975, không diễn viên xác đáng duy nhất nào đã có khả năng tự mình áp đặt lựa chọn khả dĩ được ưu tiên của riêng mình: các Francoist “theo đường lối cứng rắn” với sự tiếp tục chế độ độc tài đã không có khả năng, “những người theo đường lối mềm dẻo” với cải cách vừa phải cũng không, phe đối lập chống Francoist với sự đoạn tuyệt độc tài sang dân chủ cũng đã chẳng có khả năng. Chẳng ai đã có sự ủng hộ đủ hay có cơ hội để áp đặt một kết cục trực tiếp bằng cách của một quyết định đơn giản và lập tức.

Một khi đã được xác nhận như người kế vị của kẻ độc tài, Vua Juan Carlos I đã chỉ định Thủ tướng cuối cùng của Fraco, Carlos Arias, làm Thủ tướng Chính phủ. Arias đã là một người theo chủ trương tiếp tục đích thực, nhưng đã chấp nhận vài bộ trưởng theo đường lối mềm dẻo như Phó Thủ tướng Manuel Fraga. Chính phủ này đã thử thương lượng một cải cách mức độ với những người tiếp tục, nhưng đã thất bại trong nỗ lực của mình. Vào tháng Bảy 1976, tuy vậy, Juan Carlos đã thành công trong việc chỉ định Aldolfo Suárez làm Thủ tướng. Suárez đã kiên quyết đánh bại những người theo đường lối tiếp tục. Sử dụng một sự kết hợp mới của áp lực và những sự đe dọa, ông đã nhận được sự chấp nhận cải cách chế độ độc tài – mà đã bao gồm một lệnh bầu cử quốc hội – bởi chính các Francoist giữ các định chế độc tài.

Là quan trọng để lưu ý rằng trong pha ban đầu, trước bầu cử của quá trình này đã không có sự hợp tác thực sự nào giữa chính phủ cải lương chủ nghĩa và phe đối lập đoạn tuyệt. Cuộc thương lượng duy nhất, trực tiếp, có liên quan giữa Thủ tướng Suárez và một thành viên của phe đối lập đã xảy ra với Tổng Bí thư của Đảng Cộng sản, Santiago Carrilo, về việc hợp pháp hóa đảng đó. Như kết quả của việc này, những người Cộng sản, giống các đảng khác theo đường lối đoạn tuyệt đã chấp nhận khung khổ pháp lý của cải cách được các nhà cải lương chủ nghĩa và những người theo đường lối tiếp tục thỏa thuận, kể cả các quy tắc bầu cử thiên vị cho các ứng cử viên chính phủ. Như một hệ quả, bất cứ sự nghi ngờ nào về hình thức quân chủ của chính phủ hay hình thức đơn nhất của Nhà nước đều đã bị loại trừ khỏi các cương lĩnh cho cuộc bầu cử cạnh tranh đầu tiên trong tháng Sáu 1977.

Các cuộc thương thuyết và các hiệp ước giữa các nhà cải lương chủ nghĩa và những người theo đường lối đoạn tuyệt đã không xảy ra cho đến sau cuộc bầu cử, khi các ứng cử viên chính phủ đã không đạt được một đa số phiếu bầu. Các nhà cải cách của Suárez sau đó đã phải bỏ cải cách hiến pháp hạn chế mà họ đã chuẩn bị và đã chấp nhận sự hợp tác của các đảng thuộc phe đối lập chống-Francoist trước kia, về cơ bản là các nhà xã hội (socialist), những người Cộng sản, các nhà Dân tộc chủ nghĩa Catalan và Basque. Chính phủ và một đa số của các đảng đã ký “các thỏa thuận Moncloa” về chính sách kinh tế, đã thống nhất về một sự phi tập trung hóa hay việc lập ra các chính quyền khu vực lâm thời ở Catalonia, xứ Basque và Galicia – mà muộn hơn đã được mở rộng sang phần còn lại của đất nước – và đã chấp nhận việc soạn tỉ mỉ một Hiến pháp mới. Việc này đã được thương thuyết theo cách trao đổi phiếu quốc hội (vote-trading) và dồn phiếu cho nhau (logrolling), và cuối cùng đã được thông qua với sự đồng thuận rộng trong tháng Mười Hai 1978.

Pha muộn hơn này của quá trình thực ra đã phá vỡ thỏa thuận mà Thủ tướng cải cách Suárez đã ký với các Francoist trong pha trước của sự chuyển đổi. Những người đứng ngoài liên minh hiến pháp khi đó đã lên án Suárez “phản bội” và đã âm mưu lặp đi lặp lại với vài nhóm tiến hóa chủ nghĩa (cực đoan) để tổ chức một *cuộc đảo chính*. Cuộc nổi dậy này, mà đã đến lúc nguy kịch vào tháng Hai 1981, đã bị dập tắt chủ yếu nhờ sự can thiệp của nhà Vua.

Chính trong phần muộn hơn này của quá trình mà mục tiêu đoạn tuyệt – một chế độ dân chủ không có hạn chế – đã đạt được và đã được củng cố, mặc dù theo cách khác với cách được phe đối lập dân chủ vạch ra ban đầu. Mặc dù khung khổ độc tài trước kia đã không hình dung một quá trình thay đổi các quy tắc hiến pháp, cuối cùng nó đã cho phép quá trình đó xảy ra. (Về một khung khổ lý thuyết của sự thay đổi thể chế mà khớp khéo với một số gợi ý được trình bày ở đây, xem North, 1990.)

Lý thú để lưu ý, tuy vậy, rằng con đường tới sự thay đổi đã để lại dấu vết của nó trên kết cục.

Các yếu tố đáng kể của sự liên tục với chế độ cũ đã sống sót trong nhiều năm. Đã không chỉ là nền quân chủ được thừa nhận, mà không có sự sụp đổ nào trong các lực lượng vũ trang hay bất cứ sự thanh trừng nào của các công chức hay cảnh sát chính trị đã xảy ra. Đồng thời, trong nền dân chủ đã được củng cố trong các năm 1980 và 1990 đã có mức độ thấp về chính trị hóa giữa toàn thể công dân. Việc này đã nhường một lề rộng tự trị cho giai cấp chính trị, mà đã cho phép họ kéo dài các tập quán “lôi kéo” vào sâu trong giai đoạn lập hiến.

Con đường Tây Ban Nha đến dân chủ như thế tương ứng chỉ với một trong vài mô hình chuyển đổi bằng thỏa thuận mà có thể được phân biệt về mặt hình thức trong một cách tiếp cận chiến lược: con đường mà trong đó phe đối lập không có cơ hội để can thiệp trực tiếp và rõ ràng trong các cuộc mặc cả và thỏa thuận của giai đoạn trước bầu cử. Tôi, thực ra, đã phát triển vài phạm trù và sơ đồ hình thức được trình bày trong cuốn sách này theo một cách mà tôi tin là hợp lệ cho việc phân tích các quá trình thay đổi chế độ trong các trường hợp thực tế khác. Vì vậy, hai con đường khác của sự chuyển đổi, cả hai bao gồm cả phe đối lập giữa các diễn viên quyết định của pha trước bầu cử của quá trình, đã được nhận diện. Với các nhãn về “thương thuyết với đối lập” và “sự sụp đổ đột ngột” của chế độ độc tài, chúng đã được áp dụng rồi để nghiên cứu các quá trình khác của sự chuyển đổi sang dân chủ ở Nam Âu, Mỹ Latin và Đông Âu (xem Colomer, 1991, 1995; Colomer và Pascual, 1994 và công trình sắp tới.)

Trong viễn cảnh này, mô hình Tây Ban Nha về chuyển đổi quả thực có vẻ quan trọng cả như một nguồn cảm hứng cho các quá trình thực tế khác của dân chủ hóa lẫn như một cái nền cho kiến thức so sánh và sự đổi mới phương pháp luận trong nghiên cứu sự thay đổi chính trị hiện đại.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Carr, Raymond and Juan-Pablo Fusi (1979), *Spain: From Dictatorship to Democracy,* London: Allen & Unwin.

Chong, Dennis (1991), *Collective Action and the Civil Rights Movement,* Chicago: The University of Chicago Press.

Colomer, Josep M. (1991), "Transitions by Agreement. Modeling the Spanish Way", *American Political Science Review,* 85, (4).

Colomer, Josep M. (1995), "Institutional Strategies in Transitions to Democracy: The Experience of Eastern Europe", *Journal of Democracy,* April.

Colomer, Josep M. and Margot Pascual (1994), ''The Polish Games of Transition", *Communist and Post-Communist Studies,* 27, 3.

Gunther, Richard, Giacomo Sani and Goldie Shabad (1988), *Spain After Franco. The Making of a Competitive Party System,* Berkeley: University of California Press.

Lewin, Leif (1988), *Ideology and Strategy: A Century of Swedish Politics,* Cambridge: Cambridge University Press.

Linz, Juan J. (1978), *Crisis, Breakdown, and Reequilibration,* Baltimore: The Johns Hopkins University Press.

Linz, Juan J. (ed.) (1981), *Informe Sociológico sobre el Cambio Político en Espana 1975-1981* (Sociological Report on Political Change in Spain 1975-1981), Madrid: Euramerica.

Maravall, José M. and Julián Santamaría (1986), "Political Change in Spain and the Prospects for Democracy" in O'Donnell, P. C. Schmitter and L. Whitehead (eds), *Transitions from Authoritarian Rule,* Baltimore: The Johns Hopkins University Press.

North, Douglas C. (1990), *Institutions, Institutional Change and Economic Performance,* Cambridge: Cambridge University Press.

O'Donnell, Guillermo, Philippe C. Schmitter and Laurence Whitehead (eds) (1986), *Transitions from Authoritarian Rule,* Baltimore: The Johns Hopkins University Press.

Preston, Paul (1986) *The Triumph of Democracy in Spain,* Lodon Methuen.

Przeworski, Adam (1991) *Democracy and Market. Political and Economic Reforms in Eastern Europe and Latin America,* Cambridge University Press.

Riker, William H. (1983), “Political Theory and the Art of Heresthetics” in A. W. Finifter (ed.), *Political Science: The Sate of Discipline,* Washington: The American Political Science Association.

Riker, William H. (1986), *The Art of Political Manipulation,* New Haven: Yale University Press.

Riker, William H. (ed.) (1993), *Agenda Formation,* Ann Abor: The University of Michigan Press.

Tsebelis, George (1990), *Nested Games. Rational Choice in Comperative Politics,* Berkley: University of California Press.

# Một sự Chuyển đổi Bắc cầu

Diễn giải của tôi về sự thay đổi chính trị ở Tây Ban Nha dựa vào các giả thuyết nhất định về những sự khác nhau giữa các cấu trúc ý kiến trong các năm 1930, khi Cộng hòa Tây Ban Nha Thứ Hai kết thúc trong nội chiến, và các cấu trúc ý kiến của các năm 1970, khi dân chủ đã là một sự nghiệp thành công. Những sự khác biệt này bao gồm các xu hướng mà, trong kinh nghiệm thứ hai, đã cho phép tránh một “chu kỳ” hay kết cục bất ổn định và đạt được một lựa chọn tập thể “mang tính bắc cầu-transitive” giữa các lựa chọn chính trị khả dĩ được đưa ra.

Có những sự trùng hợp đáng kể giữa các tuyên bố nhất định về tính ổn định và sự đổ vỡ của các chế độ dân chủ dựa trên những quan sát kinh nghiệm, và những phát hiện nhất định của sự phân tích hình thức về lựa chọn xã hội.

Có thể tuyên bố, thí dụ, rằng sự tồn tại của một nhóm cực đoan, nhưng thiểu số của các cá nhân bác bỏ một lựa chọn khả dĩ, như dân chủ đại diện chẳng hạn, nhân danh hoặc cách mạng xã hội hay chủ nghĩa phát xít, có thể ngăn cản một quyết định tập thể có lợi cho dân chủ. Cho dù đa số thích dân chủ hơn các lựa chọn khả dĩ khác, nó có thể thất bại nếu các nhà cách mạng hay những kẻ phát xít có thể ảnh hưởng đến ý kiến của những người theo chế độ dân chủ đến một mức độ đủ.

Tương tự như vậy, một thiểu số ủng hộ lựa chọn khả dĩ dân chủ có thể thành công trong áp đặt nó bằng phương tiện của một quyết định tập thể, trong một đa số mà thích các lựa chọn khả dĩ như cách mạng hay chủ nghĩa phát xít, nếu có nhiều người muốn chấp nhận dân chủ như cái xấu ít hơn, coi nó là thích hợp hơn việc rơi vào lựa chọn khả dĩ trái với sở thích của họ.

Như thế, ta có thể nói rằng thành công hay thất bại của dự án thiết lập một nền dân chủ đại diện, tính ổn định hay sự đổ vỡ của nó, phụ thuộc – như với bất kể sự lựa chọn nào giữa các lựa chọn chính trị khả dĩ được tiến hành bằng một quyết định tập thể – vào phân bố dân cư có thứ tự sở thích khác nhau liên quan đến dân chủ, cách mạng và phát xít, hơn là vào sự tồn tại (hay không tồn tại) của một đa số mà ưa thích hệ thống chính quyền đó trên hết. Như thế có thể có các nền dân chủ ổn định với ít sự ủng hộ xã hội hơn các nền dân chủ bất ổn nào đó mà kết thúc trong những sự đối đầu giữa các phe phái và trong nội chiến. Tương tự, có thể có các cuộc khởi nghĩa cách mạng hay nổi loạn quân sự mà thành công trong các nước nơi các cương lĩnh ý thức hệ tương ứng của chúng được tiếp nhận với ít sự đồng tình hơn ở các nước khác nơi chúng đã chẳng bao giờ thành công để có được sự kiểm soát.

Những nhân tố này giúp để giải thích sự khác biệt giữa những thất bại và đổ vỡ lặp đi lặp lại mà nền dân chủ đã phải chịu ở Tây Ban Nha trong thế kỷ thứ 19 và phần lớn thế kỷ thứ 20, và sự củng cố của nó trong một phần tư vừa qua của thế kỷ này.

Phù hợp với phân tích này, sự khác biệt này về kinh nghiệm lịch sử không đòi hỏi giả thiết rằng vào cuối giai đoạn Franco, chẳng hạn, đã có tỷ lệ nhỏ hơn của các công dân tán thành chế độ độc tài so với tỷ lệ trong các năm 1930. Ngược lại, hoàn toàn có thể hiểu được rằng sự duy trì chế độ Francoist trong hai thế hệ, trong một khung khổ nơi đã có ít thông tin về kinh nghiệm chính trị ở các nước khác, chứng quên lịch sử và, trong nửa sau của thời kỳ, sự sung túc kinh tế, đã làm tăng tỷ lệ của những người cảm thấy thỏa mãn với nó.Tương tự như vậy rất đáng ngờ rằng cơ sở rộng của sự kháng cự chống Francoist và các phong trào đối lập đã lớn hơn chút nào so với cơ sở của các phong trào xã hội và chính trị mà đã ủng hộ, theo cách ít nhiều được thuyết phục, cho Cộng hòa Tây Ban Nha được thành lập năm 1931. Sự thực, tuy vậy, là họ đã thành công trong áp đặt các mục tiêu của họ theo một cách hòa bình và ổn định, tránh được một cuộc nội chiến mới.

**NHỮNG NGƯỜI THEO ĐƯỜNG LỐI TỪ TỪ VÀ TỐI ĐA**

Một sự khám phá nổi bật của lựa chọn xã hội và lý thuyết bỏ phiếu là, một quyết định tập thể có thể dựa vào các lựa chọn khả dĩ không liên quan. Một lựa chọn, chẳng hạn, giữa hai lựa chọn chính trị khả dĩ, *x* và *y*, có thể thay đổi phù hợp với sở thích thế nào của những người ra quyết định liên quan đến một lựa chọn khả dĩ thứ ba, *z*. Là có thể rằng một lựa chọn tập thể ủng hộ một lựa chọn khả dĩ, như thế, có thể không phụ thuộc vào số người ưa thích nó trước nhất, bởi vì những thay đổi về sở thích thứ ba của một số người tham gia có thể làm thay đổi cái hóa ra là sở thích thứ nhất của nhóm vào lúc kết thúc của quá trình ra quyết định.

Chúng ta có thể áp dụng loại này của sự phân tích hình thức cho các lựa chọn tập thể giữa ba lựa chọn chính trị khả dĩ chính mà đã sẵn có ở Tây Ban Nha lúc kết thúc của chế độ Franco.

Lựa chọn khả dĩ thứ nhất là sự tiếp tục các luật Francoist cơ bản, liên quan đến cái mà nhà độc tài đã thử để lại mọi thứ, theo lối nói nổi tiếng riêng của ông, “thắt, thắt chặt.” Chúng ta sẽ biểu diễn lựa chọn khả dĩ liên tục này bằng ký hiệu *C* (Continuity).

Lựa chọn khả dĩ thứ hai đã gồm có sự cải cách các luật Francoist cơ bản nhằm thiết lập một nền dân chủ đại diện hạn chế. Lựa chọn khả dĩ cải cách này sẽ được tượng trưng bằng *r* (reform).

Lựa chọn khả dĩ thứ ba đã là một sự đoạn tuyệt với chủ nghĩa Franco, thông qua việc lập ra một chính phủ lâm thời mà sẽ tổ chức một cuộc bầu cử Quốc hội lập hiến, nhằm thiết lập một khung khổ luật pháp mới của dân chủ và các quyền tự do dân sự. Lựa chọn khả dĩ đoạn tuyệt (Rupture) này sẽ được tượng trưng bằng *R.*

Chúng ta có thể xếp thứ tự ba dự án này, theo mức độ không liên tục lớn hơn hay nhỏ hơn với quá khứ mà chúng đã dự tính, giống thế này:

*R, r, C*

Áp dụng điều này cho các năm 1930, có lẽ là có thể để khái niệm hóa các lựa chọn khả dĩ *R, r,* và *C*, một cách tương ứng như nền cộng hòa đã được các nhà cách mạng và những người cộng hòa ưa thích; sự chấp nhận nền cộng hòa như một dạng chính phủ nhưng với mong muốn một Hiến pháp mới, như được những người chủ trương ôn hòa hay “sự lựa chọn khả dĩ thứ ba” bênh vực; và phe đối lập với hệ thống về phía những người theo chủ nghĩa quân chủ và phát xít.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *Bảng 1.1. Thứ tự sở thích về tính liên tục (C), cải cách (r) và đoạn tuyệt (R)* | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | | *Khối cai trị* | | | | | | | | |
|  | *Đối lập* | |  | *Những người mềm dẻo* | | | |  | | *Những người cứng rắn* | | |
|  | *1* | *2* |  | *3* | | *4* | |  | | *5* | | *6* |
|  | *Các nhà cách mạng* | *Các nhà đoạn tuyệt* |  | *Các nhà cải cách* | | *Các nhà mở cửa* | |  | | *Các nhà liên tục* | | *Các nhà cực đoan* |
| *Ưu tiên thứ nhất* | *R* | *R* |  | *r* | | *r* | |  | | *C* | | *C* |
|  | *C* | *r* |  | *R* | | *C* | |  | | *r* | | *R* |
| *Ưu tiên ít nhất* | *r* | *C* |  | *C* | | *R* | |  | | *R* | | *r* |
|  | *Hình Bảng 1.1.png* | | | | | | | | | | | |
|  | *R r C* | *R r C* |  | *R r C* | *R r C* | |  | | *R r C* | | *R r C* | |
| Lưu ý: *R* = Rupture = đoạn tuyệt; *r* = reform = cải cách; *C* = Continuity = liên tục | | | | | | | | | | | | |

Có sáu thứ tự khả dĩ khác nhau về sở thích của các lựa chọn khả dĩ *R, r* và *C,* mà xác định sáu diễn viên chính trị khác nhau, như có thể thấy trong Bảng 1.1.

Để diễn giải các hình này, phải hiểu Cột số 3, chẳng hạn, có nghĩa rằng sở thích thứ nhất của nhóm này là *r,* sở thích thứ hai của họ là *R* và sở thích thứ ba của họ là *C* (các vị trí số thứ tự này được biểu diễn trong đường cong tìm thấy ở phía dưới cột với hình thù lõm xuống dưới). Điều này có nghĩa rằng họ ưa thích cải cách (*r*) hơn đoạn tuyệt (*R*) và ưa thích đoạn tuyệt (*R*) hơn liên tục (*C*). Các cột và các đường cong khác cho thấy các thứ tự ưu tiên khả dĩ khác.

Các thứ tự khác nhau này có thể thấy giữa các công dân, cũng như giữa các elite chính trị, và cho phép chúng ta nhận diện các diễn viên của quá trình chuyển đổi chính xác hơn sự phân biệt thông thường, đơn giản hơn giữa “những người theo đường lối cứng rắn” và “những người theo đường lối mềm dẻo.”

Phác thảo một cách ngắn gọn, họ tương ứng với các nhóm sau đây và các cảm tình viên của chúng:

1. *Đối lập cách mạng,* bao gồm những người Vô chính phủ, các nhà Marxist cách mạng và các nhà Dân tộc chủ nghĩa triệt để. Giữa các lựa chọn khả dĩ được tình bày, họ thích sự đoạn tuyệt, nhưng họ thích duy trì tính chiến đấu cách mạng của họ và tiếp cục cuộc chiến đấu của họ chống lại sự liên tục hơn là một cải cách mà sẽ chỉ thỏa mãn nửa vời các yêu sách bình dân và cầm cố khả năng đạt được sự đoạn tuyệt trong nhiều năm.
2. *Những người đoạn tuyệt hay đối lập dân chủ,* từ tháng Ba 1976 đã tập hợp nhau trong Phối hợp Dân chủ và muộn hơn trong Cương lĩnh của các Tổ chức Dân chủ, về cơ bản bao gồm những người Cộng sản, các nhà xã hội chủ nghĩa và các nhà dân tộc chủ nghĩa Basque và Catalan, cùng với các nhóm nhỏ của những người Tự do (Liberal) và dân chủ thiên chúa giáo. Họ ưa thích sự đoạn tuyệt, nhưng thà chấp nhận cải cách – vì nó có thể phát tia lửa mâu thuẫn nội bộ giữa các Francoist và cho phép một sự tiến bộ từ từ hơn và chậm hơn một chút đến sự đạt được một số mục tiêu chống-Francoist – hơn là sự liên tục. Một số thành viên trước kia của đối lập cách mạng – nhóm ý kiến đầu tiên được trình bày ở đoạn trên – có thể tham gia nhóm này sau những kinh nghiệm tối đa chủ nghĩa, như đã xảy ra với những người Cộng sản tiếp sau nội chiến.
3. *Các nhà cải cách,* được tập hợp lại từ tháng Sáu 1976, xung quanh chính phủ Adolfo Suárez và muộn hơn trong các ứng cử viên chính phủ như Liên hiệp Trung tâm [Ôn hòa] Dân chủ (UCD- Unión de Centro Democrático). Họ muốn một sự thay đổi chế độ, nhưng thích việc này được tiến hành bằng các công cụ pháp lý, kiểm soát nó từ bên trên, giữ chặt các yếu tố liên tục nào đó và hưởng lợi từ các lợi thế được trao cho họ bởi vị trí nắm quyền của họ. Một số thành viên đối lập ôn hòa có thể cũng chấp nhận thứ tự sở thích này, sau khi đã rút ra kết luận rằng đoạn tuyệt là không thể hay quá đắt, và muốn, trên hết, giải thoát mình khỏi chế độ độc tài. Đây là trường hợp của một vài người Dân chủ thiên chúa giáo và Tự do mà đã tham gia vào hàng ngũ của UCD.
4. *Các nhà mở cửa (apertunitas),* hay những người thúc đẩy tan băng chính trị, những người đã tạo thành một phần của chính phủ của thủ tướng Carlos Arias với Manuel Fraga làm phó-thủ tướng trong sáu tháng đầu năm 1976, muộn hơn tập hợp nhau lại trong các ứng cử viên của Liên minh Bình dân (PA – Popular Alliance). Họ tìm kiếm sự cải cách pháp lý nhưng, đối mặt với sự nguy hiểm của đoạn tuyệt, họ thích kháng cự bằng tham gia vào sự liên tục Francoist. Một số nhà Francoist cũng lấy lựa chọn khả dĩ này, sau khi đã đi đến kết luận rằng sự liên tục mà không có Franco là không thể, và trên hết vì họ kinh hãi sự đoạn tuyệt.
5. *Những người theo đường lối liên tục,* bao gồm rất nhiều chính trị gia và quan chức của Franco, các thành lũy của họ bao gồm Quốc hội hữu cơ – Cortes – và đội ngũ cấp cao của các lực lượng vũ trang. Họ thích sự liên tục, nhưng thà chấp nhận cải cách – mà sẽ cho phép họ giữ lại một số địa vị của họ từ quá khứ – hơn là sự đoạn tuyệt bị kinh sợ.
6. *Những người co quấn hay cực đoan (Ultras),* (cũng được biết đến như “Bunker,” ám chỉ đến những ngày cuối cùng của Hitler [co lại trong bunker]). Những người này hoạt động trong một vài định chế Francoist như Hội đồng Quốc gia của Phong trào (đảng Francoist độc nhất), Nghiệp đoàn “dọc” (mà trong đó công nhân và các nghiệp chủ đã cùng và bắt buộc làm hội viên), và các tổ chức Falangist. Họ muốn sự liên tục, nhưng họ thà thích quay lại đối đầu với “bọn đỏ và bọn ly khai” như một cách thiết lập một nền độc tài mới hơn là một cải cách dân chủ hóa mà sẽ làm nhạt phai các nền tảng của ý thức hệ Francoist.

Tầm vóc tương đối của sức mạnh và sự ủng hộ xã hội của các nhóm chiến lược này một phần phụ thuộc vào các nhân tố như cấu trúc xã hội và khoảng thời gian tồn tại và các hình thức thống trị của chế độ độc tài. Chúng, tuy vậy, cũng là sự biểu lộ sáng kiến, sự tự tin, sự táo bạo, sự noi gương và cơ hội của các nhà lãnh đạo chính trị, cũng như ý kiến hình thành trong các khu vực khác nhau của xã hội qua sự suy ngẫm về kinh nghiệm quá khứ.

Như tôi đã nói bóng gió, có một số người có thể chuyển lòng trung thành của họ từ một nhóm sang nhóm khác trong tiến trình của quá trình chuyển đổi. Hơn nữa, mặc dù cho mục đích của phân tích chúng ta sẽ cho rằng trong nhiều trường hợp một nhóm xác định có một mong muốn duy nhất và một tiêu chuẩn duy nhất về lựa chọn chính trị, có một số tổ chức tập thể như các đảng, hay thậm chí các chính phủ, mà có thể gồm có những người với các thứ tự sở thích khác nhau giữa các thành viên của chúng. Trong trường hợp của một đảng, chẳng hạn, thường là có thể để tìm thấy các chiến sĩ với các sở thích tương ứng với các nhóm gần với các thái cực hơn là các chính trị gia chuyên nghiệp với những tham vọng sự nghiệp chính trị.

Cũng thuận tiện để theo dõi sự giống nhau về cấu trúc theo các khối: khối đối lập, gồm các nhóm 1 và 2, các nhà cách mạng và các nhà đoạn tuyệt, giống nhau trong sở thích thứ nhất của họ *R* (đoạn tuyệt); khối những người mềm dẻo, gồm các nhóm 3 và 4, các nhà cải cách và mở cửa, giống nhau trong sở thích thứ nhất của họ *r* (cải cách); khối những người cứng rắn, gồm các nhóm 5 và 6, các nhà liên tục và cực đoan, giống nhau trong sở thích thứ nhất của họ *C* (liên tục). Hai khối cuối tạo thành cái có thể được gọi là một “khối cai trị” rộng hơn.

Sau khi đã đưa ra những sự phân biệt này, có thể thấy rằng các nhóm ý kiến 2 đến 5 duy trì các thứ tự sở thích phù hợp với sự thay đổi từ từ ở trên của các lựa chọn khả dĩ trên trục *R-r-C.* Tôi sẽ gọi các nhóm này là các nhóm “từ từ-gradualist”.

Các nhóm ý kiến 1 và 6, mặt khác, thích hai lựa chọn khả dĩ cùng cực hơn là lựa chọn khả dĩ trung gian. Tôi sẽ gọi các nhóm này là các nhóm “tối đa-maximalist”. Các ý kiến của các nhóm sau cùng này có thể được bày tỏ bằng những từ ngữ khoa trương như “thà chết đứng còn hơn sống quỳ gối”, như một số nhà lãnh đạo Cộng sản đã nói trong thời gian nội chiến 1936-39, hoặc, với hơi hướng màu mè, “thà chết với danh dự còn hơn sống trong sự khinh rẻ”, một thành ngữ phổ biến trong các tạp chí cực hữu trong các năm 1970. Là có thể rằng sự giống nhau, có lẽ vô tình, giữa hai cách diễn đạt bằng lời này có thể được giải thích bằng một di sản văn hóa Hispanic cổ và thông thường, mà có thể được tóm tắt bằng khẩu hiệu chủ bại được cho là của Đô đốc Méndez-Núñez thế kỷ thứ 19: “Danh dự mà không có những con tàu tốt hơn những con tàu mà không có danh dự”. Tuy nhiên, cũng có thể thấy những ảnh hưởng khác trong văn hóa chính trị đặc thù của hai nhóm này, chẳng hạn như sự quan tâm đến “việc bóc trần bản chất thật” của kẻ thù; ý kiến rằng các cơ hội thành công của họ đã tăng lên trong các tình huống đối đầu công khai; sự bác bỏ “thái độ thờ ơ”; sự tố cáo những mưu toan tư sản để “hòa nhập” những sự xác minh phổ biến (trong trường hợp của chủ nghĩa tối đa phái tả) và những cuộc tấn công chống lại những người ôn hòa vì là “bọn đỏ đeo mặt nạ” (bởi những người bên phái hữu); sự căm thù chung đối với chủ nghĩa tự do nhiều như, hoặc còn hơn, chủ nghĩa Phát xít hoặc chủ nghĩa Cộng sản, một cách tương ứng, và các thế xoay tít (pirouette) biện chứng như “càng xấu càng tốt”.

Hiển nhiên, trong cả hai trường hợp, *sống* (đứng) trên đôi chân của mình hoặc với danh dự được ưa thích trên hết. Tuy vậy, trái ngược với vẻ tráng lệ được cho là mục tiêu chính đó, lựa chọn khả dĩ hàm ý sự làm nhục hoặc sự xoàng xĩnh bị hạ xuống vị trí cuối cùng. Có thể hiểu được, những khẩu hiệu đặc trưng của các nhóm từ từ, như “điều xấu ít hơn”, hay “một con chim trong tay đáng giá hai con trong bụi rậm”, bị những người với sở thích tối đa chủ nghĩa đánh giá là những thành ngữ của sự khốn cùng đạo đức.

Trong các diễn viên ở các Cột 2 đến 5, có sự trung lập-rủi ro hoặc sự không thích rủi ro, mà có thể là sản phẩm của sự thận trọng hay sợ hãi. Trong các cột khác – các cột 1 và 6 – có một thiên hướng cho rủi ro, sự cả gan, một sự ưa thích “sống nguy hiểm” (khẩu hiệu của chủ nghĩa Phát xít Ý), và đứng lên chống lại sự tuân theo.

Phù hợp với một vài tuyên bố của lý thuyết bỏ phiếu, khả năng tìm thấy một lựa chọn khả dĩ thắng cuộc là chỉ giữa các cá nhân hay nhóm với những thứ tự sở thích tương ứng với những biểu diễn đồ thị tuyến tính hay lõm xuống phía dưới (các đường cong có đỉnh duy nhất). Những người hay nhóm đồng nhất mình với những thứ tự sở thích mà lồi xuống phía dưới (các đường cong nhiều đỉnh hay hình chữ U [hay V]) không thể đạt một điểm hội tụ với ý kiến đa số. Sự giải thích đồ thị về điều này là, một lựa chọn khả dĩ có thể thắng cuộc hay trở thành một cân bằng ổn định nếu đa số các đường cong sở thích riêng lẻ nổi lên ở phía trái và rớt xuống ở bên phải của lựa chọn khả dĩ đó. Điều này phản ánh một sự đánh giá nhất quán và khá cao từ hầu hết người dân. Các đường cong tối đa chủ nghĩa, ngược lại, rớt xuống ở bên trái và nổi lên ở bên phải, như có thể thấy trong Bảng 1.1. Như thế, sự loại trừ các nhóm tối đa chủ nghĩa khỏi sự đồng thuận xung quanh một lựa chọn khả dĩ phải được trông đợi.

**CÂN BẰNG VÀ CÁC CHU KỲ**

Điểm nghịch lý phải nhấn mạnh ở đây là, trong các quá trình quyết định tập thể nhất định, các nhóm tối đa chủ nghĩa có thể có một tác động quyết định lên kết quả cuối cùng, đặc biệt vì ý kiến của chúng có tác động lên thứ tự sở thích của các nhóm còn lại.

Nói cách khác, sự đạt được một cân bằng ổn định hay bất ổn định có thể phụ thuộc vào số những người ủng hộ trực tiếp của mỗi lựa chọn chính trị khả dĩ ít hơn sự đồng cảm, thông cảm, nhạy cảm hay tức tối thế nào đối với tất cả chúng mà vào họ cảm thấy.

Để chứng tỏ điều này, hãy giả sử hai phân bố tỷ lệ phần trăm mang tính giả thuyết của dân cư giữa các nhóm ý kiến khác nhau (các thứ tự sở thích khác nhau). Chúng ta hãy tưởng tượng, thí dụ, các phân bố được trình bày trong Bảng 1.2.

Đầu tiên, chúng ta hãy giả thiết rằng một lựa chọn được đưa ra giữa ba lựa chọn khả dĩ *R, r* và *C,* và rằng mỗi cá nhân là quan trọng ngang nhau trong quyết định tập thể.

Nếu chúng ta trình bày sự lựa chọn theo cách rằng mỗi cá nhân tham gia vào quyết định phải chọn một trong ba lựa chọn khả dĩ, dễ hiểu là mỗi người chọn sự lựa chọn [xếp] thứ nhất của mình.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *Bảng 1.2. Hai phân bố sở thích về liên tục (C), cải cách (r) và đoạn tuyệt (R)* | | | | | | |
|  | *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* |
| *(Các nhà)* | *Cách mạng* | *Đoạn tuyệt* | *Cải cách* | *Mở cửa* | *Liên tục* | *Cực đoan* |
| *Giả thuyết A* | *15* | *25* | *5* | *30* | *10* | *15* |
| *Giả thuyết B* | *10* | *30* | *30* | *5* | *10* | *15* |
|  |  |  |  |  |  |  |
| *Ưa thích nhất* | *R* | *R* | *r* | *r* | *C* | *C* |
|  | *C* | *r* | *R* | *C* | *r* | *R* |
| *Ưa thích bét* | *r* | *C* | *C* | *R* | *R* | *r* |

Theo các thứ tự sở thích được sao ở Bảng 1.2, kết quả sẽ là như sau:

Các thành viên của các Cột 1 và 2 sẽ chọn *R* (tức là 15+25 trong giả thuyết A và 10+30 trong giả thuyết B) với tổng cộng 40% người dân ủng hộ lựa chọn khả dĩ này trong cả hai giả thuyết. Các thành viên của các Cột 3 và 4 sẽ *r* (tức là, 5+30 trong giả thuyết A và 30+5 trong giả thuyết B), với tổng cộng 35% người dân ủng hộ lựa chọn khả dĩ này trong cả hai giả thuyết. Các thành viên của các Cột 5 và 6 sẽ chọn *C* (tức là, 10+15 trong cả hai giả thuyết A và B), với tổng cộng 25% người dân ủng hộ lựa chọn khả dĩ này trong cả hai giả thuyết.

Như thế *R* sẽ thắng cuộc, vì nó sẽ nhận được một số lớn hơn của các sở thích so với cả hai lựa chọn khả dĩ khác.

Bây giờ chúng ta hãy trình bày một sự lựa chọn giữa ba lựa chọn khả dĩ *R, r* và *C*, nhưng lần này không đồng thời, mà theo cặp, tức là những sự chọn lần lượt, giữa *R* và *r*, giữa *r* và *C*, và giữa *C* và *R*.

Chúng ta bắt đầu với Giả thuyết A,

Đầu tiên, trong lựa chọn giữa *R* và *r,* những người trong các Cột 1, 2 và 6 sẽ chọn *R*, vì lựa chọn khả dĩ này được ưa thích hơn *r* , trong khi những người ở các Cột 3, 4 và 5 sẽ chọn *r* (xem Bảng 1.2). Vì thế, sự lựa chọn tập thể giữa *R* và *r*, nếu mỗi người tính là một và không ai tính nhiều hơn một, sẽ là *R* (15+25+15 = 55 ủng hộ *R*; 5+30+10 = 45 ủng hộ r).

Thứ hai, trong lựa chọn giữa *r* và *C,* những người trong các Cột 2, 3 và 4 sẽ chọn *r*, vì lựa chọn khả dĩ này được ưa thích hơn *C* trong khi những người ở các Cột 1, 5 và 6 sẽ chọn *C* (lại xem Bảng 1.2). Trong sự lựa chọn tập thể giữa *r* và *C*, lựa chọn sẽ là *r* (25+5+30 = 60 ủng hộ *r*; 15+10+15 = 40 ủng hộ *C*).

Cuối cùng, trong lựa chọn giữa *R* và *C,* những người trong các Cột 1, 2 và 3 sẽ chọn *R*, vì lựa chọn khả dĩ này được ưa thích hơn *C* trong khi những người ở các Cột 4, 5 và 6 sẽ chọn *C* (lại xem Bảng 1.2). Như thế giữa *R* và *C*, lựa chọn sẽ là *C* (15+25+5 = 45 ủng hộ *R*; 30+10+15 = 55 ủng hộ *C*)*.*

Như thế, chúng ta ta thấy trong Giả thiết A về sự phân bố các nhóm ý kiến, một chu kỳ được tạo ra khi cách đưa ra quyết định là sự lựa chọn từng cặp. Đầu tiên, giữa *R* và *r, R* được tập thể chọn; thứ hai, giữa *r* và *C*, *r* được chọn; sau đó, người ta có thể kỳ vọng rằng sự lựa chọn tiếp theo và cuối cùng sẽ là *R* thắng *C,* nhưng trong lựa chọn giữa *R* và *C,* thì *C* được chọn.

Nghịch lý này có thể được phát biểu theo cách sau đây:

*R > r > C > R…*

Đoạn tuyệt được ưa thích hơn cải cách, cải cách được ưa thích hơn liên tục, liên tục được ưa thích hơn đoạn tuyệt, đoạn tuyệt hơn cải cách, và vân vân. Bất chấp sự thực rằng một lựa chọn khả dĩ có nhiều người ủng hộ hơn các lựa chọn khả dĩ khác, mỗi trong số chúng có thể bị đánh bại bởi lựa chọn khả dĩ khác, theo cách như vậy chúng ta nhận được một sự lựa chọn tập thể bắc cầu (transitive).

Chính xác như trong trò chơi của trẻ con mà trong đó kéo cắt tờ giấy, tờ giấy bao bọc hòn đá và hòn đá đập vỡ kéo.

Giữa những thứ khá kinh ngạc khác, điều này có thể có nghĩa rằng trong một xã hội nơi đa số nhân dân có các sở thích từ từ và chỉ một thiểu số theo thuyết tối đa (hặc, nói cách khác, đa số lớn đồng nhất với các Cột 1 đến 5 đối lại một thiểu số trong các Cột 1 và 6 [xem Bảng 1.1]), những sự thay đổi liên tục về quyết định tập thể, những sự thay đổi chiều và sự mất ổn định có thể xảy ra. Việc này khiến cho sự củng cố của bất kể trong số những lựa chọn khả dĩ là không thể, và có thể dẫn đến sự đối đầu dân sự rộng lớn.

Bây giờ chúng ta hãy so sánh kết quả này với kết quả khác nhận được khi có một phân bố hơi khác của các thứ tự sở thích trong nhóm được nói đến, như trong Giả thuyết B.

Chúng ta sẽ đưa ra một sự chọn giữa ba lựa chọn khả dĩ *R, r* và *C*, lại lần nữa từng cập một.

Đầu tiên, sự lựa chọn tập thể giữa *R* và *r* là *R* (các Cột 1, 2 và 6: 10+30+15 = 55 ủng hộ *R*; các Cột 3, 4 và 5: 30+5+10 =45 ủng hộ r).

Thứ hai, sự lựa chọn tập thể giữa *r* và *C* là *r* (các Cột 2, 3 và 4: 30+30+5 = 65 ủng hộ *r*; các Cột 1, 5 và 6: 10+10+15 =35 ủng hộ C).

Và cuối cùng, bây giờ, sự lựa chọn tập thể giữa *R* và *C* là *R* (các Cột 1, 2 và 3: 10+30+30 = 70 ủng hộ *R*; các Cột 4, 5 và 6: 5+10+15 =30 ủng hộ C).

Như thế, chúng ta nhận được một sự chọn tập thể bắc cầu:

*R > r > C*

Đoạn tuyệt được ưa thích hơn cải cách, cải cách hơn liên tục và, *một cách bắc cầu,* đoạn tuyệt được ưa thích hơn liên tục. Chiến thắng và sự ổn định của một trong các lựa chọn khả dĩ là có thể trong giả thuyết này.

Theo dõi một lần nữa rằng thắng lợi của sự đoạn tuyệt (*R*) không phải là do sự tồn tại của một đa số dân cư ủng hộ lựa chọn khả dĩ này, vì như trong giả thuyết đầu tiên, chỉ 40% nhân dân (các Cột 1 và 2) muốn nó trên tất cả các lựa chọn khả dĩ khác.

Sự khác biệt quyết định giữa lời giải nhận được trong giả thuyết thứ hai của phân bố sở thích và chu kỳ nhận được trong giả thuyết thứ nhất nằm trong kết quả của sự chọn giữa *R* và *C*. Tuy nhiên, không có sự thay đổi nào giữa hai giả thuyết về hoặc tổng số người ủng hộ *R* (các Cột 1 và 2) hay tổng số người ủng hộ *C* (các Cột 5 và 6). Thậm chí tổng số người ủng hộ lựa chọn khả dĩ không liên quan (*r*) cũng đã không thay đổi (các Cột 3 và 4). Chỉ các tỷ lệ mà đã thay đổi là những tỷ lệ giữa những người ưa thích *R* (với sự giảm [từ 15 xuống 10] của những người với sở thích tối đa) và giữa số tương đối của những người ủng hộ *r* (với những sở thích khác trong vị trí thứ hai và thứ ba [với những người ủng hộ r, thì r là sở thích thứ nhất và sở thích khác là thứ hai hay thứ ba]). Sự lựa chọn tập thể hoặc là tạo ra một chu kỳ hay chọn *R*, phụ thuộc, khi đó, vào các sở thích thứ hai và thứ ba của những người nào đó, kể cả những người ủng hộ một lựa chọn khả dĩ không liên quan đối với lựa chọn quyết định.

Chúng ta chỉ đã tưởng tượng những sự thay đổi rất nhẹ giữa các phân bố khác nhau của dân cư trong các nhóm ý kiến khác nhau, nhưng hiển nhiên rằng những nghịch lý tương tự hay lớn hơn sẽ có thể thấy nếu chúng ta giả sử những sự thay đổi đáng kể hơn, kể cả những thay đổi mà có thể tạo ra chiến thắng của cải cách hay sự liên tục.

**SỢ NỘI CHIẾN**

Định lượng tỷ lệ của mỗi nhóm ý kiến ưa thích các lựa chọn chính trị khả dĩ khác nhau trong thế giới thực là khó. Tuy nhiên, có vẻ khả thi và phù hợp với dữ liệu Tây Ban Nha sẵn có rằng các giả thiết của giả thuyết thứ nhất của chúng ta, mà trong đó một chu kỳ được tạo ra, đã gần với việc được thực hiện trong các năm 1930 hơn là trong một phần tư vừa qua của thế kỷ này: một tầm quan trọng cao tương đối của những người cánh tả theo tối đa chủ nghĩa, và sự yếu kém lớn về phía chủ nghĩa tự do cải cách và “tư sản”.[[3]](#footnote-3)

Loại này của sự phân bố các quan điểm chính trị sẽ cho phép chúng ta cho thấy làm sao, sau 1976, một sự đồng thuận dân chủ tương đối rộng đã đạt được về sự chấp nhận các quy tắc cơ bản mới về quyết định tập thể, mà không cần giả thiết một cách tường minh rằng, vào lúc bắt đầu quá trình, tỷ lệ của những người dân chủ đã lớn hơn tỷ lệ của các giai đoạn lịch sử trước nhiều, hoặc thậm chí rằng nó đã đại diện cho một đa số các thành viên của xã hội. Như thế chúng ta cũng hiểu những người thắng cuộc thay đổi trong các pha khác nhau của quá trình chuyển đổi.

Mô hình trên đã trình bày các điểm tới sự loại trừ các nhóm tối đa. Trên thực tế, họ đã không chấp nhận tính hợp lệ của chế độ mới sau Franco và đã thường xuyên được đánh giá – bằng phương tiện của các thành ngữ như “cả hai đầu gặp nhau” và những sự buộc tội đồng lõa hay thâm nhập lẫn nhau – như các phần tử gây bất ổn định của cân bằng đã đạt được bởi một phương pháp đồng thuận.

Như tôi đã nói, tuy vậy, sự loại trừ không có nghĩa rằng các lập trường của các nhóm này không ảnh hưởng đến quá trình. Ngược lại, các thành viên của mỗi trong các nhóm ý kiến đã chấp nhận các thứ tự sở thích của họ chính xác dưới ảnh hưởng của những đe dọa, áp lực hay khiêu khích của phần còn lại. Cái đã xảy ra là, như các tư liệu, lời chứng, hồi ức chứng nhận, nỗi ám ảnh của tuyệt đại đa số dân cư và các nhà lãnh đạo xã hội và chính trị trong nửa sau của các năm 1970 – tương phản sắc nét với các giai đoạn lịch sử trước – đã là sự tránh một cuộc nội chiến. Nỗi ám ảnh này, được bày tỏ như sự bác bỏ “chiến tranh chém giết anh em”, với “hòa giải dân tộc” như khẩu hiệu, hoặc một cách gián tiếp qua sự đánh giá rằng “tất cả chúng ta đều thua [trong] chiến tranh”, có lẽ là kết quả nghịch lý của việc đã có một cuộc nội chiến thật trong các năm 1936-39 mà đã được nhớ lại như một giai đoạn hết sức đẫm máu và tàn bạo. Như thế chính ký ức về một sự đối đầu dân sự là cái xác định tư cách đạo đức mà tìm cách loại trừ sự lặp lại của nó.

Vì thế chúng ta có thể nói rằng, trong quá trình chuyển đổi được khởi xướng năm 1976, các thành viên của các nhóm ý kiến khác nhau đã thích nghi các thứ tự sở thích của họ không phải bằng cách từ bỏ những gì họ yêu mến nhất, mà bằng sự nhường cho các sở thích thứ hai và thứ ba của họ. Sự tương tác lẫn nhau, khi đó, đã tránh được việc tạo ra một chu kỳ và tạo cơ hội cho cân bằng ổn định.

Bằng cách này, các nhà cải cách của chế độ Franco những người đã muốn đồng ý về một sự đoạn tuyệt với phe đối lập dân chủ như một cái xấu ít hơn, so với nỗi sợ của một sự can thiệp quyết liệt hơn của phe đối lập cách mạng (gợi lại ký ức về sự khủng bố trong cuộc cách mạng tháng Sáu và tháng Tám 1936), đã được chào đón với sự ủng hộ rộng rãi. Tương tự, những cảm tình viên của phe đối lập dân chủ đã chấp nhận sự bằng lòng của nó để đàm phán và ký các thỏa ước với các nhà cải cách và mở cửa, và đưa ra những nhượng bộ có logic cho họ, thông qua nỗi sợ về một sự dính dáng “cực đoan” mà đã có thể tái tạo sự kinh hoàng của nội chiến 1939 và sự đàn áp sau chiến tranh.

Những gì tôi thực sự biện luận là cái gì đó khá hiển nhiên nếu chúng ta nhìn lại quá trình: cấu trúc các sở thích của xã hội Tây Ban Nha trong các năm 1970 đã cho phép một sự quyết định ổn định ủng hộ một trong những lựa chọn chính trị khả dĩ sẵn có: đoạn tuyệt, cải cách và sự liên tục. Tuy vậy, kiểu diễn giải được trình bày ở đây cho phép chúng ta nhấn mạnh đến sự thích nghi lẫn nhau của các sở thích, những tương tác chiến lược và những cách phi hình thức của sự ra quyết định hơn là đến các nhân tố xã hội-kinh tế. Đã không được viết trước trong các cấu trúc xã hội, hoặc trong một đặc điểm tính cách dân tộc tưởng tượng hay bất cứ đâu khác, rằng một kết quả ổn định được đạt tới, hoặc kết quả này sẽ là gì. Điều này giải thích sự ngạc nhiên chung và sự ngưỡng mộ gây ra bởi kết cục cuối cùng của quá trình thay đổi chính trị Tây Ban Nha.

Trong thực tiễn, quá trình lựa chọn đã không rất khác với quá trình được trình bày trong mô hình thông qua sự so sánh các lựa chọn khả dĩ từng đôi một.

Trong pha đầu tiên – sáu tháng đầu của năm 1976 – sự lựa chọn đã là giữa đoạn tuyệt và cải cách. Một chính phủ mở cửa, do Carlos Arias làm thủ tướng, đã thử thúc đẩy dự án cải cách của nó đối diện với các nhà đoạn tuyệt. Nó đã thử mặc cả với những người theo đường lối liên tục và một vài người cực đoan về một ủy ban gồm chính phủ và Hội đồng Dân tộc của Phong trào mà vừa được dựng lên cho mục đích này. Phó thủ tướng Manuel Fraga đã đưa ra điều kiện dứt khoát khi ông nói rằng, “việc cai trị đang cưỡng lại sự đoạn tuyệt” và khi trình bày sự trưng cầu dân ý cải cách mà đã dự định tổ chức vào tháng Mười 1976. Ông đã làm việc này bằng sử dụng các từ ngữ sau đây: “Ai bỏ phiếu ‘không’ trong trưng cầu dân ý sẽ bỏ phiếu ủng hộ sự đoạn tuyệt; ai bỏ phiếu ‘thuận’, là ủng hộ cải cách”. Thế nhưng chính phủ Arias và Fraga đã bị lật đổ bởi một làn sóng tăng lên của các phong trào đối lập và bởi các sự kiện đầy kịch tính như những cái chết bất thường trong một cuộc tổng đình công ở thành phố Victoria xứ Basque và một sự tập trung chính trị theo chủ nghĩa truyền thống ở Montejurra. Sự không thành công của nó có thể được diễn giải như sự thất bại của cải cách bởi sự đoạn tuyệt trong pha này của sự lựa chọn.

Trong pha thứ hai – trong sáu tháng tiếp theo của năm 1976 – sự lựa chọn đã là giữa cải cách và sự liên tục. Chính phủ Suárez đã thành công trong việc tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý về cải cách chính trị mà trong đó một sự bỏ phiếu khẳng định đã được ủng hộ một cách có thể hiểu được bởi những người ủng hộ cải cách nhưng, ngược với dự án trưng cầu dân ý trước của chính phủ, phiếu phủ định đã được bênh vực bởi những người theo đường lối liên tục. Trong lúc đó, phe đối lập dân chủ, hi vọng về một sự đoạn tuyệt (mà vào lúc đó đã là một lựa chọn khả dĩ không liên quan-irrelevant), đã vận động không bỏ phiếu. Thắng lợi của phiếu ‘thuận’ trong cuộc trưng cầu dân ý này đã chứng tỏ một cách rõ ràng một thắng lợi của cải cách đối với sự liên tục trong pha này của sự lựa chọn.

Cuối cùng, trong pha thứ ba, sự lựa chọn đã là giữa đoạn tuyệt và liên tục. Việc này đã là do sự thực rằng chính việc thông qua và áp dụng cải cách chính trị, như một kết quả của sự lựa chọn trong pha trước, đã làm cho các ý tưởng dựa trên việc đạt được cải cách trở thành không liên quan. Sau cuộc tổng tuyển cử tháng Sáu 1977, các thỏa thuận quốc hội giữa các nhà cải cách trong chính phủ và phe đối lập dân chủ, với sự trả giá của những người theo đường lối liên tục, đã cho phép để đạt được mục tiêu đoạn tuyệt: một quá trình lập hiến và một đa số thông qua một Hiến pháp mới bằng trưng cầu dân ý.

Độc lập với sự ủng hộ mà mỗi lựa chọn khả dĩ đã có, một sự lựa chọn tập thể bắc cầu khi đó đã được đưa ra: *C < r < R*.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Một số ý tưởng cho sơ đồ về các thứ tự sở thích của các diễn viên chính trị khác nhau đã được lấy từ mô hình I, ‘Engineering Reform with the Help of the Perspective of Revolution’ trong chương “Models of Reformmogering”, trong Albert O. Hirschman (1963), *Journey Toward Progress*, New York: The Twentieth Centoury Fund, pp. 276 ss.

Sự phân biệt của tôi giữa các sở thích chính trị từ từ (gradualist) và tối đa (maximalist), mà thuận lợi cho việc tạo ra các cân bằng ổn định hay các chu kỳ, một cách tương ứng, là một sự áp dụng của sự phân biệt hình thức giữa các đường cong có một đỉnh và có nhiều đỉnh và các nghịch lý tương ứng trong sự lựa chọn tập thể được trình bày bởi Duncan Black (1987), *The Theory of Committees and Elections,* Boston: Kluwer (first edition of papers, 1948-49).

Ảnh hưởng của các nhóm tối đa chủ nghĩa lên cách cư xử của những người khác và các hệ quả gây mất ổn định của chúng trong một quá trình thay đổi chính trị đã được nhấn mạnh bởi Juan J. Linz (1978), *Crisis, Breakdown, and Reequilibration,* Baltimore: The Johns Hopkin University Press.

# Sisyphus và Bóng tuyết

Các cuộc thương thuyết và những thỏa thuận về sự chuyển đổi Tây Ban Nha sang dân chủ đã được xui khiến bởi sự thực rằng, vào lúc kết thúc của giai đoạn Franco, không nhóm có liên quan nào đã đủ mạnh để tự mình áp đặt lựa chọn chính trị được ưa thích của nó, dù đấy đã là sự liên tục, cải cách hay đoạn tuyệt. Tình hình này đặc biệt đã tiết lộ sức mạnh và những hạn chế của các phong trào chống-Franco được phát triển trong các năm 1960 và đầu các năm 1970 và, trong một viễn cảnh tổng quát hơn, đã phản ánh một số vấn đề gây bối rối của hành động chính trị tập thể.

Phân tích sau đây bắt đầu từ quan điểm rằng việc tham gia vào một hành động chính trị – như một phong trào chống lại một chế độ độc tài – không luôn luôn phụ thuộc vào liệu người dân cảm thấy một cách mạnh mẽ để ủng hộ hay chống lại các mục tiêu mà hành động đó cố gắng đạt tới, hay họ cảm thấy các mục tiêu này hợp pháp ra sao. Nói cách khác, tác động sâu rộng của một hành động không phụ thuộc vào ý kiến được hình thành tại một thời khắc cho trước, hoặc chí ít không chỉ vào điều này, mà cũng vào các khuyến khích tích cực và tiêu cực của bản thân hành động tham gia.

Về cơ bản, sự cam kết của mỗi cá nhân với hành động – mà là nguồn của quy mô lớn hơn hay nhỏ hơn của một phong trào – phụ thuộc, một mặt, vào những kỳ vọng về tính hiệu quả mà hành động tập thể đó sẽ có trong quan hệ với mục tiêu được đề xuất. Mặt khác, nó phụ thuộc vào xác suất của những sự trả đũa hay sự thiệt hại phải chịu vì đã tham gia; trong trường hợp của một chế độ độc tài, chẳng hạn, việc này có thể có nghĩa là sự sa thải mất việc làm, sự trừng phạt học thuật, sự bắt giữ bởi cảnh sát, tiền phạt, tịch thu hộ chiếu, án tù và vân vân. Tóm lại, cơ sở rộng của một hành động tập thể phụ thuộc một mặt vào niềm tin và mặt khác vào sự sợ hãi.

Một cách nghịch lý, tuy vậy, những kỳ vọng và xác suất này đến lượt lại phụ thuộc ở một mức độ lớn vào những gì những người khác làm. Sự tham gia của một cá nhân được quyết định phần lớn theo việc có bao nhiêu người khác tham gia vào hành động đó: quyết định của mỗi và mọi người cả là nguyên nhân lẫn là hệ quả của sự quyết định của những người còn lại.

Chúng ta hãy tưởng tượng một nhóm người mà, sau khi ra khỏi một hộp đêm, muốn đi ngang qua một con đường bận rộn. Không ngạc nhiên, họ không quan tâm gì đến những chỗ qua đường dành cho người đi bộ hoặc đến đèn tín hiệu giao thông. Nếu nhóm này có ít thành viên, những người dính líu đến sẽ do dự; họ sẽ nhìn quanh nhau và chỉ một cụm người cả gan nhất sẽ dẫn đầu bước xuống đường. Khi họ làm như thế, những người khác sẽ cảm thấy rằng bây giờ có đủ người đi bộ để làm nản lòng các lái xe và tránh mối nguy hiểm, và họ cũng đi theo. Cuối cùng đám đông sẽ thắng cuộc và giao thông sẽ ngừng lại. Tuy vậy, nếu ngay từ đầu chỉ có một hay hai người thử tắt ngang đường, chắc rằng họ sẽ không thành công làm ngừng xe cộ và buộc phải quay lại.

Cái gì đó tương tự xảy ra tại các cuộc hội họp chính thức nào đó khi không có bộ quy tắc nào về sự thích hợp của việc vỗ tay vào cuối bài thuyết trình hay nói chuyện của vị khách danh dự. Nếu, sau vài giây im lặng chỉ một hay hai người bắt đầu vỗ tay, thì chắc rằng sự vỗ tay của họ sẽ là một hành động cô độc và thậm chí lố lăng. Tuy nhiên, nếu một nhóm đông hơn cùng tham gia ngay từ đầu, hầu như chắc chắn rằng sẽ có một sự hoan hô đồng lòng. Ở đây chúng ta thấy chức năng của “nhóm chủ động vỗ tay-claque” trong các nhà hát – những người có chủ ý và ngay lập tức bắt đầu vỗ tay nhằm động viên phần còn lại của khán giả làm cùng thế. Nó là một phương sách có khả năng cứu một hành động công nhận ồ ạt không phải giả dối, và không có nó thì những cơ hội thành công của một người quả thực có thể mỏng manh.

Đấy cũng là cơ chế đằng sau sự lan truyền của những tin đồn. Bất chấp sự thật hay sự lừa dối của nó, một tin đồn trở nên phổ biến nếu, trong ngày hay giờ đầu tiên của nó, một số đủ người coi nó là đáng tin hoặc đủ lý thú để chuyển tiếp nó cho những người khác. Nếu, tuy vậy, hóa ra là tin đồn không được chú ý bởi người nghe đầu tiên, có khả năng là nó sẽ thoảng qua và tàn đi – cho dù nó đúng.

Những thí dụ như vậy về tương tác con người có thể được phân tích hình thức hơn: những hoạt động nhất định là tự-duy trì một khi đạt được mức tối thiểu nào đó. Một khái niệm như khái niệm khối lượng tới hạn (được vay mượn từ kỹ thuật hạt nhân, và tương đương với khối lượng gây ra một phản ứng dây chuyền) cũng có thể áp dụng được cho nhiều thứ của cách cư xử con người mà trong đó hiện tượng “lật-tipping” này được tạo ra, mặc dù khối lượng tới hạn đó có thể khác nhau từ người này sang người khác.

Tại bất cứ buổi tiệc nào nơi người ta tập hợp nhau lại theo nhóm trong một phòng rộng, là dễ để thấy khi một số khách cảm thấy cần nâng giọng nói của họ ngay khi họ bắt đầu nghe tiếng nói huyên thuyên của nhóm bên cạnh họ. Bằng cách làm vậy, họ chỉ làm tăng mức nhiễu trong phòng, khiến cho những người khác mà đã trò chuyện ở mức hoàn toàn vừa phải, gặp khó khăn trong nghe lẫn nhau. Điều này có nghĩa rằng cả họ nữa cũng sẽ bắt đầu nâng giọng nói của họ, và cuối cùng buổi tiệc sẽ hóa thành một sự om sòm.

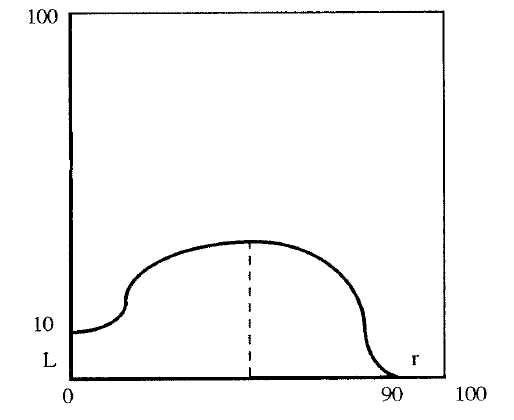
**NHỮNG SỰ LẬT CHỐNG FRANCO**

Các hiện tượng lật (tipping) là rất quan trọng trong các quá trình thay đổi chính trị. Những người ủng hộ một chế độ độc tài – như chế độ Francoist ở Tây Ban Nha trong các năm 1960, 1970 – có thể cho thấy các khuynh hướng trở mặt tăng tốc khi những cơ hội tiếp tục của chế độ bắt đầu tàn. Các nhân tố nhất định chẳng có liên quan gì đến tính vững chắc của sự tin chắc ý thức hệ của tuyệt đại đa số những kẻ độc tài, chẳng hạn như sự phản kháng nhân dân, sự can thiệp ngoại giao của các nước khác hay tuổi cao của nhà độc tài, có thể khuyến khích một bộ phận các chính trị gia của chế độ độc tài để đề xướng một sự “mở cửa” hay đơn giản giảm sự kiểm soát dân cư và sự đàn áp những người bất đồng chính kiến. Việc này đến lượt lại động viên sự tham gia vào hành động phản kháng và cả áp lực nước ngoài. Khả năng của chế độ độc tài để kéo dài mãi mãi như thế bị giảm bớt, thúc đẩy thêm nhiều bộ phận độc tài để bảo vệ sự tự do hóa chế độ và để thiết lập các mối tiếp xúc với phe đối lập. Bằng cách của các quá trình thuộc loại này, một số người đáng kể có thể thay đổi sự trung thành chính trị và tư tưởng và thay đổi phe. Về mặt Bảng 1.1 (xem chương trước), tỷ lệ người từ mỗi Cột từ 1 đến 6 có thể được thay đổi trong tiến trình chuyển đổi.

Hãy cho rằng đối với mỗi người có một con số, mà chúng ta có thể gọi là *k*, và nó định lượng mức tham gia tối thiểu cần thiết để khiến người đó tham gia vào một hoạt động: thí dụ, “mở cửa” chế độ độc tài hay, tương tự cho các nhà theo chế độ dân chủ, tham gia các phong trào chống độc tài của phe đối lập. Giá trị hay độ hữu [thỏa] dụng (utility) của việc không tham gia đối với người này có thể được đo lường, chẳng hạn, bằng thời gian rảnh rỗi hay những cơ hội cho thu nhập chuyên nghiệp. Mặt khác, tính thỏa dụng của sự tham gia phụ thuộc trực tiếp vào sự đánh giá chủ quan về tính chất tốt của mục tiêu mà vì nó người ta đấu tranh, về khả năng đạt được mục tiêu và cả, một cách nghịch đảo, về số người chống lại việc đó và sự rủi ro của sự tham gia.

Dưới một chế độ độc tài, những người ủng hộ dân chủ có thể xem xét sự tham gia được kỳ vọng dưới mức *k* là không đủ để đụng đến sự nhạy cảm của những người nắm quyền và để đạt được mức độ thành công nào đó. Ở đây, sự rủi ro cá nhân của những người tham gia là quá cao, vì, do số thấp của họ, họ có thể bị nhận diện và bị cô lập dễ dàng. Như thế độ thỏa dụng của sự tham gia là thấp hơn độ thỏa dụng của việc không tham gia. Mặt khác, vượt quá *k*, sự đánh giá chủ quan rằng bõ công tham gia, vì tầm với được ước lượng của phong trào có thể làm nản lòng hay làm giảm sự đàn áp và đưa người ta đến gần việc đạt mục tiêu hơn. Trong tình hình như vậy độ thỏa dụng của sự tham gia lớn hơn của sự không tham gia. Cũng có thể có khả năng là một số người có thể nghĩ rằng, vượt quá một mức tham gia rất cao, có đủ người rồi cho việc kết quả trở nên hiển nhiên, cho nên sự hữu dụng của việc tham gia giảm xuống. Một khi đạt đến một điểm nhất định, cá nhân cảm thấy rằng không còn cần lãng phí thời gian, nỗ lực hay năng lượng của mình nữa trong hoạt động.

*Hình 2.1. Phân bố của sự sẵn sàng tham gia vào một hành động tập thể*



Lưu ý: trục ngang đo số người được kỳ vọng để tham gia vào một hành động tập thể, và trục dọc đo số người coi mức tham gia này là đủ để cho họ cũng tham gia. “L” biểu thị những người luôn luôn tham gia (các “leader” lãnh đạo) và “r”, là những người chẳng bao giờ tham gia (“reluctant”- không sẵn lòng).

*k* ở vị trí nào, điều đó thay đổi theo cá nhân. Chúng ta hãy giả sử, như trong Hình 2.1 (mà tôi đã phỏng theo Thomas C. Schelling), rằng trong một nhóm cho trước có một tần suất ít nhiều hình chuông về sự phân bố của con số tới hạn đó, sao cho hầu hết người dân cảm thấy việc tham gia là bõ công khi giữa một phần ba và hai phần ba làm vậy. Việc này đặt mode (giá trị xuất hiện thường xuyên nhất) tại 45%. Trục ngang của hình đo số người được kỳ vọng để tham gia vào hoạt động, còn trục dọc cho thấy số người cho rằng sự tham gia được kỳ vọng là “đủ” cho họ để làm tương tự như vậy. Số này có thể là một giá trị tuyệt đối. Thí dụ, 10 người là đủ để không sợ sự đi lại của xe cộ và một ngàn người biểu tình là đủ để khiến cho một cá nhân tham gia cùng họ. Nó cũng có thể là một giá trị tương đối, có thể được đo, chẳng hạn bằng tỷ lệ của những người trong một hội nghị vỗ tay, tỷ lệ phần trăm của công nhân tham gia đình công ở nhà máy hoặc tỷ lệ sinh viên bãi khóa.

Chúng ta hãy cũng giả sử rằng 10% các thành viên nhóm là những người chống Francoist vô điều kiện hay gan dạ (những người tôi sẽ gọi là L, từ “Lãnh đạo”) những người luôn tham gia, ngay cả khi kỳ vọng một số người tham gia ít. Cũng [giả sử] có 10% khác của những người ngoan cố ủng hộ Francoist (mà tôi sẽ gọi là r), những người chẳng bao giờ tham gia, ngay cả khi kỳ vọng số tham gia khổng lồ. Vì điều này đường cong hình chuông hơi bị méo ở cả hai đầu.

Nếu bây giờ chúng ta vẽ một đường cong để miêu tả sự tích lũy của phân bố này, chúng ta nhận được một đường cong giống như đường trên Hình 2.2, mà cho chúng ta thấy số người được kỳ vọng tham gia trên trục ngang và số người thực sự tham gia trên trục dọc. Như thế, đường cong tăng về phía phải, hay chí ít nó không giảm về phía phải. Đầu tiên nó tăng hơn tỷ lệ, đến điểm nơi tần suất phân bố đạt điểm cao nhất của nó (trong thí dụ, 45%), và sau đó tăng ít hơn tỷ lệ. Đường cong có hình chữ S. Đoạn cuối là phẳng, vì ngay cả sự tham gia được kỳ vọng 90% cũng không lay chuyển được 10% ngoan cố.

Một mối quan hệ thuộc loại này có vẻ có khả năng bày tỏ sự bất ổn định của những sự huy động chống Francoist trong nhiều năm. Thứ nhất, nhiều chiến sĩ đối lập đã chia sẻ cảm giác về sự móc nối và tháo bỏ liên miên, hoặc về một bước tiến hai bước lùi (tùy thuộc vào văn học nào người ta thích nhắc tới). Muộn hơn, đã có một quả bóng tuyết thúc đẩy một sự tăng đều đặn về những sự huy động với sự hợp thành đáng ngạc nhiên của những người chưa bao giờ tham gia và thậm chí đã chịu trách nhiệm trong một số trường hợp nhất định, khiến cho cao trào dấy lên hầu như không thể dừng được. Đã cứ như một nhóm nhỏ người từ lâu vật lộn để đẩy hòn đá của Sisyphus lên chỉ để thấy nó lăn xuống hết lần này đến lần khác. Tuy vậy, một lúc nào đó, quả thực đã đạt đến đỉnh và chỉ một cái đẩy nhẹ là đủ để đẩy hòn đá lao thẳng xuống sườn kia của ngọn núi để gây ra một thác tuyết lở, bây giờ hoàn toàn ngoài tầm kiểm soát của các nhà hoạt động năng nổ đó.

|  |  |
| --- | --- |
| *Hình 2.2. Sự tham gia vào hoạt động tập thể* | *Hình 2.3. Các biến thể của sự tham gia vào hoạt động tập thể* |
| Fig.2.2-2.3.png  Lưu ý: Trong cả hai hình trục ngang đo số người được kỳ vọng tham gia, và trục dọc đo số người thực sự tham gia. | |

Trên thực tế, chỉ có hai điểm cân bằng trên Hình 2.2. Chúng ta hãy tưởng tượng rằng việc động viên gồm hành động tổ chức một cuộc phản đối trên cơ sở thường xuyên tại cùng địa điểm. Đây có thể là một sự kết hợp của những người hàng xóm đòi những điều kiện cải thiện trong thị trấn; một cuộc họp định kỳ của một hội chuyên nghiệp; một cuộc gặp gỡ sinh viên được tổ chức mỗi tuần; hay một cuộc diễu hành Ngày Lao động (1-5) hàng năm của thành phố.

Hãy quan sát Hình 2.2 một lần nữa. Nếu, thí dụ, 30 người được trông chờ tham gia (đây là số phần trăm hay số tuyệt đối), bởi vì mức này đã đạt được lần trước, việc chỉ có 20 tham gia, gây ra sự thất vọng nào đó bởi vì một sự tham gia lớn hơn đã được kỳ vọng, và con số thực tế sẽ được coi là không thỏa đáng. Dịp tiếp theo, những người đã thất vọng lần đầu sẽ không đi, khiến cho số tham gia giảm nữa, và gây thêm sự tan ảo mộng. Cuối cùng chỉ khoảng chục người sẽ bận tâm để tham gia.

Nếu, ngược lại, chúng ta giả sử rằng số người tham dự được kỳ vọng là 60, sẽ có sự tham gia thật của 80 người, mà sẽ làm hài lòng tất cả những người hiện diện vì đã tham gia. Cũng sẽ có những người, khi nghe về hoạt động đã thành công thế nào, sẽ lấy làm tiếc vì đã không đi cùng. Lần tiếp những người này cũng sẽ tham gia, và như thế liên tiếp cho đến khi đạt được số tối đa 90.

Sự tham gia dưới ngưỡng, dưới khối lượng tới hạn, gây ra sự thất vọng và sự giải ngũ, như trong trường hợp đưa hòn đá của Sisyphus lên, trong khi một sự tham gia trên mức đó sẽ thu hút sự huy động lớn hơn, như trong trường hợp của quả bóng tuyết. Vì thế, có một điểm cân bằng của sự tham gia thấp tại điểm giao nhau của đường thẳng 45˚ gần góc dưới bên trái của biểu đồ, và một cân bằng của sự tham gia cao tại điểm giao khác gần góc trên bên phải. Trong trường hợp trước chỉ những người ủng hộ vững vàng và vài người khác tham gia, còn trong trường hợp thứ hai, hầu như tất cả tham gia. Bất cứ điểm nào khác trên đường cong gây ra một động học lật (tipping) mà dẫn đến một trong hai điểm cân bằng kể trên. Tại đó nó ổn định.

Đường cong tham gia của một nhóm cũng có thể có hình thù giống Đường cong A trong Hình 2.3. Trong một trường hợp như vậy chẳng có ý nghĩa gì về việc kỳ vọng những sự động viên bởi vì, cho dù được kêu gọi, số người tham dự luôn luôn thấp hơn số được kỳ vọng (đường cong luôn ở dưới đường 45˚). Sự thất vọng kế tiếp theo sẽ làm nản lòng những người mà đã có thể xem xét việc tham gia trong tương lai. Tình huống thụ động này, tuy vậy, không nhất thiết chứng tỏ rằng dân cư bị kìm chặt bởi một cảm giác về tính hợp pháp liên quan đến tình hình được thiết lập – trong trường hợp này là sự gắn bó với chế độ độc tài – hay một sự biểu lộ ác cảm đối với những người tổ chức hoạt động, những người có thể, chẳng hạn, là những người phát ngôn cho một lựa chọn dân chủ khả dĩ mà cảm thấy có một mức độ đoàn kết nào đó. Vì lý do này, một ảnh hưởng từ bên ngoài nhóm mà dẫn đến sự hình thành một lõi nhỏ của các nhà hoạt động, hay thậm chí sự đến của vài người mới từ thành phố, công ty hay trường học khác, những người sẵn sàng vô điều kiện cho sự phục vụ tích cực ngay cả khi không có kỳ vọng nào về sự tụ hợp của họ sẽ thành công, có thể làm cho đường cong leo lên loại B, mà mức thấp nhất của nó bao gồm những người ủng hộ can đảm L. Ở đây, trong trường hợp xấu nhất, đạt được một cân bằng L’ mà trong đó chỉ một số nhỏ những người cảm tình tham gia cùng các nhà hoạt động. Hoặc, một sự động viên khổng lồ có thể xảy ra, vượt quá những kỳ vọng của các nhà tổ chức thậm chí lạc quan nhất, ở mức *r*.[[4]](#footnote-4)\* Một thành công có vẻ không thể giải thích được như vậy có thể được xem như một phần thưởng trời phú cho tính bướng bỉnh và sự bền chí. Thế nhưng một sự diễn giải thực tế hơn có thể là, dưới hoàn cảnh nhất định, thiểu số gan dạ đóng một vai trò làm tăng gấp bội giống như vai trò của những nhân tố kinh tế nào đó [công nghệ chẳng hạn] trong sản xuất.

Tuy vậy, cho dù cân bằng thứ hai này có đạt được, việc đưa ra những sự trả đũa dưới dạng của, chẳng hạn, sự sa thải các nhà hoạt động khỏi nơi làm việc hay trung tâm nghiên cứu nơi hành động đã xảy ra, hay việc cảnh sát bắt họ, có thể khiến tình hình quay lại như Đường cong A. Nhóm sẽ lại rơi vào tình trạng thụ động một lần nữa.

**CLAQUE VÔ ĐIỀU KIỆN**

Có thể lý thú để thảo luận những đặc trưng của những người mà tôi đã gọi là những người ủng hộ vô điều kiện hay gan dạ, và họ trở thành vậy thế nào. Chúng ta đang bàn về nguồn gốc của các chiến sĩ chống Francoist, một số người trong số họ đã biến hoạt động đối lập chính trị thành một cam kết đạo đức sai khiến sự hiến dâng vô điều kiện của họ, với một sự tận tâm thường đượm vẻ thần bí. Thế nhưng nhìn từ một quan điểm khác tổng quát hơn, họ cũng có thể được định nghĩa một cách khái quát như các nhà lãnh đạo hay các nhà khởi nghiệp (entrepreneur) chính trị.

Sự tồn tại của bộ phận lãnh đạo có thể khắc phục vấn đề ăn theo (free rider) mà khác đi sẽ làm nản lòng sự gánh vác bất kể hoạt động tập thể nào. Các nhà lãnh đạo là những người có khả năng điều phối các thành viên của một nhóm, dựng lên một tổ chức, thu thập các nguồn lực và bày tỏ những đòi hỏi của người dân – trong sơ đồ của chúng ta, là những người có mức ngưỡng *k* rất thấp. Lý do căn bản của mối quan hệ giữa các nhà lãnh đạo và những người đi theo nằm ở giả định rằng bản thân các nhà lãnh đạo nhận được sự thỏa mãn nào đó từ hoạt động, như quyền lực, uy tín và các cơ hội cho một sự nghiệp chính trị tương lai. Hiển nhiên rằng những phần thưởng này là không chắc chắn trong một chế độ độc tài. Cũng có thể giả định rằng, đối với một số người, quyết định để bắt đầu một hành động tập thể là một sự lựa chọn giữa hai cái xấu, vì việc là thụ động dưới một chế độ độc tài có thể kéo theo sự bị làm nhục hàng ngày và một cuộc sống hèn hạ. Cuối cùng, đối với một số người sự tham gia vào hoạt động tập thể có thể đáng giá theo lẽ phải riêng của nó, theo nghĩa rằng họ thích thú các hoạt động, mà hao tiền tốn của đối với những người khác, như những lợi ích thuần.

Trong thực tế, một số chiến sĩ chống Francoist đã là các cựu chính trị gia từ phía cộng hòa, bị đánh bại trong nội chiến và các nạn nhân của nhà tù và sự lưu đày, trong họ hoàn cảnh bất lợi đã duy trì sự phản kháng và chủ nghĩa tích cực chính trị hầu như không thể đảo ngược được.

Trong nhiều trường hợp khác, tuy vậy, các nhà hoạt động đã là các cá nhân hơi không nhạy cảm với rủi ro. Được định hướng theo tương lai, họ đặt giá trị thấp trên cái giá của những chi phí cơ hội hiện tại; tức là, mặc dù đã hình dung về việc còn xa mới đạt được các mục tiêu chính trị của họ, họ đã áp dụng một tỷ suất chiết khấu rất thấp hoặc thậm chí âm cho chúng. Có thể hiểu được rằng loại người này phải có rất nhiều giữa những người trẻ, vì họ chính xác là những người có một lượng lớn hơn cái có thể được gọi là “vốn thời gian tương lai”, hữu ích không chỉ cho việc làm giảm giá trị tương đối của những sự trả đũa mà họ chuốc lấy mà còn cả cho việc chấp nhận rằng phần thưởng cho hoạt động của họ được trao trong tương lai xa.

Nếu chúng ta cho phép một sự so sánh bất kính, sự giải thích vì sao những người trẻ có năng lực lớn hơn cho tính chiến đấu dưới những điều kiện bất lợi cũng đơn giản như sự giải thích vì sao những người lắm tiền có năng lực lớn hơn cho các khoản đầu tư mạo hiểm: bởi vì họ có những khoản dự trữ tiền dồi dào để đối mặt với những rủi ro của một sự thua lỗ tài chính. Một người trẻ hoặc, nói cách khác, ai đó có các khoản dự trữ các năm tương lai (vốn thời gian) dồi dào, cũng được trang bị tốt hơn để đối mặt với rủi ro của một sự thiệt hại như một giai đoạn thất nghiệp, sống bí mật, hay thậm chí một bản án tù, bởi vì người đó vẫn sẽ có thời gian muộn hơn để xây dựng lại cuộc sống của mình với sự dễ dàng lớn hơn một người đang tiến đến tuổi già hoặc thậm chí cái chết.

Cũng dễ hơn cho một người trẻ để cảm thấy được an ủi bởi hy vọng thực hiện một mục tiêu chính trị 10 đến 15 năm trong tương lai. Điều này là bởi vì người trẻ có thể hy vọng rằng mình vẫn còn sống và đủ khỏe để hưởng thành tựu của mình. Mặt khác, một người già hơn có thể cảm thấy rằng những hy vọng đặt vào tương lai xa không chắc mang lại cho mình một món lớn. Vì lý do này, những người già hơn có một sự ác cảm lớn hơn với rủi ro và chọn những mục tiêu ngắn hạn mà có thể dễ đạt được hơn.

Bản thân rủi ro có thể đưa đến một niềm vui thích nào đó. Như thế bất chấp những mặt hạn chế và thiếu thốn của cuộc sống của nhà hoạt động, bản thân hoạt động có thể được trải nghiệm một cách chủ quan như gây phấn khởi nếu nó kéo theo sự độc lập cá nhân, một phạm vi nào đó của óc sáng tạo và sáng kiến, tình bạn thân mật với những người khác có sở thích giống nhau, và các tính chất khác khó tìm thấy hơn trong hoạt động tuân thủ và thường lệ.

Sự hình thành và sự tăng lên của loại người này từ nhóm L có thể xảy ra theo hai cách khác nhau. Một mặt, một cân bằng của sự huy động mức thấp (L’ trong Đường cong B của Hình 2.3), tiếp theo bởi một sự đàn áp, có thể dẫn đến sự bức hại một số nhỏ những người cảm tình mà đã tham gia lực lượng của các nhà hoạt động ban đầu. Việc này biến những người cảm tình này thành các nạn nhân hay những kẻ chạy trốn và tạo ra sự đoàn kết với những người mà đã theo đời sống chiến sĩ.

Mặt khác, nó có thể là một quá trình, hạn chế chẳng hạn, đối với một nơi làm việc hay trung tâm nghiên cứu, mà trong thời gian đó đạt được một cân bằng của sự huy động lớn (r trong Hình 2.3). Việc này sẽ thúc đẩy một nhóm của những người được huy động để gia nhập nhóm lãnh đạo hay những người ủng hộ trung thành, làm cho đường cong trở thành loại C. Theo cách này, cân bằng ở mức huy động cao được củng cố,[[5]](#footnote-5)\* và các điều kiện được tạo ra để kháng cự một sự giảm các nhà hoạt động mà không có sự cần thiết nào cho phong trào để thoái lui. Điều này không nghi ngờ gì đã xảy ra trong những khu vực công nghiệp, đại học và thậm chí trong toàn bộ các thành phố và vùng nào đó ở Tây Ban Nha trong thời gian phát triển của các phong trào chống Francoist của các năm 1960 và 1970.

**NHỮNG HẠN CHẾ CỦA CHỦ NGHĨA CHỐNG FRANCO**

Các bình luận đã nêu ở trên không nhằm tâng bốc vai trò của thiểu số nhà hoạt động, mà đúng hơn để giải thánh hóa hình ảnh mà bản thân họ hay có về sứ mạng của mình và mà một số người vẫn bám lấy. Thực ra, đối với nhiều người mà đã chịu đựng thời kỳ Franco với sự nhẫn nhục và muộn hơn đã đi theo dân chủ, bước đi từ sự thụ động sang hoạt động tập thể đã không phải là kết quả của ảnh hưởng và tác động làm tăng gấp bội của một cái lõi chiến sĩ, mà đúng hơn là một sự thay đổi cá nhân về số tới hạn (ngưỡng) của họ, hay một sự đánh giá chủ quan mới về cái họ xem là một phong trào đủ “lớn” để biện hộ sự tham gia của họ. Sự thay đổi thái độ này đã được điều kiện hóa bởi một sự nhận thức thuận lợi hơn về những cơ hội thành công của hoạt động, và một sự rủi ro thấp hơn của sự tham gia, được đỡ, có thể nói như vậy, bởi một quá trình thực tế của tình trạng đổ nát tiếp sau cái chết của nhà độc tài, sự suy sụp tăng dần của chế độ và một sự dịu đi của sự đàn áp. Tóm lại, đã có niềm tin gia tăng vào dân chủ và sự mất niềm tin vào chủ nghĩa Franco, đi cùng với giảm bớt sợ hãi chế độ độc tài; tức là một nền tảng thực tế hơn của hy vọng thay đổi và một sự suy giảm thật của tính nghiêm trọng của những sự trả đũa.

Trên thực tế đã có hai quá trình lật (tipping) đồng thời và bổ sung cho nhau. Một mặt, sự trào dâng của số những người chống-Francoist đã đập mạnh vào những hy vọng về tính liên tục của các Francoist. Mặt khác, sự trở mặt của những người sau đã nuôi dưỡng chủ nghĩa chống Franco cho đến khi hoạt động gia tăng của phe đối lập cuối cùng đã khiến những con chuột rời bỏ chiếc tàu đang chìm và một sự ca tụng dân chủ phổ biến xảy ra.

Quay trở lại Bảng 1.1, chúng ta có thể nói rằng cho việc hình thành các thứ tự sở thích và những sự thay đổi từ một cột sang cột khác, mỗi trong sáu nhóm người đã ảnh hưởng các nhóm khác, và tất cả chúng (mặc dù các Cột tối đa chủ nghĩa 1 và 6 có lẽ ở mức độ ít hơn) đã bị ảnh hưởng bởi phần còn lại.

Với một cách tiếp cận cá nhân chủ nghĩa như vậy đến hoạt động tập thể như chúng ta đưa ra ở đây, bõ công giải thích vài khía cạnh đặc trưng của các phong trào chống Francoist.

Trước hết, có vẻ có logic rằng các đặc trưng như khuynh hướng thiên về rủi ro và sự định hướng tới tương lai, mà chúng ta đã nhắc tới trong việc định nghĩa các nhà khởi nghiệp chính trị hay những người ủng hộ trung thành của một hoạt động, đã được biểu lộ qua những hệ tư tưởng đưa ra những dự án phi thực tế và không tưởng cho tương lai. Những đặc trưng này lúc đó được tăng cường bởi một niềm tin hầu như tôn giáo vào sự nghiệp, như được thấy trong một chủ nghĩa Marx tin vào thời đại hoàng kim nào đó và một đạo Công giáo hy vọng tiến bộ vĩnh viễn, mà đã trở nên tương đối phổ biến giữa các thiểu số chiến đấu. Những khuynh hướng này kết nối với chủ nghĩa tối đa về thứ tự các sở thích của Cột 1 của Bảng 1.1. Cũng có thể hiểu được là sự ưu thế của những người trẻ, minh họa cho tuyên bố được cho là của Willy Brandt về trái tim cách mạng của người 20 tuổi và bộ óc bảo thủ của người 50 tuổi. Tuy vậy, theo các biểu đồ của chúng ta, cả hai sự chọn lựa có thể được xem như các sản phẩm của những tính toán logic.

Thứ hai, có thể giải thích những nhận thức hết sức chủ quan về các nhóm đối lập có tổ chức khi đánh giá bề rộng và sức mạnh của bản thân phong trào, dựa vào sự phụ thuộc của sự tham gia thực tế trong hoạt động, vào những kỳ vọng về tác động có thể của nó. Sự nói dối có hệ thống và phóng đại về số những người tham gia một cuộc meeting hay hội họp, những người đình công và biểu tình đã trở thành thường lệ. Xu hướng này thực ra đặc trưng cho tất cả các phong trào xã hội, ngay cả những phong trào hoàn toàn hợp pháp, căn cứ vào sự phụ thuộc chiến lược của nhiều quyết định cá nhân cho việc hành động hay không. Còn những lời đồn đại về những xung đột nội bộ thực hay tưởng tượng bên trong chế độ Franco và những tiên đoán lặp đi lặp lại về sự sụp đổ sắp xảy ra của chế độ độc tài cũng đã làm tăng nhận thức chủ quan về những cơ hội thành công của hoạt động, cũng như sự tham gia vào nó.

Thứ ba, những khám phá giải tích khác nhau được nhắc tới ở trước cho phép một sự hiểu kỹ hơn về toàn cảnh phức tạp và đa dạng của các phong trào chống Francoist, được khảo sát theo sự phân bố xã hội và lãnh thổ của chúng. Đã có những khu vực lớn thụ động đối với chế độ độc tài, mà muộn hơn đã tự bộc lộ – ngay cả tại các cuộc bầu cử – như rõ ràng thuộc phái tả. Những thứ này nhìn lại đã có thể được diễn giải như phản ánh một tình trạng mà được trình bày bởi Đường cong A trong Hình 2.3. Đã cũng có những cuộc nổi dậy mà có vẻ hầu như tự phát hoặc được kích động bởi các nhóm rất nhỏ. Những thí dụ là cuộc tẩy chay tàu điện Barcelona năm 1951, hay các cuộc đình công địa phương ngắn và mãnh liệt như các cuộc ở các thành phố công nghiệp Galician El Ferrol năm 1970 và Vigo năm 1972. Những hoạt động này đã không có tính liên tục rõ ràng nào, đã cũng chẳng tiếp theo bởi một sự đảo ngược cơ bản nào khi xung lực ban đầu đã mất dần hoặc một nhúm chiến sĩ dù bị giải tán. Những thay đổi này vì thế phù hợp, một cách tương ứng, với cân bằng r trong Đường cong B và với đường Cong A, trong Hình 2.3. Cũng đáng nhắc tới là nhiều hạt nhân của các chiến sĩ đã tận tụy để truyền bá sự tuyên truyền và sự kết nạp mà đã không dẫn đến hành động đại chúng, theo kiểu của cân bằng L’. Ngược lại, những người cảm tình đã ngày càng được thu hút đến các nhóm ban đầu hơi lớn hơn (tuy không đến mức nhiều) như những người Cộng sản hay những người xứ Basque ly khai và, sau một điểm nào đó đã tăng tốc bởi phương tiện của một quá trình tipping (lật), đã trở thành những chiến sĩ hay những người ủng hộ vô điều kiện. Cuối cùng, một số tiêu điểm của sự động viên bền bỉ trong các năm 1960 và 1970 có thể được miêu tả bởi đường Cong C trong Hình 2.3. Những thí dụ về tình trạng náo động như vậy đã có thể thấy trong các mỏ vùng Asturia, các đại học Madrid và Barcelona, các khu vực lớn của xứ Basque tiếp theo các cuộc phản kháng chống lại phiên tòa quân sự xử một nhóm những người ly khai hung tợn (các thành viên của ETA) được tổ chức tại Burgos năm 1970, và các phong trào công nhân trong những khu vực công nghiệp nhất định như tai Hạ Llobregat ở Catalonia.

Nhìn chung, chủ nghĩa chống Franco đã được đặc trưng bởi sự thiếu tính liên tục và, như đã được nhắc tới ở chương trước, bởi sự bất lực toàn diện của nó để áp đặt một sự thay đổi chế độ. Như thế các số thống kê đình công hàng năm cho toàn Tây Ban Nha đã chẳng bao giờ đạt 2% của dân cư lao động cho đến 1973 (trừ năm 1970 vì số lớn các cuộc đình công ở Xứ Basque). Ngoài ra, một khi các truyền thống Cộng hòa, Xã hội chủ nghĩa và Vô chính phủ đã bị kiệt sức trong giai đoạn sau nội chiến, trong nhiều năm chỉ những người Cộng sản đã duy trì một chủ nghĩa tích cực có tổ chức liên tục mặc dù toàn bộ gồm có chỉ vài ngàn chiến sĩ. Đã chỉ sau sự ám sát Thủ tướng của Franco, Luis Carrero-Blanco, bởi những kẻ khủng bố Basque trong tháng Mười Hai năm 1973, mà một xung lực mới được cảm thấy bởi các nhà Xã hội chủ nghĩa truyền thống và các nhà Dân tộc chủ nghĩa ôn hòa xứ Basque, trong khi các nhóm mới đã hình thành giữa các nhà Dân tộc chủ nghĩa Catalan. Nhìn chung, phe đối lập đã không có lực lượng được thống nhất, được phối hợp và có quy mô lớn có khả năng lật đổ chế độ độc tài. Tướng Franco đã chết trên giường, đầy các ống, sau một cơn đau cực độ dài và ác nghiệt, trong tháng Mười Một, 1975.

Tất cả những hạn chế này đã không ngăn cản những mức mới của các cuộc đình công, những người đình công so sánh được với các mức của những năm 1920 và 1930, khỏi sự xuất hiện, bắt đầu từ 1974. Một sự tham gia cao trong những hoạt động thuộc loại này đã đạt được trong năm 1976, tác động đến 20% dân cư lao động. Tại lúc đó đã có một trạng thái phởn phơ về huy động và hợp nhất. Cũng đã có một sự mở rộng nhanh và sự luân chuyển các elite dân chủ mà đã dẫn đến sự đặt sang bên lề và sự tái sinh của các nhóm cũ và các chiến sĩ bí mật và việc giữ vai trò chính của nhiều người mới đến trong việc hình thành một giai cấp chính trị mới cho thời đại hậu Franco.

Không nghi ngờ gì, tất cả việc này đã là sự mở rộng quan điểm dân chủ lờ mờ của các khu vực dân cư rộng mà, như chúng ta đã nhắc đến rồi, hẳn đã phải âm ỉ rồi trong xã hội Tây Ban Nha. Quan điểm dân chủ đã không được ứng biến đột ngột. Đúng hơn, nó đã thấy sự biểu lộ rộng đầu tiên của nó một khi rủi ro đã giảm đi, và xác suất đạt được các mục tiêu mong đợi đã tăng lên. Khi ấy đã là quá muộn cho phong trào này để áp đặt một lựa chọn dân chủ khả dĩ, dựa vào sức mạnh của chính nó, vì “kế hoạch kế vị” của chế độ đã có kết quả và nền quân chủ đã được thiết lập. Tuy vậy, đã vẫn có thời gian, để mang lại sự thay đổi chính trị. Phong trào đã có được tầm quan trọng đủ để buộc nhà Vua và các chính trị gia Francoist loại bỏ chủ nghĩa liên tục và đã tiến hành một cải cách chế độ, tìm loại thỏa hiệp nào đó với phe đối lập.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Một số sơ đồ cơ bản và thí dụ về các trò chơi “tipping” đã được lấy từ Thomas C. Schelling (1978), *Micromotives to Macrobehavior*, New York: W. W. Norton, đặc biệt các trang 91-110 và 139-241, Bất chấp một sự tán thành rộng về tính độc đáo và tính hữu dụng của các sơ đồ của Schelling, chúng đã ít được sử dụng cho những phân tích ứng dụng. Theo hiểu biết của tôi những ngoại lệ là những ứng dụng của Adam Przeworski, “Some Problems in the Study of the Transition to Democracy” (trong Guilermo O’Donnel, Phillipe C. Schmitter and Laurence Whitehead (eds.) (1986), *Transition from Authoritarian Rule,* Baltimore: the Johns Hopkins University Press, Book 3), và Denis Chong (1991), *Collective Actions and the Civil Rights Movement,* Chicago: Chicago University Press, p. 109-19. Trong cuốn sách này, tôi đã đưa thêm một đồ thị và vài thí dụ mới vào các sơ đồ và thí dụ của Schelling, và đã ứng dụng một cách đổi mới sáng tạo lập luận cho sự phân tích các phong trào chống Francoist.

Ý tưởng về sự tham gia như sự gây phấn khởi tự nó đã được Albert O. Hirschman phát triển (1982), *Shifting Involvements. Private Interest and Public Action,* Princeton: Princeton University Press.

Tôi đã mô hình hóa sự tương tác giữa các nhà lãnh đạo và những người đi theo một cách tổng quát hơn, sử dụng sơ đồ cơ bản của trò chơi “Battle of the Sexes – Cuộc đấu tranh của các Giới”, trong bài báo của tôi Josep M. Colomer (1995), “Leadership Games in Collective Action”, *Rationality and Society*, **7**, 3.

Dữ liệu định lượng về sự tham gia trong các phong trào chống Francoist có thể tìm thấy trong José M. Maravall (1978), *Dictatorship and Political Dissent: Workers and Students in Franco’s Spain*, New York: St. Martin’s Press. Những chi tiết và nguồn nhiều hơn có thể thấy trong cuốn sách của tôi, Colomer (1985), *La Ideologia de l’Antifranquism*, Barcelona: Edicions 62, đặc biệt các Chương 1, 5 và 8.

# Một cái Bẫy Sadducean

Một khi đã được xác nhận như Vua Tây Ban Nha trong tháng Mười Một 1975, Juan Carlos đã bổ nhiệm Thủ tướng cuối cùng của Franco, người theo đường lối liên tục Carlos Arias-Navaro, làm Thủ tướng. Bất chấp việc bao gồm một số bộ trưởng cải cách và mở cửa, như Phó Thủ tướng Manuel Fraga, chính phủ này đã thất bại hoặc để đạt được một thỏa thuận với những người theo đường lối liên tục mà chi phối quyền lực *de facto (trên thực tế),* hay để khắc phục sự đối đầu với phe đối lập theo đường lối đoạn tuyệt. Với những người liên tục và những người cực đoan cố thủ trong các định chế Francoist ở một bên, các nhà mở cửa và các nhà cải cách cùng nhau nhưng bất đồng ý kiến bên trong chính phủ ở bên kia, và phe đối lập được tập hợp lại với nhau với một cương lĩnh nhất thể và bắt đầu huy động dân chúng liên tục ở một bên nữa, mỗi nhóm đã duy trì chiến lược trội (dominant) của mình: một cách tương ứng, liên tục, cải cách và đoạn tuyệt. Vì vậy, chẳng lựa chọn chính trị khả dĩ nào đã đủ mạnh để thắng thế.

Vào tháng Sáu 1976, Vua Juan Carlos đã bình luận cho tạp chí Mỹ *Newsweek* rằng Thủ tướng Chính phủ Arias đã là “một tai họa không nao núng” và đã thử thay thế ông bằng ai đó được trang bị tốt hơn để lái cuộc cải cách chế độ độc tài tới một chế độ dân chủ.

Theo các quy tắc trò chơi thời ấy, một khi Thủ tướng Chính phủ bị cách chức, thì Hội đồng Vương quốc phải giới thiệu cho Quốc trưởng một danh sách gồm ba ứng viên để [nhà Vua] chọn. Vào hai dịp trước mà quy tắc này đã được áp dụng, trong tháng Sáu và tháng Mười Hai 1973, việc này đã chỉ là hình thức, vì các thành viên Hội đồng Vương quốc đã trung thành tuân theo ý muốn của nhà độc tài mà, tình cờ, đã ít khác với ý muốn của riêng họ. Vào cả hai dịp, các tên mà Franco đã đòi hỏi (Đô đốc Carrero Blanco và Arias-Navaro, một cách tương ứng) đã được bao gồm trong bộ ba ứng viên. Tuy nhiên, nếu giả như các thành viên Hội đồng đã biết ý muốn của nhà Vua để chỉ định một nhà cải cách, rất có khả năng rằng đa số đã không chấp nhận chỉ thị và đã phủ quyết ý muốn hoàng gia.

Nhằm để đạt được các mục tiêu của mình, Vua Juan Carlos đã chấp nhận đề xuất của Chủ tịch của Hội đồng Vương quốc và của Cortes (Quốc hội), Torcurato Fernández-Miranda, để bổ nhiệm Adolfo Suárez như Thủ tướng Chính phủ, vì đây đã là ứng viên mà Chủ tịch Hội đồng cảm thấy đã có thể được giới thiệu trong bộ ba bằng phương tiện của một hệ thống bỏ phiếu thích hợp. Căn cứ vào những sở thích ác cảm của đa số các thành viên Hội đồng bỏ phiếu liên quan đến ý muốn cải cách của nhà Vua, nhiệm vụ của Fernández-Miranda như thế đã bao gồm việc nghĩ ra một phương sách bỏ phiếu tinh vi có khả năng tạo ra một loại kết quả khác với kết quả giả như đã nhận được bằng một thủ tục tiêu chuẩn hơn.

Như lý thuyết lựa chọn xã hội đã cho thấy một cách rộng rãi, tầm quan trọng của các thủ tục bỏ phiếu nằm trong năng lực của chúng để tạo ra những kết quả khác nhau từ một nhóm ổn định của những người bỏ phiếu có cùng các sở thích về các lựa chọn khả dĩ được đệ trình cho họ. Trong các định chế Francoist, các quy tắc quyết định và các thủ tục bỏ phiếu đã thường bí mật, và trên thực tế khá vô dụng bởi vì các quyết định đã thường được đưa ra hay được chấp nhận theo cách nhất trí và im lặng từ trên đỉnh xuống dưới. Nhưng chính xác là sự thiếu này về truyền thống sử dụng các quy tắc bỏ phiếu và đánh giá các kết quả của chúng đã là cái cho phép những người điều khiển thông minh nào đó, như Torcurato Fernández-Miranda được nhắc tới ở trên, để thao tác (thao túng-manipulate) các thủ tục cho những mục đích khác nhau tại những bước khác nhau của quá trình chuyển đổi.

Vào dịp cốt yếu chúng ta đang nói đến, phương sách được sử dụng bởi Chủ tịch Hội đồng Vương quốc đã là việc đưa ra một chiều mới cho việc phân loại và phân nhóm các lựa chọn khả dĩ sẵn có trong những tập con khác nhau để được bỏ phiếu một cách tách biệt. Là quan trọng để nhớ rằng việc bỏ phiếu của các thành viên Hội đồng đã phải tạo ra không phải một mà là ba người thắng, mà từ đó muộn hơn nhà Vua sẽ chọn một. Bằng cách phân nhóm các ứng viên vào ba tập con, phạm vi của các lựa chọn khả dĩ sẵn có để chọn tại mỗi vòng [bỏ phiếu] đã giảm đi. Việc này hiển nhiên đã tạo thuận lợi cho các ứng viên nào đó mà có thể đã không là người thắng cuộc trong một cuộc bỏ phiếu kết hợp giữa tất cả các ứng viên.

**MỘT THỦ TỤC CÓ NGHỆ THUẬT**

Hội đồng Vương quốc chính thức đã được hình thành từ hai nhóm các thành viên Hội đồng, theo cách mà họ đã được chỉ định. Một số đã là thành viên bởi vì chức vụ của họ, mà đến lượt lại được quyết định bởi cái gật đầu của người đứng đầu, còn những người khác đã được chỉ định bởi các định chế chính thức và các công ty nhất định theo các nguyên tắc của “nền dân chủ hữu cơ”. Tuy vậy, không ai đã được bầu một cách dân chủ dựa trên cơ sở cạnh tranh. Vì thế, điều này đã có nghĩa rằng đa số các thành viên Hội đồng đã được chỉ định trực tiếp hay gián tiếp bởi sự giật dây, và tất cả ở bên trong các giới hạn của sự trung thành với chủ nghĩa Franco.

Cấu tạo cụ thể của Hội đồng trong tháng Bảy 1976, đã như sau: bởi chức vụ, hai thành viên của quân đội (Carlos Fernádez-Vallespín và Angel Salas-Larrazábal), một giám mục (Pedro Cantero-Cuadrado), Chánh án Tòa án Tối cao (Valentín Silva-Melero) Chủ tịch Hội đồng Nhà nước (Antonio María de Oriol y Urquijo) và Chủ tịch Viện Tây Ban Nha (Manuel Lora-Tamayo); cho các định chế chính thức và các công ty, đã có hai từ Hội đồng Quốc gia của Phong trào (José-Antonio Girón de Velasco và Miguel Primo de Rivera), hai cho Tổ chức Nghiệp đoàn (Dionisio Martín-Sanz và Luis Alvarez-Molina), một cho các chính quyền địa phương (Juan-María Araluce-Villar), hai người đại diện hay thành viên của Cortes (Quốc hội) đại diện các gia đình (Joaquín Viola-Sauret và Enrique de la Mata Gorostizaga), một cho Phòng Thương mại và Công nghiệp (Iñgo Oriol-Ybarra), và một cho các đại học (Angel Golzález-Alvarez). Ngoài Chủ tịch tổng cộng có tất cả 15 thành viên.

Các thành viên Hội đồng này đã có thể phân biệt được không phải bởi nguồn gốc của sự chỉ định chức vụ của họ mà bởi thiên hướng chính trị của họ. Theo sự khái niệm hóa được tóm tắt trong Bảng 1.1, đã có một đa số theo đường lối liên tục, một thiểu số cực đoan và một thiểu số mở cửa. Hai nhóm đầu tiên có thể hiểu được đã muốn Thủ tướng mới của Chính phủ là một người trung thành đã được thử thách với chế độ, dựa trên nguyên tắc số một của các bộ trưởng trước kia của Franco. Thiểu số mở cửa thiên về ai đó mà, cho dù đã không là bộ trưởng của nhà độc tài, đã là bộ trưởng của nhà Vua dưới chính phủ của Arias-Navaro. Có thể đoán chừng, tuy vậy, rằng một trong những cựu bộ trưởng của Arias, nhà cải cách José-María de Areilza, người được ưa thích nhất giữa phe đối lập dân chủ và hầu hết báo giới, sẽ bị Hội đồng loại bỏ thẳng thừng. Chính Juan Carlos đã bảo ông: “Tôi muốn ông làm Thủ tướng tiếp theo của Chính phủ. Tuy nhiên, với Hội đồng Quốc vương này, sẽ là không thể. Tocurato sẽ không có khả năng làm bất cứ thứ gì.”

Tocurato sau đó đã đề xuất Suárez, bởi vì, bất chấp việc đã chứng tỏ một cách công khai xu hướng cải cách của mình vào những dịp nào đó, ông đã đến từ một tầng lớp Falangist, đã là Tổng Thư ký và Bộ trưởng của Phong trào, đảng Francoist duy nhất, và Chủ tịch của một hội chính thức được biết đến như Liên minh Nhân dân Tây Ban Nha. Đối với đa số thành viên Hội đồng, ông đã hầu như không bị nghi ngờ. Mặt khác Suárez, đã ít nổi tiếng hơn các cựu bộ trưởng khác, và như thế tên ông đã không bị tiếng đồn và cũng đã chẳng xuất hiện trên các danh sách những người được ưa chuộng nhất do báo chí đưa ra. Kích động ít sự cự tuyệt hơn, ông đã có thể dọn đường của mình một cách riêng rẽ vào một bộ ba.

Torcurato Fernández-Miranda đã nổi bật rồi như là người có khả năng lôi kéo (manipulate) cả người và từ ngữ. Có lẽ nổi tiếng nhất trong nhiều viên ngọc quý ngữ nghĩa của ông đã được dùng trong một bài phát biểu trước Cortes năm 1972 mà trong đó ông đã kháng cự việc bắt buộc mình phải là người ủng hộ hay phản đối việc cho phép các hiệp hội chính trị. “Nói ‘có’ hay ‘không’ đối với các hiệp hội chính trị”, ông đã khẳng định, “là một cái bẫy Sadducean, vì nếu tôi phủ nhận bất cứ cái gì, tôi làm vậy bởi vì những gì tôi đã tuyên bố trước dẫn tôi đến những sự phủ nhận chi tiết mà định hình và xác định tuyên bố mà tôi ủng hộ”. Khi nhà Vua nghe Fernández-Miranda nhắc đến tên của Suárez, thoạt đầu ông đã ngạc nhiên, nhưng, suy ngẫm có lẽ về những tiền lệ này, ông đã tin vào tài năng của người đối thoại với ông.

Cuộc họp của Hội đồng Quốc vương để rút thăm ra một bộ ba ứng viên cho chức Thủ tướng để trình cho nhà Vua Juan Carlos đã được tổ chức vào ngày 3 tháng Bảy 1976.

Phải nhớ lại rằng, đối với Fernández-Miranda, mục tiêu đã không phải là ứng viên được che giấu thực sự thắng cuộc bỏ phiếu, mà đúng hơn là ông ta ở bên trong ba người đầu tiên theo thủ tục bỏ phiếu nào đó. Như đã nhắc tới, sự tinh vi của Chủ tịch Hội đồng cho việc đạt được điều này đã gồm việc lập ra ba nhóm ứng viên – một số bằng với số ứng viên phải được chọn – và để họ bỏ phiếu tách biệt nhau. Bằng cách này, Suárez, người đã không ở bên trong ba người đầu tiên trong bất cứ sự bỏ phiếu chung nào cho bộ ba, có thể thực sự là người thắng cuộc trong một trong ba nhóm này.

Đó chính xác là cái đã xảy ra. Fernández-Miranda đã làm các thành viên Hội đồng ngạc nhiên đầu tiên bằng việc chẳng đưa ra bất cứ hướng dẫn nào cả, thay vào đó yêu cầu họ lập ra một danh sách rộng của các ứng viên khả dĩ theo lựa chọn riêng của họ. Trước khi việc bỏ phiếu được tiến hành, một danh sách sơ bộ gồm 32 tên đã được giảm xuống còn 19 bởi sự đồng thuận của các thành viên Hội đồng.

Chủ tịch khi đó đã phân loại 19 tên đó theo “các gia đình” ý thức hệ bên trong chủ nghĩa Franco, chính xác là ba – “Công giáo”, “Kỹ trị” và “Falangist” – lập luận rằng phải có chủ nghĩa đa nguyên ý thức hệ bên trong ba người được chọn. Một sự phân loại như vậy hầu như không là một chiều kính quan trọng về chính trị, nhưng nó đã đem lại một sự chọn lọc các ứng viên được kỳ vọng bởi người điều khiển. Trên thực tế các “gia đình” – như chính tên gọi gợi ý – đã không là các nhóm được xác định bởi sự trung thành chính trị mà bởi bối cảnh lịch sử và các mối quan hệ cá nhân. Trong thời thoái trào của sự cai trị của Franco, người ta có thể bắt gặp các nhà cực đoan, liên tục, mở cửa và cải cách trong một “gia đình” ý thức hệ.

Thí dụ, giữa những người *Công giáo* (các thành viên của Hội Công giáo Quốc gia của các nhà Tuyên truyền), người ta có thể tìm thấy vài ứng viên được ưa thích bởi những người mở cửa, như Alfonso Osorio, và các ứng viên khác được ủng hộ bởi những người liên tục, như Federico Silva-Muñoz.

Giữa các *nhà kỹ trị* (nơi người ta có thể tìm thấy đa số những chính trị gia Francoist thuộc Opus Dei, nhưng cả những người khác khó phân loại), đã có các nhà cải cách như José M. de Areilza và Leopoldo Calvo-Sotelo, các nhà mở cửa như Manuel Fraga, và các nhà liên tục như Gregorio Lospez-Bravo và Gonzalo Fernández del la Mora.

Giữa các *Falangist,* người ta đã phải tính đến đa số các nhà liên tục và cực đoan như Licinio de la Fuente, José García-Hernádez và Alejandro Rodríguez de Valcárcel. Thế nhưng thi thoảng cũng đã có nhà cải cách, như Adolfo Suárez.

Sau khi đã không cho lời giải thích nào về thủ tục sắp xảy ra, Fernández-Miranda đã yêu cầu Hội đồng bỏ phiếu 19 ứng viên từng người một, theo đa số đơn giản, loại bỏ những người không đạt hơn một nửa số phiếu. Bằng cách này, một cách logic một số ứng viên bị đa số theo đường lối liên tục loại ra, trong đó có những người được các thiểu số mở cửa và cực đoan ưa thích nhất. Mà bằng cách làm như vậy, Chủ tịch đã không gây ấn tượng nào về việc gây áp lực lên sự bỏ phiếu mà đã thỏa mãn cả các thành viên Hội đồng lẫn cho phép ông lọc ứng viên của mình qua theo một cách riêng rẽ hơn.

Cuối cùng, và theo phương pháp của ông, có một ứng viên cho mỗi “gia đình”. Và như thế ông kiến nghị rằng ba sự bỏ phiếu cuối cùng được tiến hành theo từng cặp ứng viên, mà có nghĩa là, sự bỏ phiếu tách biệt cho mỗi “gia đình”.

Như có thể được hiểu một cách dễ dàng, tất cả mọi thứ đã dựa vào hy vọng rằng Suárez, được bao gồm trong nhóm các ứng viên của “gia đình” Falangist, sẽ ít bị đa số từ chối hơn các Falangist cực đoan khác, và nổi lên không bị thách thức từ việc bỏ phiếu. Thực ra, chỉ một thành viên Hội đồng, nhà cực đoan Martín-Sanz, đã lên tiếng trong phiên để bày tỏ sự lo ngại của ông rằng “một Suárez nào đó” đã lọt qua dễ dàng tất cả các vòng bỏ phiếu. Đã chỉ có một trường hợp bác bỏ rõ ràng, đó là của dân biểu của Cortes và thị trưởng Barcelona, Joaquín Viola, người đã tuyên bố: “Mặc dù tôi cư trú ở Catalonia, tôi đến từ Cebreros [nơi sinh của Suárez], và tôi biết người trẻ này rất kỹ”. Ông đã không bỏ phiếu cho Suárez vì lý do này. Về logic, một thủ tục như vậy đã cho phép các ứng viên khác, không chê trách được, nhưng không thích đáng tiến lên trong sự bỏ phiếu, như Alfonso Alvarez-Miranda theo công giáo.

Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng đã thành công trong việc gây nhầm lẫn cho những người hiện diện, không chỉ bởi một phiên ba giờ rưỡi liên tục của vô số các cuộc bỏ phiếu, mà cùng bằng sự thêu dệt rằng bản thân ông đã không thấy trước tất cả các bước thủ tục và vì tính trung lập của mình ông đã quyết định không bỏ phiếu,

**SỰ BỎ PHIẾU**

Sẽ rất khó để biết chắc các thứ tự sở thích đầy đủ của những người bỏ phiếu của Hội đồng Quốc vương liên quan đến tất cả các ứng viên tiềm năng. Như thế tôi sẽ được hướng dẫn bởi các sở thích từng phần “được tiết lộ” bởi sự bỏ phiếu thực của họ (giả định rằng những sự bỏ phiếu này là chân thật). Phải tính đến rằng toàn bộ thông tin chính thức về bỏ phiếu đã là bí mật, và những gì đã được công bố – kể cả những tường thuật của một số người tham gia và những lời chứng mật – là một phần và không thoát được mâu thuẫn. Vì lý do này tôi đã phải chọn cái mà có vẻ tin cậy nhất và được kiểm chứng. Những trật tự sở thích mà tôi gán cho những người bỏ phiếu là mang tính giả thuyết nhưng rất đáng tin, vì chúng trùng với những sở thích và thái độ chính trị được biết kỹ của các thành viên Hội đồng và nhất quán với dữ liệu sẵn có về những lá phiếu riêng biệt nào đó và những kết quả thực tế của sự bỏ phiếu. Những sự thay đổi rất nhỏ sẽ là đủ để giải thích những kết quả khác rất nhỏ của sự bỏ phiếu được biên soạn bởi các nguồn khác.

Tôi sẽ tự hạn chế mình chỉ ở một ít ứng viên. Một mặt, những nhà cải cách và mở cửa được chỉ định mà tên của họ đã xuất hiện thường xuyên nhất trên báo chí và được đồn như rất có thể là những người thắng cuộc, nhưng chẳng bao lâu đã bị loại trong việc bỏ phiếu: José-María de Arielza và Manuel Fraga, cả hai đã là cựu bộ trưởng của nhà Vua. Mặt khác, sáu người mà đã đạt đến vòng bỏ phiếu cuối cùng: Gregorio López-Bravo, Golzalo Fernández de la Mora, Federico Silva (cả ba đã là cựu bộ trưởng của Franco); Alejandro Rodríguez de Valcárcel, người đã là Chủ tịch Cortes vào lúc nhà độc tài chết và đã bắt nhà Vua thề trung thành với các giáo lý của chủ nghĩa Franco, nhưng là người đã bị bệnh nghiêm trọng và vì thế đã không được coi là một đối thủ nghiêm túc (thực ra ông đã chết sau đó không lâu); và hai ứng viên ít được biết đến hơn, Adolfo Suárez và Alfonso Alvarez-Miranda.

Dựa vào những thành tích, sự nghiệp và tuyên bố trước của họ, năm người đầu có thể được xếp theo một thứ tự trải từ cải cách, mở cửa, liên tục và cực đoan (hay từ trung hữu đến cực hữu) theo cách sau đây:

Arielza, Fraga, López-Bravo, Fernández de la Mora, Silva.

Nhà cải cách Arielza đã là một bộ trưởng của nhà Vua, nhà mở cửa Fraga đã là một bộ trưởng của cả Franco lẫn nhà Vua, còn ba người theo đường lối liên tục López-Bravo, Fernández de la Mora và Silva đã là các bộ trưởng của Franco.

Chúng ta hãy giả định rằng các thành viên Hội đồng đang bỏ phiếu đã có những sở thích mạch lạc theo chiều thích đáng được nói rõ ở trước: cải cách–mở cửa–liên tục–cực đoan, cho nên các ứng viên được sắp xếp giống thế này:

Những người mở cửa trước hết thích các bộ trưởng của nhà Vua, bắt đầu với người ôn hòa nhất; và ở vị trí thứ hai là các nhà liên tục (các cựu bộ trưởng của Franco theo thứ tự đi xuống đến cực hữu); các ứng viên khác được cho là không thích hợp, như Suárez, Rodríguez de Valcárcel ốm yếu và Alvarez-Miranda hầu như không được biết đến, bị hạ xuống hàng đằng sau.

Những người theo đường lối liên tục, mặt khác, trước hết thích các cựu bộ trưởng của Franco, theo thứ tự xuống đến cực hữu, trao vị trí thứ hai cho các cựu bộ trưởng của nhà Vua. Họ cũng đã đặt các ứng viên khác được cho là không thích đáng theo thứ tự được nhắc tới ở trên, ngoại trừ Viola, mà, như tôi đã nhắc tới, đã đặt Suárez xuống vị trí cuối cùng.

Những người cực đoan trước hết thích các ứng viên cực hữu, và thậm chí có thể những người khác. Giữa các ứng viên được cho là không thích đáng, họ thích Rodríguez de Valcárcel do sự giống nhau về ý thức hệ bất chấp bệnh tật của ông.

Như thế, hình thành Bảng 3.1.

Hãy quan sát rằng, trong khi có các ứng viên cải cách, mở cửa và liên tục, còn giữa các thành viên Hội đồng bỏ phiếu đã có những người theo đường lối mở cửa, liên tục và cực đoan. Tuy nhiên, bất chấp sự thiếu những người bỏ phiếu theo đường lối cải cách, thủ tục bỏ phiếu đã được trù tính một cách thích hợp để chọn một trong các ứng viên cải cách.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Bảng 3.1: Sở thích của các thành viên Hội đồng Quốc vương đối với các ứng viên cho chức Thủ tướng* | | | | |
| Người bỏ phiếu: | Các nhà mở cửa | Các nhà liên tục | | Các nhà cực đoan |
|  | 5 | 7 | 1  (Viola) | 2  (Girón, M. Sanz) |
| Ưa thích nhất | Fraga | López-Bravo | López-Bravo | Silva |
|  | Areilza | Fdez.,-Mora | Fdez.,-Mora | Fdez.,-Mora |
|  |  | Silva | Silva | López-Bravo |
|  | (…) | (…) | (…) | (…) |
|  | López-Bravo | Fraga | Fraga | Fraga |
|  | Fdez.,-Mora | Areilza | Areilza | Areilza |
|  | Silva |  |  |  |
|  | (…) | (…) | (…) | (…) |
|  | Suárez | Suárez | Rdz,. Valcárcel | Rdz,. Valcárcel |
|  | Rdz,. Valcárcel | Rdz,. Valcárcel | Alvez.,-Miranda | Suárez |
| Ít ưa nhất | Alvez.,-Miranda | Alvez.,-Miranda | Suárez | Alvez.,-Miranda |
|  | (…) | (…) | (…) | (…) |
| Lưu ý: Các dấu chấm lửng cho biết khả năng của những ứng viên khác. Đây là những thứ tự sở thích cho mỗi [nhóm] người bỏ phiếu; chúng không ngụ ý rằng sự sắp tên theo hàng ngang bày tỏ cùng cường độ sở thích của thành viên Hội đồng cho các tên đó. | | | | |

Hãy giả định trước tiên rằng, phù hợp với quy tắc dân chủ thông thường nhất, việc bỏ phiếu giả như đã theo đa số đơn giản giữa các ứng viên. Mỗi thành viên Hội đồng bỏ phiếu cho ứng viên tuyệt đối được ưa thích nhất của mình và, theo giả thuyết của tôi về các sở thích được trình bày trong Bảng 3.1, kết quả đã sẽ là: López-Bravo, 8 phiếu (từ các nhà liên tục); Fraga, 5 phiếu (từ các nhà mở cửa); và Silva (hay có lẽ một ứng viên khác), 2 phiếu (từ các nhà cực đoan).

Điều này có nghĩa rằng mỗi khuynh hướng hay khối của các thành viên Hội đồng đã sẽ đặt ứng viên ưa thích nhất của nó vào bộ ba.

Như có thể quan sát thấy, nhà cải cách Areilza đã sẽ không được chọn (như nhà Vua đã hoài nghi), nhưng Suárez cũng chẳng được.

Việc bỏ phiếu thật đã tạo ra một kết quả khác. Trong các vòng đầu tiên, nơi các ứng viên được bỏ phiếu từng người một theo đa số đơn giản, dữ liệu đã biết cho chúng ta thấy rằng Areilza và Fraga, giữa những người khác, đã bị loại, vì cùng kết quả xuất hiện cho mỗi người trong số họ - 5 ủng hộ, 10 chống. Theo giả thuyết của tôi (Bảng 3.1), điều này có nghĩa rằng các phiếu của năm thành viên Hội đồng theo đường lối mở cửa đã đương đầu với tám phiếu liên tục và hai cực đoan.

Sau những sự loại trừ kế tiếp, sáu ứng viên còn lại: các nhà liên tục López-Bravo, Fernández de la Mora, Silva và Rodríguez de Valcárcel; nhà cải cách Suárez và người ít được biết đến hơn Alvarez-Miranda. Chỉ vì mục đích đối sánh tương phản với những kết quả thực tế, bây giờ chúng ta hãy giả định rằng tại lúc đó giả như thủ tục thông thường về bỏ phiếu đa số giữa tất cả các (6) ứng viên đã cũng được chấp nhận. Theo giả thuyết của tôi, kết quả sẽ đã là: López-Bravo, 13 phiếu (từ các nhà liên tục và mở cửa) và Silva, 2 phiếu (từ các nhà cực đoan).[[6]](#footnote-6)\* Một vòng bỏ phiếu nữa giữa các ứng viên còn lại là cần thiết để phủ vị trí thứ ba mà trong trường hợp đó Fernández de la Mora rõ rang nhận được 15 phiếu của các thành viên Hội đồng. Theo cách này, bộ ba ứng viên gồm có các nhà liên tục López-Bravo, Silva và Fernández de la Mora. Hiển nhiên, Suárez cũng đã chẳng được chọn theo phương pháp này.

Trên thực tế đây đã không phải là thủ tục thực sự được dùng. Như đã được nhắc tới nhiều lần, sáu ứng viên cuối cùng đã được phân nhóm lại bởi Torcurato Fernández-Miranda thành ba “gia đình” ý thức hệ và được bỏ phiếu trong các nhóm tách biệt nhằm có được người thắng cuộc của mỗi “gia đình”, giữa họ Suárez được ưa thích thấp đã có thể được bao gồm. Theo các số liệu đã công bố mà tôi tiếp cận được, đã nhận được các kết quả sau đây:

Gia đình *Công giáo:* Silva, 15 phiếu; Alvarez-Miranda, 0.

Theo giả thuyết của tôi tất cả các thành viên Hội đồng đã bỏ phiếu một cách logic cho Silva, người đứng trên Alvarez-Miranda trong các thứ tự sở thích của họ.

Gia đình *Kỹ trị:* López-Bravo, 13 phiếu; Fernández de la Mora, 2 phiếu.

Giả thuyết của tôi nói rõ rằng năm thành viên Hội đồng theo đường lối mở cửa và tám nhà liên tục theo logic đã bỏ phiếu cho López-Bravo, người đã đứng trên Fernández de la Mora theo các thứ tự sở thích của họ và hai nhà cực đoan đã bỏ phiếu cho Fernández de la Mora, người đã đứng trên López-Bravo theo các thứ tự sở thích của họ.

Gia đình *Falangist:* Suárez, 12 phiếu; Rodríguez de Valcárcel, 3 phiếu.

Theo giả thuyết của tôi, năm thành viên Hội đồng theo hướng mở cửa và bảy nhà liên tục một cách logic đã bỏ phiếu cho Suárez, người đã đứng trên Rodríguez de Valcárcel ốm yếu trong thứ tự sở thích của họ, bất chấp bị xếp hạng ở vị trí khá thấp, và hai nhà cực đoan và nhà liên tục Viola (người biết Suárez từ nơi sinh của họ, Cebreros) đã bỏ phiếu cho Rodríguez de Valcárcel, người đứng trên Suárez trong thứ tự sở thích của họ.

Bộ ba ứng viên được chọn trên thực tế, khi đó, đã là Silva “Công giáo” (một nhà liên tục), López-Bravo “Kỹ trị”(một nhà liên tục nữa), và Suárez “Falangist” (thực ra là một nhà cải cách).

Tại thời khắc đó cả thứ tự nảy sinh lẫn số phiếu nhận được của mỗi ứng viên đã không được nhắc đến. Các tên được trình lên nhà Vua theo thứ tự abc đúng cứ như chúng được đề xuất một cách nhất trí. Bằng cách này, một người ngoài với ít cơ hội thắng cuộc bằng bất cứ thủ tục đơn giản khác hay thông thường đã được bao gồm giữa những người thắng cuộc, chính xác như nhà tổ chức và nhà vận động (manipulator, thao túng) của cuộc bỏ phiếu đã dự định.

Khi Torcurato Fernández-Miranda sắp rời cuộc họp, một thành viên Hội đồng đã tiếp cận ông để bình luận rằng việc bao gồm Suárez đã là đáng tiếc. “Không phải bởi vì tôi có bất cứ thứ gì chống lại ông ta,” ông giải thích. “Đơn giản là gã ta không trông đợi nó và chúng ta lẽ ra đã làm tốt hơn với [có lẽ Fernández de la Mora hay Fraga]. Rốt cuộc, chẳng có cách nào ông ta có được!”. Hầu như tất cả mọi người đã cảm thấy rằng Suárez đã tiếp tục như một người phụ thêm vào. Thế nhưng, vài phút sau, Chủ tịch Hội đồng Quốc vương đã không còn có thể kiềm chế mình trước các nhà báo và đã thú nhận, “tôi sẵn sàng đề xuất cho nhà Vua những gì ngài đã yêu cầu tôi.”

Quả thực, giữa sự ngạc nhiên chung về phía báo giới, phe đối lập, các ứng viên khác trong cuộc bỏ phiếu, hai thành viên khác của bộ ba, và tất cả những người bỏ phiếu của Hộ đồng, việc nhà cải cách khi đó khá không nổi tiếng Aldofo Suárez được bổ nhiệm làm Thủ tướng Chính phủ bởi nhà Vua Juan Carlos vào ngày tiếp sau cuộc bỏ phiếu của Hội đồng Quốc vương Francoist đã xảy ra.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Theo sở thích của tôi, một trong những sách hay nhất của Khoa học Chính trị về các thủ tục bỏ phiếu và những kết quả của chúng là Hannu Nurmi (1987), *Comparing Voting Systems,* Dodrecht: Kluwer. Samuel Merrill III (1988), *Making Multicandidate Elections More Democtratic,* Princeton: Princeton University Press, cũng là đáng chú ý. Nhập môn của Michael Dummett (1984), *Voting Procedures,* Oxford: Oxford University Press, có thể là dễ tiếp cận hơn cho bạn đọc mới bắt đầu.

Lý thuyết và nhiều thí dụ về sự thao tác các chiều trong bỏ phiếu đã được trình bày bởi William H. Raker (1986), *The Art of Political Manipulation,* New Haven: Yale University Press.

Những nguồn nhiều loại khác nhau cung cấp dữ liệu về thủ tục và những kết quả bỏ phiếu trong Hội đồng Quốc vương Tây Ban Nha trong tháng Bảy 1976, mặc dù vài trong số đó cho thông tin một phần mâu thuẫn. Thủ tục được trình bày ở đây đã được giải thích cơ bản bởi cựu Giám đốc Cơ quan Thông tin của Thủ tướng Chính phủ, Joaquín Bardavío, trong *El Dilema, Un pequeño Claudillo o un Gran Rey,* Madrid: Strips, 1978, pp. 150-55; *Los Silencios el Rey,* Madrid: Strips, 1979, pp. 175-83; và “Por qué pensó el Rey en Suárez,” trong *Historia de la Transición*, Madrid: Diario, 16, 1983, pp. 294-5, cũng như bởi bản thân Thư ký Hội đồng Quốc vương, Enrique de la Mata, “Aquella reunión del Consejo del Reino”, trong *Historia de la Transición*, *cit.*, pp. 291-3. Giám đốc khi đó của tờ báo Falangist, tờ *Ariba*, và người tri kỷ của các nhà cực đoan, Antonio Izquierdo, *Yo, Testigo de Cargo,* Barcelona: Planeta, 1981, pp. 38-41, cho dữ liệu cụ thể hơn về kết quả và phiếu của một số thành viên Hội đồng, mà tôi cũng trình bày ở đây. Tuy nhiên, ông đã tính một cách sai lầm đến một thành viên Hội đồng trong một cuộc họp, García-Lomas, Thị trưởng Madrid, người thực ra đã thôi làm thị trưởng, và mắc một sai lầm khác, bù vào trong giả định rằng giám mục Cantero đã vắng mặt do bị bệnh (ông được nhắc tới và được đích thân trích dẫn như ai đó người dự cuộc họp, trong báo chí thời đó, *El País,* 3 tháng Bảy 1976). Những kết quả rất giống đã được trình bày bởi Phó Thủ tướng của Chính phủ Suárez, Alfonso Osorio (1980), *Trayectoria Política de un Ministro de la Corona*, Barcelona: Planeta, 1980, pp. 126-8. Ngược lại, nhà báo Gregorio Morán, người nhắc đến nhiều ứng viên trong các đợt bỏ phiếu đầu tiên, lại không trình bày cuộc bỏ phiếu cuối cùng theo cặp. Ông cũng đã giả định một cách sai lầm về 16 người bỏ phiếu, bất chấp việc trích dẫn Torcurato Fernández-Miranda khi nói rằng ông đã không bỏ phiếu, mà đã buộc ông ta phải thừa nhận rằng tuyên bố này, “phủ định sự tính [của ông]”, trong Gregorio Morán (1979), *Aldofo Suárez. Historia de una Ambición,* Barcelona: Planeta, pp. 30-31 và 54-56.

# Thắt và Thắt Chặt

Trong những tình huống nhất định nơi các diễn viên chính trị khác nhau tương tác, lựa chọn khả dĩ thắng cuộc không có sự chấp thuận chân thành và nhất trí của những người công khai chấp nhận nó. Thay vào đó nó là một kết quả pha trộn và che đậy của những sở thích của các diễn viên khác nhau. Cái được tính trong những trường hợp như vậy, hơn là những sự tin chắc của người ta về tính đúng đắn của lập trường, hơn là sự cương quyết mà với nó vấn đề được đưa ra, hơn là lối chơi ngay thẳng và tính chân thật, [mà] là những sự nhượng bộ lẫn nhau, những lời hứa và những sự đe dọa – đến mức cực độ nơi các cơ chế này có thể đóng vai trò cơ bản trong việc đạt được những kết quả nhất định mà được trình bày cho công chúng cứ như là chúng được chia sẻ một cách rộng rãi và chân thành.

Loại này của những mối quan hệ hội tụ và phân kỳ xung quanh một lựa chọn chính trị khả dĩ có thể được phân tích bằng phương tiện của các sơ đồ lý thuyết trò chơi.

Chúng có thể được dùng để xác định những lựa chọn cơ bản đối mặt với mỗi diễn viên chính trị hay “người chơi” và để quan sát cách cư xử chiến lược của người đó. Như thế thì, chúng giúp để giải thích những sự ngạc nhiên nào đó do sự quan sát kinh nghiệm gây ra, mà cuối cùng có thể không thể hiểu nổi nếu người ta xem xét chỉ những đặc trưng xác định và ổn định của mỗi diễn viên. Có những trò chơi với các kết cục hữu hiệu và không hữu hiệu, mà tính không chỉ đến những sự tán thành giữa các cá nhân và nhóm chính trị mà các lợi ích của họ là mâu thuẫn và chẳng có điểm gì chung trong các mục tiêu của họ, mà cả đến những sự bất đồng giữa các diễn viên có vẻ có những mục tiêu giống nhau và quan tâm đến sự hợp tác lẫn nhau.

Bây giờ chúng ta sẽ xem xét những trường hợp như vậy. Đầu tiên, hiệp ước giữa các nhà cải cách và các nhà liên tục trong việc thông qua dự Luật Cải cách Chính trị của chính phủ Suárez vào cuối 1976. Thứ hai, sự thiếu đối thoại thực sự giữa Suárez và phe đối lập dân chủ, bất chấp mối quan tâm chung của cả hai trong sự tiến tới một nền dân chủ đại diện và sự quan tâm của mỗi trong số họ đến sự tham gia của bên kia vào dự án chung này.

**TRÒ CHƠI GIỮA SUÁREZ VÀ NHỮNG NGƯỜI THEO ĐƯỜNG LỐI LIÊN TỤC**

Để bắt đầu, chúng ta hãy xác định lập trường chính xác của mỗi trong ba người chơi vào giữa 1976.

Mục tiêu của những người theo đường lối liên tục là duy trì “nền dân chủ hữu cơ”, có lẽ với một chút công việc tô điểm. Điều này có nghĩa là sự đại diện thông qua các nhà nước đoàn thể như gia đình, chính quyền đô thị tự trị và nghiệp đoàn “dọc”, mà không có sự tham gia của các đảng chính trị hay sự nhượng bộ quyền tự do vượt quá các nguyên lý ý thức hệ của Phong trào Quốc gia.

Cải cách do Suárez chủ trương nhằm thiết lập một nền dân chủ đại diện hạn chế, dựa trên các đảng chính trị và bầu cử với quyền đi bầu phổ quát, trong khi tận dụng những lợi thế tiềm năng mà chức vụ của ông với tư cách Người đứng đầu Chính phủ tạo ra cho ông. Theo kế hoạch này, cuộc tổng tuyển cử đầu tiên sẽ được tổ chức dưới một chính phủ đơn sắc do Suárez đứng đầu, mà từ đó ông đã có thể tổ chức sự ứng cử riêng của mình. Hệ thống bầu cử được chính phủ áp đặt một cách đơn phương, làm méo mó các tỷ lệ đại diện theo lợi ích riêng của nó. Hai viện sẽ được bầu, với sự ảnh hưởng của các phần tử liên tục với quá khứ được củng cố trong viện thứ hai. Những người Cộng sản và phe đối lập cách mạng sẽ không được tham gia các cuộc bầu cử. Sẽ không có sự thanh trừng hay thanh toán các quan chức Francoist tham nhũng hay các sĩ quan cảnh sát và quân đội dính líu đến đàn áp. Hơn nữa, Hiến pháp mới do các viện được bầu soạn thảo sẽ không bao gồm một tuyên bố chính thức về các quyền dân sự và các quyền tự do, mà chỉ về một sự dàn xếp định chế. Bất kể sự thảo luận nào về chế độ quân chủ và hình thức nhất thể của Nhà nước sẽ là không thể được.

Ngược lại, dự án đoạn tuyệt của phe đối lập tìm sự tham gia chung của các lực lượng chính trị chủ yếu trong chính phủ mà sẽ kêu gọi các cuộc bầu cử, với mục đích tránh việc sử dụng đặc quyền bộ máy Nhà nước và truyền thông bởi các cá nhân và nhóm nào đó. Song song các chính quyền lâm thời sẽ được dựng lên trong những vùng lịch sử mà đã tự trị trong các năm 1930 – Catalonia, Xứ Basque và Galicia. Ân xá hoàn toàn và quyền tự do hành động được ban cho tất cả các đảng, như quyền tự do của Cortes lập hiến để xác định các hình thức của Nhà nước và chính phủ.

Điều mấu chốt đối với tình hình là chẳng ai trong ba “người chơi” đủ mạnh để áp đặt dự án của mình một cách độc lập. Theo Bảng 1.1, chẳng nhóm nào trong các nhóm với những thứ tự sở thích được đánh số 2, những người đoạn tuyệt (có lẽ với sự ủng hộ của nhóm 1, các nhà cách mạng), số 3, các nhà cải cách (với sự ủng hộ có điều kiện của 4, các nhà mở cửa) và số 5, các nhà liên tục (có lẽ dựa vào 6, các nhà cực đoan) có được cái có thể xem là sự ủng hộ của đa số nhân dân. Chủ nghĩa liên tục Francoist là không khả thi mà không có một nhân vật là nhà độc tài khủng khiếp và toàn quyền. Lựa chọn dân chủ khả dĩ chống Francoist được nhiều người có cảm tình, nhưng cũng có sự ủng hộ tích cực hạn chế, như được giải thích trong Chương 2. Và các mục tiêu cải cách chủ nghĩa của Suárez chỉ có thể đạt được nếu có được những thỏa thuận với các Francoist về cải cách pháp lý của những luật cơ bản, và với các đảng đối lập chính về sự tham gia của họ trong bầu cử.

Mỗi người chơi, vậy thì, phải thử thích nghi các lập trường tương tác với những người khác nhằm tạo ra những kết quả tương đối thuận lợi. Các Francoist có thể đe dọa tẩy chay chính phủ Suárez, sử dụng bộ máy Nhà nước, cuối cùng là làm hoảng sợ cả Suárez lẫn phe đối lập với sự cố thủ hay với sự tiếp quản quân sự do những người cực đoan dẫn đầu. Phe đối lập chống Francoist có thể gây áp lực qua các cuộc đình công, biểu tình và các hình thức huy động quần chúng khác. Nó cũng có thể nói bóng gió về mối hiểm nguy của một sự bột phát tối đa chủ nghĩa bởi những người cánh tả cách mạng. Suárez, tuy vậy, có lợi thế về ở vị thế để đưa các Francoist đến gần ông hơn bằng sự đe dọa tiến hành mà không có họ và để thỏa thuận song phương với phe đối lập về sự đoạn tuyệt. Đồng thời và một cách độc lập, ông có thể kéo phe đối lập đến gần ông hơn bằng cách đe dọa họ bằng sự áp đặt các điều kiện bất lợi cho sự tham gia bầu cử của họ thông qua một hiệp ước cải cách song phương với các Francoist. Những từ ngữ như “reforma pactada” (cải cách được thỏa thuận) và “ruptura pactada” (sự đoạn tuyệt được thỏa thuận) một cách tương ứng minh họa ý kiến kép của Suárez. Các nhà liên tục và đối lập không thể tương tác một cách trực tiếp bởi vì các sở thích thứ nhất tương ứng của họ, liên tục và đoạn tuyệt, là các chiến lược trội cho họ trong một trò chơi xung đột thuần túy. Vậy thì, rõ ràng rằng trò chơi gồm ba người chơi, các nhà liên tục, chính phủ Suárez và các nhà đoạn tuyệt, chơi tương tác với nhau đồng thời đơn giản sẽ không có kết quả.

Suárez có thể xoay tình thế của ông thành lợi thế bằng cách tiếp cận hai cuộc thương lượng song phương một cách tách biệt, mà không gây nguy hại, trong cả hai trường hợp, cho các cơ hội của ông tiến hành cuộc kia. Như bản thân ông, nhìn lại, đã viết “Chiến lược cải cách dựa trên tính hợp pháp đã đưa đến hai nhịp điệu khác nhau và hai tập khác nhau của những điều kiện cần thiết: một cho những nhóm xã hội không thù địch với chế độ trước và một cho các lực lượng của phe đối lâp.”

Người chơi, mà để đơn giản, tôi sẽ gọi là “Suárez”, thực ra, về cơ bản là một chính phủ có kỷ luật (mặc dù, ngoài những người cải cách, có những bộ trưởng mở cửa nào đó, như Phó thủ tướng Osorio và những người khác mà muộn hơn đã gia nhập Liên minh Nhân dân bảo thủ). Mặt khác, người chơi mà tôi sẽ gọi là “các nhà liên tục” là một nhóm đông và dễ bị tổn thương hơn. Mỗi lúc một Francoist bị đút lót hay chấp nhận cải cách, cơ hội thành công của các nhà liên tục bị giảm sút, làm xấu đi vị thế của các Francoist khác theo một cách để gây ra động lực tan tác. Tương tự, có một sự phân mảnh và sự chia rẽ nội bộ nào đấy trong tâm của phe đối lập dân chủ, vì một số như các nhà Dân chủ Thiên chúa giáo và các nhà Tự do (Liberal), có vẻ sẵn lòng tham gia bầu cử do Suárez kêu gọi, nghĩ rằng họ sẽ không bị các điều kiện của ông gài bẫy. Như thế phe đối lập bị yếu đi và những cơ hội để áp đặt sự đoạn tuyệt bị giảm sút, khiến cho các nhóm khác, ngay cả những người Cộng sản, cảm thấy rằng, bởi vì mối nguy hiểm bị đánh bại và bị cô lập, họ cũng sẽ phải tham gia.

Động học bên trong của hai nhóm chơi, các nhà liên tục và phe đối lập, hướng về sự bỏ các sở thích thứ nhất tương ứng, *C* và *R,* của họ. Việc này tạo thuận lợi cho việc chuyển sang các sở thích thứ hai của họ, tức là hướng theo cải cách, lựa chọn khả dĩ được Suárez ưa thích. Là dễ để thấy rằng những động lực bên trong của hai phái này có thể được hình thức hóa bởi các biểu đồ lật được giới thiệu trong Chương 2. Suárez có phương tiện để đưa ra sáng kiến và chơi hết trò chơi kép này.

Các sở thích của ông, như đã nói, là theo thứ tự *r, R* và *C*. Ông có thể ép cải cách pháp lý thông qua các định chế áp đảo bởi các Francoist, thế nhưng chịu rủi ro bị chúng đánh bại; ông có thể cắt đứt quan hệ với các Francoist, đưa một số thành viên đối lập vào chính phủ của mình và thỏa thuận một luật bầu cử công bằng với họ (với khó khăn phát sinh thêm về việc thắng bầu cử), hoặc ông có thể chịu thua những đòi hỏi của chủ nghĩa liên tục. Cái ông thực sự làm là đưa ra cho các nhà liên tục sở thích thứ nhất của ông, *r*, dưới dạng một Dự luật Cải cách Chính trị, yêu cầu họ, theo luật Francoist, thông qua.

Bởi vì điều này, các nhà liên tục có thể chọn giữa việc duy trì sở thích xác định của họ và bác bỏ dự luật của Suárez, như thế vẫn giữ lập trường *C*, hoặc bỏ phiếu “thuận” chấp nhận cải cách, *r.* Nói cách khác, họ có thể ở “ngoài tầm với của sự làm nản lòng” (như các Falangist đã thường nói) trong sự trung thành của họ với các nguyên tắc của Phong trào Quốc gia, cho dù việc này có thể có nghĩa là rút vào “bunker” và bị cắt khỏi quá trình chính trị. Hoặc, họ có thể thương lượng các điều kiện cải cách với Suárez để có được cơ hội duy trì hay giành lại các vị thế của họ và các chức vụ làm cảnh và tránh những sự trả đũa chống lại họ, tuy không có đảm bảo nào cho thành công.

Như thế, chúng ta có thể giả định các thứ tự sở thích kết hợp như sau dựa vào các hành động, các cử chỉ và các tuyên bố, nhất quán với các thứ tự sở thích được trình bày trong Bảng 1.1.1

Suárez muốn sự thay đổi nhưng coi việc các nhà liên tục chấp thuận cải cách của ông là phương pháp hay hơn. Vì lý do này, ưu tiên đầu tiên của ông là trình bày cải cách cho các chỉ huy quân đội và Cortes để được chấp thuận mà không có sự bày vẽ thêm. Sự ưu tiên thứ hai của ông là nếu các Francoist phản đối ông theo cách mà, nhằm để mang lại sự thay đổi, ông sẽ phải ủng hộ sự đoạn tuyệt do đối lập chủ trương. Ưu tiên thứ ba của ông là các Francoist sẽ sẵn lòng chuẩn y cải cách, nhưng ông bỏ phí cơ hội tương đối thuận lợi này và bị phe đối lập kéo lê tới sự đoạn tuyệt. Ưu tiên cuối cùng của ông là không có sự thay đổi nào xảy ra, do sự thất bại của cải cách, nhưng không có cơ hội nào cho ông để tham gia vào sự đoạn tuyệt.

Về phần mình, các nhà liên tục muốn sự thay đổi ít nhất có thể. Vì lý do này, thứ tự ưu tiên đi xuống của họ là, thứ nhất, bác bỏ cải cách của Suárez và làm cho nó thất bại; thứ hai, chấp nhận cải cách và bảo đảm qua một hiệp ước với Suárez rằng ông ở bên trong các giới hạn được xác lập của nó và không thương lượng với phe đối lập; thứ ba, gây ra sự thất bại của cải cách và đẩy Suárez vào tay của một sự đoạn tuyệt rủi ro; và cuối cùng chấp nhận cải cách, với Suárez không giữ lời hứa đối với họ và chấp nhận sự đoạn tuyệt xủa phe đối lập. Ở đây lại lần nữa, tôi không dự tính những tình huống mà trong đó diễn viên này sẽ chọn sự lựa chọn khả dĩ cuối cùng của họ, đoạn tuyệt, *R*. Ngược lại với những gì đã xảy ra trong trò chơi của họ với Chính phủ của Arias và Fraga mở cửa, ở đây các nhà liên tục bị đe dọa bởi khả năng rằng Suárez có thể đồng ý sự đoạn tuyệt với phe đối lập, không chỉ nếu họ từ chối cải cách mà cả nếu họ chấp nhận nó (các ưu tiên ba và bốn).

Bằng gán cho mỗi sự ưu tiên một giá trị thứ tự giảm dần (từ 4 đến 1), chúng ta có được các thứ tự được trình bày trong Bảng 4.1.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *Bảng 4.1. Các thứ tự ưu tiên giữa Suárez và các nhà liên tục* | | | | | | |
| Các ưu tiên của Suárez | | |  | *Các ưu tiên của các nhà liên tục* | | |
| Suárez | Các nhà liên tục | Giá trị thứ tự |  | Suárez | Các nhà liên tục | Giá trị thứ tự |
| *r* | *r* | *4* |  | *r* | *C* | *4* |
| *R* | *C* | *3* |  | *r* | *r* | *3* |
| *R* | *r* | *2* |  | *R* | *C* | *2* |
| *r* | *C* | *1* |  | *R* | *r* | *1* |
| Lưu ý: các lựa chọn khả dĩ: *r* = cải cách; *R* = đoạn tuyệt; *C* = liên tục | | | | | | |

Như trong bất kể trò chơi tổng không bằng zero, các lợi ích của các người chơi là mâu thuẫn một phần (đến điểm nơi ưu tiên thứ nhất của một người là ưu tiên cuối cùng của người khác) và một phần tương thuộc. Tương tác giữa hai người chơi được cho thấy trong matrix trong Hình 4.1.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Hình 4.1. Trò chơi giữa Suárez và các nhà liên tục* | | | | |
|  |  | Các nhà liên tục | | |
|  |  | C | r |  |
| Suárez | r | 1, 4 | 4, 3 |  |
|  | R | 3, 2 | 2, 1 |  |
| Đọc matrix: người chơi mà được cho là khởi xướng trò chơi ngồi ở bên trái. Trong trường hợp này là chính phủ Suárez, mà các lựa chọn của nó là *r* hay *R* (tức là dẫn đến cải cách hay góp phần vào sự đoạn tuyệt). Người chơi mà đáp trả ngồi ở trên đỉnh. Trong trường hợp này là các nhà liên tục, mà các lựa chọn của họ là duy trì *C* hay chấp nhận *r*. Mỗi ô tượng trưng cho một tình huống nơi một sự lựa chọn của Suárez tương tác với một lựa chọn của các nhà liên tục. Thí dụ ô phải góc trên tượng trưng cho tình huống Suárez chọn *r* (ông thúc đẩy cải cách), và các nhà liên tục cũng chọn *r* (họ chấp nhận cải cách của chính phủ). Trong mỗi ô, con số ở phía bên trái cho biết một giá trị thứ tự của tình huống đó cho người chơi ngồi bên trái (trong thí dụ được nhắc tới ở trên, là 4 cho Suárez), và con số ở bên phải cho thấy giá trị thứ tự của ô đó cho người chơi ngồi trên đỉnh (trong thí dụ này, là 3 cho các nhà liên tục). | | | | |

Trong trò chơi này các nhà liên tục có một chiến lược trội, tức là, một sự lựa chọn mà cho họ phần thưởng lớn hơn trong mọi giả thuyết về lựa chọn của người chơi khác và mà vì thế họ sẽ chấp nhận trong bất kỳ trường hợp nào độc lập với những gì người chơi khác làm. Chiến lược trội của các nhà liên tục là *C*, vẫn trung thành với các nguyên tắc của Phong trào Quốc gia và không chấp nhận cải cách.

Hãy quan sát làm sao các nhà liên tục quả thực được lợi hơn nếu họ chọn *C* trong bất cứ giả thuyết nào về lựa chọn của Suárez. Nếu các nhà liên tục giả định rằng Suárez sẽ chọn *r* (hàng trên), họ có thể nhận được giá trị 4 nếu họ chọn *C* (tạo ra một kết cục trong ô trái bên trên) hoặc giá trị 3 nếu họ chọn *r* (tạo ra một kết cục ở ô phải bên trên), cho nên là tốt hơn cho họ để chọn *C.* Ngược lại, nếu họ giả định rằng Suárez sẽ chọn *R* (hàng dưới), họ có thể nhận được giá trị 2 nếu họ chọn *C* (ô trái bên dưới) hoặc giá trị 1 nếu họ chọn *r* (ô phải bên dưới), cho nên cũng tốt hơn cho họ để chọn *C.* Trong bất cứ giả thuyết nào về cách cư xử của Suárez, là tốt hơn cho các nhà liên tục để chọn *C.*

Suárez, tuy vậy, không có một chiến lược trội, như bạn đọc có thể tự thấy bằng tiến hành những so sánh tương tự như những so sánh tôi vừa đưa ra.

Liên quan đến chiến lược trội của các Francoist, *C* (cột trái của matrix), Suárez có thể nhận được giá trị 1 nếu ông chọn *r* hay giá trị 3 nếu ông chọn *R*, cho nên sẽ tốt hơn cho ông để chọn *R* – chấp nhận sự đoạn tuyệt mà phe đối lập đang đưa ra cho ông.

Những lựa chọn có đầy đủ thông tin này của hai người chơi, *C* bởi các Francoist và *R* bởi Suárez, vì vậy tạo ra kết cục thấy ở ô trái bên dưới, các giá trị thứ tự của ô đó là 3, 2.

Kết cục này là một cân bằng ổn định, theo quan niệm cân bằng Nash với điều kiện là, một khi nó đạt đến và sự lựa chọn của người chơi khác được phát hiện ra, thì chẳng ai trong hai người chơi sẽ quan tâm tâm đến sự thay đổi lựa chọn của mình một cách đơn phương. Hãy quan sát, bất cứ ai làm vậy đều bị thiệt. Nếu các nhà liên tục đơn phương thay đổi thành *r,* (tức là, nếu, xét thấy lựa chọn đoạn tuyệt của Suárez, họ chọn cải cách) kết cục sẽ chuyển sang ô phải bên dưới, nơi họ sẽ nhận được giá trị 1 mà nhỏ hơn giá trị trước đã nhận được, 2. Nếu Suárez đơn phương đổi thành *r* (tức là, nếu, bất chấp thái độ liên tục của các Francoist, ông vẫn khăng khăng đề xuất cải cách), kết cục sẽ di chuyển sang ô trái bên trên, nơi ông sẽ nhận được giá trị 1 thấp hơn giá trị nhận được trước đó, 3.

Tuy nhiên, cho dù nó ổn định về hình thức, cân bằng đạt được là một kết cục không hiệu quả, vì hai người chơi sẽ khá hơn trong tình huống khác. Đây sẽ là tình huống được biểu tượng bởi ô phải bên trên với các giá trị 4, 3 – cao hơn cả hai giá trị 3, 2 của cân bằng đã đạt được rồi.

Điều này có nghĩa rằng một nghịch lý xuất hiện mà trong đó cách cư xử dựa trên sự chấp nhận đơn phương chiến lược tốt nhất theo lợi ích riêng của mỗi người trên thực tế tạo ra một kết cục tồi hơn cho cả hai người so với nếu giả như cả hai đã dàn xếp cho một chiến lược khác.

Trong trường hợp hợp này, cân bằng đạt được nếu các nhà liên tục kiên trì bác bỏ cải cách và nếu Suárez liều đi đến một thỏa thuận với đối lập về đoạn tuyệt, thì, nó rõ ràng ổn định nhưng không hiệu quả, vì cả hai người chơi sẽ khá hơn nếu họ chọn cải cách, tức là, nếu Suárez đã ở bên trong các giới hạn của cải cách và các nhà liên tục đi đến một thỏa thuận về sự kết hợp riêng của họ vào cải cách.

Khi mỗi người chơi có đầy đủ thông tin về những sở thích của bên kia nhưng không có liên lạc giữa những người chơi nhằm đạt được một thỏa thuận về một lựa chọn khả dĩ mà có thể có lợi chung cho họ, mỗi người có thể quyết định theo tất cả những lựa chọn khả dĩ của đối thủ. Trong những trường hợp nhất định, như trường hợp này, kết cục là khá xấu cho cả hai. Tuy vậy, nó có thể được cải thiện cho cả hai nếu có sự liên lạc và được giả định rằng các người chơi nhìn xa trông rộng không chỉ những hệ quả trực tiếp của những quyết định của họ mà cả những hệ quả xa hơn của những quyết định của nhau.

Sự cải thiện này, tuy nhiên, chỉ có thể nếu cũng có một sự kỳ vọng hợp lý rằng người chơi “kia” sẽ duy trì lựa chọn mà mình đã thỏa thuận, bởi vì một sự phản bội sẽ tạo ra kết quả có thể tồi tệ nhất cho bên đơn phương tôn trọng thỏa thuận. Sự hợp tác trong lợi ích chung, vì thế, đòi hỏi một sự kết hợp của những lời hứa và những đe dọa giữa hai người chơi.

Chúng ta hãy tưởng tượng, thí dụ, rằng Suárez bảo các Francoist rằng ông sẽ giữ những nguyên lý cơ bản của cải cách, và rằng đổi lại họ hứa sẽ bỏ phiếu thông qua ở Cortes, cho nên đạt được một cân bằng hợp tác mới 4, 3. Khi đó Suárez sẽ thấy sở thích thứ nhất của mình được thỏa mãn và, một cách logic, ông sẽ tôn trọng thỏa thuận này, do không có lợi ích nào để thay đổi lập trường của ông để ký các hiệp ước với phe đối lập. Tuy vậy, đối với các nhà liên tục, kết quả 4, 3 nhận được là tốt hơn cho họ so với kết quả nhận được bởi sự từ chối trước đó về cải cách [cân bằng Nash 3, 2], chỉ thỏa mãn ưu tiên thứ hai của họ. Họ có thể bị cám dỗ để thay đổi lựa chọn của họ và chuyển sang *C*, mà có nghĩa rằng, bỏ phiếu ‘không’ cho dự luật của Suárez về cải cách, như thế chuyển kết cục sang ô trái bên trên, với các giá trị 1, 4. Các nhà liên tục sẽ cải thiện số phận của mình và Suárez sẽ chịu thiệt. Sự hợp tác sẽ chỉ là có lý cho Suárez nếu khi đó ông có thể đe dọa bằng phương tiện thay đổi tương ứng về chiến lược sang *R,* tức là, thương lượng với phe đối lập về sự đoạn tuyệt (mà với họ không cây cầu đối thoại nào bị đốt cháy trước đó), cho nên lại lần nữa kết cục nhận được là 3, 2. Sự đe dọa này đóng một vai trò thuyết phục, dùng để gây nản lòng việc vi phạm lời hứa. Nó là một điều kiện cần cho sự hợp tác và cho việc đạt được một cân bằng “không thiển cận”, có hiệu quả.

Hãy quan sát lần nữa rằng để tránh mối nguy thất bại, Suárez phải duy trì sự mơ hồ nào đó và để hào phóng những cử chỉ về đối thoại với phe đối lập, những người xem ra như một lựa chọn khả dĩ can ngăn đối với các Francoist. Lưu rằng ông không phải đồng ý với phe đối lập về sự đoạn tuyệt, mà chỉ giả vờ rằng ông đang giao thiệp với họ để ép các Francoist chấp nhận cải cách. Nói cách khác, kế hoạch tốt nhất của Suárez là thỏa thuận cải cách với các Francoist một cách thành thật và riêng rẽ, bằng những lời hứa và những sự đe dọa, trong khi đưa ra những đề nghị công khai nhưng khá rỗng về đối thoại với phe đối lập. Năng lực đe dọa của ông là cái phân biệt ông với chính phủ trước của Arias và Fraga và năng lực đó, không giống trường hợp trước, cho phép ông thuyết phục các nhà liên tục chấp nhận cải cách.

**HARAKIRI CỦA CORTES FRANCOIST**

Ngắn gọn, đây tỏ ra là động lực đằng sau giai đoạn đầu tiên của chính phủ Suárez, kéo dài từ tháng Bảy đến tháng Mười Hai 1976.

Thực vậy, chỉ vài ngày tiếp sau sự bổ nhiệm ông làm Thủ tướng Chính phủ, Aldolfo Suárez và các bộ trưởng của ông Alfonso Osorio, Rodolfo Martín-Villa và Enrique de la Mata đã bắt đầu công khai tiếp đón các lãnh tụ từ các đảng đối lập, đặc biệt các nhà Dân chủ Thiên chúa giáo, các nhà Tự do và các nhà Xã hội. Tất cả những người liên quan nói rằng hầu như chẳng có gì quan trọng đã được thảo luận trong những cuộc gặp gỡ này. Đây một phần đã là do sự thực rằng chính phủ đã tuyên bố rằng tất cả các tài liệu và kiến nghị liên quan đến Dự luật Cải cách của nó là những tài liệu bị hạn chế và vì thế nó không được thảo luận với những người đối thoại. Một sự ân xá một phần được ban ra không lâu sau đó, nhưng những người Cộng sản và các nhóm cách mạng đối lập đã vẫn bất hợp pháp và bị từ chối tiếp cận đến đời sống công bằng phương tiện của cải cách Luật Hình sự mà đã tuyên bố các hiệp hội “phục tùng các nguyên lý quốc tế mà nhắm tới việc thiết lập một chế độ toàn trị” là bất hợp pháp. Bằng cách này, Suárez đã thành công trong việc trao cho các đảng ôn hòa hơn của đối lập dân chủ (mà một vài trong số đó đã có không nhiều hơn một tá đảng viên vào lúc Franco chết) một cơ hội để được tổ chức và một vẻ bề ngoài của sự đại diện, và đã truyền một hình ảnh sai về thương lượng mà đã gây ra những phản ứng rối loạn giữa các Francoist. Một khi mục đích của các cuộc gặp gỡ với các thành viên của phe đối lập đã đạt được, chúng đã bị ngừng lại khi Chính phủ chuẩn y Dự luật Cải cách Chính trị ngày 10 tháng Chín 1976.

Hai ngày trước đó, Suárez đã tổ chức một cuộc họp thuộc loại rất khác với các chỉ huy cấp cao của các lực lượng vũ trang. Trước sự hiện diện của 29 sĩ quan quân đội cao cấp, bao gồm tất cả các trung tướng và các đô đốc tư lênh của các quân khu, các tham mưu trưởng, Chỉ huy Cảnh vệ Dân sự và Chánh án Tòa án Quân sự Tối cao, Suárez đã trình bày Dự luật Cải cách của ông. Ông đã nhận được sự nhất trí chấp thuận sau khi hứa bảo vệ “sự thống nhất của Tây Ban Nha” và loại trừ những người Cộng sản, quả quyết với sự tự tin rằng không có nguy hiểm nào về thua các cuộc bầu cử.

Gần như đồng thời Tổng Tham mưu trưởng quân đội lúc đó, Trung tướng Manuel Gutiérrez-Mellado, đã gửi một tuyên bố đe dọa tới tất cả các tướng, các tham mưu, các sĩ quan và hạ sĩ quan mà trong đó ông yêu cầu sự tránh xa hoạt động chính trị hay các tuyên bố ý thức hệ, cảnh cáo họ bằng chính lời của ông rằng: “bất cứ ai cảm thấy không có khả năng làm vậy và có những lý tưởng độc đoán như vậy mà, theo ý kiến riêng của mình, là cao hơn những gì quân đội đòi hỏi từ mình, phải từ bỏ nghĩa vụ [quân đội] của mình, chắc chắn không bị mất danh dự nào”, và rằng “quân đội sẵn sàng đuổi khỏi hàng ngũ của mình” tất cả những người không duy trì kỷ luật của nó.

Hai tuần sau, những tiêu chuẩn này đã được đưa vào thực tế một cách gương mẫu với sự sa thải Phó thủ tướng thứ nhất của Chính phủ, Trung tướng Fernando de Santiago y Díaz de Mendívil, người đã bị Suárez cách chức vì không tán thành dự luật của chính phủ về tự do nghiệp đoàn. Trong cuộc đối thoại sau sự sa thải, Tướng Santiago đã nhắc nhở Suárez rằng đã có nhiều sự tiếp quản quân đội suốt lịch sử Tây Ban Nha. Suárez đã đáp lại: “Và tôi muốn nhắc nhở ông, Santiago, rằng hình phạt tử hình vẫn tồn tại ở Tây Ban Nha”. Phó thủ tướng quân đội được thay bằng Gutiérrez-Mellado được nhắc tới ở trên. Hơn nữa, mặc dù biện pháp sau này đã hóa ra là bất hợp pháp, de Santiago và một trung tướng khác và cựu Chỉ huy Cảnh vệ Dân sự, Carlos Iniesta, người đã ủng hộ ông, đã bị chuyển ngay lập tức sang quân dự bị.

Sau khi nhận được một phúc lành hạn chế từ quân đội, Dự luật Cải cách Chính trị đã được thảo luận tại Cortes từ 16 đến 18 tháng Mười Một 1976. Những người đại diện hay các thành viên của Cortes đã được yêu cầu một *harakiri (sự mổ bụng tự sát)* thực sự hay sự tự giải tán. Cho tranh luận và bỏ phiếu, Chủ tịch của nó, Torcurato Fernández-Miranda, đã áp dụng một “thủ tục khẩn cấp” mới, mà đã không được giải thích trước. Như được kỳ vọng từ ông, nó cũng đã khá gây bối rối.

Trong thời gian cơ quan lập pháp đó, Cortes Francoist đã bao gồm 531 dân biểu hay thành viên, trong số đó các nhóm sau đây phải được nhắc tới: khoảng 60 thành viên có quan hệ với các nhóm cải cách và ủng hộ chính phủ (như Liên hiệp Nhân dân Tây Ban Nha, do Suárez thành lập, Liên hiệp Dân chủ Tây Ban Nha, do Phó Thủ tướng Osorio lãnh đạo và Nhóm Độc lập, được bộ trưởng Martín-Villa gây cảm hứng); một số có lẽ tương tự của các nhà cực đoan; ít nhất 183 từ nhóm mở cửa, AP [Alianza Popular-Liên Minh Nhân dân], dưới chức chủ tịch của Manuel Fraga (người lúc đó đã không là một thành viên); và hơn 200 không có liên kết chính thức nào, được nhận diện phần lớn như những người theo đường lối liên tục.

Bởi vì cải cách pháp lý của các luật cơ bản đã dòi hỏi đa số hai phần ba (354 thành viên nếu tất cả đều hiện diện), sự chấp luận dự luật của Suárez, ngay cả với sự ủng hộ của các nhóm cải cách, vẫn sẽ là không thể mà không có sự ủng hộ của các nhà liên tục và mở cửa.

Trong thời gian tranh luận, các thành viên nào đó, chắc cực đoan, đã đề xuất rằng dân chủ đại diện bởi quyền đi bầu phổ quát trong hạ viện, Đại hội các dân biểu, được dự kiến trước, phải kết hợp với dân chủ hữu cơ trong thượng viện, Thượng nghị viện. Đề xuất này về cơ bản đã bị bác bỏ, nhưng đã được xác lập rằng một số thượng nghị sĩ sẽ được bổ nhiệm bởi sự chỉ định hoàng gia hơn là được bầu.

Sự tranh luận với AP bảo thủ đã tập trung vào hệ thống bầu cử. Dự luật đã nói rõ rằng bản thân chính phủ phải ra một sắc luật về vấn đề này, với sự đại diện đa số ở Thượng viện và đại diện tỷ lệ ở Hạ viện. AP đã yêu cầu rằng một hệ thống đa số được thiết lập cho cả hai viện và luật bầu cử được thông qua ở Cortes. Hiển nhiên rằng theo cách này AP đã hy vọng nhận được lợi thế đại diện cho cái được biết đến như “chủ nghĩa Franco xã hội học” (mà đã bén rễ sâu ở các vùng nông thôn của đất nước) cũng như để thúc đẩy hệ thống hai đảng. Tuy vậy, Suárez đã không thể bỏ những tiêu chuẩn chung nhất định của tính tỷ lệ, vì, như Phó thủ tướng Osorio đã có thể xác nhận bởi một cuộc điện thoại với một người phát ngôn đối lập từ bản thân tòa nhà Cortes trong thời gian tranh luận, nếu ông làm vậy, ông sẽ không nhận được sự tham gia của các đảng chống Francoist trong các cuộc bầu cử. Vì lý do này, sau những cuộc thương thuyêt nhất định ở hành lang, Suárez và AP đã đạt một sự thỏa thuận mà theo đó hệ thống đa số sẽ không được áp đặt, nhưng các khu bầu cử sẽ là các tỉnh, với một số tối thiểu dân biểu từ mỗi tỉnh, và “các biện pháp hiệu chỉnh” sẽ cũng được đưa ra liên quan đến tính tỷ lệ của Hạ viện.

Với những nhượng bộ như thế này, Suárez đã cho phép các đại biểu duy trì hy vọng một lần nữa chiếm giữ ghế của mình, hoặc bằng sự chỉ định hoàng gia hay bằng sự bỏ phiếu kín. Một vài trong số họ, nghĩ theo những cách này, đã yêu cầu tăng số dự kiến của các dân biểu và thượng nghị sĩ. Trong cuộc họp toàn thể, nhà cực đoan Dinosinio Martín-Sanz đã bình luận đầy khinh bỉ liên quan đến “sự thảo luận về liệu sự bầu cử phải là theo tỷ lệ hay đa số” rằng “trong thâm tâm, cái mà mọi người nghĩ là làm sao, bằng cách này hay cách khác, họ sẽ quay lại đây”. (Nhận xét đã nhận được nhiều tiếng vỗ tay tán thưởng). Như bản thân Suárez đã tuyên bố một năm sau với Emilio Attard: “Nhưng lại đây bây giờ! Nếu tôi đã không có khả năng lôi ra từ cái mũ một số ghế trong Thượng viện để biếu cho các đại diện *harakiri*, thì làm sao tôi có thể cứu được cải cách chính trị?”

Đấy đã là những lời hứa (hơi mơ hồ, như có thể thấy). Đồng thời Suárez đã bắt toàn bộ nhóm các dân biểu Francoist, đặc biệt những người không được liên kết, phải chịu những loại khác nhau của sự đe dọa cá nhân. Bởi vì chính bản chất của chúng nên ít được biết đến về chúng nhưng đã không có nghi ngờ gì rằng những sự đe dọa này đã bao gồm, giữa những hình thức khác của sự hăm dọa, khả năng hất cẳng các dân biểu nào đó khỏi nhiều công việc béo bở, không nhắc đến là được đưa ra một cách rất tùy tiện, mà nhiều trong số họ được hưởng. Theo một số nhà quan sát, Suárez thậm chí còn đi xa đến mức giao những “hồ sơ” cho những người đang được nói đến với những băng ghi âm ghi lén các cuộc đàm thoại của họ ở nhà và ở văn phòng. Bằng cách này động lực di trú cá nhân đã bắt đầu trong nhóm các dân biểu theo đường lối liên tục, mà đến lượt đã đẩy nhanh sự tháo chạy tập thể mà sớm hơn tôi đã nhắc tới như “sự lật-tipping”.

Cuối cùng, một số dân biểu đã yêu cầu một cuộc bỏ phiếu kín, mà Suárez đã đáp trả với sự đe dọa rằng phiên họp sẽ được kênh truyền hình thứ nhất truyền trực tiếp, cho nên những người bỏ phiếu ‘không’ đối với cải cách sẽ phải đối mặt với hậu quả giảm sự mến mộ của cử tri và có khả năng không được quay lại trong cuộc bầu cử tương lai.

Cuối cùng, với cuộc bỏ phiếu danh nghĩa, không được truyền hình, kết quả đã là 420 phiếu thuận (các nhà cải cách ủng hộ chính phủ, hầu như tất cả các dân biểu mở cửa của AP và đại đa số các nhà liên tục); 13 không bỏ phiếu (vài nhà liên tục không được thuyết phục bởi những nhượng bộ); 59 phiếu chống (dễ nhận ra nhất là các nhà cực đoan, kể cả sáu tướng và một giám mục); và 34 người vắng mặt (kể cả một nhóm các dân biểu khó bảo nhất những người được chính phủ cử đi một chuyến công du chính thức sang vùng Caribbe).

Như thế, nhóm liên tục trên thực tế đã bị giải tán. Đa số họ đã gia nhập AP mở cửa trong một cố gắng để tham gia cuộc bầu cử sắp tới và vào khung khổ chính trị tương lai, và như thế thích nghi cấu trúc sở thích của họ theo cải cách đang tiến hành rồi. Một phái khác, gồm các thành viên dân sự và quân sự đều nhau, đã gia nhập những người cực đoan, trở nên dính líu, như chúng ta sẽ thấy trong một chương khác, vào những âm mưu chống chính phủ. Dưới dạng của sơ đồ được trình bày trong Bảng 1.1, chúng ta có thể nói rằng một số đông cá nhân từ Cột 5 đã chuyển sang các Cột 4 và 6. Đây đã là thời khắc thứ hai của sự di trú chính trị, thời khắc thứ nhất đã xảy ra vào lúc nhà độc tài chết một năm trước.

**HÃY NÓI, NHÂN DÂN, HÃY NÓI**

Tình tiết tiếp theo của trò chơi đã không còn là sự thao tác các quy tắc cho việc đưa ra một sự lựa chọn giữa hai lựa chọn khả dĩ khi thực ra đã có ba.

Phù hợp với các quy tắc pháp lý, Suárez đã đệ trình Luật Cải cách Chính trị cho một cuộc trưng cầu dân ý, mà trong đó các quyết định khả dĩ chỉ là chấp nhận hay bác bỏ cải cách. Điều này có nghĩa rằng ông đã đưa ra một sự lựa chọn hạn chế giữa cải cách và liên tục, vì rất có thể cái sau sẽ mau chóng được khôi phục nếu Suárez bị đánh bại trong sự tham vấn của ông với nhân dân. Sự đoạn tuyệt đã không được tính đến ở đây.

Hãy quan sát những gì xảy ra trong tình huống này bằng cách quay lại Bảng 1.1. Do sự lựa chọn bị hạn chế ở hoặc *r* hay *C*, hẳn chỉ trông đợi rằng cải cách sẽ nhận được phiếu bầu, không chỉ từ những người đồng nhất với các Cột 3 và 4, mà sở thích thứ nhất của họ là *r*, mà cũng từ Cột 2, những người cảm tình với đối lập dân chủ, vì sự lựa chọn này đứng trước *C* trong thứ tự ưu tiên của họ.

Như tôi đã gợi ý ở trước, thậm chí có thể rằng một số trong những cá nhân này tin rằng không phải vấn đề là chọn cái ít xấu hơn trong hai cái xấu, mà đúng hơn là cải cách sẽ cho phép một sự đạt được từ từ các mục tiêu cơ bản của sự đoạn tuyệt.

Đối với những người này, chúng ta phải nói thêm sự thích nghi được nhắc tới ở trước về những sở thích của những người trước kia đã đồng nhất với các nhà liên tục, được kích thích có lẽ bởi cách nhìn đối chọi rằng một thắng lợi cải cách sẽ tránh mối nguy hiểm của đoạn tuyệt, chí ít trong chừng mực liên quan đến những sự trả đũa có thể chống lại những người cộng tác với chế độ độc tài.

Vì thế, một lần nữa, Suárez đã có khả năng thu lợi từ cách nói nước đôi chính trị, hướng bây giờ không chỉ tới các nhóm có tổ chức của phe đối lập và các chính trị gia của Franco, mà cả tới các khu vực cử tri tương ứng của họ. Một mặt, là hữu ích đối với ông để làm tăng nhận thức chủ quan rằng các Francoist và các nhà cực đoan vẫn đã còn ảnh hưởng đáng kể. Mặt khác, ông đã có thể chỉ được lợi từ ấn tượng rằng một mối nguy hiểm thật về đoạn tuyệt hay thậm chí sự náo động cách mạng đã thực sự tồn tại. Thông điệp cho công chúng, mà đã được phối khí sắp đặt với khẩu hiệu “Hãy nói, nhân dân, hãy nói”, đã là khá mơ hồ liên quan đến những mục tiêu của cải cách, thay vào đó cho thấy nội dung dân chủ và tính hợp pháp của nó, “quyền tự do” và để đạt được “mà không có sự giận dữ”. Như thế sự nhấn mạnh đã được đặt, một mặt, lên “sự thay đổi mà không có rủi ro” và “chấm dứt chính sách mị dân”, trong khi đồng thời gợi ý rằng “phiếu ‘thuận’ của bạn là sự bắt đầu thay đổi” và “cải cách chính trị bắt đầu với một ‘phiếu thuận’.”

Trong khi các nhà cực đoan truyền bá sự phản tuyên truyền sử dụng khẩu hiệu dễ hiểu “Franco bỏ phiếu ‘chống’,” đối lập dân chủ đã chia rẽ: các nhà Xã hội, những người Cộng sản và các nhóm đối lập khác đã kêu gọi không bỏ phiếu một cách tích cực, còn các nhà Dân chủ Thiên chúa giáo, Tự do, Dân tộc chủ nghĩa Catalan và các nhóm khác đã đưa ra cho những cảm tình viên của họ “quyền tự do lựa chọn”, nói, chẳng hạn, rằng, “Trưng cầu dân ý là một nghi thức”, “thực ra trưng cầu dân ý xong rồi” và “Hãy sẵn sàng cho bầu cử”, mà hiển nhiên đã là sự động viên bỏ phiếu ủng hộ.

Trong cuộc trưng cầu dân ý được tổ chức ngày 15-12-1976, 22,3% cử tri đã không bỏ phiếu, 73,2% đã bỏ phiếu ‘thuận’ và chỉ 2% đã bỏ phiếu ‘chống’.

Luật Cải cách Chính trị đã có hiệu lực thực sự. Tính hợp pháp và tính chính đáng Francoist được cứu để pha trộn với tính chính đáng mới và tương lai được tạo ra tại những nơi bầu cử. Các chính trị gia và quan chức từ chế độ Francoist rồi sẽ chia sẻ ánh sáng đèn chính trị nào đó với một làn sóng mới hay được tái chế của các chính trị gia dân chủ trong quá trình ra quyết định. Theo cách này, các nút nhất định của sự liên tục đã được tháo, nhưng, như ta có thể thấy, không được tháo thật tốt.

**TRÒ CHƠI GIỮA SUÁREZ VÀ PHE ĐỐI LẬP**

Các trò chơi tương tác khác của chính phủ cải cách của Suárez tạo ra những kết cục khá hiển nhiên. Đối với các nhà mở cửa và cải cách (các Cột 3 và 4 của Bảng 1.1), chẳng hạn, việc đạt một thỏa thuận về cải cách là dễ, vì nó là ưu tiên số một cho cả hai. Ngược lại, trong một trò chơi với Suárez, đối lập cách mạng (Cột 1) luôn luôn duy trì chiến lược trội của nó về đoạn tuyệt và không tham gia trưng cầu dân ý.

Có vẻ lý thú hơn để phân tích trò chơi giữa Suárez và đối lập dân chủ sau cuộc trưng cầu dân ý. Vì, theo Bảng 1.1, tính liên tục chiếm vị trí cuối cùng trong thứ tự sở thích của cả hai người chơi (các Cột 2 và 3), sự tương tác của họ được giới hạn ở các lựa chọn *r* và *R*.

Hãy nhớ mọi thứ đã được nói cho đến nay, tức là, bằng chứng kinh nghiệm và các tiêu chuẩn logic hình thức, chúng ta có thể giả định rằng các người chơi có những thứ tự sau đây của những ưu tiên được kết hợp.

Ưu tiên thứ nhất của Suárez là duy trì cải cách mà được phe đối lập chấp nhận; ưu tiên thứ hai của ông là để bênh vực cải cách với phe đối lập bác bỏ nó; ưu tiên thứ ba của ông là chịu thua sự đoạn tuyệt trong những khía cạnh nhất định nhằm bảo đảm sự chấp thuận cải cách từ phe đối lập; và ưu tiên sau cùng của ông là chuyển sang lựa chọn khả dĩ được ưa thích thứ nhất của đối thủ của ông bằng cách đi theo sự đoạn tuyệt.

Trong chừng mực liên quan đến đối lập dân chủ, có vẻ rõ ràng là, xét thấy sự tiến triển của cải cách của Suárez, một số trong các thành viên của nó, các nhà Dân chủ Thiên chúa giáo và Tự do, đã thích nghi cấu trúc sở thích của họ và đã chuyển từ Cột 2 sang Cột 3 của Bảng 1.1. Các nhóm đối lập khác cũng cho thấy một khuynh hướng để thích nghi với cải cách được thỏa thuận thành công giữa Suárez và các nhà liên tục, như chúng ta sẽ thấy. Với tư cách một khối, tuy vậy, phe đối lập đoạn tuyệt (tập hợp lại với nhau trên cương lĩnh của Điều phối Dân chủ) đã duy trì một thứ tự sở thích liên quan đến những kết cục, mà đã nhất quán với những sở thích từ từ của nó ủng hộ các lựa chọn khả dĩ với mức độ thay đổi lớn hơn: *R > r > C*. Vì lý do này, tôi cho rằng trong tương tác của nó với chính phủ cải cách của Suárez, phe đối lập thích những kết cục mà trong đó nó duy trì chiến lược đoạn tuyệt *R* – và nếu Suárez tham gia với họ, thì càng tốt – so với những kết cục mà buộc họ phải chịu *r*, giữa chúng họ cũng thích Suárez nhượng bộ trong việc chấp nhận lập trường đoạn tuyệt.

Điều này có thể được tóm tắt như thấy trong Bảng 4.2.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *Bảng 4.2. Các thứ tự ưu tiên giữa Suárez và phe đối lập đoạn tuyệt* | | | | | | |
| Các ưu tiên của Suárez | | |  | Các ưu tiên của đối lập đoạn tuyệt | | |
| Suárez | Các nhà đoạn tuyệt | Giá trị thứ tự |  | Suárez | Các nhà đoạn tuyệt | Giá trị thứ tự |
| *r* | *r* | *4* |  | *R* | *R* | *4* |
| *r* | *R* | *3* |  | *r* | *R* | *3* |
| *R* | *r* | *2* |  | *R* | *r* | *2* |
| *R* | *R* | *1* |  | *r* | *r* | *1* |
| Lưu ý: các lựa chọn khả dĩ: *r* = cải cách; *R* = đoạn tuyệt | | | | | | |

Tương tác giữa hai người chơi được cho thấy trong Hình 4.2.

Trong trò chơi này, cả hai người chơi đều có một chiến lược trội: *r* cho Suárez và *R* cho phe đối lập. Có thể thấy rằng, đối với bất cứ giả thuyết nào phe đối lập chọn, Suárez đều khá hơn nếu chọn *r.* Nếu đối lập chọn *R* (Cột trái của matrix), Suárez có thể nhận được giá trị 3 nếu ông chọn *r* hay giá trị 1 nếu chọn *R,* cho nên tốt hơn cho ông để chọn *r.* Nếu thay vào đó phe đối lập chọn *r* (cột phải), Suárez có thể nhận được giá trị 4 nếu ông chọn *r* hoặc giá trị 2 nếu chọn *R,* cho nên cũng tốt hơn cho ông để chọn *r*.

Phe đối lập cũng có một chiến lược trội, *R*, như bạn đọc có thể thấy khi nhìn thoáng qua [3 >1 và 4 >2].

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Hình 4.2. Trò chơi giữa Suárez và phe đối lập đoạn tuyệt* | | | | |
|  |  | Đối lập đoạn tuyệt | | |
|  |  | R | r |  |
| Suárez | r | 3, 3 | 4, 1 |  |
|  | R | 1, 4 | 2, 2 |  |
|  | | | | |

Kết cục của trò chơi này đạt được, khi cả hai người chơi chấp nhận các chiến lược trội của mình, *r* và *R,* trong ô trái bên trên, nơi các giá trị là 3, 3. Không giống sự tương tác được sắp đặt trước kia giữa các nhà cải cách và liên tục, kết cục của trò chơi này giữa các nhà cải cách và đoạn tuyệt không đưa ra khả năng cải thiện nào qua liên lạc, vì họ không khá hơn trong bất kỳ ô nào. Vì lý do này, kết cục duy nhất của trò chơi là sự đối đầu giữa những lựa chọn khả dĩ được ưa thích nhất của hai người chơi. Không có hiệp định thật sự nào giữa Suárez và đối lập.

Về đại thể, đấy là cái đã xảy ra. Sau khi phe đối lập đã tung ra thành ngữ mới của nó “sự đoạn tuyệt được thỏa thuận” vài tuần sau khi chính phủ Suárez hình thành, nó lặp đi lặp lại “sự sẵn lòng thương lượng với chính quyền Nhà nước” của nó cho việc dựng lên một chính phủ đồng thuận rộng rãi, sự khôi phục các quy chế lịch sử của các vùng tự trị, sự ân xá hoàn toàn và sự hợp pháp hóa tất cả các đảng. Phe đối lập đã kết hợp những mối quan hệ cá nhân và một sự sẵn lòng thương lượng với những lời kêu gọi biểu tình và đình công hàng loạt. Tiếp sau trưng cầu dân ý, nó thành lập một ủy ban mới, Ủy ban của 9, nhằm tạo thuận lợi cho sự đối thoại với người đối thoại kín đáo của nó, thậm chí đã giảm cương lĩnh của nó thành một hiệp ước với chính phủ hiện tồn mà không làm thay đổi thành phần cấu tạo của nó.

Tuy vậy, trong các cuộc trao đổi với người phát ngôn của các cương lĩnh chung của phe đối lập mà đã bắt đầu xảy ra vào cuối tháng Mười Hai, 1976, Suárez đã chỉ đưa ra những nhượng bộ ít quan trọng, Trong tháng Tư, 1977, trên thực tế, ông đã kêu gọi một cuộc bầu cử, chủ trì, như bản thân ông đã muốn, một chính phủ đơn sắc. Từ đó, ông đã lập ra một danh sách ứng viên, Liên hiệp Dân chủ Trung tâm (UCD), mà bản thân ông đứng đầu; ông đã áp đặt một hệ thống bầu cử bằng sắc luật mà sẽ có lợi cho riêng ông; và ông tuyên bố chế độ quân chủ và hình thức thống nhất của nhà nước là cao hơn vấn đề trong các cương lĩnh của các đảng mà đang tìm kiếm sự hợp pháp hóa và trong những tranh luận về Hiến pháp tương lai.

Bởi vì điều này, những nhà Dân chủ Thiên cúa giáo và nhà Tự do mà đã thích nghi các cấu trúc sở thích của mình bằng cách chuyển sang Cột 3 của Bảng 1.1, đã thương lượng sự hợp nhất của họ như các ứng viên trong các danh sách của UCD. Tất cả các đảng đối lập khác đã trình những tài liệu cần thiết cho sự hợp pháp hóa của họ và sự tham gia bầu cử lên cho cơ quan Đăng ký các Hiệp hội Chính trị của Bộ Nội vụ dưới những điều kiện bị áp đặt.

Không giống trò chơi mà Suárez đã chơi với các nhà liên tục, ở đây đã không có sự hợp tác thuộc bất cứ loại nào.

**GHI CHÚ**

Những thứ tự này và những thứ tự khác về sở thích được trình bày dưới đây là phù hợp cả với quan sát kinh nghiệm và suy diễn logic từ các giả định sau đây: mỗi diễn viên ưa thích các kết quả theo một thứ tự mức độ thay đổi mà tương ứng với các sở thích về các lựa chọn khả dĩ được trình bày trong Bảng 1.1. Theo cùng cách, giữa những kết quả với cùng mức độ thay đổi, người đó thích sự trùng hợp với người chơi khác cho sự đối đầu giữa các lựa chọn khả dĩ kị nhau. Theo cách này, chúng ta có được Bảng 4.3. Bạn đọc có thể so sánh những sự sắp thứ tự được trình bày trong các trò chơi thêm với các trò chơi của Bảng 4.3, nhằm kiểm tra tính nhất quán lý thuyết của những giả định kinh nghiệm cụ thể. Về những chi tiết thêm, xem J. M. Colomer (1991), “Transitions by agreement”,  *American Political Science Review*, 58 (4), December, pp. 1287-9.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *Bảng 4.3. Các thứ tự sở thích trên các lựa chọn khả dĩ và các kết quả* | | | | | | | | | | | | |
|  | 1  Các nhà cách mạng | | 2  Các nh. đoạn tuyệt | | 3  Các nhà cải cách | | 4  Các nhà mở cửa | | 5  Các nhà liên tục | | 6  Các nhà cực đoan | |
|  | Alts | Outs | Alts | Outs | Alts | Outs | Alts | Outs | Alts | Outs | Alts | Outs |
| Ưu tiên | R | RR | R | RR | r | rr | r | rr | C | CC | C | CC |
| nhất |  | Rr |  | Rr |  | RC |  | CR |  | Cr |  | Cr |
|  | C | CC |  | RR |  | RC | C | rC | r | CR | R | Cr |
|  |  | Cr | r | rr | R | Rr |  | Cr |  | rr |  | Rr |
| Ưu tiên | r | RC |  | RC |  | RR |  | CC |  | CR | r | CR |
| Bét nhất |  | CR | C | rC | C | rC | R | rR | R | rR |  | RC |
| Lưu ý: Alts = Alternatives – Các lựa chọn khả dĩ; Outs = Outcomes – Các kết quả.  Mỗi sự sắp xếp thứ tự của các kết quả là phù hợp với mức độ thay đổi của sự sắp thứ tự song song của các lựa chọn khả dĩ. Những kết quả mà trong đó người chơi sẽ chọn ưu tiên bét nhất của mình không được xem xét. | | | | | | | | | | | | |

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Sự phân tích các cân bằng trong trò chơi giữa Suárez và các nhà liên tục, cũng như trong các trò chơi khác của sự chuyển đổi bằng thỏa thuận, dính dáng đến một sự thảo luận lý thuyết về các khái niệm cân bằng mà đã được phác họa trong văn bản. Trò chơi này tương ứng với trò chơi số 27 của sự phân loại đầy đủ của 78 trò chơi không tương đương của hai người chơi với hai lựa chọn khả dĩ được trình bày bởi Steven J. Brams (1994), *Theory of Moves*, Cambridge: Cambridge University Press, pp. 217-19. Theo Brams, đây là một trong hai trò chơi với một cân bằng “không thiển cận”, hiệu quả khác với cân bằng Nash của nó, mà có thể đạt được bằng quyền-di chuyển của hai người chơi và quyền-đe dọa của người chơi mà các sở thích của người ấy tương ứng với các sở thích của Suárez trong phân tích của tôi. Sự khám phá hình thức này trùng, làm rõ và củng cố phân tích trước của tôi về các trò chơi mà trong đó hai người chơi có thể cải thiện kết cục trong các tình huống của những sự chuyển đổi bằng thỏa thuận. Thực ra, trò chơi khác với một cân bằng “không thiển cận” khác với cân bằng Nash của nó trong phân tích của Brams (trò chơi số 28, trong Brams, *op. cit*) tương ứng với mô hình thay thế khả dĩ của tôi về sự chuyển đổi được gọi là “thương lượng với phe đối lập” (được trình bày trong Colomer, *Transitions by Agreement…, op. cit*, và cũng được phát triển cho sự phân tích chuyển đổi Ba Lan trong Colomer and Pascual, *The Polish Games of Transition, op. cit.*). Cũng lý thú để lưu ý rằng trong một sự phân loại trước của các trò chơi 2x2, sự tương tác của Suárez và các nhà liên tục sẽ tương ứng với một trò chơi “cân bằng sức mạnh-có thể bị tổn thương”, mà, tuy mơ hồ hơn, cũng cho biết sự dễ tổn thương của cân bằng không hiệu quả đối với hành động nào đó về phía những người chơi, Anatol Rapoport and Melvin Guyer (1966), “A Taxonomy of 2x2 Games”, *General Systems*, 11, (trò chơi số 47).

Một phân tích nhìn lại về cải cách chính trị ở Tây Ban Nha bởi người đóng vai chính của nó có thể thấy trong Adolfo Suárez (1983), “La transición Política”, trong *Historia de la Transición,* Madrid: Diario 16, Chương 29 và 30. Đây cũng là nguồn cho sự trích dẫn của Suárez về những tương tác song song của ông với các nhà liên tục và phe đối lập. Một phiên bản chính thức của cải cách (được trình bày khi dự luật được thảo luận ở Cortes) là Josep Melià (1976), *Qué Es la Reforma Política,* Barcelona: La Gaya Ciencia. Những lời của Martín Sanz về các dân biểu mà được gây cảm hứng để quay lại Quốc hội bằng con đường bầu cử có thể thấy trong Báo cáo Biên bản lưu của Cortes, *Diario de sesiones de las Cortes españolas, X Legislatura, № 29, Sesción celebrada los días 17, 17 y 18 de Noviembre de 1976.* p. 186.

# Thứ Bảy Linh thiêng trong màu Đỏ

Thông qua “cải cách được thỏa thuận” của mình với các Francoist, Suárez đã thành công trong việc khiến các đảng đối lập đề nghị sự hợp pháp hóa của họ và tham gia vào bầu cử, mà không cần bất cứ hiệp ước nào. Tuy vậy, như khoản trả phụ cho các Francoist vì sự hợp tác của họ, ông đã phải loại trừ những người Cộng sản khỏi dự án. Trong chương này chúng ta sẽ phân tích tương tác mà đã sửa đổi tình hình này như một trò chơi hợp tác, trong trường hợp này giữa Thủ tướng Chính phủ, Aldofo Suárez, và Tổng Bí thư của Đảng Cộng sản Tây Ban Nha (PCE) lúc đó, Santiago Carrillo.

Carrillo, thực ra, đã cho thấy cùng những sở thích thích nghi như các lãnh tụ của các đảng đối lập khác. Từ đầu năm 1976, ông đã sử dụng một sự kết hợp những sự đe dọa và những lời hứa liên quan đến các nhà cải cách, một mặt thúc đẩy những sự huy động quần chúng, và gây sức ép, mặt khác, sự chấp nhận ý thức hệ vô điều kiện của các quy tắc dân chủ bằng phương tiện của học thuyết “cộng sản Âu châu”. Như thế, ông đã phối khí sắp đặt “sự ra khỏi bí mật” của các chiến sĩ trong tổ chức của ông, sao cho họ có thể hoạt động cứ như tình trạng của họ là hợp pháp ngay cả khi nó đã không phải thế. Bản thân ông đã ở những giai đoạn dài một cách bí mật ở Tây Ban Nha, và trong một cuộc thăm như vậy ngay trước cuộc trưng cầu dân ý về Luật Cải cách Chính trị, trong tháng Mười Hai 1976, và lường trước một tương lai mới tiếp sau sự thông qua của nó, ông đã có một cuộc họp báo ở Madrid mà đã có một tác động lớn. Tại đó ông đã không còn bảo vệ một quá trình lập hiến mà trong đó những người Cộng sản sẽ chọn một nền cộng hòa, mà đã bày tỏ sự mong muốn của ông để tham gia vào cuộc bầu cử sắp được tổ chức bởi chính phủ Suárez. Thay cho việc mô tả Juan Carlos một cách miệt thị, như ông đã làm trong quá khứ, như “đại diện của chủ nghĩa Franco”, ông đã nói, giữa những thứ khác, “nhà Vua là một thực tế và tôi muốn gặp ông”.

Vài tuần sau Carrillo bị cảnh sát bắt nhưng được thả sau vài ngày bởi lệnh của tòa án. Những người Cộng sản đã chứng tỏ một mức độ cao tương đối về sự tổ chức và năng lực huy động. Một thí dụ nổi bật về điều này đã là đám tang có quy mô lớn cho một nhóm luật sư từ nghiệp đoàn lao động, các Ủy ban Công nhân, những người đã bị một nhóm cực đoan bắn chết tại văn phòng của họ ở Atocha vùng lân cận Madrid.

Bởi vì tất cả việc này, Aldofo Suárez muốn biết cái nào lớn hơn: thiệt hại gây bất ổn định cho dự án cải cách của ông mà những người Cộng sản có thể gây ra nếu đảng của họ vẫn bất hợp pháp và công khai tẩy chay ông; hay những mối lợi của sự tín nhiệm lớn hơn có được bởi sự tham gia bầu cử của họ. Nếu ông chấp nhận sự hợp pháp hóa của những người Cộng sản, các Francoist có thể phản ứng với Suárez theo một cách bất lợi. Tuy vậy, Thủ tướng Chính phủ có lẽ đã có ý định xoa dịu họ bằng cách giật dây mà ông đã có thể giật từ vị trí quyền lực của ông và, với hy vọng của một chiến thắng cho danh sách ứng cử viên chính phủ mà sẽ gạt bỏ bất cứ ý chợt nảy ra nào mà phe đối lập (hoặc, cụ thể hơn, những người Cộng sản) có thể có về thanh toán các đặc vụ của chế độ độc tài. Thực ra, Suárez đã không bị xúi giục bởi bất cứ động cơ nào khác hơn việc dành cho những người Cộng sản cùng sự ao ước mà ông đã dành cho các đảng đối lập khác rồi: rằng nó chấp nhận các điều kiện của ông và tham gia vào cải cách.

Những mong muốn riêng của Santiago Carrillo đã cũng pha trộn với sự lạc quan và bi quan. Một mặt, ông đã cảm thấy sự mệt mỏi cá nhân và một nhu cầu bức bách để trở về từ sự lưu vong. Mặt khác, đã có sự lý tưởng hóa về những kỳ vọng bầu cử của ông, vì, trong sự phóng chiếu vai trò quyết định mà những người Cộng sản đã đóng trong kháng chiến chống Francoist sang tương lai, đôi khi ông được cho là khát khao một thắng lợi bầu cử so sánh được với thắng lợi của đảng Cộng sản Italia (mà lúc đó là khoảng một phần ba số phiếu). Tổng Bí thư của PCE có thể cũng e sợ một phản ứng bất lợi bởi một vài chiến sĩ bị ý thức hệ hóa cao độ trong đảng của ông nếu ông từ bỏ những nguyên lý được coi là những dấu hiệu cơ bản của bản sắc Cộng sản. Thế nhưng ông cũng hy vọng vào sự áp đặt lập trường của mình qua giá trị của kỷ luật đảng, sự ủng hộ của các chính trị gia và chiến sĩ cộng sản có định hướng cử tri hơn, các phương pháp tập trung và độc tài của ông về việc tổ chức và, mơ hồ hơn, bằng sự dựa vào uy tín của sự lãnh đạo lâu đời của ông từ cảnh lưu vong và sức mạnh thuyết phục của cá nhân ông.

Như thế, chúng ta có thể xác định các chiến lược đối mặt hai người chơi của trò chơi này theo cách như sau:

Suárez đã có thể chọn giữa việc tôn trọng các điều kiện của hiệp ước với các Francoist và không hợp pháp hóa PCE (một lập trường mà tôi sẽ gọi là “no”), và hợp pháp hóa PCE bất chấp sự thực rằng việc này có nghĩa là không thực hiện một điểm của các thỏa thuận đó (lập trường mà tôi sẽ gọi là “yes”).

Carrello, về phần mình, ông đã có thể duy trì PCE trong lập trường đoạn tuyệt và cộng hòa của nó (mà tôi sẽ gọi là R), hoặc chấp nhận cải cách của Suárez với những hạn chế về hình thức nhà nước và chính phủ mà Suárez đã muốn áp đặt, và với rủi ro buộc một phần của khu vực chiến sĩ phải chấp nhận lập trường này (mà tôi sẽ gọi là *r*).

Theo ứng xử và những tuyên bố công khai của các diễn viên chính, sự diễn giải logic duy nhất là để thừa nhận rằng trong sự tương tác cụ thể này nơi một vấn đề cô lập được quyết định bên trong một quá trình rộng hơn của sự thay đổi chính trị, hai người chơi đã cho thấy những sở thích hơi khác với những sở thích mà đã hướng dẫn cách cư xử của họ trong sự đối đầu toàn diện giữa chính phủ và phe đối lập (được trình bày trong chương trước).

Chúng ta hãy giả định những sự sắp thứ tự sau đây:

Suárez, trên hết, đã muốn những người Cộng sản chấp nhận cải cách của mình, và tốt nhất là ông không phải hợp pháp hóa đảng. Do đó, sở thích thứ nhất của ông đã là một PCE bất hợp pháp, chấp nhận nền quân chủ và tôn trọng sự thống nhất của Tây Ban Nha. Tuy vậy, một PCE mà có thể tham gia các cuộc bầu cử với sự trung thành đối với nền quân chủ và sự thống nhất của Tây Ban Nha, tin vào sự đại diện cử tri nhỏ của nó đã được thích hơn một PCE theo đường lối đoạn tuyệt và cộng hòa, tẩy chay cuộc cải cách của ông từ vị trí bất hợp pháp của nó với những tác động gây mất ổn định mà việc này sẽ gây ra. Hiển nhiên, điều làm ông ít thích nhất đã là sự hợp pháp hóa PCE trong khi nó vẫn duy trì cương lĩnh đoạn tuyệt và cộng hòa của nó.

Ưu tiên cao nhất của Carrillo đã là sự hợp pháp hóa PCE, nếu có thể không phải từ bỏ các lập trường chính trị truyền thống của nó. Do đó, sở thích đầu tiên của ông đã là một PCE bảo vệ các lập trường đoạn tuyệt và cộng hòa từ một vị trí hợp pháp (sở thích cuối cùng của Suárez). Tuy nhiên ông đã thích một PCE được hợp pháp hóa, từ bỏ về hình thức các lập trường đó nhưng hy vọng tăng ảnh hưởng của nó từng ít một bằng phương tiện của trò chơi bầu cử, hơn là một PCE vẫn bất hợp pháp với những dấu hiệu truyền thống về bản sắc của nó (mà sẽ có nghĩa là ở trong tình trạng lưu vong hay bí mật). Sở thích cuối cùng của ông hiển nhiên là sự từ bỏ các nguyên lý đó mà không nhận được sự hợp pháp hóa (sở thích thứ nhất của Suárez).

So sánh trò chơi này với trò chơi giữa các nhà cải cách và các nhà đoạn tuyệt được trình bày ở Chương 4, chúng ta thấy một sự thích nghi lẫn nhau nhẹ của các sở thích của các người chơi. Điều này chỉ có thể được giải thích bởi sự thực rằng, vào lúc tương tác này xảy ra, cải cách đã được chấp nhận rồi như một lựa chọn khả dĩ toàn diện của sự thay đổi và, vì thế, sự đánh giá các chiến lược đoạn tuyệt đã giảm đi dưới dạng của sự nguy hiểm cho một số người và đã tăng lên dưới dạng chi phí cho những người khác. Vì chính lý do mà Suárez đã thành công trong duy trì nền quân chủ và sắp tổ chức một cuộc bầu cử dưới các điều kiện của riêng mình, ông đã có thể mở rộng phổ của sự tham gia mà không có rất nhiều rủi ro. Vì cùng lý do, Carrillo đã không thể còn đợi cho sự đoạn tuyệt thắng thế và chịu rủi ro bị loại trừ vĩnh viễn. Thực ra, các nhà xã hội, các nhà dân tộc chủ nghĩa, các nhà Dân chủ Thiên chúa giáo và các nhà Tự do đã tuyên bố với sự rõ ràng ít nhiều, theo từng trường hợp, rằng, nếu cần thiết, họ sẽ không biến sự loại trừ những người Cộng sản thành một điều kiện tiên quyết cho sự tham gia của họ vào cuộc bầu cử, tranh luận đôi khi rằng chỉ kết quả bầu cử tốt từ các nhóm đối lập sẽ cuối cùng khiến cho việc hợp pháp hóa của những người Cộng sản có thể.

Như thế, chúng ta có được các thứ tự thấy trong Bảng 5.1.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *Bảng 5.1. Các thứ tự ưu tiên giữa Suárez và Carrillo* | | | | | | |
| Các ưu tiên của Suárez | | |  | Các ưu tiên của Carrillo | | |
| Suárez | Carrillo | Giá trị thứ tự |  | Suárez | Carrillo | Giá trị thứ tự |
| No | r | 4 |  | Yes | R | 4 |
| Yes | r | 3 |  | Yes | r | 3 |
| No | R | 2 |  | No | R | 2 |
| Yes | R | 1 |  | No | r | 1 |
| Lưu ý: Lựa chọn khả dĩ của Suárez: No = không hợp pháp hóa đảng Cộng sản; Yes = hợp pháp hóa đảng cộng sản.  Các lựa chọn khả dĩ của Carrillo: R giữ những dấu hiệu bản sắc Cộng sản; r = chấp nhận cải cách. | | | | | | |

Tương tác giữa hai người chơi có thể thấy trên Hình 5.1.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Hình 5.1. Trò chơi cho việc hợp pháp hóa đảng Cộng sản* | | | | |
|  |  | Carrillo | | |
|  |  | R | r |  |
| Suárez | No | 2, 2 | 4, 1 |  |
|  | Yes | 1, 4 | 3, 3 |  |
|  | | | | |

Trò chơi này là trò chơi rất nổi tiếng Thế khó xử của Tù nhân (Prisoner’ Dilemma). Trong diễn giải truyền thống của trò chơi này, mỗi người chơi có một chiến lược trội, tức là, một chiến lược mà người đó chọn sau những tính toán ngắn hạn, bởi vì, bất luận đối phương chọn chiến lược nào, nó sẽ mang lại cho người đó kết quả tốt nhất. Chiến lược trội của Suárez là “no”, không hợp pháp hóa đảng Cộng sản, và chiến lược trội của Carrillo là R, giữ các nguyên lý ý thức hệ của PCE và các dấu hiệu bản sắc. Kết cục có thể tìm thấy ở ô trái bên trên của matrix với các giá trị 2, 2. Đây là một cân bằng Nash bởi vì một khi đã đạt và sự lựa chọn của người chơi khác được phát hiện, thì chẳng ai trong hai người chơi quan tâm đến thay đổi sự lựa chọn của mình một cách đơn phương.

Cân bằng này, tuy vậy, là không hiệu quả, vì cả hai người chơi đều khá hơn trong một kết cục khác, ô bên phải phía dưới với các giá trị 3, 3.

Sự hợp tác nổi lên giữa những người chơi nhằm đạt được kết cục hiệu quả thường được gắn với sự lặp lại của trò chơi và sự học của người chơi bằng kinh nghiệm thất bại. Tuy vậy, nếu cơ hội để lặp lại sự tương tác là không chắc chắn và xa vời – như thường là trường hợp trong một quá trình thay đổi chế độ – các người chơi có thể đưa ra trước những kết quả của những quyết định của họ và thúc đẩy sự hợp tác có điều kiện từ đầu. Trong trường hợp chúng ta đang xem xét, có vẻ hợp lý để diễn giải ký ức về những kinh nghiệm lịch sử của sự thất bại và đối đầu dân sự như một nhân tố học được mà dẫn đến sự hợp tác giữa các diễn viên (“những bài học lịch sử”, như thường được nói, và được tin một cách hữu hiệu bởi hầu hết các diễn viên chính trị ở Tây Ban Nha của các năm 1970).

Để đạt kết cục hiệu quả bằng sự hợp tác vì lợi ích chung của họ, các người chơi cần sự liên lạc và khả năng đe dọa đối thủ nhằm làm cho đối thủ tôn trọng cam kết hợp tác của mình. Trong trò chơi, mà cho nó cái tên, hai tù nhân có thể tránh thời hạn tù dài nếu họ có khả năng tránh các chiến lược trội mà sẽ dẫn họ đến một sự phản bội lẫn nhau, hợp tác để không cho người buộc tội bất cứ bằng chứng nào. Trong trường hợp hiện tại, sự hợp tác sẽ dẫn đến một kết cục mới mà trong đó Carrillo về hình thức sẽ tôn trọng các điều kiện cải cách, và Suárez sẽ hợp pháp hóa những người Cộng sản. Hãy quan sát trong Hình 5.1 rằng Suárez có thể đe dọa để chọn “no” trừ phi Carrillo chọn r, cho nên là hợp lý cho Carrillo để đồng ý sự đe dọa này – từ bỏ sự cám dỗ để chọn R – nhằm ngăn chặn sự lựa chọn kết cục 2, 2. Tương tự, Carrillo có thể đe dọa để chọn R khiến Suárez đồng ý sự đe dọa này và để chọn “yes”. Trong sự diễn giải này chính việc sử dụng sức mạnh-đe dọa, hơn là sự tin cậy, là cái dẫn đến sự hợp tác giữa những người chơi (xem đặc biệt Brams, 1994: pp. 139-40 và đây đó). Kết quả này dội lại những cách giải quyết khác của Thế khó xử của Tù nhân mà giả định cuộc chơi học hỏi, được lặp lại, nhưng thay sự lặp lại cuộc chơi bằng những tính toán định hướng tương lai – mà có vẻ là một giả định hợp lý khi các người chơi có xác suất rất thấp để có được những cơ hội mới để chơi.

Sơ đồ này có thể làm sáng tỏ những gì thực sự đã xảy ra. Ngay cả trước cái chết của Tướng Franco, Hoàng tử Juan Carlos đã trao đổi một loạt thông điệp với Santiago Carrillo qua trung gian của một sĩ quan cao cấp Tây Ban Nha và nhà độc tài Rumani Nikolai Ceaucescu. Tuy vậy, đã chính Suárez và Carrillo là những người mà, bắt đầu trong tháng Chín 1976, đã khởi đầu một quá trình đối thọa dài nhờ nhà báo José-Mario Armero và chánh văn phòng nội các của Suárez, Carmen Díaz de Rivera. Ban đầu việc này đã giới hạn ở những thông điệp đơn phương và các cử chỉ trống rỗng mà trong đó chẳng bên nào đã thay đổi lập trường của mình. Cuộc gặp gỡ trực tiếp đầu tiên, bí mật và có tính quyết định của họ đã xảy ra ngày 27 tháng Hai 1977, hơn hai tháng sau trưng cầu dân ý về cải cách, tại nhà của José-Mario Armero ở Madrid. Tại đó, Suárez đã nói rõ các điều kiện của hiệp ước: sự chấp nhận rõ ràng của nền quân chủ và quốc kỳ Tây Ban Nha hai màu. Carrillo đã lặp lại tình cảm dân chủ chân thành của mình và bản thân ông tỏ ra khá hoài nghi về dự đoán bầu cử của ông, đồng thời đe dọa đưa ra các danh sách ứng viên (cho dù chỉ để tạo ra những lá phiếu bị hỏng), để đặt các thùng phiếu thay thế trước các cử tri đoàn và để tổ chức một vụ bê bối mang chiều kích quốc tế nếu những người Cộng sản không được phép tự do ứng cử trong các cuộc bầu cử.

Thực ra, những người Cộng sản đã thử để đăng ký một cách hợp pháp rồi hai tuần trước đó tại cái gọi là “cửa sổ nhỏ” (cơ quan Đăng ký các Hội Chính trị của Bộ Nội vụ). Các tài liệu được cung cấp đã bao gồm điều lệ, quy chế được ứng biến dọc đường, và đã chẳng bao giờ được công bố hay giới thiệu cho các chiến sĩ. Không hề sao chép lại những nguyên lý truyền thống của chủ nghĩa Marx-Lenin, chủ nghĩa quốc tế vô sản, và cương lĩnh để “lật đổ chế độ của các nhà tư bản và địa chủ”, họ đã cho rằng “mục đích cơ bản” của PCE đã là “để đóng góp một cách dân chủ vào sự quyết định của chính trị Tây Ban Nha”. Tuy nhiên, bất chấp sự thực rằng bất cứ sự quy tội pháp lý nào về sự phụ thuộc nước ngoài hay chủ nghĩa toàn trị như thế đã được tránh, việc đăng ký đã bị trì hoãn và quyết định đã được gửi lại cho Tòa án Tối cao. Cơ quan này, đến lượt, đã lại chuyển cho chính phủ sau khi tuyên bố rằng nó không đủ thẩm quyền về vấn đề này.

Sự hợp pháp hóa PCE đã được công bố vào ngày 9 tháng Tư 1977 (Thứ Bảy ngày lễ Phục sinh), một tháng rưỡi sau cuộc gặp giữa Suárez và Carrillo. Với các trại lính hầu như vắng vẻ và chính phủ tản tác bởi vì ngày lễ, tin tức đã làm cho các chính trị gia cả Francoist lẫn chống Francoist ngạc nhiên. Đa số bộ trưởng, kể cả các bộ trưởng quân đội và phó Thủ tướng, Alfonso Osorio, đã nghe tin qua báo chí.

Các chiến sĩ Cộng sản đã phởn phơ. Trong nhiều thành phố họ đã chiếm các đường phố để ăn mừng và ngay lập tức đã bắt đầu sẵn sàng cho chiến dịch bầu cử.

Lãnh tụ bảo thủ của AP, Manuel Fraga, mặt khác, đã tuyên bố rằng “sự hợp pháp hóa đảng Cộng sản là một *cuộc đảo chính* thật”. Cựu Phó Thủ tướng Chính phủ, Trung tướng De Santiago đã bình luận: “Với tôi trên tư cách phó thủ tướng, điều này đã không xảy ra. Tôi đã đưa các xe tank ra”. Tổng Thư ký của Hộ Hoàng gia, Alfonso Armada, đã cho rằng “Nó là sự phản quốc”. Bộ trưởng Bộ Hải quân, Đô đốc Gabriel Pita de Veiga, dưới áp lực từ các tư lệnh hải quân, đã từ chức và đã chỉ có thể được thay thế bằng một đô đốc dự bị. Cao Ủy của Quân đội, trong một cuộc họp khẩn cấp với tất cả các tư lệnh quân khu, các tư lệnh quân đội, người đứng đầu Cảnh vệ Dân sự và Chánh án Tòa Quân sự Tối cao, đã tuyên bố công khai “sự lên án chung của tất cả các đơn vị quân đội”, tuy nhiên, dưới áp lực từ Phó Thủ tướng Chính phủ, Trung tướng Guttiérrez-Mellando và các sĩ quan khác, họ đã nói thêm: “Cân nhắc các lợi ích quốc gia có mức đội cao hơn, nó thừa nhận sự việc đã rồi với tính kỷ luật”, không quên nhắc lại sự trung thành của nó với nền quân chủ, với quốc kỳ và sự thống nhất của Tổ quốc.

Năm ngày sau sự hợp pháp hóa, ngày 14 tháng Tư (ngày kỷ niệm tuyên bố Nền Cộng hòa Tây Ban Nha thứ Hai, dưới cờ “ba màu”), Ủy ban Trung ương của Đảng Cộng sản Tây Ban Nha đã họp dưới lá cờ hai màu, cam kết sự trung thành công khai và chính thức với hệ thống quân chủ. Tính đến sự khẩn cấp của việc kêu gọi bầu cử, chương trình bầu cử và danh sách các ứng viên đã phải được chuẩn y tại cùng cuộc họp, buộc nhiều chiến sĩ phải để dành sự sững sờ cho những ngày sau.

Một khi đã có được sự hợp pháp hóa của đảng ông, Satiago Carrillo, tất nhiên, đã có thể chọn không tôn trọng phần ông của hiệp ước với Suárez, và những người Cộng sản đã có thể tái khẳng định các lập trường chính trị và các dấu hiệu bản sắc của họ. Như có thể thấy trong Hình 5.1, việc này chuyển kết cục của trò chơi sang ô trái bên dưới của matrix với các giá trị 1, 4, giá trị xấu nhất cho Suárez và tốt nhất cho Carrillo.

Để tránh điều này, Suárez đã dự trữ những vũ khí nhất định như vũ khí ngăn chặn chống lại Carrillo và Ủy ban Trung ương đảng Cộng sản. Như thế ông đã không hợp pháp hóa nghiệp đoàn lao động, các Ủy ban Công nhân, do các chiến sĩ Cộng sản lãnh đạo, cho đến mười ngày sau cuộc họp thượng đỉnh được nhắc tới ở trên của những người Cộng sản. Ông cũng đã chẳng hợp pháp hóa Đảng Cộng sản Catalan (PSUC), mà đã yêu cầu sự đăng ký tách biệt và từ đó một phần quan trọng của sự ủng hộ cử tri Cộng sản ở Tây Ban Nha được kỳ vọng sẽ đến (trên thực tế nó đã là một phần ba), cho đến ngày 3 tháng Năm.

Là dễ để thấy từ Hình 5.1 rằng kết cục của trò chơi giữa Adolfo Suárez và Santiago Carrillo đã có thể khác hoàn toàn nếu một trong ba thứ này đã xảy ra.

Thứ nhất, giả như Suárez đã có thứ tự sở thích khác với thứ tự chúng ta đã giả định, với sự đảo ngược của sở thích thứ hai và thứ ba, điều này đã có nghĩa một sự ưu tiên cho một Đảng Cộng sản đoạn tuyệt và cộng hòa nằm ngoài vòng pháp luật hơn là một Đảng Cộng sản hợp pháp, trung thành với nền quân chủ và lá cờ hai màu. Một thứ tự sở thích như vậy đã không nhất quán với một thái độ chung về phần Suárez, vì ông đã cần sự tham gia của các đảng chống Francoist vào bầu cử để đảm bảo sự thành công của cải cách chính trị, và vì thế ban đầu đã thích các nhóm đối lập ủng hộ cải cách hơn là chống lại nó. Tuy vậy, ông đã có thể chọn nó nếu Đảng Cộng sản đã yếu hơn và Suárez đã không coi những sự đe dọa của nó về một sự tẩy chay là nguy hiểm (đây quả thực đã là thái độ của ông đối với các nhóm cách mạng và cực tả mà đã không được hợp pháp hóa cho đến sau cuộc tổng tuyển cử đầu tiên); hoặc nếu Suárez đã nhạy cảm hơn với những đe dọa của những người cực đoan độc đoán và cuộc *đảo chính*; hoặc cả hai cùng một lúc.

Thứ hai, nếu giả như Carrillo cũng đã có một thứ tự sở thích khác với thứ tự mà chúng ta đã giả định, với một sự đảo ngược của các sở thích thứ hai và thứ ba của ông, điều này có nghĩa là Đảng Cộng sản tiếp tục cuộc đấu tranh bí mật của nó với tiêu điểm đoạn tuyệt và cộng hòa hơn là một Đảng Cộng sản hợp pháp đưa ra những nhượng bộ ý thức hệ đối với cải cách. Điều này đã có thể xảy ra giả như Carrillo đã có khả năng tin cậy nhiều hơn vào năng lực của Cộng sản và đối lập khác về sự tẩy chay thành công cải cách, và vào khả năng của việc sau có thể áp đặt sự đoạn tuyệt đơn độc trong thời gian ngắn; hoặc đường lối hoạt động của Đảng Cộng sản đã được quyết định dưới sự ảnh hưởng lớn hơn của các chiến sĩ bị ý thức hệ hóa mạnh mẽ, sẵn sàng chấp nhận những cái giá phải trả của sự bất hợp pháp đổi lại việc tiếp tục có được sự trung thành trí tuệ và sự khoái lạc anh hùng của cuộc chiến đấu bí mật; hay cả hai thứ cùng một lúc. Sự thực đã là, những người Cộng sản, cùng với các lực lượng đối lập khác, đã không đủ mạnh để áp đặt sự đoạn tuyệt, như trưng cầu dân ý về cải cách đã cho thấy một cách rõ ràng. Tuy vậy, họ đã đủ mạnh để hăm dọa Suárez và khắc phục một số hạn chế của mô hình dân chủ mà ban đầu ông đã muốn áp đặt với cuộc cải cách. Cùng mức độ ảnh hưởng tầm trung này, mà đã cho phép Đảng Cộng sản xuất hiện vào cuối chế độ độc tài như đảng chống Francoist với nhiều chiến sĩ nhất, muộn hơn đã gây ra những căng thẳng nội bộ nghiêm trọng mà đã chia rẽ Đảng: một mặt, đã không có đủ các chiến sĩ để dại diện cho các khu vực công luận rộng rãi và để tạo ra một thành công bầu cử lớn nhưng, mặt khác, đã có đủ các chiến sĩ bị ý thức hệ hóa cao độ để đưa ra áp lực hữu hiệu lên ban lãnh đạo đảng.

Thứ ba, nếu, ngay cả với cùng các thứ thự sở thích mà tôi đã trình bày trong Bảng 5.1, giả như sự hợp tác đã không đóng một vai trò tích cực, điều này có nghĩa mỗi người chơi giữ chiến lược trội của mình và duy trì cân bằng được đại diện bởi ô phía trái bên trên, với các giá trị 2, 2. Một kết cục như vậy, đã có thể xảy ra giả như đã không có những người trung gian nào, đã không có dấu hiệu hy vọng nào về sự đối thoại ít nhiều không thực chất và không có những cuộc gặp gỡ bí mật nào hay sự liên lạc thuộc bất cứ loại nào hoặc nếu giả như các cơ chế này, vì lý các do ngẫu nhiên, sự hồ nghi hay tính khí cá nhân của những người đối thoại, đã không mang lại một quyết định được phối hợp.

Trong những bối cảnh khác, sự tồn tại của vài trong số các biến thể này có thể tạo ra những kết quả khác với những kết quả được trình bày ở đây. Trong những trường hợp này, kết cục đạt được trong một trò chơi mà không có sự hợp tác có thể ít ngạc nhiên hơn nó đã là cho tuyệt đại đa số những người mà đã chứng kiến việc Suárez hợp pháp hóa những người Cộng sản Tây Ban Nha.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Trò chơi Thế khó xử của Tù nhân được tạo ra bởi Merrill M. Flood và Melvin Dresher (Flood (1958), “Some Experimental Games”, *Management Science*, **5**, (1)), được A. W. Tucker gán cho cái tên này và được phân tích hình thức bởi R. Ducan Luce và Howard Raiffa (1957), *Games and Decisions*, New York: John Wiley. Những sự phát triển thêm có thể thấy trong Anatol Rapoport, “Prisoner’s Dilemma. Recollections and Observations” (trong Rapoport (1974), *Game Theory as a Theory of Conflict Resolution*, Dordrecht: Kluwer), và Russel Hardin (1982), *Collective Actions,* Baltimore: The Johns Hopkins University Press. Về sự nổi lên của sự hợp tác cho việc đạt được kết cục hiệu quả của trò chơi, những đóng góp có ảnh hưởng nhất là những đóng góp của Michael Taylor (1976), *Anarchy and Cooperation*, New York: John Wiley (được xét lại một cách có chủ ý, kể cả tiêu đề, như *The Possibility of Cooperation*, Cambridge: Cambridge University Press 1987), và Robert Axelrod (1984), *The Evolution of Cooperation*, New York: Basic Books. Như đã được nhắc đến, khả năng về đạt được kết cục hiệu quả của trò chơi bằng phương tiện sức mạnh-đe dọa được trình bày trong Steven J. Brams (1994), *Theory of Moves*, Cambridge: Cambridge University Press. Một câu chuyện hay về sự sáng chế ra trò chơi, các tác giả của chúng và bầu không khí trí tuệ của chúng có thể tìm thấy trong William Poudstone (1992), *Prisoner’s Dilemma*, New York: Doubleday.

Sự tường thuật hay nhất về sự hợp pháp hóa Đảng Cộng sản Tây Ban Nha là một cuốn sách của Joaquín Bardavío (1980), *Sábado Santo Rojo*, Madrid: Ediciones Uve. Ý kiến miễn cưỡng của Phó thủ tướng Chính phủ khi đó được bày tỏ trong Alfonso Osorio, *Trayectoria…, op cit.* Quan điểm của Santiago Carrillo được trình bày trong cuốn sách của ông, *Memoria de la Transición,* Barcelona: Grijalbo, 1983, pp. 35-48. Dữ liệu bổ sung có thể tìm thấy trong phỏng vấn với nhà Vua Juan Carlos được xuất bản bởi José-Luis de Vilallonga (1993), *El Rey,* Barcelona: Plaza y Janés.

# Sự Đồng thuận Đêm khuya

Những cuộc thương lượng và hiệp ước giữa chính phủ cải cách do Adolfo Suárez lãnh đạo và hầu hết các đảng đối lập đoạn tuyệt đã không bắt đầu cho đến sau cuộc bầu cử tháng Sáu 1977, khi những ứng viên chính phủ của Liên hiệp Trung tâm Dân chủ (UCD) đã nhận được đa số tương đối [plurality- tức là, nhiều nhất nhưng dưới 50%] số phiếu và số ghế nhưng không đạt một đa số [majority – tức trên 50%]. Rồi, chính phủ và đa số các đảng đã ký “các thỏa thuận Moncloa” về chính sách kinh tế và đã thỏa thuận về việc soạn tỉ mỉ một Hiến pháp mới.

Văn bản hiến pháp mới đã được thương lượng suốt nửa sau của năm 1977 và toàn bộ năm 1978 bằng cách trao đổi phiếu (vote-trading) nghị viện giữa các đảng. Những sự trao đổi [phiếu] nghị viện này giữa các nhà cải cách và các nhà đoạn tuyệt đã xảy ra để thay thế tương tác giữa hai người chơi này mà đã không dẫn đến một thỏa thuận trước cuộc bầu cử 1977, khi chính phủ Suárez đã ưu tiên cho việc thỏa thuận về một cải cách có mức độ với các nhà liên tục, như chúng ta đã thấy ở Chương 4. Trong phần tiếp sau chúng ta sẽ tập trung vào sự trao đổi và sự thỏa hiệp về một số vấn đề quân chủ, quân sự, tôn giáo, kinh tế-xã hội và phân quyền, tức là, một ví dụ tiêu biểu về những vấn đề mà đã định hình các chiến trường đầy kịch tính trong những cố gắng trước, bị thất bại để xây dựng một chế độ dân chủ ở Tây Ban Nha.

Trao đổi phiếu có nghĩa rằng nhiều người bỏ phiếu ngừng bỏ phiếu theo những sở thích thật của họ và làm vậy theo một cách chiến lược và được phối hợp, theo cách mà, tuy họ bỏ sự thỏa mãn trên một vấn đề, nhưng được bù lại trên vấn đề khác.

Trong việc bỏ phiếu thực, không chỉ tất cả những người bỏ phiếu rõ ràng không có cùng các sở thích về một vấn đề cho trước – trong trường hợp về hình thức chính quyền, chẳng hạn, một người sẽ thích nền quân chủ trong khi người khác, một nền cộng hòa – nhưng mỗi người bỏ phiếu cũng có một cường độ khác nhau của sở thích về những vấn đề khác nhau. Như thế, một người bỏ phiếu có thể miễn cưỡng hơn để bỏ phiếu không chân thực về những vấn đề mà người đó cảm thấy có tầm quan trọng tối cao trong xác định bản sắc của mình, trong khi lại sẽ sẵn sàng hơn để cho một phiếu chiến lược [tức là, bỏ phiếu không theo đúng sở thích của mình] về các vấn đề khác mà ít có liên quan hơn đối với mình.

Trao đổi phiếu như thế là khả thi hơn khi những người bỏ phiếu có những sở thích mãnh liệt liên quan đến những vấn đề khác nhau; hay nói cách khác, khi họ xác định các dấu hiệu bản sắc của họ qua những vấn đề chính trị khác nhau. Nếu, thí dụ, tất cả các bên trong một quốc hội cho trước đều được xác định chủ yếu theo các lập trường của họ về các vấn đề tôn giáo hay quân chủ và ít tham chiến hơn về các vấn đề xã hội-kinh tế, sẽ khó để thực hiện một sự trao đổi như vậy. Nếu, ngược lại, một bên xác định bản sắc của nó dưới dạng vấn đề tôn giáo, bên khác liên quan đến vấn đề chính sách xã hội-kinh tế, và bên khác nữa xung quanh vấn đề văn hóa-ngôn ngữ hay vấn đề phân bố quyền theo lãnh thổ, thì có khả năng hơn rằng mỗi bên sẽ chấp nhận những lập trường giả mạo hay không chân thật đối với các vấn đề mà không có ưu tiên cao cho nó, đổi lại cho một thái độ tương ứng giữa các bên khác đối với các vấn đề mà nó coi là rất quan trọng. Đây, tóm lại, đã là một trong những sự khác biệt cơ bản giữa các quá trình lập hiến mà đã xảy ra ở Tây Ban Nha của thế kỷ thứ 19 và đầu thế kỷ thứ 20, và quá trình mà đã xảy ra trong các năm 1977-78.

Điều này không nhất thiết có nghĩa rằng các bên phải chấp nhận các lập trường ôn hòa hơn trong tình huống thứ hai hơn là trong tình huống thứ nhất. Trong một tình huống với nhiều vấn đề ưu tiên, mà trong đó một bên đặt giá trị cao hơn, thí dụ, lên vấn đề tôn giáo, bên khác lên vấn đề xã hội-kinh tế và bên khác nữa lên vấn đề ngôn ngữ-lãnh thổ, lập trường của một bên liên quan đến vấn đề xã hội-kinh tế có thể cực đoan như trong tình huống nơi tất cả các bên cho thấy cảm giác mạnh về vấn đề đó. Những gì xảy ra là, nếu tất cả các bên xác định các lập trường chính của họ theo chiều kế hoạch hóa thị trường, thì trao đổi phiếu là khó hơn nếu một bên xác định những lập trường chính của nó theo cùng chiều này, cho dù nó chấp nhận, thí dụ, một lập trường kế hoạch hóa cực đoan, trong khi các bên khác ít lo lắng hơn bởi vấn đề này, thích ấn định các lập trường mạnh, có lẽ cực đoan lên một chiều nhượng bộ-thế tục hay lên chiều tập trung hóa-phi tập trung hóa. Như thế, một sự trao đổi phiếu là có thể giữa một bên mà cực kỳ nhượng bộ, bên khác mà cực kỳ ủng hộ kế hoạch hóa, và bên nữa mà cực kỳ chống tập trung nếu, đối với mỗi trong số họ, các vấn đề chủ yếu xác định các bên khác có ý nghĩa tương đối ít.

Trong những trường hợp nhất định tổng độ thỏa dụng (total utility) của một sự trao đổi phiếu chiến lược là lớn hơn tổng độ thỏa dụng nhận được bởi tất cả những người bỏ phiếu bỏ các phiếu chân thật. Nhưng trong những trường hợp khác, tổng độ thỏa dụng nhận được qua một sự trao đổi phiếu là ít hơn – như có lẽ đã xảy ra trong việc thảo ra Hiến pháp Tây Ban Nha hiện hành, như chúng ta sẽ thấy.

Sự đồng thuận lập hiến năm 1978 – cực điểm của quá trình chuyển đổi từ sự cai trị độc tài được bắt đầu ba năm trước – khi đó, đã là một sự trao đổi các phiếu chiến lược giữa các bên, mà theo cách đó mức độ thỏa mãn đạt được có lẽ đã ít hơn mức có thể nhưng sự phân bổ đã là tốt hơn. Đây là ý tưởng chính được bày tỏ bởi các lãnh tụ của tất cả các bên mà đã chấp nhận Hiến pháp và là lý lẽ cơ bản đằng sau sự chấp nhận của nó: không ai đã được hoàn toàn thỏa mãn hoặc đã bị hoàn toàn không thỏa mãn bởi nó. Tất cả mọi người đã cưỡng lại được, không để những người khác phải “nuốt nó”. Không ai đã cảm thấy được đồng nhất với toàn bộ văn bản hiến pháp nhưng cũng chẳng ai coi nó là hoàn toàn không thể chấp nhận được. Không ai đã thành công trong việc thích nghi nó theo sở thích riêng của mình nhưng tất cả mọi người đã có thể cai trị với nó.

**CÁC TRÒ CHƠI POKER**

Luật Cải cách Chính trị được thông qua 1976 đã không nhìn thấy trước rõ ràng sự mở ra một quá trình lập hiến tiếp sau cuộc tổng tuyển cử đầu tiên. Thí dụ, một cải cách từng phần các luật cơ bản Francoist cũng đã là có thể. Tuy vậy, những kết quả của cuộc bầu cử ngày 15 tháng Sáu 1977 đã không đầy triển vọng như Suárez đã hy vọng. Do luật bầu cử được chính phủ áp đặt, phe đối lập đã phải cam chịu một thiểu số nghị viện, bất chấp việc đã thu được hơn 50% phiếu phổ thông. Thế mà UCD cũng chẳng đạt được đa số tuyệt đối ở nghị viện và như thế đã có khó khăn để tự mình thực hiện một dự án.

Như thế, chúng ta thấy rằng, trong Cortes được bầu tháng Sáu 1977, những lập trường tối thiểu khác nhau đã phải được tìm thấy đối với vấn đề hiến pháp.

Liên minh Nhân dân (AP) bảo thủ, do Manuel Fraga lãnh đạo, đã thích soạn vài luật cơ bản liên quan đến việc tổ chức các định chế, sao cho để kéo dài sự sống sót của những luật cơ bản nhất định được để lại từ thời đại Franco. Tuy vậy, do nhận ra sự bất khả thi của việc này vì sự đại diện của đảng rất nhỏ trong Cortes, AP đã ủng hộ một thỏa thuận với UCD cho việc soạn một văn bản hiến pháp ngắn, hạn chế ở việc tổ chức định chế và không có sự nhắc đến cụ thể nào về các quyền dân sự và các quyền tự do. Fraga đã gọi cái này là “một hiến pháp linh hoạt kiểu Anglo-Saxon”.

UCD Ôn hòa (Centrist) cũng đã nghĩ về một hiến pháp ngắn, hạn chế ở việc tổ chức các định chế và không nhắc đến các quyền dân sự và các quyền tự do. Nó đã muốn, đặc biệt, đề xuất một dự thảo sơ bộ của chính phủ mà trên thực tế đã được chuẩn bị bởi một ủy ban do Bộ trưởng Tư pháp, Landelino Lavilla, đứng đầu.

Cuối cùng tất cả các nhóm xuất phát từ phe đối lập dân chủ – những người xã hội từ PSOE (Đảng Xã hội của các Công nhân Tây Ban Nha) và PSP (Đảng Xã hội Nhân dân); những người Cộng sản từ PCE (Đảng Cộng sản Tây Ban Nha); các nhà Dân tộc chủ nghĩa từ CDC (Hội tụ Dân chủ Catalonia); các nhà Cộng hòa từ ERC (Cánh tả Cộng hòa Catalonia); các nhà Dân tộc chủ nghĩa Basque từ PNV (Đảng Dân tộc Basque) và các nhà cực đoan EE (Cánh tả Basque) – đã muốn thực hiện cương lĩnh cũ chống Francoist về mở ra một quá trình lập hiến. Vì lý do này, họ đã muốn soạn một văn bản hiếp pháp mới và tương đối rộng mà sẽ bao gồm việc thiết lập một danh sách về các quyền dân sự và các quyền tự do từ những kiến nghị của các nhóm khác nhau.

Vấn đề đầu tiên và trước nhất do chính phủ Suárez nêu lên đã là sự chấp nhận nền quân chủ bởi phe đối lập. UCD đã có quan điểm rất mạnh về vấn đề này và đã không muốn bỏ phiếu một cách chiến lược chống lại ưu tiên cao nhất này theo bất cứ cách nào.

Các nhà Dân tộc chủ nghĩa xứ Basque và Catalan, mặt khác, đã duy trì một lập trường “ngẫu nhiên chủ nghĩa” truyền thống về hình thức của chính phủ, đặt sự chấp nhận nền quân chủ hay cộng hòa phụ thuộc vào vấn đề phân chia quyền lực theo lãnh thổ. Việc này có nghĩa là họ đã có những ưu tiên rất mạnh về vấn đề tản quyền và có thể bỏ phiếu một cách chiến lược trong tất cả các vấn đề khác, kể cả hình thức của chính phủ.

Những người Cộng sản về truyền thống đã là các nhà cộng hòa, nhưng đã chấp nhận công khai nền quân chủ rồi như cái giá để đảng họ được hợp pháp hóa, như đã được giải thích ở Chương 5. Họ vì thế đã buộc phải đi ngược lại sở thích thứ nhất của họ khi bỏ phiếu, nếu Juan Carlos tiếp tục tuyên bố, như ngài đã tuyên bố, rằng ý định của ngài là một quốc vương lập hiến.

Các nhà Cộng hòa của ERC, có thể hiểu được, đã không thể từ bỏ “*raison d’etre – lý do tồn tại”* ý thức hệ cơ bản của họ và đã không sẵn lòng làm việc khác với việc bỏ phiếu chân thành chống lại nền quân chủ.

Nhóm duy nhất, khi đó, mà đã có thể biến sự bỏ phiếu chiến lược ủng hộ nền quân chủ thành một nhân tố trao đổi phiếu trong những vấn đề chính của việc soạn Hiến pháp đã là các nhà Xã hội.

Cuộc trao đổi phiếu đầu tiên và quan trọng nhất trong Cortes năm 1977 đã xảy ra như sau:

Vào ngày 1 tháng Tám, Hội đồng Hiến pháp Hạ viện được thành lập. Nó đã gồm 17 thành viên từ UCD Ôn hòa, 17 từ phe đối lập (các nhà Xã hội, những người Cộng sản, và các nhà Dân tộc chủ nghĩa Catalan và Basque) và 2 từ AP Bảo thủ. Song song với quan hệ lực lượng trong phiên họp toàn thể Quốc hội, đã có như thế hai đa số khả dĩ: một được hình thành bởi UCD và AP, và đa số khác được hình thành bởi UCD và tất cả hay một số các nhóm đối lập (vì, có thể hiểu được, một sự thỏa thuận giữa AP và phe đối lập mà không có UCD là không thể tưởng tượng nổi).

Hai liên minh khả dĩ, UCD-AP và UCD-đối lập, đã đưa ra một sự lựa chọn giữa cái mà tôi đã xác định, một cách tương ứng, như liên tục và đoạn tuyệt (*C* và *R*). Sự lựa chọn này xác định “pha thứ ba” của sự chuyển đổi như được trình bày trong Chương 1. Nếu giả như sự liên tục khi đó đã thắng cuộc, thì một chu kỳ giữa các lựa chọn khả dĩ đoạn tuyệt, cải cách và liên tục đã được tạo ra. Ngược lại, một khi cải cách đã dẫn tới sự bầu cử cạnh tranh, chiến thắng của đoạn tuyệt đã dẫn đến sự củng cố của một lựa chọn khả dĩ thắng cuộc và đạt được một sự lựa chọn chuyển đổi bắc cầu.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *Bảng 6.1. Những người bỏ phiếu trong quá trình lập hiến của Cortes* | | | | | | |
|  | Hạ viện | | | Thượng viện | | Hội đồng hỗn hợp |
|  | Ủy ban | Hội đồng | Hội nghị t. thể | Hội đồng | Hội nghị t. thể | Thượng-Hạ viện |
| Các nhà Ôn hòa (UCD) | 3 | 17 | 165 | 12 | 106 | 5 |
| Các nhà Xã hội (PSOE) | 1 | 13 | 118 | 5 | 47 | 3 |
| Những người Cộng sản (PCE) | 1 | 2 | 20 |  |  | 1 |
| Các nhà Bảo thủ (AP) | 1 | 2 | 16 |  | 2 |  |
| Dân tộc chủ nghĩa Catalan (CDC) | 1 | 1 | 11 |  | 2 | 1 |
| Dân tộc chủ nghĩa Basque (PNV) |  | 1 | 8 | 1 | 7 |  |
| Các nhà Xã hội khác (PSP) |  |  | 6 |  | 2 |  |
| Các nhà Cộng hòa (ERC) |  |  | 1 |  | 1 |  |
| Các nhà cực đoan Basque (EE) |  |  | 1 |  | 1 |  |
| Các nhà Ôn hòa khác |  |  | 4 |  |  |  |
| Thỏa thuận của những người Catalan |  |  |  | 2 | 15 |  |
| Những người Tiến bộ |  |  |  | 2 | 11 |  |
| Những người khác |  |  |  | 3 | 13 | 1 |
| Các nhà bảo hoàng |  |  |  |  | 41 |  |
| TỔNG | 7 | 36 | 350 | 25 | 248 | 11 |

Khả năng của hai đa số được sao lại như một kết quả của những sự phân bố quyền lực với tỷ lệ tương tự giữa các khối đảng, trong một Ủy ban Soạn thảo nhỏ của Hội đồng Hiến pháp Hạ viện, Hội đồng Hiến pháp Thượng viện, và Hội đồng Hỗn hợp Thượng-Hạ viện (về cấu tạo của chúng, xem Bảng 6.1).

Đặc biệt, Ủy ban Soạn thảo đã được hình thành bởi ba thành viên từ UCD (José-Pdedro Pérez-Llorca, Miguel Herrero và Gabriel Cisero), một từ AP (Manuel Fraga), và ba từ phe đối lập (Gregorio Peces-Barba cho PSOE, Jordi Solé-Tura cho PCE và Miquel Roca cho CDC). Như có thể thấy, vài đảng có đại diện quốc hội đã bị loại trừ: các nhà Xã hội PSP, với PSOE đã có ý định thu nạp, mặc dù lãnh tụ của nó Enrique Tierno-Galván đã được giao viết đoạn mở đầu của Hiến pháp, mà đã được thông qua không có tranh luận nào; đảng Dân tộc chủ nghĩa Basque PNV, ban đầu đã được đại diện bởi Miquel Roca người không lâu sau đã tuyên bố không được ủy quyền; các đảng cực đoan ERC và EE; ngoài ra còn một vài nhà Ôn hòa mà thực ra đã gần với UCD.

Với mục đích duy trì một cách rõ ràng nhất khả năng bỏ phiếu với hai lựa chọn đa số khả dĩ, phe đối lập đã khăng khăng đòi Chủ tịch của Hội đồng, Emillio Atard từ UCD, cố nhịn không tham dự các cuộc họp của ủy ban sau cuộc tụ họp đầu tiên.

Như thế đã là có thể cho sự trao đổi phiếu đã nhắc tới ở trước xảy ra trong cuộc họp đầu tiên của Ủy ban Soạn thảo của Hội đồng Hiến pháp Quốc hội, được tổ chức ngày 22 tháng Tám 1997.

Như tôi đã nói rõ lúc trước, hai vấn đề ưu tiên cao nhất đối với các thành viên khác nhau được đưa ra tại cuộc họp này.

Một mặt, đã là những quan niệm tổng thể về loại Hiến pháp nào được soạn: ngắn, với sự nhấn mạnh đến sự tổ chức đối với UCD và AP; hoặc rộng, bao gồm các các quyền dân sự và các quyền tự do, đối với phe đối lập.

Mặt khác, Atard đã yêu cầu mỗi bên đưa ra một lập trường sơ bộ về chế độ quân chủ, theo sự gợi ý của – như bản thân ông đã thú nhận – “người mà đã có thể làm và đã có đủ thẩm quyền cho tôi” (ám chỉ theo lối nó hoa mỹ nhưng rõ ràng đến bản thân nhà Vua). Theo các thứ tự ưu tiên mà tôi đã vừa đưa ra, UCD đã tuyên bố sự ủng hộ mạnh nhất cho nền quân chủ, AP đã đi theo gần (mà có lẽ đã có hệt niềm tin vững chắc hay vững chắc hơn về vấn đề, nhưng đã giả vờ một sự biếng nhác nào đó, chơi rắn nhằm đạt được những nhượng bộ về những vấn đề khác) và, CDC và PCE đã bị ràng buộc bởi những sự đền bù đã được nhắc tới. Nhà Xã hội Peces Barba, tuy vậy, đã tuyên bố: “PSOE là cộng hòa và sự nhắc nhấn mạnh đến nhà Vua không phù hợp cũng chẳng nên nhắc đến ở đầu Hiến pháp”, mặc dầu ông đã chấp nhận khả năng rằng, nếu nền quân chủ thắng, các nhà Xã hội sẽ có khả năng cai trị với nó.

Trong Bảng 6.2, tôi đã hình thức hóa các sở thích của các thành viên của Ban Soạn thảo hiến pháp liên quan đến hai vấn đề này, nhằm để so sánh các kết quả của sự bỏ phiếu chân thực với những kết quả của bỏ phiếu tinh vi với một sự trao đổi các phiếu chiến lược.

Chúng ta có thể giả định, khi đó, rằng một phiếu chân thực căn cứ vào ủy ban hiến pháp có nghĩa là soạn thảo một Hiến pháp ngắn, giới hạn ở sự tổ chức các định chế với sự bao gồm nền quân chủ và không có dẫn chiếu nào đến các quyền dân sự và các quyền tự do (nhờ đa số phiếu của AP và UCD). Hai đảng này có được sự thỏa mãn của các sở thích thứ nhất của họ về cả hai vấn đề và các đảng khác không có được sự thỏa mãn nào. Nếu chúng ta cho giá trị 1 cho sự thỏa mãn của một người bỏ phiếu về một vấn đề và 0 cho sự không thỏa mãn, tổng độ thỏa dụng đã là 8.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *Bảng 6.2. Các sở thích chân thật về Hiến pháp và Chế độ quân chủ* | | | | | |
|  | Loại Hiến pháp | Loại chế độ | Số phiếu (v) | Số thỏa mãn (s) | Độ thỏa dụng (v x s) |
| AP | Ngắn, tổ chức | Quân chủ | 1 | 2 | 2 |
| UCD | Ngắn, tổ chức | Quân chủ | 3 | 2 | 6 |
| CDC | Rộng, với quyền | tùy | 1 | 0 | 0 |
| PSOE | Rộng, với quyền | Cộng hòa | 1 | 0 | 0 |
| PCE | Rộng, với quyền | Cộng hòa | 1 | 0 | 0 |
| Kết quả | Ngắn, tổ chức | Quân chủ |  |  | 8 |

Quan sát, tuy vậy, trong Bảng 6.3, những gì đã thực sự xảy ra thông qua trao đổi phiếu chiến lược.

Trong sự bỏ phiếu tinh vi này, mọi và mỗi người bỏ phiếu duy trì ưu tiên thứ nhất của mình liên quan đến một vấn đề mà được coi là ưu tiên tối cao, nhưng từ bỏ sở thích thứ nhất của mình về vấn đề khác được coi là ít quan trọng hơn. Trong thực tế UCD và AP coi nền quân chủ là tối quan trọng, vì lý do đó họ bỏ sở thích của họ về một Hiến pháp ngắn mà không có các quyền dân sự. Phe đối lập coi việc bao gồm các quyền dân sự và quyền tự do vào Hiến pháp là cốt yếu, nhưng sẵn lòng thích nghi với sở thích thứ nhất của những người khác về nền quân chủ trong vấn đề về lọa chế độ (hình thức chính quyền).

Kết quả là việc soạn thảo một hiến pháp rộng với sự bao gồm các quyền dân sự và các quyền tự do, với một nền quân chủ, và được thông qua với số phiếu nhất trí. Trong kết quả này, mỗi trong bảy người bỏ phiếu nhận được sự thỏa mãn của một trong những sở thích thứ nhất của mình, cho nên tổng độ thỏa dụng là 7.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *Bảng 6.3. Bỏ phiếu tinh vi về Hiến pháp và Chế độ quân chủ* | | | | | |
|  | Loại Hiến pháp | Loại chế độ | Số phiếu (v) | Số thỏa mãn (s) | Độ thỏa dụng (v x s) |
| AP | *\*Rộng, với quyền* | Quân chủ | 1 | 1 | 1 |
| UCD | *\*Rộng, với quyền* | Quân chủ | 3 | 1 | 3 |
| CDC | Rộng, với quyền | *\*Quân chủ* | 1 | 1 | 1 |
| PSOE | Rộng, với quyền | *\*Quân chủ* | 1 | 1 | 1 |
| PCE | Rộng, với quyền | *\*Quân chủ* | 1 | 1 | 1 |
| Kết quả | Rộng, với quyền | Quân chủ |  |  | 7 |
| Lưu ý: \* có nghĩa là sự bỏ phiếu chiến lược, ngược với sở thích chân thật của người bỏ phiếu | | | | | |

Chúng ta có thể thấy rằng tổng độ thỏa dụng của sự bỏ phiếu tinh vi, mà giá trị của nó là 7, là thấp hơn tổng độ thỏa dụng nhận được bởi sự bỏ phiếu chân thật, mà giá trị của nó là 8. Tuy nhiên, trường hợp sau tạo ra bốn người bỏ phiếu hoàn toàn thỏa mãn và để ba người hoàn toàn bất mãn, trong khi sự trao đổi các phiếu chiến lược tạo ra bảy người bỏ phiếu thỏa mãn một nửa. Trong sự bỏ phiếu tinh vi này, thì, sự tổn thất độ thỏa dụng đi cùng với sự bình đẳng lớn hơn trong phân bố độ thỏa dụng.

**YALTA CỦA CÁC FRANCOIST**

Loại trao đổi phiếu này đã xảy ra hết lần này đến lần khác suốt quá trình dài dòng để tranh luận và thông qua văn bản hiến pháp, một quá trình đã bị kéo dài hơn 16 tháng, với hàng trăm cuộc họp và các phiên họp quốc hội và tối thiểu sáu cuộc bỏ phiếu về mỗi vấn đề.

Tiếp sau việc công bố trên báo chí dự thảo đầu tiên của Hiến pháp (được soạn bí mật bởi Ủy ban soạn thảo), và đặc biệt sau khi dự án sơ bộ đầu tiên được đăng trên Công báo Nhà nước Chính thức ngày 5 tháng Giêng 1978, hơn 3.000 bản kiến nghị và sửa đổi đã được các nhóm chính trị và các cá nhân đại biểu quốc hội trình bày. Đồng thời, áp lực đã tăng lên từ các nhóm bên ngoài quốc hội, hay những thế lực *de facto*, đặc biệt quân đội và Giáo hội Công giáo, với những kiến nghị bảo vệ lợi ích của họ mà, nói chung, cũng được AP bảo vệ trên sân khấu quốc hội.

Trong khi UCD đã có những sở thích ôn hòa trong nhiều vấn đề, sau thành công của các giai đoạn đầu của cải cách nó đã bắt đầu chịu một khủng hoảng nào đó về điểm trọng tâm. Bởi vì điều này, và vì lập trường của nó là ở giữa đã cho phép nó tiến hành các giao dịch với các đảng bên tả và bên hữu, đảng đã có xu hướng trao đổi phiếu với cả hai bên, theo cường độ sở thích của đối tác về mỗi vấn đề. Những thỏa thuận thay đổi này đã làm tăng những sự khác biệt ý kiến giữa một số thành viên liên quan của UCD về các đối tác chính trị ưa thích của họ, chủ yếu giữa cánh hữu của nó và cánh trung thuần túy hay cánh tả của nó. Như một hệ quả, đã có thể nói rằng những cuộc mặc cả của quá trình lập hiến, ngay cả có cho chính phủ cải cách một vai trò nổi bật, đã đóng góp mạnh vào sự thiếu củng cố của nó và, cuối cùng, vào sự chia rẽ của đảng ôn hòa.

Nhìn chung, chúng ta có thể nói rằng sự trao đổi phiếu lập hiến đã xảy ra giữa UCD và AP về những vấn đề khác nhau liên quan đến các vấn đề tôn giáo và quân sự, dưới áp lực của các thế lực *de facto;* giữa UCD và PSOE và PCE về các vấn đề kinh tế và xã hội; và giữa UCD và CDC về vấn đề văn hóa-ngôn ngữ và phân quyền.

Phần lớn hơn của Hiến pháp đã được thảo như một kết quả của những sự đánh đổi này, mặc dù cũng đã có một số trao đổi phiếu nào đó giữa tất cả các bên được nhắc đến, một số giữa tất cả trừ AP, và một số giữa UCD và PSOE mà không có sự can thiệp của PCE.

Vào nhiều dịp, việc nhóm này hay nhóm khác trong các nhóm còn lại trình bày những sửa đổi mới đã buộc các thành viên ôn hòa của ủy ban tiến hành những cuộc tham vấn bên ngoài quốc hội trước khi đưa ra các lập trường. Trong những giai đoạn nhất định vì thế đã không phải là lạ cho các đại diện của UCD bỏ các cuộc họp ở quốc hội để gọi điện thoại cho các bộ trưởng khác nhau hay cho bản thân Thủ tướng Chính phủ, hay để hoãn quyết định bỏ phiếu của họ cho đến ngày tiếp theo.

Sự lựa chọn của UCD giữa một bên hay bên khác đã đi cùng với những đe dọa từ những người sau không từ bỏ sở thích thứ nhất của họ về các vấn đề mà thực sự đã không được coi là tối quan trọng. Như thế, bất chấp sự thỏa thuận đã đạt được bởi ủy ban về nền quân chủ, một cách tượng trưng các nhà Xã hội đã duy trì phiếu riêng của họ ủng hộ nền cộng hòa cho đến khi nó được bỏ phiếu và bị đánh bại công khai trong Hội đồng Hiến pháp. Như bản thân nhà Xã hội Gregorio Peces-Barba đã bình luận, nó đã là “một sự rê bóng hay một sự tháu cáy bài poker để cải thiện vị trí của ông trong tranh luận”, mà đáp trải nó UCD đã đáp lại với chiến thuật áp lực khác, một kiến nghị để tăng quyền lực của nhà Vua, mà cũng đã bị đánh bại. Bản thân Peces-Barba đã rút lui tạm thời khỏi ủy ban, “đóng sầm cửa mạnh và rắn chắc” – theo báo chí – bởi vì xu hướng của UCD để có những hiệp ước với AP về nhiều vấn đề đến vậy. Như đã hóa ra, tuy vậy, rằng nhà Xã hội này đã chỉ vắng mặt trong bốn buổi họp, được tổ chức trong một giai đoạn mười ngày, và đã quay lại ký dự thảo sơ bộ cuối cùng (ngay cả những đoạn mà ông đã không tham gia). Trong sự vắng mặt của đại diện PSOE, mỗi trong bốn bên khác về hình thức cũng đã đe dọa rút khỏi ủy ban bởi vì cái họ thấy như những lập trường bất lợi về tản quyền, mặc dù chỉ AP và CDC đã thực hiện những sự đe dọa này trong các pha sau của sự tranh luận.

Một lần trong Hội đồng Hiến pháp Quốc hội, PSOE đã đe dọa rút lui lần nữa tiếp sau trình bày của dân biểu UCD, Jesús Sancho-Rof, Thứ trưởng Bộ Nội vụ, về một sự sửa đổi để hạn chế những sự bảo đảm của những người bị bắt. Đây đã là sự bày tỏ một đòi hỏi từ cảnh sát, mà phe đối lập đã coi là sặc giọng Francoist không chịu nổi.

Như một kết quả của sự cố này, vào cùng đêm ngày 22 tháng Năm 1978 đó, một bữa ăn tối đã được tổ chức tại tiệm ăn “José Luis”, nằm đối diện với Sân vận động Santigao Bernabeu, tổ ấm của đội bóng Real Madrid. Trong bữa ăn tối này một đoàn đại biểu của UCD do Phó Thủ tướng Chính phủ, Fernando Abril, dẫn đầu, và đoàn đại biểu PSOE do Phó Tổng thư ký đảng, Alfonso Guerra dẫn đầu, đã thỏa thuận một loạt trao đổi phiếu, mà đã đánh dấu sự tiến triển tiếp theo của quá trình soạn thảo và thông qua Hiến pháp.

Xem xét từ một viễn cảnh rộng hơn của sự chuyển đổi chính trị, tình tiết này có thể được coi như thời khắc quyết định mà trong đó đã tránh được thắng lợi của đường lối liên tục và một cách tương ứng việc tạo ra một chu kỳ trong quá trình của các lựa chọn kế tiếp nhau giữa đoạn tuyệt, cải cách và liên tục, mà tôi đã nhắc đến trong Chương 1. Theo những gì có thể thu thập được từ giọng đặc biệt tức tối của những tuyên bố của một số người phát ngôn cho phe đối lập vào chiều hôm trước, tính liên tục của những thỏa thuận giữa UCD và AP đã có thể gây ra một sự rút lui thật về phần của một số đảng khỏi nghĩa vụ quốc hội, mà, đến lượt, đã có thể tạo ra một sự trở về đường lối liên tục. Thay vào đó, sự lựa chọn của UCD ủng hộ các thỏa ước với PSOE đã dẫn đến một kết quả toàn diện mà gần hơn với các mục tiêu đoạn tuyệt của phe đối lập.

Một loạt các cuộc thương thuyết đêm khuya giữa UCD và PSOE đã bắt đầu vào cuối tháng Năm. Những cuộc đàm phán này dính đến các bữa ăn tối ở các tiệm ăn và các cuộc họp ở các văn phòng riêng mà đã kéo dài đến quá nửa đêm, nhằm ký kết các hiệp ước về trao đổi phiếu và văn bản then chốt trong phần lớn các điều của hiến pháp. Tiếp sau sự phản đối của các nhóm khác, một số trong số này cũng đã được nhận vào các cuộc thương lượng. Trong nhiều trường hợp, các phiên họp toàn thể quốc hội đã bị gián đoạn hay ngừng lại nhằm để đợi cho những sự thỏa thuận ngoài quốc hội kết thúc theo cách để tạo ra đủ đa số khi đến lúc bỏ phiếu.

Khi AP thấy mình bị loại ra khỏi cái gọi là đồng thuận đêm khuya, nhóm này, được lãnh đạo lúc đó bởi các Francoist Federico Silva và Golzalo Fernádez de la Mora, về hình thức đã rút khỏi Hội đồng Hiến pháp. Silva đã phản đối lại cái ông gọi là, với sự tự nhận diện đáng ngạc nhiên, “các hiệp ước Yalta hay Posdam, mà trong đó những người thắng cuộc [bầu cử] ngày 15 tháng Sáu sẽ là những người áp đặt ý chí của họ lên các thiểu số”. Sáu ngày sau, Manuel Fraga, người đã đi xa trong một chuyến đi, đã quay trở lại một lần nữa với những nghĩa vụ quốc hội của mình sau khi nhà Vua Juan Carlos đã đích thân yêu cầu ông làm vậy. Sự thực, tuy vậy, là, “sau sự đóng sập cửa” đó, AP đã không còn tạo thành một phần của cả Hội đồng Hiến pháp Thượng viện lẫn Hội đồng Hỗn hợp Thượng-Hạ viện nữa. Các thành viên và thượng nghị sĩ của nhóm này đã bị chia rẽ trong sự bỏ phiếu cuối cùng giữa các phiếu ủng hộ, các phiếu chống và sự không bỏ phiếu. Các nhóm cánh hữu của Silva và Fernádez de la Mora, những người mà tôi đã trình bày như các nhà theo đường lối liên tục ở Chương 3, đã vận động chống lại Hiến pháp trong cuộc trưng cầu dân ý tiếp sau sự thông qua ở quốc hội, và cuối cùng đã bỏ đảng. Phần còn lại của AP, do Manuel Fraga lãnh đạo, đã bao gồm cải cách hiến pháp trong cương lĩnh của nó trong một giai đoạn mấy năm.

Đấy, tuy vậy, đã không phải là sự loại trừ duy nhất. Các nhà Dân tộc chủ nghĩa Basque của PNV những người mà, như tôi đã nhắc tới trước trong chương này, chẳng bao lâu đã không cảm thấy được đại diện một cách thích đáng bởi người phát ngôn cho các nhà Dân tộc chủ nghĩa Catalan, Miquel Roca, và những người đã can thiệp trực tiếp trong các hội đồng và phiên họp toàn thể của Hạ viện và Thượng viện, cũng thấy mình bị loại khỏi sự đánh đổi với UCD về vấn đề họ quan tâm nhất: việc khôi phục các “luật cũ” của nhân dân xứ Basque. Vì lý do này, họ đã rút khỏi phiên toàn thể ủa Hạ viện và cũng đã từ chối không bỏ phiếu của họ ủng hộ Hiến pháp.

Đáng quan sát rằng tất cả những cử chỉ và quyết định này đã là chiến lược hay không chân thật theo nghĩa rằng người chơi đang thực hiện chúng đặt sự chấp nhận những lập trường nào đó về những vấn đề nào đó (mà với nó người ấy thường đồng ý hay hơi không đồng ý) phụ thuộc vào việc những người khác chấp nhận các lập trường được ưa thích mạnh hơn của mình về các vấn đề khác. Hoặc, người đó có thể bác bỏ toàn bộ Hiến pháp bởi vì nó không thỏa mãn mình trên một điểm nào đó mà được người đó coi là rất quan trọng, mặc dù về cơ bản đồng ý với phần còn lại. Như nhà Xã hội Gregorio Peces-Barba đã viết, là cần thiết “để một số chiến thắng cho người đối thoại, bảo đảm rằng chúng là ít quan trọng nhất trong chừng mực liên quan đến chúng ta”, vì “làm sao lại có thể để chấp nhận những hy sinh không thể nghi ngờ và sự từ bỏ những khía cạnh của ý thức hệ của một người vì sự đồng thuận nếu những sự đền bù thỏa đáng không được tạo ra về những vấn đề khác?” Tương tự, theo lời của nhà Cộng sản Jordi Solé-Tura: “Mỗi trong những lực lượng hàng đầu đứng sau sự đồng thuận hiến pháp đã phải cố gắng phi thường để có khả năng phân biệt rõ ràng giữa vấn đề quan trọng nhất và các vấn đề thứ yếu, để biết ở đâu ta phải giữ vững vị trí của mình và ở đâu ta phải nhượng nhằm đạt được kết quả mong muốn.” Tính kỳ lạ mà tôi đã chỉ ra trong Dẫn nhập và muốn nhấn mạnh là, lúc đó, như khác biệt với các giai đoạn lịch sử khác, những gì là quan trọng nhất đối với một số người đã là thứ yếu đối với những người khác và ngược lại.

Những bàn luận của ủy ban đã là bí mật và như thế đã cho phép một sự phơi bày rõ ràng các ưu tiên và những lợi ích bởi các thành viên của nó. Tuy vậy, các phiên khác, mà đã được tổ chức trong sự hiện diện của báo chí, đã không cho phép sự nói thẳng như vậy và vì lý do này các cuộc đàm phán đã được chuyển sang những chỗ gặp gỡ ngoài quốc hội. Những sự thỏa thuận đã được đưa vào các phiên bằng phương tiện của những sửa đổi mới “*in voce - bằng lời*”, được đưa ra bởi bên được hưởng lợi nhất từ sự thỏa thuận. Tuy vậy, đã là thông thường đối với tất cả các bên để dự trữ các phiếu riêng của họ như một hình thức của sự đe dọa tiềm tàng và can ngăn của họ trong sự kiện mà bên kia đã không thực hiện các cam kết bỏ phiếu chiến lược của họ và đã phải tiến hành những sự trả đũa.

Trong con mắt công chúng, các thỏa thuận đã không luôn luôn đòi hỏi rằng tất cả những người tham gia vào một hiệp ước phải bỏ phiếu chính xác theo cùng cách. Nếu, thí dụ, UCD đã thuyết phục được PSOE theo quan điểm của nó về một vấn đề mà đã chia rẽ toàn bộ phe đối lập, PSOE đã có thể không tham gia trong việc bỏ phiếu sửa đổi của UCD, vì việc đó có lẽ đã đủ để tạo thuận lợi cho chiến thắng của UCD trong khi vẫn giữ thể diện với cử tri Xã hội. Nếu UCD đã trùng trong lập trường với AP về vấn đề đó, các nhà Xã hội thậm chí có thể bỏ phiếu chống, biết rằng đa số UCD-AP không bị nguy hiểm, nhằm giả bộ như không làm mình xa cách với phần còn lại của phe đối lập. Nếu, thí dụ, PCE trình bày một sửa đổi “*in voce*” ngược với những gì đã được thỏa thuận giữa UCD và PSOE, đảng sau cũng đã có thể không bỏ phiếu để cho không chọc tức các đồng minh cánh tả trong những lần bỏ phiếu khác, thế nhưng làm vậy đảm bảo một cách gián tiếp rằng sự sửa đổi sẽ không được thông qua. Tương tự, sau khi UCD đã chấp nhận lập trường Xã hội về một vấn đề cụ thể nào đó, thì nó cũng đã có thể không bỏ phiếu để cho không có vẻ cứ như nó đã đứng quá xa các lập trường bảo thủ của AP, và vân vân.

Như thế thì có ít nhất ba thái độ khác nhau mà một đảng hay một cá nhân đại biểu quốc hội có thể lấy về một vấn đề được đưa ra bỏ phiếu. Thứ nhât, thái độ mà tương ứng với sở thích chân thật của người đó. Thứ hai, một lập trường được chấp nhận một cách chiến lược tiếp sau một thỏa thuận về trao đổi phiếu, mà sẽ có lợi cho tất cả những người tham gia vào một hiệp ước như vậy thế nhưng vẫn khác với thái độ thứ nhất. Thứ ba, lập trường của một lá phiếu được bỏ, mà có thể có tính chiến lược kép (để đạt được một kết quả cụ thể trong việc bỏ phiếu và để tạo ra một hình ảnh nhất định trong con mắt của các bên khác và của cử tri) và là khác với hai lập trường kia.

Trong nhiều trường hợp, những sự trao đổi đã nảy sinh không chỉ giữa những lập trường đảng về toàn bộ một vấn đề phức tạp, mà chỉ về những phần nhỏ của nó. Kết quả, trong khi là một văn bản tỏ ra có sự cân bằng, đồng thời đã là một công thức mơ hồ hay mâu thuẫn nội tại, để cho trong tương lai thành một đối tượng đòi hỏi hoạt động diễn giải to lớn từ phía các luật sư và Tòa án Hiến pháp. Trong những trường hợp khác, sự thỏa thuận dẫn đến một sự trung lập hóa các lập trường khác nhau và một sự trì hoãn việc quy định điều tiết vấn đề, chuyển nó cho một luật thông thường, mà sự thảo kỹ và thông qua nó chẳng nhóm nào can thiệp vào, cùng cách trao đổi phiếu dính líu đến đồng thuận hiến pháp cũng chẳng thể được sao chép lại.

Một số kết quả nhận được từ những trao đổi như vậy về các vấn đề quân đội, tôn giáo, xã hội-kinh tế và tản quyền, tại những thời khắc khác nhau trong quá trình soạn thảo Hiến pháp, tiếp theo như những thí dụ quan trọng.

**Những Vấn đề Dính đến Áp lực của những Quyền lực *de facto***

Nhiều vấn đề đã là đối tượng của sự can thiệp bởi Quân đội và Giáo hộ Công giáo. Như những thí dụ, chúng tôi đã chọn hình phạt tử hình (Điều 15 của Hiến pháp) và trợ giúp tài chính của chính phủ cho Giáo hội Công giáo (Điều 16).

Trong tiến trình của một số lần bỏ phiếu đầu tiên về những vấn đề này trong Hội đồng Hiến pháp Quốc hội trong pha trao đổi giữa AP và UCD, đã số các thành viên đã bỏ phiếu theo sở thích chân thật của họ.

Như thế, các nhà bảo thủ của AP và các nhà ôn hòa của UCD đã nhận được sự duy trì tạm thời của hình phạt tử hình chống lại quan điểm xóa bỏ chân thật của phe đối lập. Vấn đề này đã là nhạy cảm với phe đối lập bởi vì việc xóa bỏ hình phạt tử hình đã là một sự xác minh trong các chiến dịch chống Francoist để ủng hộ một số tù nhân chính trị. (Thực ra, những cuộc hành hình cuối cùng vì các lý do chính trị đã xảy ra vào cuối tháng Chín 1975, tức là, ít hơn hai tháng trước cái chết của nhà độc tài). Có thể rằng về vấn đề này một số thành viên của UCD đã bỏ phiếu ngược với những điều tin chắchanh của họ trong một trao đổi phiếu chiến lược với Quân đội thông qua các dân biểu AP của nó, mặc dù không có nghi ngờ gì rằng các dân biểu UCD khác đã bỏ phiếu chân thật ủng hộ việc duy trì hình phạt tử hình.

Tương tự, AP, UCD, các nhà Dân tộc chủ nghĩa Catalan và Basque, CDC và PNV, đã nhận được sự thỏa mãn tạm thời của sở thích chân thật qua sự nhắc đến rõ ràng Giáo hội Công giáo như người được hưởng trợ giúp của chính phủ trong một điều mà quy định quyền tự do tín ngưỡng trái với sự bác bỏ chân thành việc nhắc tới này bởi các nhà Xã hội của PSOE. Trong việc bỏ phiếu này, những người Cộng sản của PCE đã bỏ phiếu với nhóm đầu tiên, thực hiện cái có thể được xem như một sự bỏ phiếu chiến lược ủng hộ Giáo hội Công giáo.

Như thế, liên quan đến hai vấn đề, trong pha đầu tiên của sự bỏ phiếu phần lớn chân thành, các nhà Bảo thủ và các nhà Ôn hòa (hay chí ít một phần của những người sau) đã nhận được sự thỏa mãn tạm thời của các sở thích của họ trên cả hai vấn đề. Các nhà Dân tộc chủ nghĩa Catalan và Basque trên một, và các nhà Xã hội và Cộng sản chẳng được gì.

Tuy vậy, trong những cuộc bỏ phiếu khác tiếp sau về cùng hai vấn đề, được thực hiện trong pha trao đổi phiếu giữa UCD và PSOE, UCD đã bỏ phiếu một cách chiến lược về hình phạt tử hình và PSOE đã gia nhập PCE trong bỏ phiếu chiến lược về Giáo hội Công giáo.

Như thế, một mặt, PSOE, PCE, CDC và PNV, thêm vào cùng các thành viên chân thành đòi bỏ tử hình của UCD, đã nhận được sự bãi bỏ hình phạt tử hình, trừ trong bộ luật quân sự, với phiếu chiến lược của các thành viên UCD mà đã thành thực chủ trương tử hình và sự phản đối chân thật của AP.

Mặt khác, AP, UCD, CDC và PNV đã củng cố lợi lộc của họ trong nêu danh Giáo hội Công giáo như người thụ hưởng sự giúp đỡ của chính phủ với phiếu chiến lược ủng hộ của PSOE và PCE.

Như thế, trong pha thứ hai của sự bỏ phiếu tinh vi, AP, UCD, CDC và PNV đã nhận được sự thỏa mãn hoàn toàn của họ về một vấn đề (Giáo hội) và sự thỏa mãn một phần về vấn đề khác (hình phạt tử hình, mặc dù sự thỏa mãn một phần này đã ít cho AP và khu vực ủng hộ của UCD hơn là cho các thành viên đòi bỏ), trong khi PSOE và PCE đã nhận được một sự thỏa mãn một phần (bỏ hình phạt tử hình).

Đối với pha đầu tiên, chúng ta có thể coi trong việc bỏ phiếu của pha thứ hai này rằng mỗi thành viên của AP và UCD đã thiệt chỉ đưới một điểm thỏa dụng (bị bất mãn một phần về một vấn đề), và mỗi thành viên của CDC, PNV, PSOE và PCE đã đạt chỉ dưới một điểm thỏa dụng (được sự thỏa mãn một phần về một vấn đề). Nếu chúng ta đo lợi lộc bằng số đại biểu của mỗi bên, độ thỏa dụng có vẻ ít hơn trong pha bỏ phiếu thứ hai, tinh vi hơn, nhưng có một số lớn hơn của các bên đã tăng sự thỏa mãn của họ và những sự bất bình đẳng giữa họ đã giảm (xem Bảng 6.4).

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Bảng 6.4. Trao đổi phiếu dưới áp lực của những “quyền lực de facto”* | | | | |
|  | Bỏ phiếu lần thứ nhất  (phần lớn chân thật) | | Bỏ phiếu lần thứ hai  (tinh vi) | |
|  | Bỏ tử hình | Nhắc đến Giáo hội | Bỏ tử hình với ngoại lệ | Nhắc đến Giáo hội |
| AP-1 | No | Yes | No | Yes |
| UCD-3 | No | Yes | Yes | Yes |
| CDC-1 | Yes | Yes | Yes | Yes |
| PSOE-1 | Yes | No | Yes | *\*Yes* |
| PCE-1 | Yes | *\*Yes* | Yes | *\*Yes* |
| Kết quả | No | Yes | Yes | Yes |
| Lưu ý: \* có nghĩa là phiếu chiến lược | | | | |

Hai trường hợp này đã được chọn làm thí dụ, vì trong thực tế sự trao đổi phiếu đã rộng hơn và áp lực của những quyền lực *de facto* đã ảnh hưởng tới kết quả cuối cùng của các vấn đề khác. Giữa những thứ này và liên quan tới Quân đội, có lẽ đáng nhắc đến sự duy trì của các tòa án quân sự danh dự mà đã không lệ thuộc vào sự thống nhất của quyền thực thi pháp lý (Điều 17), và thiếu sự thừa nhận rõ ràng về các quyền của người từ chối nhập ngũ vì lý do đạo lý (Điều 30). Quay sang Giáo hội Công giáo, chúng ta thấy tuyên bố rằng “tất cả” thay cho “các cá nhân” có một quyền để sống như một cố gắng để ngăn sự điều tiết phá thai (Điều 15).

**Các Vấn đề với các Sở thích Mãnh liệt trong Chiều Xã hội-Kinh tế**

Một nhóm vấn đề khác, mà công thức cuối cùng cho nó hầu như đã được giải quyết rồi bởi Ủy ban Soạn thảo, là các vấn đề xã hội-kinh tế. Ở đây, và liên quan đến khả năng của các hiệp ước riêng chỉ giữa AP và UCD, các nhà Xã hội và những người Cộng sản đã sử dụng áp lực mạnh bởi vì họ đã coi chúng là các vấn đề ưu tiên cho sự nhận diện cánh tả của mình. Trong những trường hợp nhất định vì thế họ đã dẫn đến sự trao đổi phiếu với UCD và những sự thỏa mãn một phần nhờ đó.

Như thế, liên quan đến mô hình kinh tế chung, một mặt, “tự do kinh doanh” và một “nền kinh tế thị trường” (Điều 38) đã được thông qua với sự bỏ phiếu chân thật ủng hộ từ AP, UCD và CDC, có lẽ sự không bỏ phiếu mang tính chiến lược từ PCE và phiếu chân thật phản đối của PSOE. Mặt khác, Title (Tiêu đề của chương) VII về Nền kinh tế và Tài chính, sáng kiến công trong hoạt động kinh tế, và sự tham gia của công dân vào các cơ quan công về phúc lợi xã hội và lập kế hoạch kinh tế chính phủ đã được chấp nhận (các Điều 128, 129 và 131), với phiếu chân thật ủng hộ từ PSOE và PCE và các phiếu chiến lược ủng hộ của AP, UCD và CDC. Các nhà Xã hội và những người Cộng sản đã khẳng định rằng những văn bản cuối cùng này đã rất có ảnh hưởng đến quyết định của họ để chấp nhận toàn bộ Hiến pháp, và PSOE thậm chí đã tận dụng những thứ này để rút lui phiếu cộng hòa riêng của nó.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Bảng 6.5. Trao đổi phiếu về các vấn đề xã hội* | | | | |
|  | Các sở thích chân thật | | Bỏ phiếu tinh vi | |
|  | Đóng cửa D.N. | Tự do nghiệp đoàn | Đóng cửa D.N. | Tự do nghiệp đoàn |
| AP-1 | Yes | No | Yes | No |
| UCD-3 | Yes | No | \**No* | No |
| CDC-1 | No | Yes | No | Yes |
| PSOE-1 | No | Yes | No | Yes |
| PCE-1 | No | Yes | No | Yes |
| Kết quả | Yes | No | No | No |
| Lưu ý: \* có nghĩa là phiếu chiến lược | | | | |

Hai cuộc tranh luận song song có tầm quan trọng tương tự đã được tổ chức, một về hiến pháp hóa quyền của chủ doanh nghiệp để đóng cửa công ty riêng của mình (Điều 37), và tranh luận khác về những hạn chế đặt lên quyền tự do của các nghiệp đoàn và quyền đình công, mà trong đó các loại nghề nhất định như các thẩm phán và các quan hành chính địa phương đã bị bỏ sót (các Điều 28 và 127). UCD đã trao đổi phiếu với PSOE và PCE về vấn đề đầu tiên và với AP về vấn đề thứ hai. Bằng cách này, sự đóng cửa gây áp lực [của chủ doanh nghiệp], được đưa vào trong dự thảo đầu tiên với sự ủng hộ của AP và UCD, đã biến mất trong dự thảo thứ hai như một kết quả của các phiếu chiến lược của UCD chống lại nó. AP đã không thành công trong việc đưa nó lại, bất chấp việc giữ một phiếu đặc biệt về vấn đề này, trong khi PSOE, PCE và CDC đã không thành công loại bỏ những hạn chế đã được nhắc đến về quyền tự do nghiệp đoàn (xem Bảng 6.5).

Một trong những chủ đề được tranh luận dài nhất trong toàn bộ quá trình, mà công thức cuối cùng về nó chỉ đạt được vào phút chót, đã là vấn đề giáo dục (Điều 27). Một mặt, AP, UCD, CDC và PNV đã bảo vệ các trường sở hữu tư nhân, năng lực xưng tội có thể của chúng và sự quản lý hoạt động của chúng bởi các chủ sở hữu, với khẩu hiệu “quyền tự do dạy học”, phù hợp với các hội đồng quản trị của các trường tôn giáo mà đã sử dụng áp lực thực sự. Mặt khác, PSOE và PCE về mặt truyền thống đã duy trì một cương lĩnh mà chỉ bao gồm các trường công và trường thế tục. Công thức được thông qua cuối cùng đã đòi hỏi những phiếu chiến lược từ cả hai bên: PSOE và PCE đã chấp nhận việc hiến pháp hóa sự bao cấp công cho các trường tư với điều kiện rằng các bên khác đã bỏ việc gồm cả quản lý trường giữa những đặc quyền của các chủ sở hữu và chấp nhận sự tham gia của các phụ huynh, các giáo viên và, trong một số trường hợp nhất định, của cả học sinh (Bảng 6.6). Việc này đã gây ra cái gọi là “hiệp ước-trường học”.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Bảng 6.6. Trao đổi phiếu về vấn đề trường học* | | | | |
|  | Các sở thích chân thật | | Bỏ phiếu tinh vi | |
|  | Tài trợ cho các trường tư | Sự tham gia của giáo viên và phụ huynh | Tài trợ cho các trường tư | Sự tham gia của giáo viên và phụ huynh |
| AP-1 | Yes | No | Yes | No |
| UCD-3 | Yes | No | Yes | *\*Yes* |
| CDC-1 | Yes | No | Yes | *\*Yes* |
| PSOE-1 | No | Yes | *\*Yes* | Yes |
| PCE-1 | No | Yes | *\*Yes* | Yes |
| Kết quả | Yes | No | Yes | Yes |
| Lưu ý: \* có nghĩa là phiếu chiến lược | | | | |

**Các Vấn đề với các Sở thích Mãnh liệt trong Tản quyền**

Một nhóm các vấn đề nữa liên quan đến phân chia quyền lực theo vùng lãnh thổ. Ở đây, các sở thích mãnh liệt nhất đã là, một mặt, các sở thích của AP, người bảo vệ ngoan cường của sự thống nhất của một Nhà nước đơn nhất, và mặt khác, các sở thích của CDC và PNV, mà đã rất quan tâm đến các công thức cá biệt cho việc tổ chức Catalonia và xứ Basque.

Cuộc tranh luận đã rất nóng rồi về Điều 2, mà đã nhắc không chỉ đến “sự thống nhất của Tây Ban Nha” mà cũng đến “quyền của các dân tộc và vùng đối với sự tự trị”. Từ “các dân tộc”, được dùng trong sự nhắc đến Catalonia và Xứ Basque, đã nghe có vẻ đặc biệt khó chịu đối với cả AP và Quân đội. Trên thực tế, bản thảo cuối cùng đã không phải là công trình của Ủy ban Soạn thảo, mà đúng hơn dưới dạng của một tờ giấy viết tay được đưa từ lâu đài Moncloa, dinh thự của Thủ tướng Chính phủ, mà trong đó cụm từ “Tổ quốc chung và không thể chia được” và “sự thống nhất không thể chia cắt của quốc gia Tây Ban Nha” đã được thêm vào các cụm từ được nhắc tới trước. Sứ giả UCD mang nó đã làm cho các thành viên ủy ban khác thấy rằng văn bản đã gồm có “những sự cho phép cần thiết”, và rằng không một dấu phảy nào đã có thể được thay đổi bởi vì nó đã đáp lại một sự cam kết bằng chữ giữa Thủ tướng Chính phủ và những người đối thoại *de facto*, những người đã quân tâm mãnh liệt đến vấn đề. Việc này đã thúc nhà ôn hòa Pérez-Llorca đứng nghiêm, đưa tay lên thái dương theo nghi thức chào quân đội.

Tranh luận thực chất nhất, tuy vậy, đã là về Title VIII, giải quyết sự tổ chức lãnh thổ của Nhà nước. Những sở thích sau đây đã là cho trước ban đầu:

AP đã nhấn mạnh đến sự duy trì các tỉnh như các thực thể hành chính, và đã có vẻ chỉ sẵn lòng chấp nhận khả năng của các cộng đồng (commonwealth) vùng nào đó của các hội đồng tỉnh như một công thức cho sự phân quyền, nhưng không phải cho tất cả các vùng.

Lập trường của UCD đã tùy thuộc vào những sự mập mờ của một thủ đoạn sau bầu cử mà đã dẫn đến sự quay về từ trạng thái lưu vong của nhà cộng hòa, Josep Tarradellass, với tư cách Chủ tịch của *Generalitat,* Chính phủ Catalan truyền thống. Một mặt, đảng ôn hòa đã bị cám dỗ để chấp nhận các công thức đặc biệt cho Catalonia, Xứ Basque và có lẽ Galacia với hy vọng rằng, như đã xảy ra ở Catalonia, nó sẽ không đưa đến nhiều hơn một sự thừa nhận tượng trưng các định chế truyền thống của các dân tộc này. Mặt khác, Bộ trưởng về các Vùng, Manuel Clavero người Andalusia, đã góp phần cổ vũ việc tạo ra các chính quyền trước-tự trị ở tất cả các vùng để ngăn việc các dân tộc này nhận được sự đối xử ưu đãi. Một số chính trị gia ôn hòa đã sợ rằng sự khái quát này có thể vượt quá những giới hạn được đưa ra ban đầu và có thể gây ra những đòi hỏi mới về tự trị chính trị, và vì thế làm giảm đáng kể quyền lực của chính phủ trung ương. Tuy nhiên, bất chấp những sự khác biệt nội bộ này, các đại diện của đảng chính phủ trong Ủy ban Soạn thảo chọn thúc đẩy một công thức chung của sự phân quyền hành chính vùng.

Các nhà Dân tộc chủ nghĩa Catalan và Basque, như tôi đã nói, đã muốn các quyền tự trị tối đa của sự quyết định cho các dân tộc của họ. Họ đã có thể chấp nhận hoặc phần còn lại của đất nước được tổ chức theo các công thức tự trị chính trị, miễn là chúng không hệt như của Catalonia và Xứ Basque, hoặc chỉ sự phân quyền hành chính.

Những người Cộng sản cũng đã xác nhận sự tự trị chính trị cho các dân tộc, nhưng bên trong một khung khổ của sự tái phân bổ quyền lực trong lãnh thổ, tiếp tục, theo một cách, truyền thống liên bang của thế kỷ thứ 19. Các nhà Xã hội có lẽ đã ưa thích nhấn mạnh khía cạnh bình quân chủ nghĩa của sơ đồ liên bang, nhưng, do ảnh hưởng của các nhà Xã hội Catalan, họ cũng đã chấp nhận tính hợp pháp của sự xác nhận tự trị đặc thù của Catalonia, Xứ Basque và Galicia, và đã chấp nhận một lập trường mà đã trùng một cách rộng rãi với lập trường của những người Cộng sản.

Theo những sở thích chân thật được đưa ra ở đây, tất cả các cuộc bỏ phiếu quốc hội đã có thể có kết quả trong một sự phân quyền hành chính được khái quát, mà có nghĩa là, sự áp đặt mô hình được UCD bảo vệ (xem Bảng 6.7).

Tuy nhiên, các cuộc thương lượng lặp đi lặp lại và những sự thỏa hiệp vào cuối đã dẫn đến một sự trao đổi phiếu giữa tất cả các bên trừ AP, mà theo đó một mô hình hỗn hợp được dựng lên kéo theo trên thực tế sự chồng chéo không có vẻ hợp lý của vài cấu trúc hành chính riêng biệt. Thứ nhất, các tỉnh được duy trì, làm cho những người ôn hòa rất thỏa mãn. Thứ hai, những hình thức tiếp cận khác nhau đến sự tự trị được xác lập cho “các dân tộc lịch sử” và cho các vùng khác (mà đã có những mức độ ban đầu khác nhau về khả năng thành thạo [competency] và những thời hạn khác nhau cho việc đạt được các mức tối đa của chúng), để mang lại sự thỏa mãn cho các nhà dân tộc chủ nghĩa Catalan. Thứ ba, đã chọn sự mở rộng các cộng đồng tự trị ra tất cả các vùng, và đã được xác lập rằng vào cuối quá trình mỗi vùng có thể đạt cùng mức khả năng thành thạo và tạo ra một hệ thống đồng đều và bình quân chủ nghĩa, với một triển vọng liên bang hóa làm thỏa mãn các nhà Xã hội và những người Cộng sản.

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *Bảng 6.7. Trao đổi phiếu về vấn đề phân quyền* | | | | | | | |
|  | Các sở thích chân thật | | | | Bỏ phiếu tinh vi | | |
|  | Các tỉnh và phân quyền hành chính | | Tự trị cá biệt | Công thức chung | Các tỉnh và phân quyền hành chính | Tự trị cá biệt | Công thức chung |
| AP-1 | Yes | | No | No | Yes | No | No |
| UCD-3 | Yes | | No | Yes | Yes | *\*Yes* | Yes |
| CDC-1 | No | | Yes | No | \**Yes* | Yes | \**Yes* |
| PSOE-1 | No | | Yes | Yes | *\*Yes* | Yes | Yes |
| PCE-1 | No | | Yes | Yes | *\*Yes* | Yes | Yes |
| Kết quả | Yes | | No | Yes | Yes | Yes | Yes |
|  | | Lưu ý: \* có nghĩa là phiếu chiến lược | | | | |  |

Trong sự thông qua chung của sự kết hợp này của các đề xuất đã đòi hỏi, một mặt, rằng UCD chấp nhận một cách chiến lược những mức độ tự trị ban đầu nào đó cho các dân tộc được phân loại mang tính lịch sử, mà trước đó nó đã không chấp nhận, để đổi lại cho việc có được ưu tiên tột đỉnh của nó, sự duy trì các tỉnh. Nó cũng đã đòi hỏi rằng PSOE và PCE chấp nhận một cách chiến lược các tỉnh, và rằng CDC chấp nhận cả các tỉnh lẫn một sự áp dụng bình quân chủ nghĩa chung của các vùng tự trị, dẫn đến một sự giảm địa vị đặc biệt cho Catalonia, để đổi lại sự tự trị chính trị của các dân tộc, mà đã là khía cạnh quan trọng nhất của vấn đề cho tất cả họ.

Chỉ AP đã cố chấp trong tất cả các sở thích chân thật của mình và thấy mình bị loại khỏi thỏa thuận tự trị, với kết quả rằng lãnh đạo của nó đã coi Title VIII là tồi nhất trong Hiến pháp. Trong một thời gian ngắn nhóm này đã yêu cầu rõ ràng rằng nó phải được sửa đổi.

Các nhà Dân tộc chủ nghĩa của CDC có vẻ đã được nhiều nhất từ sự trao đổi, vì họ đã nhận được mục tiêu ưu tiên của họ, sự tự trị chính trị, trong vấn đề chủ yếu liên quan đến sự xác định bản sắc của họ (mà muộn hơn họ đã thêm được những thắng lợi trong những cuộc bầu cử tự trị Catalan, cho phép đảng cai trị liên tục ở Catalonia). Tuy vậy, dưới ánh sáng của những nhượng bộ chiến lược do mỗi đảng đưa ra trong so sánh với các sở thích chân thật của nó, cũng có thể hiểu được rằng CDC phải bày tỏ sự thỏa mãn khá hạn chế với mô hình hiến pháp về phân quyền theo lãnh thổ, và nó đã không hoàn toàn vứt bỏ khả năng về sự sửa đổi nó (xem Bảng 6.7).

Các nhà Dân tộc chủ nghĩa Basque của PNV, ngược lại, đã không thỏa mãn mục tiêu ưu tiên của họ về vấn đề đặc trưng nhất của họ. Bị ảnh hưởng xấu do thiếu sự đại diện tham gia vào Ủy ban Soạn thảo Hiến pháp, họ đã trình bày những sửa đổi của họ hết lần này đến lần khác cho việc hiến pháp hóa “các quyền lịch sử của các vùng đất cổ”. Thế nhưng họ đã không thành công trong việc làm cho UCD tham gia vào trao đổi phiếu về vấn đề này, và đã bị thất bại trong Hội đồng Hiến pháp Quốc hội và trong các cuộc họp của Hạ viện và Thượng viện. Các nhà Dân tộc chủ nghĩa Basque đã chỉ nhận được một sự bỏ phiếu ủng hộ trong Hội đồng Hiến pháp Thượng viện (bằng một phiếu, và chỉ sau khi lặp lại sự bỏ phiếu bởi vì một sai sót của một thượng nghị sĩ), nhờ thêm vào những thượng nghị sĩ PSOE, những nhà Tiến bộ và Xã hội, và đáng ngạc nhiên cả những thượng nghị sĩ do nhà Vua chỉ định, nhờ sự thuyết phục của một số thượng nghị sĩ của nhóm Thỏa thuận của những người Catalan. Tuy nhiên, phiếu thuận của PSOE trong dịp đó, có lẽ đã mang tính chiến lược kép tin vào một sự bỏ phiếu chống hay sự không bỏ phiếu từ phía các thượng nghị sĩ hoàng gia (trong khi điều này đã không xảy ra), muộn hơn đã cho rằng bằng cách ủng hộ sự tu chính, nó đã chỉ thử “để ép cuộc thương lượng”. Trong phiên họp toàn thể của Thượng viện các nhà Xã hội đã lại một lần nữa không bỏ phiếu trong tất cả các cuộc bỏ phiếu về những tu chính được các bên khác đưa ra nhằm tạo thuận lợi, mà không có rủi ro, cho việc thông qua tu chính của UCD. Nó phải được giải thích rằng, ngược với những gì đã xảy ra trong trao đổi phiếu với các nhà Dân tộc chủ nghĩa Catalan của CDC, các nhà Dân tộc chủ nghĩa Basque của PNV đã từ chối chấp nhận bất cứ công thức nào ngụ ý một triển vọng về khả năng bằng nhau giữa tất cả các vùng tự trị, ngay cả trên cơ sở trung hay dài hạn. UCD và PSOE, trong khi không bác bỏ thẳng thừng một số công thức tài khóa cá biệt cho Xứ Basque, đã không sẵn lòng thừa nhận một ngoại lệ pháp lý mới về vấn đề này ngoài những gì đã được chấp nhận cho ba dân tộc lịch sử.

Nói chung, hầu hết các thỏa thuận dính líu đến các phiếu chiến lược và trao đổi phiếu để hình thành một đa số thắng cuộc trong quá trình lập pháp đã đòi hỏi những nhượng bộ từ đảng của chính phủ cải cách, UCD. Nhắc chỉ đến những thí dụ được trình bày ở trước, là có thể để quan sát rằng những vấn đề đưa đến sự liên tục với quá khứ hay đến xu hướng bảo thủ như nền quân chủ, trợ giúp Giáo hội Công giáo, tự do kinh doanh và nền kinh tế thị trường, trợ cấp cho các trường tư,[[7]](#footnote-7)\* và duy trì các tỉnh đã được thông qua nhờ đa số ủng hộ nhận được từ các phiếu chân thật của UCD và AP (trong một số trường hợp, CDC), trong khi các phiếu chiến lược ủng hộ chúng từ các đảng đối lập, nói nghiêm túc, đã là thừa. Ngược lại, nhiều trong các vấn đề sáng tạo nhất, như Hiếp pháp rộng với tuyên bố chính thức về các quyền, bỏ hình phạt tử hình, sự chấp nhận sáng kiến công trong nền kinh tế và lập kế hoạch chính phủ, sự tham gia của bố mẹ và giáo viên vào giáo dục, và sự tự trị cá biệt cho các dân tộc lịch sử, đã chỉ được thông qua nhờ các phiếu chiến lược hay không chân thật của UCD nhằm đạt được một sự đồng thuận lớn hơn với văn bản hiến pháp có tính cân bằng. Như đã nói rõ ở trước, nét đặc trưng này cho phép chúng ta diễn giải quá trình lập hiến như thắng lợi của lựa chọn khả dĩ đoạn tuyệt được xúc tiến bởi phe đối lập, cũng như để soi sáng lên quá trình thêm nữa của sự tan rã của đảng ôn hòa.

**Những lá Phiếu cho việc Bỏ phiếu**

Cuộc trao đổi phiếu bị trì hoãn nhất trong việc thảo tỉ mỉ Hiến pháp Tây Ban Nha năm 1978 đã là về hệ thống bầu cử (các Điều 68 và 69).

Như với tranh luận trước Luật Cải cách Chính trị trong Cortes Francoist, được giải thích ở Chương 4, AP đã tiếp tục ủng hộ một hệ thống đa số, phần lớn có lợi cho sự đại diện quá mức của các đảng có nhiều người theo trong các vùng nông thôn. Tuy nhiên, vì vị thế thiểu số của nó, đảng AP đã thích rằng không tiêu chuẩn bầu cử nào được hiến pháp hóa. Về phần mình, tất cả các đảng của phe đối lập chống Francoist đã muốn hiến pháp hóa một hệ thống đại diện tỷ lệ. Đảng UCD, sau khi đã đặc biệt được lợi từ các quy tắc hỗn hợp được một sắc luật tháng Năm 1977 làm cho có hiệu lực, đã không muốn đưa vào bất cứ tiêu chuẩn rõ nào liên quan đến vấn đề trong Hiến pháp. Đảng đã có ý định mở rộng thời kỳ có hiệu lực của các quy tắc đó, và để có quyền sửa đổi nó theo sự tiện lợi của riêng nó mà không có các điều kiện trước nào.

Vì sự đa dạng này của các lập trường, đa số được hình thành từ AP và UCD đã có thể có khả năng ngăn chặn việc nhắc đến vấn đề này trong Hiến pháp, nhưng việc này chỉ chuyển vấn đề khó này cho một luật tiếp sau, mà nội dung của nó có thể làm cho hai đảng không thống nhất. Những sự bất đồng bên trong Hội đồng Hiến pháp Quốc hội đã được duy trì mãi cho đến thời điểm muộn hơn nhiều, và thứ tự tranh luận các điều tương ứng đã được thay đổi với ý định để vấn đề này đến cuối.

Như trong rất nhiều vấn đề khác, UCD và PSOE đã dẫn dắt sự trao đổi phiếu mà cuối cùng đã thắng cuộc, mặc dù lần này với sự phản đối lớn hơn bình thường từ các nhóm khác. Một mặt UCD đã chấp nhận rằng các tiêu chuẩn chung được quy định trong Hiến pháp và rằng những thứ này là theo tỷ lệ trong Hạ viện. Mặt khác, PSOE đã chấp nhận các tỉnh như các khu vực bầu cử và hệ thống đa số cho Thượng viện. Vậy thì, UCD và PSOE đã thỏa mãn một phần sở thích của họ. Một mặt, AP và, mặt khác, những người Cộng sản và các nhà Dân tộc chủ nghĩa, đã phản đối. Thành viên Xã hội của Ủy ban Soạn thảo đã khẳng định rằng ông chia sẻ lập trường của những người sau, thế nhưng một lần nữa ông đã bỏ phiếu theo cùng với UCD.

Thực sự, văn bản hiến pháp đã cho phép duy trì hệ thống bầu cử được đưa ra năm 1977 bởi chính phủ Suárez, và sự khẳng định lại tiếp sau của nó trong luật bầu cử năm 1985 bởi chính phủ Xã hội của Philipe González.

Cùng với các tiêu chuẩn được nhắc tới ở trên về tính tỷ lệ ở Hạ Viện và đa số ở Thượng viện, các yếu tố chính là sau đây: các khu vực bầu cử trong các tỉnh, mà là các vùng lãnh thổ có diện tích giống nhau, nhưng thay đổi rất lớn về dân cư; một số tương đối thấp các thành viên trong các viện; một sự phân bổ tối thiểu hai dân biểu (hạ nghị sĩ) và tổng cộng bốn thượng nghị sĩ cho mỗi tỉnh, kể cả tỉnh có dân cư thưa thớt nhất; một ngưỡng tối thiểu 3% của số phiếu cho một đảng để được tính trong phân bổ các dân biểu, mà gây hại nhất cho các đảng nhỏ trong các khu vực lớn, đô thị; và ông thức D’Hondt để phân bổ số ghế, thiên vị các đảng lớn trên các đảng nhỏ, đặc biệt trong các khu vực nhỏ. Cho bầu cử các thành viên của Hạ viện, các danh sách kín được lập ra,[[8]](#footnote-8)\* và cho Thượng viện, một sự bỏ phiếu tán thành hạn chế mà theo đó mỗi cử tri đã có thể bầu cho cực đại ba ứng viên. Hệ thống này, trong khi đã làm lợi lớn cho UCD, cũng đã giúp PSOE và làm hại, ở mức độ lớn hơn hay nhỏ hơn, cho tất cả các đảng khác.

**NHỮNG CUỘC CHẠM TRÁN GẦN TRONG PHA THỨ BA**

Sự lấy các lập trường cuối cùng liên quan đến Hiến pháp đã là kết quả của sự trao đổi phiếu, các thỏa thuận và những sự loại trừ mà tôi đã minh họa đến điểm này với các vấn đề quan trọng nhất định.

Thứ nhất, đáng chú ý đến cái gì đó mà đã có thể suy diễn trong Chương 1 về khả năng đồng thuận giữa các thứ tự khác nhau của sở thích liên quan đến đoạn tuyệt, cải cách và liên tục. Khi sự đồng thuận tiến triển giữa các bên khác nhau, sự chống đối đã trở nên ngày càng độc hại giữa các nhà tối đa chủ nghĩa, cả các nhà cách mạng và các nhà cực đoan, mà có nghĩa là các nhóm với các thứ tự sở thích có nhiều đỉnh (các Cột 1 và 6 của Bảng 1.1), vì họ đã biết về việc bị loại trừ.

Một mặt, những gì báo chí đã gọi là “sự leo thang khủng bố” đã xảy ra suốt 1978, dẫn đầu, trên hết, bởi nhóm ly khai Basque ETA (Tổ quốc Basque và Tự do) và nhóm cách mạng Cộng sản GRAPO (Các nhóm Cách mạng Chống Fasist Một tháng Mười). Ngày 21 tháng Bảy năm đó, chính vào ngày phiên họp toàn thể của Hạ viện thông qua Hiến pháp, ETA đã tấn công những sĩ quan cao cấp quân đội ở Madrid lần đầu tiên trong lịch sử. Đặc biệt từ tháng Mười đến tháng Mười Hai, khi những nghi thức quốc hội đi đến kết thúc và cuộc trưng cầu dân ý về hiến pháp được tổ chức, các cuộc nổ bom, các cuộc bắt cóc và tấn công đã tăng nhanh với số người chết lớn hơn trong tất cả sự tiến triển quá khứ và tương lại của nó.

Mặt khác, các cuộc tấn công cũng đã tăng lên bởi các nhà cực đoan, kể cả những cuộc tấn công chống lại các văn phòng của nhiều tờ báo được biết là ủng hộ Hiến pháp. Trong tháng Mười Một, tiếp sau việc thông qua Hiến pháp bởi Cortes và trước cuộc trưng cầu dân ý, tin tức về một âm mưu lật đổ chính phủ đã lọt ra. Được biết đến như “Chiến dịch Galaxia” (theo tên của quán café nơi những kẻ chủ mưu của nó gặp nhau), nó đã gồm các nhà chỉ huy và các sĩ quan quân đội, cảnh sát và Cảnh vệ Dân sự, với mục tiêu chiếm lấy chính phủ, ám sát các lãnh đạo của nó và khôi phục nền độc tài quân sự.

Sự đồng thuận lan ra một cách đáng kể giữa các đảng theo đường lối từ từ (gradualist), mà có nghĩa là các đảng với những thứ tự sở thích có một đỉnh phù hợp với sự xếp loại của một trục từ sự thay đổi lớn hơn đến ít hơn (xem lại Bảng 1.1). Như thế, trong thời gian các cuộc bỏ phiếu quốc hội cuối cùng những người thụ hưởng chính của sự trao đổi phiếu, được nhắc tới ở trước – các nhà ôn hòa của UCD, các nhà Xã hội của PSOE và PSP, những người Cộng sản của PCE, các nhà Dân tộc chủ nghĩa Catalan của CDC và một số thành viên của đảng AP bảo thủ – đã bỏ phiếu ủng hộ Hiến pháp. Các đảng bị loại trừ khỏi Ủy ban Soạn thảo Hiến pháp và những đánh đổi sau đó, các nhà Dân tộc chủ nghĩa Basque của PNV và các nhà Cộng hòa Catalan của ERC, đã không bỏ phiếu, cũng như các thành viên khác của AP. Tất cả những người này đã nằm ở các Cột 2, 3 và 4 của Bảng 1.1. Tất cả những người có quan hệ với những người ngoài quốc hội từ Cột 1 và Cột 6 đã bỏ phiếu chống lại Hiến pháp. Những người này đã bao gồm, một mặt, những người gần với đối lập cách mạng, các nhà cấp tiến Basque của EE, những người mà lúc đó đã ủng hộ phái “chính trị-quân sự” của ETA và, mặt khác, những cảm tình viên của các nhà co cụm, cực đoan, mà có nghĩa, là những người đã tách khỏi AP và các thượng nghị sĩ hoàng gia thuộc quân đội.

Một cách cũng nhất quán, những người trong cuộc vận động trưng cầu dân ý đã ủng hộ Hiến pháp cũng đã bao gồm các nhóm ngoài quốc hội của phe đối lập chống Francoist trước kia, mà có nghĩa, là những người Dân chủ Thiên chúa giáo và các nhà Tự do đã không tích hợp vào UCD và một số nhóm Cộng sản bất đồng chính kiến (tất cả họ đã ở trong Cột 3).

Chống lại nó, một mặt, đã là các nhóm đối lập cách mạng, về cơ bản là các nhà Trotskyist và các nhà ly khai Basque hung dữ (Cột 1) và, mặt khác, các nhà co cụm cực đoan “Lực lượng Mới” và Falange (đảng duy nhất ban đầu của chế độ độc tài), thêm vào một vài giám mục (Cột 6).

Các nhóm ủng hộ với phiếu “thuận” cho Hiến pháp đã nhận được sự ủng hộ của 65,9% của sự đồng thuận trong bầu cử năm 1977 và ba tháng sau cuộc trưng cầu dân ý đã có sự ủng hộ 55,2% trong các cuộc bầu cử 1979 (với số không bỏ phiếu tăng lên). Số phiếu ủng hộ Hiến pháp trong cuộc trưng cầu dân ý năm 1978 đã ở giữa hai con số trên, 59%. Đã chỉ có 5,2% bỏ phiếu “Chống”.

Chỉ ở Xứ Basque, đặc biệt bị tác động bởi sự bị loại trừ của PNV khỏi sự đồng thuận lập hiến, số phiếu “thuận” không theo quy tắc: Hiến pháp đã nhận được sự ủng hộ của khoảng 30% sự đồng thuận (cộng đồng của các đảng ủng hộ hiến pháp đã nhận được cùng tỷ lệ trong các cuộc bầu cử), trong khi đa số đã không bỏ phiếu.

Trong khung khổ chung của sự chuyển đổi Tây Ban Nha, sự chấp nhận lẫn nhau một phần của các lập trường chính trị bởi phe đối lập đoạn tuyệt và chính phủ cải cách trong quá trình lập hiến đã đến để thay thế trò chơi hợp tác giữa hai người chơi này mà, như chúng ta đã thấy ở trước, đã không diễn ra trước bầu cử 1977. Cuộc thương lượng bị thất bại cho sự đoạn tuyệt được thỏa thuận như thế đã được thay bằng sự đồng thuận đêm khuya trong soạn thảo Hiến pháp. Theo cách này, trong pha thứ ba của sự lựa chọn tập thể giữa *R, r* và *C*, thông qua những cuộc chạm trán giữa chính phủ cải cách và đối lập đoạn tuyệt, và đối với sự phương hại của những người theo đường lối liên tục, những mục tiêu cơ bản của cương lĩnh đoạn tuyệt cuối cùng đã được áp đặt.

Theo lời của nhà Dân tộc chủ nghĩa Catalan Miquel Roca, mà đã có thể được chấp nhận bởi tất cả các đảng của phe đối lập dân chủ trước kia như của chính mình: “Chúng ta đã không đi từ sự đoạn tuyệt đến Hiến pháp, mà đúng hơn, bằng con đường của Hiến pháp, chúng ta sẽ đồng thời dẫn đến một quá trình cải cách với một mục đích đoạn tuyệt.”

Trong một bối cảnh lịch sử rộng hơn, trên cơ sở của những kết quả của các cuộc bỏ phiếu quốc hội và trưng cầu dân ý, là công bằng để nói rằng Hiến pháp 1978 là một hiến pháp nhận được sự ủng hộ lớn nhất trong toàn bộ lịch sử hiện đại Tây Ban Nha. Đồng thời, và chính xác bởi vì sự ủng hộ đó đã dựa trên những sự thỏa mãn một phần được phân bố rộng hơn nhưng có ít giá trị toàn thể hơn, nó có lẽ là một trong những Hiến pháp Tây Ban Nha mà đã gây ra sự đam mê và sự nhiệt tình ít nhất giữa những người đã cho nó tính hợp pháp.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Những lợi ích chung nhận được bởi các đại biểu quốc hội thông qua trao đổi phiếu hay sự thông đồng đã được phân tích và đánh giá bởi James Buchanan và Gordon Tullock (1962), *The Calculus of Consent*, Ann Abor, University of Michigan Press, và Gordon Tullock (1966), “A Simple Algebraic Logrolling Model”, *American Economic Review*, 56, December. Ngược lại, những bất lợi của những chi phí bên ngoài gây ra bởi sự trao đổi phiếu đã được trình bày bởi William H. Riker và Steven J. Brams (1973), “The Paradox of Vote Trading”, *American Political Science Review,* 67.

Giữa những tài liệu tham khảo phong phú về Hiến pháp Tây Ban Nha 1978, chủ yếu dành cho phân tích pháp lý của văn bản, tôi chủ yếu đã sử dụng các công trình sau đây: một ký sự niên đại rộng lớn, mà được tác giả cho là “tiểu luận ngắn, vặt vãnh và không tiên nghiệm, về mưu đồ hiến pháp”, bởi Chủ tịch Hội đồng Hiến pháp Quốc hội và đảng viên của đảng ôn hòa, Emilio Atard (1983), *La Constitución por Dentro,* Barcelona: Argos-Vergara; một báo cáo đầy đủ về quan điểm của đảng Xã hội, bởi thành viên của Ủy ban Soạn thảo Gregorio Peces-Barba (1988), *La Elaboración de la Constitución de 1978*, Madrid: Centro de Estudios Constitucionales; những ghi chú ngắn như điện báo của thành viên bảo thủ của Ủy ban Soạn thảo, Manuel Fraga (1987), *En Busca del Tiempo Servido,* Barcelona: Planeta, Chương 4; suy nghĩ xa hơn nữa, tập trung vào vấn đề phân quyền, bởi thành viên Cộng sản của Ủy ban Soạn thảo Jordi Solé-Tura (1985), *Nacionalidades y Nacionalismos en España*, Madrid: Alianza, Chương II và III; một số ý kiến được bày tỏ trong thời gian thảo luận dự thảo thứ nhất, rõ ràng chân thật hơn một số ý kiến được bày tỏ muộn hơn, bởi các thành viên Ủy ban Soạn thảo G. Peces-Barba, J. Solé-Tura, M. Roca-Junyent và các tác giả khác (1978), *La Izquierda y la Constitución,* Barcelona: Taula de canvi. Những lý lẽ của những người Cộng sản ủng hộ Hiến pháp cũng có thể tìm thấy trong Santiago Carrillo (1978), *El Año de la Constitución*, Barcelona: Grijalbo. Những quan điểm của các nhà Dân tộc chủ nghĩa Basque chống lại nó có thể tìm thấy trong *El PNV Ante la Constitución,* Zarauz, 1979. Những chỉ dẫn quốc hội đầy đủ được sưu tập trong *La Constitución. Trabajos Parlamentarios*, Madrid: Cortes Generales, Serviciode Estudios y Publicaciones, 1980, 4 tập. Các dữ liệu bổ sung có thể tìm thấy trong Manuel Pastor (1989), *Partidos Políticos y Constitución,* Madrid: Centro de Estudios Constitucionales; và Soledad Gallego-Díaz và Bonifacio de la Cuarda (1989), *Crónica Secreta de la Constitución,* Madrid: Tecnos.

# Nhân danh Đức Vua!

Các hiệp ước giữa chính phủ cải cách và phe đối lập đoạn tuyệt đã phá vỡ các thỏa thuận cải cách trước mà Thủ tướng Suárez đã ký với các nhà liên tục trong thời kỳ trước bầu cử. Các điểm nhức nhối đã là sự hợp pháp hóa những người Cộng sản, việc dựng lên các chính quyền vùng tự trị trong các dân tộc “lịch sử”, và thông qua một Hiến pháp mới năm 1978. Như một kết quả của việc này, các Francoist đã cảm thấy bị đánh lừa, đã coi Suárez là một kẻ phản bội và đã bắt đầu âm mưu khôi phục chế độ độc tài. Như chúng ta sẽ thấy, những kẻ âm mưu đã thử dựa vào sự tin cậy của Vua Juan Carlos để tổ chức một cuộc đảo chính với sự chuẩn y của ngài, nhưng họ đã tính sai các sở thích thực của nhà Vua về dân chủ và những triển vọng của ngài trong củng cố nền quân chủ.

Vài ba cấu trúc trò chơi sẽ giúp mô hình các tương tác mà đã dẫn đến cuộc *đảo chính* thất bại vào ngày 23 tháng Hai 1981, tình tiết cuối cùng của sự chuyển đổi thành công của Tây Ban Nha sang dân chủ. Đầu tiên, tôi sẽ trình bày hai trò chơi giữa các nhà quân sự âm mưu và nhà Vua, một với thông tin không hoàn hảo của những người trước về các sở thích của người sau, và trò chơi khác với các sở thích thực của nhà Vua. Thứ hai, một trò chơi song song, tiềm tàng giữa các chỉ huy quân đội và hầu hết công dân, mà trong đó hình ảnh hầu như có quyền vô hạn của nội chiến đã xuất hiện lần nữa, cũng sẽ được trình bày.

Giữa các nhóm dân sự và quân sự mà đã xúi bẩy một cuộc nổi loạn trong các năm 1977-80, chúng ta thấy cả những kẻ cực đoan và các nhà liên tục Francoist mà đã trở thành những người đứng ngoài liên minh lập hiến. Như thế, một mặt, đã có các nhà tối đa chủ nghĩa mà, theo phân tích của chúng ta trong Chương 1, đã không tương thích với đồng thuận (Cột 6 của Bảng 1.1) và, mặt khác, một động lực của các Francoist (Cột 5) những người ban đầu đã tham gia thương lượng với các nhà cải cách (Cột 3) và, trong một vài trường hợp, đã thậm chí tạm thời gia nhập hoạt động mở cửa (Cột 4), để chỉ thấy mình bị loại trừ muộn hơn bởi vì sự đồng thuận đoạn tuyệt giữa các nhà cải cách và phe đối lập (các Cột 3 và 2).

Dưới dạng mô tả nhiều hơn và theo thứ tự xuất hiện, chúng ta có thể lần dấu vết các tuyến sau đây của âm mưu:

Đầu tiên, chúng ta thấy một nhóm các tướng lĩnh mà bao gồm De Santiago, Pita de Veiga, Alvarez-Arenas, Iniesta và Coloma, những người mà tôi đã nhắc tới rồi ở Chương 5 bởi vì sự bất đồng của họ với cải cách của chính phủ Suárez, và Jaime Milans del Bosch, một Trung tướng người có được uy tín lớn giữa các bạn sĩ quan của ông. Tiếp theo một cuộc gặp tại thành phố Játiva vùng Valencia (trong quân khu do Milans lãnh đạo) trong tháng Chín 1977, họ đã phê phán “hoạt động chính trị ly khai không thể chấp nhận được do một vài chính trị gia điều hợp với mục đích tiến hành *tabula rasa (xóa sạch để làm lại)* đối với chế độ Franco trước đây.” Họ cũng đã thống nhất để đề xuất cho Vua Juan Carlos một Chính phủ Cứu Quốc với sự ủng hộ của các lực lượng vũ trang do một trung tướng đứng đầu. Trong tháng Mười cùng năm, một nhóm các chính trị gia dân sự, bao gồm các nhà liên tục đã được nhắc tới ở trước Carlos Arias, Fernández de la Mora và Silva, và những người cực đoan như Girón, đã nghĩ ra một kế hoạch được gọi một cách vĩ đại là “Một Trăm Ngàn Saint Luis”, được phác họa để ủng hộ một cuộc nổi dậy quân sự rất có thể có khả năng. Đã cũng có ý định từ phía Chỉ huy của Sư đoàn Tank Bọc thép “Brunete”, tướng Luis Torres-Rojas, để đột chiếm lâu đài Moncloa, chiếm chính phủ và chỉ định một chính phủ mới, do Tướng Vega đứng đầu, một kế hoạch mà đã bị cản trở trong tháng Giêng 1978. Đa số các nhóm này đã được điều phối dưới sự lãnh đạo rõ rệt của Trung tướng Milans del Bosch, và đã bày tỏ quan điểm của mình bắt đầu trong tháng Mười Một 1980 dưới bí danh tập thể “Almendros” trong các trang của tờ báo *El Alcázar.* Kế hoạch ban đầu của họ đã là để dàn cảnh một cú [đảo chính] “cứng”, cho xe tank tràn đầy đường và dựng lên một chính phủ quân sự, giống như một chính phủ mà đã được thực hiện ở Thổ Nhĩ Kỳ vào khoảng cùng thời gian. Hành động ban đầu đã được lên kế hoạch cho ngày 2 tháng Năm 1981.

Thứ hai, đã có hoạt động của một nhóm các đại tá và các trung tá những người đã bắt đầu âm mưu trong tháng Mười 1980 để tổ chức một cuộc nổi dậy của riêng họ (như thế là trước cuộc của các tướng), giống như cuộc đảo chính mà đã chấm dứt nền quân chủ Hy Lạp năm 1967. Những cố gắng âm mưu không ngừng của một số chỉ huy Cảnh sát Quốc gia và Cảnh vệ Dân sự, mà chủ nghĩa tối đa của họ đã được thúc bởi những cuộc tấn công liên tục của ETA và các tổ chức khủng bố khác, cũng đã vẫn dai dẳng. Nổi bật giữa họ đã là trung tá Antonio Tejero, người đã tổ chức rồi “Chiến dịch Galaxia”, một kế hoạch nhằm chiếm Moncloa và bắt giữ chính phủ, mà đã bị phá hủy vào ngày trước ngày thông qua Hiến pháp. Sau khi ngồi tù một thời gian rất ngắn, Tejero đã tiếp xúc với Milans del Bosch trong tháng Sáu 1980. Người sau đã ra lệnh cho anh ta chuẩn bị một cuộc tấn công vũ trang nữa, lần này chống lại Quốc hội. Tejero, khi đó, đã tìm cảm hứng trong cuộc nổi loạn của Tướng Pavía chống lại Cộng hòa Đệ nhất Tây Ban Nha trong năm 1873, và cả trong cuộc đảo chính du kích Sandinist do Edén Pastora lãnh đạo ở Nicaragua năm 1979. Anh ta đã muốn giải tán Cortes và thiết lập một junta quân sự do Milans chỉ huy. Milans, tuy vậy, đã muốn cuộc tấn công chống Cortes chỉ là ngòi nổ cho một chiến dịch phức tạp hơn.

Một bộ phận cấu thành thứ ba đã là kế hoạch để thiết lập một chính phủ lâm thời được chỉ huy bởi một sĩ quan quân đội, nhưng với sự chuẩn y của các đảng chính trong quốc hội để giải quyết khủng hoảng nội bộ mà đang làm vỡ tung đảng cầm quyền, UCD. Suốt năm 1980, đã có những sáng kiến khác nhau thuộc loại này với các ứng cử viên khác nhau để đứng đầu chiến dịch: Alfonso Osorio, cựu Phó Thủ tướng của Suárez và rồi là thành viên của liên minh bảo thủ được hình thành xung quanh AP, thêm vào còn là một chỉ huy tư pháp quân sự; Jesús González del Yerro, Tướng chỉ huy quân khu các Đảo Canary; và, trên hết, Tướng Alfonso Armada, cựu gia sư cho hoàng tử Juan Carlos và nguyên Chánh Ban thư ký Hộ Hoàng gia, người trên thực tế nắm cương vị lãnh đạo. Armada đã tiếp xúc và vói bóng gió những tham vọng của mình cho những thành viên liên quan của những người Bảo thủ, như Osorio; các nhà Ôn hòa qua người phát ngôn quốc hội của họ, Miguel Herrero; cho các nhà Xã hội qua đại biểu phụ trách các vấn đề quân sự của họ, Enrique Múgica; cho Thủ tướng mới tạm thời được phục hồi của Catalonia, nhà Cộng hòa kỳ cựu Josep Tarradellas. Những người này lại tiếp tục báo tin cho các thành viên khác của các đảng Dân tộc chủ nghĩa Catalan và Basque và đảng Cộng sản. Bất chấp sự phản đối của Thủ tướng Suárez và Phó thủ tướng Trung tướng Gutiérrez-Melando, Armada đã đạt được chức Tổng Tham mưu thứ Hai của Quân đội, sau khi được đề xuất bởi Tổng tham mưu, José Gabieras, người mà các chỉ huy quân khu phụ thuộc vào. Ngày 6 tháng Hai 1981, tại khu resort trượt tuyết Baqueira và trong các dịp khác muộn hơn, Armeda đã gặp riêng Vua Juan Carlos và đã úp mở ám chỉ đến kế hoạch của mình. Ông đã muốn một Chính phủ Liên minh Dân tộc do ông đứng đầu và về hình thức không đối chọi với Hiến pháp, bắt chước cú đảo chính “mềm” của Tướng de Gaulle chống lại Đệ Tứ Cộng hòa Pháp năm 1958.

Ngày 10 tháng Giêng 1981, Milans và Armada đã đồng ý chuyển cú đảo chính “cứng”, tiếp quản nó, và đã cùng nhau vạch ra một kế hoạch cho một cú đảo chính “mềm” mà lên đỉnh điểm vào ngày 21 tháng Ba. Tám ngày sau Milans đã gặp Tejero, Torres-Rojas và các sĩ quan cao cấp khác và, trong những tuần tiếp theo, đã tiếp xúc với các tướng tư lệnh các quân khu và những người âm mưu dân sự và quân sự khác nhau. Tuy nhiên, Adolfo Suárez, được bản thân nhà Vua Juan Carlos cảnh báo về bạo động quân sự, đã thử tránh các cuộc đảo chính bằng cách từ chức Thủ tướng Chính phủ vào ngày 29 tháng Giêng để ngăn cản “hệ thống dân chủ cùng tồn tại khỏi bị, một lần nữa, trở thành một dấu ngặc đơn trong lịch sử Tây Ban Nha”, như ông đã nói trên TV. Ông đã chỉ định một người kế vị bên trong UCD, Leopoldo Calvo-Sotelo, người đã lập tức bắt đầu chuẩn bị cho một phiên phong chức ở Cortes.

Tại thời điểm này, các kế hoạch cho đảo chính đã bắt đầu tăng tốc. Vào ngày 1 tháng Hai, nhóm “Almendros” đã viết trên tờ báo dùng làm cái loa của mình: “Chúng ta đã đến thời khắc cho các định chế khác, nhà Vua và các Lực lượng Vũ trang, để đóng vai trò chính. Thời gian đếm lùi đã bắt đầu”. Milans đã xem sự bổ nhiệm có thể thấy trước của Calvo-Sotelo với sự hồ nghi, vì nó có thể làm chậm kế hoạch đảo chính “mềm” của ông. Tejero đã trở nên sốt ruột và, hóa ra, đã bị áp lực (hay có lẽ bị khiêu khích) bởi Chỉ huy Cortina của Cục Thông tin Quân đội. Xét thấy cơ hội này do có cả chính phủ và Cortes cùng nhau cho việc bỏ phiếu tấn phong ứng viên mới của UCD làm Thủ tướng, đã được thống nhất trong vòng chỉ vỏn vẹn 48 giờ – và như thế theo một cách hơi tùy hứng – để thực hiện đảo chính vào ngày 23 tháng Hai 1981.

Kế hoạch đã như sau:

Ngòi nổ: Tejero và các cảnh vệ dân sự của ông đột chiếm Hạ viện.

“Pronuciamiento-Tuyên cáo”: Milans del Bosch trong quân khu III, Valencia, tuyên bố tình trạng khẩn cấp, đưa các xe tank ra và kêu gọi các tư lệnh quân khu khác gia nhập phong trào mà ông hình dung như một “Chiến dịch Domino”. Ở Madrid, nơi Tướng tư lệnh quân khu Guillermo Quintana-Lacaci có vẻ là một người theo chủ nghĩa hiến pháp trung thành, Sư đoàn Brunete, dưới sự chỉ huy của thủ trưởng trước kia của ông Torres-Rojas, được đưa vào đặc biệt cho dịp này, để chiếm thành phố và, đặc biệt, các trung tâm thông tin và tăng cường, cứu viện lực lượng vũ trang của Tejero bên trong Hạ viện.

Đỉnh điểm: Armada tự đặt mình để nhà Vua tùy ý sử dụng nhằm tìm ra một giải pháp cho cuộc nổi dậy quân sự và, nhân danh Đức Vua, đi ra trước Hạ viện, nơi cựu Thủ tướng đã từ chức nhưng người kế vị vẫn chưa được bổ nhiệm chính thức. Bên trong “khoảng trống quyền lực” này, Armada đề xuất các dân biểu chỉ định mình làm người Đứng đầu Chính phủ. Trong những ngày dẫn tới đảo chính Tejero nhận được chỉ thị sau đây: “Đừng ngạc nhiên nếu, khi nhà chức trách quân sự đến phòng họp, người phát ngôn của nhóm quốc hội nào đó đứng lên, bắt những người khác im lặng, vào bảo họ rằng những gì đang xảy ra ở đó là cần thiết và rằng đề xuất sẽ được đưa ra cho họ phải được chấp nhận”.

Kế hoạch, như thế, đã là một sự kết hợp của các mảnh lấy từ các mô hình khác nhau. Thứ nhất, đảo chính của Pavía, hay Nicaragua, được sử dụng như ngòi nổ. Thứ hai, một biến thể của kiểu Tây Ban Nha thế kỷ thứ 19 của “pronuciamiento-tuyên cáo” (kể cả tuyên cáo của Tướng Primo de Rivera trong năm 1923 mà đã được chấp nhận bởi nhà Vua Alfonso XIII) và đảo chính cứng, theo kiểu Thổ Nhĩ Kỳ, được sắp đặt để gây áp lực lên Juan Carlos. Thứ ba, đảo chính mềm, theo kiểu de Gaulle, được đưa ra như một kết cục chế định. Như một kết quả, Armada sẽ là người Đứng đầu Chính phủ, và Milans Chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng, chức quân sự cao nhất. Từ đây, họ sẽ tiến hành một cải cách hiến pháp tập trung, củng cố sự tiết chế hệ thống đảng, và cho phép quân đội lo việc đàn áp chống khủng bố (xem Hình 7.1).

Chìa khóa cho thành công được tìm thấy, một mặt, ở thái độ của các tướng tư lệnh quân khu, một nhóm nhỏ người, căn cứ vào sự tổ chức theo lãnh thổ của sự chỉ huy, có thể kiểm soát toàn bộ Lực lượng Vũ trang, và, mặt khác, ở thái độ của nhà Vua. Milans và Armada đã thăm dò họ, mà không giải thích kế hoạch thực của họ, và như thế không có sự ủng hộ vô điều kiện của bất kỳ ai trong số họ. Họ cảm thấy, tuy vậy, rằng họ diễn giải sự khó chịu và sở thích của các tướng chỉ huy quân khu một cách đúng đắn, và đoán trước rằng họ sẽ gia nhập cuộc chiến đấu. Nhằm thực hiện nó, họ phải làm cho ngòi nổ nổ tung và sắp xếp cuộc đảo chính “nhân danh nhà Vua”, với hy vọng như thế để khiêu khích “Chiến dịch Domino” của “tuyên cáo” của các tướng tư lệnh quân khu, và sau đó đưa ra *chuyện đã rồi (fait accompli)* cho nhà Vua để chấp nhận. Tương tác giữa các tướng chỉ huy quân khu và nhà Vua, vì thế, là không thể tránh được. Một tương tác như vậy được thể hiện bằng hai mũi tên dày, thẳng đứng, mà cái bóng của chúng sẽ có tính quyết định trong kết cục cuối cùng.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Hình 7.1. Kế hoạch đảo chính ngày 23 tháng Hai 1981* | | | |
| *Ngòi nổ* | *Đảo chính cứng* |  | *Đảo chính mềm* |
|  |  | Các tướng tư lệnh quân khu |  |
| Chiếm Hạ viện | “Tuyên cáo”  (Trung tướng Milans) | Hình 7.1.a |  |
| Hình 7.1.a | |  |
| (Trung tá Tejero) | Chiếm Madrid  (Tướng Torres-Rojas) |  |
|  |  | Vua Juan Carlos Hình 7.1.a | Tướng Armada |
| Hình 7.1.a | | | |

**CUỘC ĐẢO CHÍNH TƯỞNG TƯỢNG**

Các tướng chỉ huy các quân khu được cho sự lựa chọn thực hiện cuộc *đảo chính* (tức là ủng hộ tuyên bố tình trạng khẩn cấp ban đầu được áp đặt bởi Milans) hay không.

Tiếp theo các cuộc tham vấn của mình, Milans có thể thấy, khá đúng, rằng, trong khi nhiều người chia sẻ sự khó chịu về quá trình chính trị, trên thực tế chẳng ai muốn một cuộc đảo chính với bất cứ giá nào, và rằng tất cả đều trung thành, trên hết, với người đứng đầu tối cao của các Lực lượng Vũ trang, Vua Juan Carlos. Giống rất nhiều sĩ quan quân đội cao cấp khác, số đông các tư lệnh quân khu xem Juan Carlos như “người kế vị của Claudio”, coi sự rèn luyện của ngài tại các học viện quân sự một cách tích cực, và coi sự tuân lệnh ông trên và vượt qua sự tuân theo Hiến pháp.

Vậy thì, chúng ta có thể giả định rằng sở thích thứ nhất của họ là tham gia vào một cuộc đảo chính theo lệnh của nhà Vua và để duy trì nhà Vua trong địa vị của ngài như quyền uy quân sự và dân sự tối cao. Tuy vậy, trong trường hợp nhà Vua phản đối cuộc đảo chính, thì tốt hơn họ không thực hiện nó hơn là làm vậy trái với mong muốn của ngài. Điều này có lẽ do mối nguy hiểm của sự đối đầu dân sự mà việc này có thể gây ra, và sự mong muốn không lặp lại một thảm kịch như bi kịch của 1936-39, tuy đa số họ đã trải qua nó một cách anh dũng và nhìn lại nó như một nguồn của niềm tự hào cá nhân. Sở thích cuối cùng là tình huống rõ ràng hơi lố bịch là không tham gia vào một cuộc đảo chính được nhà Vua tạo thuận lợi và cổ vũ.

|  |  |
| --- | --- |
| *Bảng 7.1. Các tướng chỉ huy quân khu trong tháng Hai 1981* | |
| 1. Madrid | Guilermo Quintana-Lacaci |
| 1. Seville | Pedro Merry-Gordon |
| 1. Valencia | Jaime Milans del Bosch |
| 1. Barcelona | Antoino Pascual-Galmés |
| 1. Saragossa | Antonio Elócegui-Prieto |
| 1. Burgos | Luis Polanco-Mejorada |
| 1. Valladoid | Angel Campano-López |
| 1. Corruna | Manuel Fernández-Posse |
| 1. Granada | Rafael Delgado-Gómez |
| 1. Các đảo Balearic | A. De la Torre Pascal |
| 1. Các đảo Carany | Jesús González del Yerro |

Nhìn lại những sự thực, thứ tự sở thích này có vẻ hợp lệ đối với đa số các tướng chỉ huy quân khu, tuy có lẽ mỗi người đã cho quyền ưu tiên đối với một giả thuyết liên quan tới sau đây với một một mức cường độ khác nhau. Những thứ tự khác của sở thích có thể được suy ra một cách rõ ràng bởi ứng xử thực tế của chỉ bốn trong 11 tướng chỉ huy quân khu, các thứ tự sở thích của các chỉ huy quân khu số I, và số IX đến số XI, mặc dù với sự dè dặt nào đó trong một trường hợp của họ, như tôi sẽ bình luận muộn hơn. Những sở thích được tiết lộ bởi các hành động của bảy tướng khác – của các quân khu từ số II đến số VIII – không mâu thuẫn với những sự trình bày của chúng tôi (xem Bảng 7.1).

Nơi sự quan sát kinh nghiệm ở mức độ nào đó mâu thuẫn với sự đánh giá rõ ràng của Amada về tình hình là về thứ tự sở thích của nhà Vua Juan Carlos. Cựu gia sư của nhà Vua thấy trong ngài một mong muốn chân thật cho chủ nghĩa hiến pháp, từ đó người ta có thể suy luận rằng sở thích thứ nhất của ngài là cả ngài lẫn các tướng chỉ huy quân khu của ngài đều không hề sắp xếp một cuộc đảo chính nào cả. Tuy nhiên, Armada hình dung rằng Juan Carlos sẽ thích đồng ý với các tướng của ngài hơn là chịu rủi ro đối đầu với họ, ngay cả trong chừng mực không sẵn lòng ủng hộ một cuộc đảo chính mà đã không phải do ngài tạo ra. Một thứ tự sở thích như vậy về phía nhà Vua là có thể tưởng tượng được nếu người ta xem xét sự sợ hãi mà một cách có thể hiểu được ngài có thể trải qua về ngai vàng bị quân đội giật khỏi ngài, những cảm giác trung thành lẫn nhau của ngài được chia sẻ với các sĩ quan quân đội cao cấp, và một vài tiền lệ gia đình, như tiền lệ của ông nội ngài Alfonso XIII khi đối mặt với cuộc đảo chính quân sự năm 1923.

Sở thích cuối cùng của nhà Vua, hiển nhiên, là cùng như của các tướng chỉ huy quân khu: nhẹ dạ tạo thuận lợi cho cuộc đảo chính trong khi các tướng chỉ huy quân khu lại vẫn vững vàng trong lập trường hiến pháp.

Như thế, phù hợp với những gì có vẻ là những tính toán ít nhiều hợp lý của Milans và Armada về các sở thích của các tướng chỉ huy quân khu và của nhà Vua, chúng ta có thể tạo ra Bảng 7.2.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *Bảng 7.2 Những sở thích được tưởng tượng của các tướng chỉ huy quân khu và của nhà Vua* | | | | | | |
| Những sở thích của các tướng chỉ huy quân khu | | |  | Những sở thích được tưởng tượng  của nhà Vua Juan Carlos | | |
| Chỉ huy Q.K. | Nhà Vua | Giá trị thứ tự |  | Chỉ huy Q.K. | Nhà Vua | Giá trị thứ tự |
| Đảo chính | Đảo chính | 4 |  | Không | Không | 4 |
| Không | Không | 3 |  | Đảo chính | Đảo chính | 3 |
| Đảo chính | Không | 2 |  | Đảo chính | Không | 2 |
| Không | Đảo chính | 1 |  | Không | Đảo chính | 1 |
|  |  |  |  |  |  |  |

Trò chơi phát sinh (Hình 7.2) được biết đến trong lý thuyết với cái tên hơi nhiều màu sắc là “Cuộc chiến của các Giới”. Ở đây, có thể có hai cân bằng: các cân bằng tương ứng với ô bên trái phía trên (với các giá trị 4, 3) và ô bên phải ở dưới (với các giá trị 3, 4). Các cân bằng này là không bàng quan đối với hai người chơi, cũng chẳng thể thay thế cho nhau, bởi vì người chơi bên trái thích cân bằng với các giá trị 4, 3 trong khi người chơi trên đỉnh lại thích cân bằng với các giá trị 3, 4. Điều này có nghĩa là các tướng chỉ huy quân khu thích một cuộc đảo chính quân chủ với sự ủng hộ của nhà Vua, còn nhà Vua lại thích họ ngừng một hành động như vậy.

Tương tác được trình bày trong Hình 7.2.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Hình 7.2. Trò chơi bị thông tin sai giữa các tướng chỉ huy quân khu và nhà Vua* | | | | |
|  |  | Nhà Vua | | |
|  |  | Đảo chính | Không |  |
| Các chỉ huy | Đảo chính | 4, 3 | 2, 2 |  |
| Quân khu | Không | 1, 1 | 3, 4 |  |
|  | | | | |

Sự lật sang một kết cục cân bằng hay kết cục cân bằng khác phụ thuộc vào sự phối hợp hành động, dựa trên khả năng thực hiện những sự đe dọa đáng tin giữa các người chơi. Khi trò chơi được lặp lại hơn một lần, sự thay phiên nhau là có thể (và vì thế thí dụ mà cho trò chơi cái tên của nó, mà trong đó hai người khác giới muốn đi chơi cùng nhau – tuy anh chàng thích đi xem phim còn cô nàng lại thích đi xem hát – dàn xếp đi mỗi nơi một lần). Tuy nhiên, trong trường hợp một cuộc đảo chính, có vẻ hợp lý để giả định rằng khoảng thời gian giữa kết cục ban đầu và một trò chơi lặp lại sẽ khá bị kéo dài, và vì lý do này mỗi người chơi sẽ thử để có được kết cục thuận lợi trong mỗi dịp.

Mục tiêu của Armada để đạt được kết cục trong ô trái phía trên chỉ có thể được gây ra, khi đó, bởi phương tiện của một trò chơi tinh vi để kiểm soát và cung cấp thông tin cho mỗi người chơi về các sở thích và các chiến lược của những người chơi khác. Thứ nhất, Armada đã phải nói cho các tướng chỉ huy quân khu (kể cả Milans) rằng nhà vua Juan Carlos đã đảm bảo riêng với ông trong thời gian cuộc gặp ở Baqueira về cảm tình của ngài với cuộc nổi dậy quân sự, sao cho các tướng chỉ huy quân khu sẽ tham gia đảo chính, tin rằng mình làm vậy “nhân danh Đức Vua”. Thứ hai, một khi ngòi nổ đã nổ tung, dẫn đến, thông qua sự hiểu nhầm này, một cuộc đảo chính cứng, Armada đã có thể trình bày chiến lược nổi loạn của các tướng chỉ huy các quân khu cho nhà Vua, giả thiết rằng khi đó ngài sẽ chấp nhận nó như giải pháp tốt thứ nhì của ngài.

Các sự kiện được thực hiện bởi những kẻ chủ mưu kế hoạch ban đầu cho cuộc đảo chính ăn khớp với những tính toán này.

Vào 6 giờ 20 chiều 23 tháng Hai 1981, Trung tá Tejero, mặc đồng phục và đội chiếc mũ ba màu, đã đi vào Hạ viện sát theo sau là 300 thành viên của Cảnh binh Dân sự, hét to “nhân danh Đức Vua!”. Khi ông ta đến phòng họp nơi các dân biểu đang bỏ phiếu tấn phong Calvo-Sotelo làm Thủ tướng Chính phủ, ông bước lên bục và nói: “Tôi đến nhân danh nhà Vua và Trung tướng Milans del Bosch!” Sau khi bắn mấy phát súng lên trần nhà và hô, “Tất cả mọi người xuống phòng họp!” nhằm làm hoảng sợ các dân biểu, một đại úy đã tuyên bố trên micro rằng nhiều nhất trong vòng nửa giờ, “nhà chức trách có thẩm quyền, quân sự tất nhiên” sẽ đến. Tuyên bố này, tuy vậy, đã chỉ có ý định để cho một ảo giác về một cuộc đảo chính được tổ chức rất tốt từ trước, vì Milans, Armada và Tejero đã cho bản thân họ một giai đoạn hai giờ để dẫn đến “hiệu ứng domino”, mà có nghĩa là sự hợp nhất của các tướng chỉ huy các quân khu vào chiến dịch. Những người chiếm đóng đã đưa ra các mục tiêu của họ trong một tuyên bố dự định được công bố trên báo chí – mà, thực ra, đã chẳng bao giờ xuất hiện – vì một sự bác bỏ “các vùng tự trị theo chính sách ly khai” và “sự không trừng phạt những kẻ khủng bố giết người”, trong khi đồng thời khẳng định rằng họ “chấp nhận và tôn trọng nhà Vua người mà họ muốn thấy dẫn dắt số phận của Tổ quốc, với sự ủng hộ của các lực lượng vũ trang”.

Milans del Bosch đã tuyên bố tình trạng khẩn cấp ở Valencia bằng một sắc lệnh mà trong đó ông biện minh cho biện pháp bởi vì “khoảng trống quyền lực” do việc chiếm Hạ viện gây ra và “cho đến khi nhận được chỉ thị tương ứng do Đức Vua ra lệnh”, kết thúc với lời hô chân thật “Đức Vua Vạn Tuế! Tây Ban Nha Muôn năm!” Văn bản được đọc trên radio trong những khoảng thời gian nửa giờ. Ông đã đưa vào hoạt động Báo động-3 của “Chiến dịch Đánh thức” trong quân khu của ông và “Chiến dịch Turia” trong thành phố Valencia, huy động 3.000 người có vũ trang, xe tank và xe cộ. Ông đã ngay lập tức gửi một bức điện cho tất cả các tướng chỉ huy các quân khu và tiến hành vòng gọi điện thoại đầu tiên, thông báo cho họ quyết định của ông và khẩn khoản yêu cầu sự ủng hộ cùng mục đích, trong khi luôn luôn nhấn mạnh đến sự đồng ý của nhà Vua. Muộn hơn, trong vòng điện thoại thứ hai, ông đã đưa ra cho họ “giải pháp Armada” để trách “một cuộc tàn sát ở Hạ viện” và “sự chia rẽ quân đội”, nói thêm “tôi thề danh dự rằng đó là nhân danh Đức Vua”.

Trong lúc ấy, ở Madrid, Tướng Torres-Rojas và các sĩ quan cao cấp khác khởi động Báo động-2 của Chiến dịch Đánh thức của Sư đoàn Tank Bọc thép Brunete, cũng tỏ ý rằng Tướng Armada chỉ huy theo lệnh của nhà Vua. Đầu tiên, người đứng đầu sư đoàn, Tướng José Juste, đã vẫn thụ động liên quan đến sự động viên, và chỉ phản ứng chống lại nó, một phần hủy bỏ các lệnh được ban ra, sau khi gọi điện đến cung hoàng gia Zarzuela. Khi yêu cầu gặp Alfonso Armada, ông đã thấy Sabino Fernádez-Campo, người thay thế Armada làm Chánh Ban thư ký của Hộ Hoàng gia, người đã trả lời: “Ông ta không có ở đây và cũng chẳng được trông đợi”. Juste, tuy vậy, đã không ngăn được việc chiếm tạm thời các trung tâm Radio Quốc gia và Truyền hình Tây Ban Nha bởi lực lượng của một trung đoàn kỵ binh, nơi các buổi phát bản tin tối bị gián đoạn và được thay bằng nhạc quân đội và một phim Bob Hope, một cách tương ứng. Ngoài ra, Người chỉ huy Pardo-Zancada đã nhập vào với Tejero ở Hạ viện để chỉ huy các thành viên của Cảnh sát Quốc gia, thét lớn: “Tôi đến đây theo lệnh của nhà Vua!”, tới một toán dăm ba thành viên của Cảnh vệ Dân sự những người òa lên hoan hô Tây Ban Nha, quân đội và nhà Vua.

Tổng tham mưu trưởng quân đội, José Gaberias, người mà, như tôi đã nói, tất cả các quân khu đã phụ thuộc vào về mặt tổ chức, đã gặp cấp phó của mình Armada và 35 sĩ quan quân đội cao cấp ở trụ sở trung tâm quân đội. Từ đó, ông đã gọi một vòng điện thoại khác cho các chỉ huy quân khu. Bởi vì thông tin do Milans cung cấp về sự đồng ý của nhà Vua, ông đã đề xuất gọi trực tiếp cho nhà Vua. Armada cũng đã gọi cho các chỉ huy quân khu, cho Trung tướng Ignacio Alfaro, Chủ tịch Hội đồng các Tổng tham mưu trưởng, đang họp ở nơi khác, để thông báo cho họ sự chào mời giúp đỡ của ông để được bổ nhiệm làm người Đứng đầu Chính phủ. Tiếp sau việc này, Gaberias đã đồng ý với việc Armada đi đến Hạ viện để đề xuất một “công thức hợp hiến” mà sẽ được sự thông qua của các dân biểu; một “công thức láu cá”, theo lời của Armada đối với những người có mặt, mà sẽ là một chính phủ do bản thân ông đứng đầu.

Khi Armada gọi cho (cung) Zauela để thông báo cho nhà vua về sáng kiến này, nhà Vua đã bày tỏ sự hoàn toàn không đồng ý của ông, nói, giữa những thứ khác, “Alfonso, ông đã điên rồi sao?” Gabeiras, tuy nhiên, đã gọi cho Milans để có được mật khẩu mà Armada cần để có thể vào Hạ viện, bảo những người hiện diện: “Các vị có thể về nhà bây giờ! Việc này sắp được giải quyết”. Armada đã giải thích chi tiết kế hoạch của ông cho những người Đứng đầu của Cảnh vệ Dân sự, Tướng José Aramburu, và của Cảnh sát Quốc gia, Tướng José Sáenz de Santamaría, đóng quân ở Hotel Palace đối diện với tòa nhà Hạ viện, cả hai người đã tháp tùng ông đến cửa. Armada đã đưa mật khẩu và đi vào.

Trong lúc đó, Milans đã chờ đợi sự ủng hộ ban đầu của năm tướng chỉ huy quân khu “nếu nhà Vua ủng hộ” và sự trung lập của ba người khác. Tejero đã tuyên bố với các dân biểu rằng, thêm vào quân khu III dưới sự chỉ huy của Milans, các quân khu số II, IV và V cũng đã gia nhập cuộc nổi dậy. Armada đã nhắc đến các quân khu II, V và VII và một trong những phụ tá của ông đã nói rằng bây giờ ông đã có thể tính đến bảy quân khu. Quả thực, ít hơn một giờ sau khi Cảnh vệ Dân sự của Tejero chiếm Hạ viện và vòng gọi điện thoại đầu tiên của Milans, các tướng chỉ huy của bốn quân khu đã bắt đầu khởi động Báo động-2 của Chiến dịch Đánh thức. Đấy đã là Pedro Marry-Gordon từ quân khu II, Antonio Pascual-Galmés của quân khu IV, Antonio Elócegui của quân khu V và Angel Campano của quân khu VII. Các tướng chỉ huy các quân khu VI và VIII, Luis Polanco và Manuel Frenández-Posse, đã tập trung các lính của mình trong các doanh trại. Marry-Gordon đã nói năm lần với Milans và vài lần với Armada, và đã thử nắm quyền kiểm soát lực lượng cảnh sát ở Seville, trên đầu của thủ hiến dân sự của tỉnh. Trong vùng Valladolid, đã có những lời hô hào trong các doanh trại, cung cấp quân lính cho các xe cộ và di chuyển các xe tank bọc thép. Những di chuyển khác đã xảy ra ở những điểm khác nhau theo yêu cầu của vài thủ hiến quân sự và các thủ trưởng của Cảnh sát Quốc gia và Cảnh vệ Dân sự. Tướng chỉ huy quân khu, Pascual-Galmés ở Catalonia đã bảo Armada trong một trong những cuộc nói chuyện điện thoại của ông, “Hãy cho chúng địa ngục, Alfonso! Vấn đề Hạ viện phải được giải quyết bằng cách này hay cách khác. Cứ tiếp tục đi!” Sau khi làm xong việc này, ông đã gọi điện cho Jordi Pujol, Thủ tướng được bầu của Chính phủ Catalonia khi đó, và đảm bảo với ông rằng “Mọi thứ sẽ ổn thôi. Tướng Armada đang đi đến Hạ viện ngay trong lúc này để đề xuất chính ông làm người đứng đầu một chính phủ liên hiệp rộng”.

Bên trong tòa nhà Hạ viện, Thủ tướng Chính phủ Adolfo Suárez, phó thủ tướng của ông Gutiérrez-Melando và vài lãnh đạo đảng – nhà Ôn hòa Augustín Rodríguez-Sahagún, nhà Xã hội Felipe González và Alfonso Guerra, và nhà Cộng sản Santiago Carrillo – bị chuyển đi và mang sang một phòng tách biệt. Dân biểu Cộng sản khi đó Ramón Tamames sau này đã viết: “Ấn tượng đầu tiên của tôi – được chia sẻ bởi nhiều người khác, tôi tin – đã là, đây đã có thể là một cuộc gặp với các đại diện của ‘chính phủ quân sự’, có lẽ với ý tưởng về để khiến họ đồng ý với *cuộc đảo chính* hay thông báo cho họ về các hệ quả trực tiếp của nó”. Cựu Phó thủ tướng Chính phủ, Alfonso Osorio, đã bảo lãnh tụ bảo thủ Manuel Fraga (người đã được phép ở lại trong phòng họp): “Manolo, hãy đi xuống và nói với Tejero. Bảo ông ta gọi Armada!” Fraga, tuy vậy, đã đợi vài giờ trước khi làm điều này.

**CUỘC ĐẢO CHÍNH THỰC VÀ CỦA VUA**

Tính toán mà tôi quy cho Armada đã bị xịt trong chừng mực liên quan đến các sở thích của nhà Vua. Từ kinh nghiệm của ông nội mình, Alfonso XIII, và anh rể mình, Constantine của Hy Lạp, Juan Carlos có thể đã rút ra kết luận, trùng với giả định đằng sau cuộc đảo chính tưởng tượng của Armada, rằng bằng cách ủng hộ đảo chính ngài sẽ nắm chặt quyền lực. Thế nhưng Juan Carlos có lẽ cũng đã ngẫm nghĩ rằng đấy là một cách để bám lấy nó trong chỉ một thời gian ngắn, vì cả hai chế độ độc tài của Tướng Primo de Rivera và của các đại tá Hy Lạp đã bị kế tục bởi các nền cộng hòa sau tám năm. Tính chính đáng Francoist và tính chính đáng được thừa kế hay truyền thống mà nhà Vua có thể duy trì bằng ủng hộ một cuộc nổi dậy quân sự, chí ít trong một phần tư cuối cùng của thế kỷ 20, đã tương đối yếu khi so sánh với tính chính đáng hợp hiến mà ngài có thể mất bằng đưa ra sự ủng hộ như vậy – có lẽ sự cai trị tám năm hay khoảng thế. Mặt khác, nếu ngài phản đối đảo chính và thắng, ngài sẽ mất tính chính đáng Francoist nhưng sẽ có nhiều để được: ngài sẽ duy trì được tính chính đáng truyền thống, khẳng định tính chính đáng hợp hiến và có lẽ thêm vào những thứ này một tính chính đáng có sức lôi cuốn mà sẽ giúp củng cố ngài cho cả đời.

Bằng cách tính toán thuộc loại này, hay như kết quả của những cân nhắc khác, nhà Vua đã chấp nhận một thứ tự sở thích mà trong đó ưu tiên tối cao của ngài là không một cuộc đảo chính nào xảy ra cả, nhưng, trong trường hợp một cuộc đảo chính, ngài thà chịu rủi ro của sự đối đầu với các tướng chỉ huy các quân khu hơn là đầu hàng họ. Tôi hình thức hóa sự xếp thứ tự này theo cách sau đây, bằng việc đổi thứ tự của sở thích thứ hai và thứ ba liên quan đến những gì được giả định trong cuộc đảo chính tưởng tượng của Armada (Bảng 7.3).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *Bảng 7.3. Những sở thích của nhà Vua Juan Carlos* | | |
| Chỉ huy Q.K. | Nhà Vua | Giá trị thứ tự |
| Không | Không | 4 |
| Đảo chính | Không | 3 |
| Đảo chính | Đảo chính | 2 |
| Không | Đảo chính | 1 |
|  |  |  |

Như một kết quả của sự tương tác giữa thứ tự thật này của các sở thích của nhà Vua và thứ tự đã được trình bày trước đây liên quan đến các tướng chỉ huy quân khu (mà trong đó không cần thay đổi về những gì đã được giả định trong cuộc đảo chính tưởng tượng của Milans và Armada [tức là để nguyên ba cột bên trái của Bảng 7.2]), chúng ta nhận được matrix thấy trên Hình 7.3.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Hình 7.3. Trò chơi thực giữa các tướng chỉ huy quân khu và nhà Vua* | | | | |
|  |  | Nhà Vua | | |
|  |  | Đảo chính | Không |  |
| Các chỉ huy | Đảo chính | 4, 2 | 2, 3 |  |
| Quân khu | Không | 1, 1 | 3, 4 |  |
|  | | | | |

Trong trò chơi này các tướng chỉ huy quân khu không có một chiến lược trội, nhưng nhà Vua thì có: phản đối đảo chính. Chỉ thoáng nhìn [3 > 2 ở hàng trên và 4 >1 ở hàng dưới] ta có thể thấy rằng, trong bất kể giả thuyết nào về ứng xử của các tướng chỉ huy quân khu, nhà Vua nhận được các kết quả tốt hơn nếu ngài chống lại đảo chính. Đối mặt với chiến lược trội của nhà Vua, mà đặt các kết quả kỳ vọng trong cột phải, chiến lược mà tạo ra phần thưởng lớn hơn cho các tướng chỉ huy quân khu là không tham gia đảo chính [3 > 2], cho nên một cân bằng đạt được ở ô phải bên dưới, với các giá trị 3, 4. Ở đây, nhà Vua thỏa mãn sở thích thứ nhất của mình, nhưng các tướng chỉ huy quân khu – những người chỉ thỏa mãn sở thích thứ hai của họ, vì họ đã có thể khá hơn với một cuộc đảo chính được nhà Vua chuẩn y – không có lợi ích nào để đơn phương thay đổi sự lựa chọn của họ, và như thế kết cục là ổn định.

Các tướng chỉ huy quân khu có thể quả thực đe dọa để sắp xếp đảo chính nhằm lôi kéo nhà Vua đến kết cục ở ô bên trái phía trên với các giá trị 4, 2, nhưng nhà Vua có thể đáp lại bằng cách vẫn kiên quyết chống lại nó, như thế nhận được kết cục được tượng trưng bởi ô bên phải trên đỉnh với các giá trị 2, 3. Đối mặt với việc này, một cách có thể hiểu được các tướng chỉ huy quân khu lại chọn tránh tham gia và quay lại cân bằng ở ô bên phải phía dưới nơi các giá trị là cao hơn cho cả hai.

Trò chơi này của những đe dọa lẫn nhau, úp mở hay rõ ràng, đã phải chiếm nhiều thời gian hơn nửa giờ ngắn ngủi mà gã đại úy đã tuyên bố qua microphone của Hạ viện. Có lẽ nó đã có thể xảy ra trong hai giờ mà, theo một sơ đồ khác của sự tương tác giữa các sở thích, Milans và Armada đã tính toán cho “hiệu ứng domino” của họ xảy ra. Có vẻ, tuy vậy, việc đó cần nhiều thời gian hơn.

Đầu tiên đã có vòng gọi điện thoại của nhà Vua tới các tướng chỉ huy quân khu, mà ngài đã kết thúc trước 8 giờ tối. Từng người một, ngài đã hỏi họ, “Nhà ngươi có cùng với ta? Ta có thể tính đến lòng trung thành của nhà ngươi?” Chỉ một trong 11 tướng chỉ huy quân khu, Trung tướng González del Yerro đã đi đầu trong gọi điện thoại cho nhà Vua để lên án cuộc đảo chính và đưa ra sự ủng hộ của mình. Juan Carlos đã giải thích cho từng người, kể cả Hội đồng các Tổng tham mưu trưởng và Hội đồng các Thứ trưởng, ứng khẩu như một chính phủ lâm thời dưới chức Chủ tịch [Thủ tướng] của Francisco Laína, rằng “Tên ta đã bị sử dụng một cách giả dối. Ta đã không ủy quyền cho bất cứ ai để làm bất cứ thứ gì”. [Vài] giờ sau, thông điệp này được khẳng định lại qua telex cho các tướng chỉ huy quân khu. Vào khoảng 9 giờ 45 tối, nhà Vua đã cho câu trả lời phủ định được nhắc tới ở trước cho Armada, thét lên trên điện thoại: “Không có cuộc nói chuyện nào, không có cuộc thương lượng nào, không có thông điệp nào từ ta cả! Ta ra lệnh! Và bây giờ lệnh duy nhất là để khôi phục lại quá trình hiến pháp. Không có con đường nào khác”. Vào lúc 11:35 đêm, trong khi Armada, bất chấp mọi thứ, đang phát biểu với Hạ viện, nhà Vua đã ghi hình một thông điệp để phát trên TV mà trong đó ngài đã công khai ra lệnh cho các tướng chỉ huy quân khu để tránh bất cứ biện pháp nào trái với việc duy trì “trật tự hợp hiến bên trong luật hiện hành”. Thông điệp này xuất hiện trên màn ảnh gần như hai giờ sau. Sau khi [TV] phát, Juan Carlos đã lặp lại cho Milans rằng “không cuộc đảo chính nào có thể che dấu đằng sau nhà Vua. Nó chống lại nhà Vua.” Rồi ngài nói thêm: “Ta thề, Jaime, rằng ta không thoái vị, ta cũng chẳng bỏ đi. Ta không thể. Không phải là mong muốn của ta cũng chẳng phải là ý định của ta để ủng hộ một cuộc đảo chính, không quan trọng nhà ngươi bảo ta nhiều đến thế nào rằng tình yêu của nhà ngươi đối với Tây Ban Nha sai khiến việc này. Ta chống đảo chính, cuộc đảo chính không bao gồm ta, và nó chống lại ta. Và nếu nhà ngươi muốn bất cứ thứ gì khác, nhà ngươi không thể tính đến ta. Nhà ngươi sẽ phải bắn ta!” Ngài đã khẳng định thông điệp này và ra lệnh rút các lực lượng đã được huy động bằng telex vào lúc 2:30 sáng ngày Thứ Ba, 24 tháng Hai 1981.

Thế mà bất chấp mọi thứ, Milans và Armada đã kiên trì thái độ nổi loạn của họ. Armada, tuy vậy, đã đối mặt với sự thù nghịch về phần của Tejero, người đã không được Sư đoàn Brunete giải vây như đã được lập kế hoạch và có lẽ đã không trông đợi Armada được giới thiệu là “nhà chức trách có thẩm quyền”. Armada đã nói với anh ta rằng ông sẽ đề xuất một chính phủ do bản thân ông lãnh đạo trong sự thống nhất với các đại biểu quốc hội, nhưng rằng ông đang hành động “theo sáng kiến của riêng mình”, mà không có sự ủng hộ của nhà Vua. Ông cũng đã nói rằng Tejero sẽ phải tìm cách lưu vong bằng lấy một máy bay đang chờ anh ta ở sân bay quân sự Getafe. Tejero đã đáp lại bằng sự từ chối trốn đi và bày tỏ mong muốn của mình rằng một chính phủ quân sự được thành lập mà sẽ đặt các đảng Marxist ra ngoài vòng pháp luật và giải tán các chính quyền tự trị. Sự hòa giải của cuộc điện thoại của Milans đã không làm cho Tejero đồng ý để được dùng cho một cuộc đảo chính mềm. Armada thậm chí đề xuất một sự thay đổi trong kế hoạch: rằng một chính phủ quân sự được dựng lên, như Tejero đã muốn, nhưng vẫn do bản thân vị Tướng lãnh đạo. Tejero đã đáp lại đề xuất này một cách đầy khinh bỉ: “Cái mà gã này muốn là một chiếc ghế dễ dàng!” Sau khi đã trông chờ nhà Vua đứng cạnh các lãnh đạo quân sự đằng sau cuộc đảo chính, sự phát hiện này rằng Armada thực ra đã không có bất cứ sự ủng hộ hoàng gia nào đã thúc giục bình luận sau đây của Tejero trong một cuộc điện thoại gọi cho Milans: “Tất cả điều này đang bốc mùi giống một sự phản bội đối với tôi, một sự phản bội từ bên trên [bởi nhà Vua] chống lại chúng ta, hay chống lại cả hai, nhà Vua lẫn chúng ta”.

Sau một giờ với cố gắng vô vọng, Armada đã rời Hạ viện, khi nói về thông điệp được phát trên TV của nhà Vua, ông đã bình luận: “Nhà Vua đã sai lầm. Đây là một vấn đề quân sự mà chúng tôi quân đội phải giải quyết”. Với những lời này, Armada đã ngầm thú nhận rằng bản thân ông đã tính sai trong sự tính toán ban đầu của mình liên quan đến nhà Vua, và có lẽ ông đã muốn bù vào đó qua một sự sửa chữa được tùy hứng đến một cuộc đảo chính cứng chống lại nhà Vua. Milans thực ra đã thử thuyết phục Tejero để chấp nhận Armada cho đến 4:30 sáng, lâu sau khi nhà Vua đã lặp lại với ông sự chống lại hoàn toàn của ngài đối với cuộc đảo chính. Vào khoảng 5 giờ sáng ông đã từ bỏ.

Vậy thì, có vẻ rõ ràng rằng nếu giả như cuộc đảo chính đã có được sự ủng hộ của nhà Vua, nó đã thắng. Tương tác giữa nhà Vua và các tướng chỉ huy quân khu đã không diễn biến theo cách những nhà âm mưu đã trông chờ, cho nên lời đề nghị giúp bằng một cuộc đảo chính mềm mà Armada đã thử gây ra bất chấp nhiều khó khăn đã không phải là kết quả của một gợi ý hoàng gia – do đó trệch với kế hoạch gốc, được thấy trong Hình 7.1. Không có chiếc mũi tên bên phải [mà thể hiện sự gợi ý của nhà Vua, như thế tức là, sự thiếu mũi tên này], tượng trưng cho sự khước từ của nhà Vua đối với Armada, [cho nên] việc giới thiệu người sau trong Hạ viện, được tượng trưng bởi một đường đứt nét tiếp theo ông, thiếu sức mạnh. Cho việc này, chúng ta phải cộng thêm chủ nghĩa tối đa của Tejero mà Milans đã hy vọng để dùng như một vũ khí để sẵn sàng sử dụng sau. Thế nhưng sự thực rằng Tejero đã không được Sư đoàn Brunete giải vây, như được lên kế hoạch ban đầu, đã cũng là kết quả của việc ngừng huy động quân sự được thực hiện bởi tướng chỉ huy quân khu Madrid, Guillermo Quintana, và Sư trưởng, Tướng Juste những người đã được nhà Vua lôi kéo sớm về phía ngài. Như thế, không có sự ủng hộ của nhà Vua và với thế chủ động của ngài để từ chối sự đồng ý, cuộc đảo chính đã thất bại.

Ngoại trừ Milans, không một tướng hay sĩ quan quân đội cao cấp nào đã chủ động mời nhà Vua đứng đầu cuộc đảo chính, nhưng xét thấy sự từ chối của ngài, tất cả họ đã vẫn ở trong tình trạng chờ đợi mơ hồ trong một khoảng thời gian dài. Đáng lưu ý rằng ngay cả Juste đã vẫn thụ động và không dứt khoát cho đến khi ông biết được sự phản đối của nhà Vua đối với cuộc đảo chính, vì, như ông đã nói: “Điều này giải thích tình hình”. Vì thế, chúng ta chỉ có thể giả định rằng, giả như nhà Vua đã đồng ý, cuộc đảo chính cũng đã chẳng gặp sự bác bỏ rõ ràng của Juste. Ngay cả tướng tư lệnh quân khu Madrid, Quintana, người mà ngay cả Milans đã chẳng bao giờ coi là có khả năng ủng hộ một cuộc đảo chính, sau này đã bình luận: “Nếu giả như hôm đó nhà Vua đã lệnh cho tôi đi ra đường, tôi đã đứng nghiêm và làm thế”. Chúng ta hãy cũng nghĩ về những lời của Đại tá Cảnh sát Quốc gia người được cử đến để tước vũ khí của Tejero. Khi Tejero bảo ông, “tôi tuân theo không phải các lệnh nào khác với lệnh của của Đức Vua và của Trung tướng Milans del Bosch”, Félix Alcalá-Galiano đã đáp lại: “Hãy cho tôi xem các lệnh đó, bởi vì nếu điều đó đúng, thì là chuyện hoàn toàn khác”. Hoặc hãy theo dõi sự thực rằng sau đó trong phiên tòa xử chỉ 33 người bị dính líu vào cuộc nổi dậy, chưởng lý Claver-Torrente đã thú nhận: “Nếu chúng ta bắt đầu đi theo sự việc suốt đến những kết luận logic của chúng, thì sẽ dẫn chúng ta đến xa như đến tận dãy núi Ural”; và rằng một tướng khác, luật sư bào chữa, đã tin rằng: “Nếu giả như chúng ta thẳng thắn nghiêm ngặt, thì chúng ta phải đưa hơn nửa quân đội ra tòa xét xử”.

Hãy xem xét không khí đã giống thế nào trong các trại lính vì tòa án quân sự ban đầu kết tội các bị cáo các bản án ít hơn nửa những gì được đòi bởi các chưởng lý, với 11 xá tội (một bản án mà đã được tăng sau khi kháng án lên Tòa Tối cao); hay tầm quan trọng của chính các biện pháp được tiến hành trong cải cách quân đội sau đó, mà trong đó toàn bộ các thành viên của Hội đồng Tổng Tham mưu trưởng đã được thay thế, mà trong đó những việc chuyển sang dự bị và thay thế các tướng tư lệnh quân khu đã được tăng tốc, và cấu trúc chỉ huy đã được sửa đổi theo cách rằng toàn bộ quân đội không còn bị di chuyển bởi chỉ vài cá nhân trên một cơ sở lãnh thổ.

Bởi vì tất cả những thứ này, là rất có thể hiểu được rằng nhà Vua đã phải thú nhận với các lãnh đạo các đảng những người mà ngài đã mời đến cung điện ngày hôm sau, “Đã có những thời khắc khi là việc liều…”.

Giả định của tôi về thứ tự sở thích của đa số các tướng chỉ huy quân khu, mà trong đó một quyết định ủng hộ đảo chính chiếm vị trí thứ nhất, vậy thì, là không trái ngược với những gì các sự thực có vẻ gợi ý. Nó trái với vẻ bề ngoài của sự tránh không tham gia đảo chính từ phía đa số các tướng chỉ huy quân khu, nhưng nó tương thích với sự thất bại của cuộc đảo chính bởi vì, theo sự sắp thứ tự này, sự đồng ý của nhà Vua để lấy quyền ưu tiên hơn một cuộc nổi dậy chống chế độ quân chủ. Ngay cả Milans, người đã tuyên bố đích thân mình “là một người theo chế độ quân chủ từ tận gốc” và đã thú nhận trước đây rằng không có nhà Vua, thì “ngay cả trợ lý của tôi cũng không theo tôi”, phải được bao gồm trong sự sắp thứ tự [sở thích] đó.

Việc làm nản lòng cuộc đảo chính, vậy thì, đã gồm không phải việc gửi đi các đoàn quân trung thành – những người mà, nhân tiện, là khó nhận diện ra – mà đúng hơn, gồm việc chơi trò chơi, thực, hoàng gia, công khai và việc làm sáng tỏ sự hiểu lầm của trò chơi tưởng tượng của những người âm mưu; gồm việc chứng minh cho các tướng chỉ huy quân khu rằng thông tin hay giả định ban đầu về các sở thích của người chơi khác đã sai. Vì lý do này, cuộc phản đảo chính hoàng gia đã được thực hiện, không phải với các xe tank và súng, mà đúng hơn bằng phương tiện của các điện thoại bình thường, màu đỏ, đường dây bình thường và các mạng xanh và zero, các điện thoại bảo mật, telex và truyền hình. Như một trong những người lính nổi loạn, được cho là người theo chế độ quân chủ, đã nói một tuần sau đó, “Lần sau, hãy cắt đường điện thoại của nhà Vua!”

**CÒN NHÂN DÂN THÌ SAO?**

Xét thấy một giải pháp được gây ra bởi sự tương tác của ít người đến vậy, người ta tự hỏi nếu người chơi khác đã có thể thay đổi trò chơi bằng sự can thiệp của mình. Và, cụ thể hơn, thái độ của nhân dân Tây Ban Nha đối với cuộc đảo chính thế nào? Rốt cuộc, tin tức về nó đã tới họ ngay lập tức và, khá không bình thường đối với các cuộc nổi dậy quân sự, nó được phát sóng trực tiếp trên radio.

Đối với nhiều công dân Tây Ban Nha chiều và tối hôm đó, về cơ bản đã có hai sự lựa chọn sẵn có: hoặc là thực hiện một hành động phản kháng, như kêu gọi đình công hay kéo nhau xuống đường để ngăn chặn đảo chính – một chọn lựa mà tôi sẽ gọi là “hành động”; hay để chờ một cách thụ động như những người xem hồi kết được tạo ra bởi một nhúm diễn viên, các sĩ quan quân đội cao cấp và nhà Vua – một sự chọn lựa mà tôi sẽ gọi là “thụ động”. Đối với các công dân khác, các chọn lựa đã là: hoặc kéo nhau xuống đường để ủng hộ đảo chính hay ở nhà, nhưng tôi sẽ không xem xét họ ở đây.

Chúng ta hãy tưởng tượng rằng không sự từ chối nào đã tới các tướng chỉ huy quân khu liên quan đến trò chơi của nhà Vua, và giả định một giả thuyết về các sở thích của họ trong sự tương tác của họ với các công dân. Tương tự như những gì tôi đã giả định trong sự tương tác của họ với nhà Vua, chúng ta có thể tưởng tượng rằng sở thích thứ nhất của các tướng chỉ huy quân khu đã là gây ra đảo chính mà không có sự phản kháng nào của nhân dân, nhưng rằng họ đã thích không thực hiện đảo chính chút nào hơn là làm vậy trong sự đối mặt với sự phản kháng tích cực của nhân dân, có lẽ để tránh một sự lặp lại của cuộc xung đột đẫm máu mà đã tiếp sau cuộc nổi dậy năm 1936. Cuối cùng trên danh sách sở thích là từ bỏ cơ hội đảo chính trước mặt sự thụ động chung.

Ngay cả căn cứ vào sự giả thiết này về một thứ tự tương đối thận trọng của các sở thích về phần các tướng chỉ huy quân khu, những sự thực buộc chúng ta phải giả định rằng, đối với các công dân không có cảm tình với cuộc đảo chính, sự ưu tiên đã là để duy trì sự thụ động bằng mọi giá, tốt nhất là không có một cuộc đảo chính (ưu tiên dưới cùng là tiến hành hành động không cần thiết mà không có một cuộc đảo chính xảy ra).

Điều này được thấy dưới dạng hình thức trong Bảng 7.4.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *Bảng 7.4 Những sở thích của các tướng chỉ huy quân khu và của các công dân* | | | | | | |
| Những sở thích của các tướng chỉ huy quân khu | | |  | Những sở thích của các công dân chống đảo chính | | |
| Chỉ huy Q.K. | Công dân | Giá trị thứ tự |  | Chỉ huy Q.K. | Công dân | Giá trị thứ tự |
| Đảo chính | Thụ động | 4 |  | Không | Thụ động | 4 |
| Không | Hành động | 3 |  | Đảo chính | Thụ động | 3 |
| Đảo chính | Hành động | 2 |  | Đảo chính | Hành động | 2 |
| Không | Thụ động | 1 |  | Không | Hành động | 1 |
|  |  |  |  |  |  |  |

Trò chơi được trình bày bởi matrix được thấy trên Hình 7.4.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Hình 7.4. Trò chơi giữa các tướng chỉ huy quân khu và công dân* | | | | |
|  |  | Công dân | | |
|  |  | Hành động | Thụ động |  |
| Các chỉ huy | Đảo chính | 2, 2 | 4, 3 |  |
| Quân khu | Không | 3, 1 | 1, 4 |  |
|  | | | | |

Các tướng chỉ huy quân khu không có chiến lược trội nào, nhưng các công dân chống đảo chính thì có: vẫn thụ động. Với chiến lược này, mà đặt kết cục được kỳ vọng vào cột bên phải của hình 7.4, các tướng chỉ huy quân khu nhận được một kết quả tốt hơn bằng thực hiện đảo chính, như thế nhận được một cân bằng ở ô bên phải phía trên với các giá trị 4, 3. Trước mặt một sự thụ động như vậy, các sĩ quan cao cấp quân đội tổ chức đảo chính.

Nhìn lại, các sự thực xác minh sự tiên đoán nhìn lại quá khứ này. Thí dụ, lúc chập tối vào ngày đảo chính một số nhà hoạt động từ nghiệp đoàn Các Hội đồng Công nhân đã thử kêu gọi một cuộc tổng đình công, nhưng đề xuất đã bị bác bỏ bởi những lãnh tụ đảng mà đã không bị giữ trong tòa nhà Hạ viện. Tiếp sau các cuộc trao đổi với nghiệp đoàn khác, UGT, cả hai nhóm đã thống nhất một đề xuất khiêm tốn về đình công một giờ tại các nơi làm việc cho ngày hôm sau. Có lẽ chứng minh tốt nhất về thiên hướng thụ động của các công dân đã thấy ở Valencia, một vùng với mức tương đối cao của sự tổ chức chính trị và công đoàn, và với một cử tri đoàn phần lớn theo cánh tả vào lúc đó, nhưng là nơi cuộc đảo chính thực sự được tiến hành bởi việc Milans kéo xe tank tràn xuống đường đã không gây ra bất cứ sự phản ứng nào của nhân dân. Thực ra, sau khi sự xuất hiện của Juan Carlos trên TV vào lúc 1:23 sáng, một đám khán giả hàng triệu người Tây Ban Nha, những người đã chứng kiến vở diễn với sự quan tâm và sự sợ hãi, đã bỏ để lên giường.

Sự khiếp sợ nội chiến lại hiện ra lờ mờ như một nhân tố quyết định trong cách cư xử của các công dân, trao cho các chính trị gia (và tương tự các sĩ quan quân đội, trong trường hợp này) nhiều khả năng để thao diễn. Chính đã là sự can thiệp của nhà Vua trong trò chơi song song của ngài với các tướng chỉ huy quân khu mà đã áp đặt sở thích cuối cùng của họ lên chính họ trong sự tương tác của họ với các công dân, trong khi những người Tây Ban Nha chống đảo chính đã đạt một cách thụ động sở thích thứ nhất của họ (ô dưới bên phải), với các giá trị 1, 4). Không ngạc nhiên, vì thế, rằng sau tình tiết chính trị được radio và truyền hình phát đi này, Juan Carlos đã nhận được những sự thể hiện sự nhiệt tình và lòng trung thành ngưỡng mộ lớn đến vậy – tính chính đáng có sức thuyết phục mà tôi đã nhắc đến ở trước – trong khi các sĩ quan cao cấp quân đội, những người đã có thể lãnh đạo cuộc đảo chính, đã trải nghiệm một sự bị làm nhục hay một cảm giác lố bịch nào đó, cùng với những triển vọng khá ảm đạm cho bất cứ mưu toan nào thêm nữa để tấn công nền dân chủ hợp hiến.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Trò chơi “Cuộc Chiến của các Giới”, một trò chơi với hai cân bằng mà trong đó kết quả phụ thuộc vào sức mạnh đe dọa của các người chơi, đã được tạo mô hình bởi R. Duncan Luce và Howard Raiffa (1957), *Games and Decisions,* New York: Wiley, và muộn hơn được phân tích bởi Anatol Rapoport (1966), *Two-Player Gemes Theory: The Essential Ideas,* Ann Abor: University of Michigan Press.

Ý niệm về các trò chơi song song hay được lồng vào nhau, như một sự lý giải của những kết cục có vẻ kỳ quặc trong bất kỳ trò chơi đơn độc nào, đã được khảo sát tỉ mỉ bởi George Tsebelis (1990), *Nested Games. Rational Choice in Comparative Politics,* Berkeley: Univerity of California Press.

Về cuộc đảo chính năm 1981, các sách có hiểu biết kỹ hơn là sách của Colectivo Democracia (1981), *Los Ejércitos … Más Aslla del Golpe*, Barcelona: Planeta, và Pilar Urbano (1982), *Con la Venia… Yo Indagué el 23-F.,* Barcelona: Plaza y Janés. Một số dữ liệu lý thú về tình hình quân sự trước đảo chính có thể thấy trong José Luis Morales và Juan Cadela (1981), *La Alternativa Militar. El Golpismo Después de Franco,* Madrid: Revolución. José Oneto (1981), *La Noche de Tejero,* Barcelona: Planeta, là một báo cáo theo thứ tự thời gian về những sự thực của ngày 23 tháng Hai. Có một vài lỗi trong ký sự niên đại gấp được xuất bản bởi Ricardo Cid *et al.* (1981), *Todos al Suelo. La Conspiración y el Golpe,* Madrid: Punto cristíco.

# Kết luận

Trong các năm 1980 và 1990 dân chủ đã được củng cố ở Tây Ban Nha. Quyền lực dân sự đã chiếm ưu thế đối với quân đội, nhân dân đã được hưởng các quyền dân sự ở mức độ có thể chấp nhận được, sự tản quyền đã đi theo tiến trình của nó, và nền kinh tế đã ngày càng mở ra cho các quan hệ nước ngoài, đặc biệt sau khi Tây Ban Nha gia nhập EU trong năm 1986. Sự củng cố, tuy vậy, không có nghĩa rằng các định chế dân chủ là hiệu quả về mặt xã hội, nhưng một cách đơn giản đã xác định một tình thế, mà trong đó, căn cứ vào sức mạnh mặc cả của các diễn viên chính trị, chẳng ai trong số họ tìm thấy lợi thế để liều với những thay đổi chính trị mới của các quy tắc chơi.

Những giả thiết lựa chọn duy lý cũng là thích hợp để phân tích những tương tác và quyết định chính trị trong giai đoạn hợp hiến – như sự phát triển đáng chú ý của khoa học chính trị về cách tiếp cận này trong thế hệ gần đây nhất chứng nhận là đúng quá chừng. Một khung khổ được xác định bởi sự phân tích việc ra quyết định như được bắt nguồn từ những tính toán duy lý, sự thích đáng của những ràng buộc thể chế, và sự chú ý đến những hệ quả thường xuyên không dự tính trước của các lựa chọn của các diễn viên đã tỏ ra rất hữu ích cho việc lý giải cách cư xử của những người bỏ phiếu, các đảng, các chính phủ và các nhà hoạch định chính sách khác trong một chế độ dân chủ.

Sự cố gắng của tôi đã là dùng cách tiếp cận này để nghiên cứu sự thay đổi chính trị, tức là một loại quá trình mà trong đó khung khổ thể chế được khắc phục và bị thay thế. Trong một quá trình như vậy, nhiều tương tác giữa các diễn viên chính trị ít bị ràng buộc hơn trong một chế độ được củng cố. Như một hệ quả, nghệ thuật thao tác (manipulation) và cách cư xử chiến lược có khuynh hướng phát triển và thịnh hành còn nhiều hơn so với trong hoạt động chính trị dân chủ thông thường.

Trong nghiên cứu về những sự chuyển đổi sang dân chủ, đây không phải là một điểm xuất phát hoàn toàn mới. Các nhà phân tích khác đã nhấn mạnh các khía cạnh “chiến lược” của các quá trình thay đổi như vậy, ngược với sự tập trung truyền thống hơn vào các điều kiện tiên quyết mang tính cấu trúc của chúng. Sự đóng góp cụ thể của tôi đã dựa trên giả thiết rằng nhiều sự chọn lựa đối mặt những người tham gia trong một quá trình thay đổi chính trị đã có thể được trình bày dưới dạng hình thức, rút ra đặc biệt từ các công cụ lựa chọn xã hội và lý thuyết trò chơi. Vì vậy, tôi đã dùng một sự tuyển chọn khác nhau của các thí dụ suốt cuốn sách này để minh họa sức mạnh giải thích của cách tiếp cận lựa chọn xã hội và gián tiếp gợi ý khả năng về những áp dụng khác.

Một số tình tiết đã được phân tích bằng cách mô phỏng hay các giả thuyết về các động cơ và sở thích của các diễn viên, và tất cả chúng được đơn giản hóa ở mức độ nhất định. Một sự mô tả phức tạp hơn đã có thể được phát triển, chẳng hạn, bằng đưa vào những thứ tự sở thích cá nhân khác nhau trong các nhóm mà đã được coi là những người chơi đơn nhất. Thế nhưng sự thiếu dè sẻn trong một mô hình thường gây ra một sự mất mát trong sức mạnh giải thích và tiên đoán của nó, và tính hữu dụng lý thuyết của nó trở nên đáng ngờ.

Ấn tượng về sự phân mảnh của thực tế chính trị mà có thể được truyền đạt bởi một chuỗi các tình tiết như các tình tiết được trình bày trong các trang trước có lẽ ít sai lạc hơn ấn tượng thoạt nhìn có thể tỏ ra. Chí ít nó tin cậy hơn hầu hết các nỗ lực để xây dựng một “cái nhìn tổng thể” về các quá trình xã hội, vì những cố gắng này thường hay bỏ rơi các đối tượng thực của sự nghiên cứu để tìm nơi ẩn náu trong những khái niệm mơ hồ và huyền bí hơn là trong những khái quát hóa theo nghĩa đúng của từ. Ngược lại, trong cách tiếp cận hiện thời là có thể để nhận ra rằng mỗi quyết định, mà được phân tích theo một cách tương đối tự quản, có điểm bắt đầu của nó trong các thứ tự sở thích của các diễn viên được tạo hình bởi kết cục của bước trước. Chính xác là kết cục của mỗi “trò chơi” mà cho phép những tương tác khác xảy ra với một tập khác nhau của các lựa chọn khả dĩ để lựa chọn từ đó, mà đến lượt có thể làm thay đổi cân bằng đã đạt được trước.

Chính dưới ánh sáng này, mà chúng ta có thể hiểu một số diễn biến và sự bất ngờ của sự chuyển đổi Tây Ban Nha sang dân chủ, mà không quy sự đạo đức giả hay chính sách ngu dân cố ý nhiều hơn cần thiết cho những người giữ vai trò chủ đạo. Chẳng ai đã có thể có một ý tưởng trước hoàn toàn rõ ràng về các giai đoạn và kết cục cuối cùng của sự kết thúc chế độ độc tài sẽ là thế nào. Thậm chí bản thân các nhà cải cách đã ngạc nhiên bởi việc chủ trương một sự thay đổi hoàn toàn các quy tắc trò chơi mà xác định một chế độ, và các nhà đoạn tuyệt đã không thể cảm thấy bất cứ thứ gì khác hơn là sự kinh ngạc vì họ đã theo đuổi các đại lộ được mở ra cho họ bởi các đối thủ một thời của họ. Như thế có thể nói rằng những gì đã đạt được bởi vật lai này đã là một sự giảm đáng kể các giới hạn của dự án cải cách, hay, nói cách khác cũng nghịch lý như bản thân quá trình, là một nền dân chủ bị giới hạn được mở rộng.

Một đặc trưng, mà phân biệt mô hình Tây Ban Nha với các quá trình khác của sự chuyển đổi bằng thỏa thuận, như thế là phe đối lập đã không có cơ hội để can thiệp trực tiếp và rõ ràng vào các hiệp ước cho đến khi cuộc bầu cử đầu tiên đã được tổ chức.

Tuy vậy, có những đặc trưng nhất định chung cho tất cả các quá trình tương tự mà có thể được coi như những điều kiện cần cho một sự chuyển đổi bằng thỏa thuận.

Điều kiện đầu tiên là sự yếu hay sự thiếu vắng của các diễn viên tối đa chủ nghĩa, bởi vì sự tham gia của họ gây ra sự bất cân bằng và sự bất ổn định chính trị. Điều này cũng có liên quan tới cái thường được gọi là “sự điều độ”, tức là, sự ghét rủi ro về phía các diễn viên, hoặc như là một sự tính toán cẩn trọng hay bởi vì sự sợ hãi, và khuynh hướng thiên về chấp nhận cái ít xấu hơn. Theo ngôn ngữ lý thuyết trò chơi, nó là khuynh hướng từ bỏ các lựa chọn được ưa thích nhất ([các lựa chọn] mà đôi khi dẫn đến những tình thế của sự xung đột ổn định, như chúng ta đã thấy), và để tận dụng các cơ hội hợp tác của những sự tương tác, mà có thể tạo ra những kết cục hiệu quả và ích lợi hơn.

Trong trường hợp Tây Ban Nha, đặc trưng này có vẻ đã là một phản ứng do hậu quả của nội chiến vào cuối các năm 1930, mà đến lượt lại đã là cực điểm của một lịch sử gây đau khổ, dài một trăm năm, và đã ám ảnh toàn bộ sự chuyển đổi của các năm 1970 giống một bóng ma rất lớn.

Tuy vậy, căn cứ vào khả năng lớn hơn của sự đe dọa và sự răn đe giữa các diễn viên tương đối cách biệt, một điều kiện thứ hai là cho các diễn viên chính của một thỏa thuận đừng là kề nhau trong một sự chia bậc các thứ tự sở thích. Chúng ta đã thấy đặc trưng này, trong pha đầu tiên của sự chuyển đổi, ở sự thất bại của các tương tác giữa những người theo đường lối mở cửa và những người theo đường lối liên tục (các Cột 4 và 5 kề nhau trong Bảng 1.1), đã tiếp theo, trong pha thứ hai, bởi những cuộc thương lượng thành công giữa các nhà cải cách và các nhà liên tục (các Cột 3 và 5 không kề nhau) và, đồng thời, sự thiếu thỏa thuận giữa các nhà đoạn tuyệt và các nhà cải cách (các Cột 2 và 3 kề nhau).

Những điều kiện này nhấn mạnh các khía cạnh chiến lược của quá trình chuyển đổi nơi những cơ hội được tạo ra bởi các định chế hiện tồn, và sáng kiến của một số diễn viên đối với các diễn viên khác, tạo ra những tương tác mà đưa đến những khả năng khác nhau của những cuộc thương lượng và những hiệp ước. Đặc biệt, sự thảo luận về các cân bằng trong các trò chơi đã giúp làm sáng tỏ những cơ hội hợp tác giữa các diễn viên cho sự thuận lợi chung của họ và những kỹ năng họ đã chứng tỏ để có, nhằm tận dụng những cơ hội này. Trong khi một số tương tác đã tỏ ra có một cân bằng duy nhất, mạnh và ổn định, và vì thế các kết cục của chúng đã hầu như không thể khác hơn chúng thực sự đã là, trong những trường hợp khác một cân bằng đạt được nhờ sự liên lạc giữa các người chơi, bằng sử dụng sức mạnh đe dọa bởi vài trong số họ, hoặc như một kết quả gián tiếp của các trò chơi song song khác.

Tất cả những sự nhấn mạnh đến cách cư xử chiến lược và các quyết định tương tác không phủ nhận vai trò của các cơ sở lịch sử và xã hội nhất định cho hoạt động chính trị. Quả thực, những thứ này hiện diện trong các thứ tự sở thích của mỗi diễn viên, mà được hình thành theo mức độ thông tin và các thị hiếu và những lựa chọn giá trị mà mỗi cá nhân muốn sử dụng, nhưng cũng bên trong các giới hạn của sự lựa chọn được áp đặt bởi bối cảnh và trên cơ sở kinh nghiệm xã hội của mỗi người.

Tuy vậy, sự quan sát các cấu trúc vĩ mô từ các động cơ vi mô có lợi thế rằng việc nghiên cứu có thể định hướng trực tiếp hơn đến các khía cạnh xác đáng của cấu trúc vĩ mô và có thể tránh mọi sự diễn giải bởi thuyết định mệnh tất định. Từ quan điểm này, đáng chỉ ra cái mà các nhà xã hội học dán nhãn khái quát “tính phức tạp xã hội” trong xã hội Tây Ban Nha của các năm 1970. Theo các phạm trù của chúng ta, điều này phải được hiểu như tính đa chiều của không gian chính sách-ý thức hệ mà trong đó các lựa chọn khả dĩ cần chọn được đặt vào, và những cường độ khác nhau của sở thích của các thành viên của các nhóm khác nhau đối với những lựa chọn theo mỗi chiều. Hoặc bằng phương tiện của những trao đổi phi nghi thức hay bằng sự trao đổi phiếu được định chế hóa hơn, thì có thể đạt những sự phân bố cân đối hơn của sự thỏa mãn chính trị giữa các nhóm khác nhau dính líu đến quá trình và để xây dựng sự đồng thuận xung quanh những kết cục chính trị.

Thương lượng, trao đổi và đồng thuận đã được nhận diện như các đặc trưng thành công của mô hình Tây Ban Nha về chuyển đổi sang dân chủ, mà rất nhiều nhà quan sát khác nhau đã coi là tấm gương để tham khảo đối với những sự chuyển đổi ở Mỹ Latin và Đông Âu. Cái cho đến ngày nay đã nhận được ít sự chú ý là sự thực rằng một vài đặc trưng của chuyển đổi Tây Ban Nha đã để lại một dấu (vết) nghịch lý trên nền dân chủ đã được củng cố sau đó.

Sự thực rằng sự chuyển đổi đã được bắt đầu bằng con đường của một thỏa thuận giữa các nhà cải cách và các nhà liên tục, mà không có sự tham gia của phe đối lập đoạn tuyệt, đã có những hệ quả về sự sống sót của các yếu tố của tính liên tục với chế độ độc tài trước. Quản lý công và ngành dân chính đã còn lại hầu như không bị đụng đến và, dưới nền dân chủ, đã không là đối tượng của bất cứ thứ gì trừ một sự bành trướng số lượng lớn, mặc dù mức độ của sự phi hiệu quả và tính cứng nhắc phần lớn cũng vẫn vậy. Đã không có sự tan vỡ nào trong các lực lượng vũ trang, cũng chẳng có sự thanh trừng nào liên quan đến cảnh sát chính trị. Bản thân nền quân chủ cũng đã được củng cố, mặc dù nhờ nhà Vua đã đóng vai trò dân chủ bất ngờ.

Các định chế dân chủ mới, thực ra, cho thấy một mức độ cao của “sự phụ thuộc quỹ đạo–path dependence”, mà có nghĩa là sự phụ thuộc vào những cuộc thương lượng và những thỏa hiệp đạt được trong quá trình chuyển đổi. Trong sự hoạt động dân chủ của chúng, chúng đã gây ra lý do cho một cách cư xử chiến lược đặc biệt nhiều: sự dồn phiếu cho nhau thường xuyên giữa các đảng, sự thay đổi các liên minh mà không có các cuộc bầu cử, những sự di trú của những người đại diện sang các nhóm khác với các nhóm mà họ được bầu, và những sự phân bố quyền lực không-đại diện bên trong các định chế. Trên thực tế, sự rất sợ một cuộc xung đột chí tử, khuynh hướng đến thỏa hiệp và khả năng về nhiều sự thỏa mãn một phần được tạo ra bởi tính phức tạp xã hội hay tính đa chiều, trong khi chúng đã tạo thuận lợi cho việc đạt được cái mà tôi gọi là một sự chuyển đổi bắc cầu, cũng đã gây ra sự thụ động giữa các công dân và đã ban dư dả đất dụng võ cho các nhà chính trị.

Bất chấp sự thực rằng những kết quả này còn rất chưa vừa lòng, là khó để đoán trước những cải cách thể chế mới trong một nền dân chủ được củng cố bởi vì việc này đòi hỏi các cuộc thương có chi phí cao giữa các bên liên quan, với mối hiểm nguy không đạt được một sự đồng thuận rộng như trong giai đoạn lập hiến của 1977-78. Trong cả những năm sau này, sự tồn tại đơn thuần của các định chế nào đó, như hệ thống bầu cử ban đầu được áp đặt bởi một sắc-luật của một chính phủ không được bầu, đã gây ra những ứng xử thích nghi về phía các đảng mà hoạt động như các cơ chế tự tăng cường.

Những dấu vết này của quá trình chuyển đổi rọi ánh sáng lên mặt khác của đời sống chính trị Tây Ban Nha trong phần tư cuối của thế kỷ thứ 20. Một mặt, đã có một sự chuyển đổi mà, do sự phổ biến của các cuộc thương lượng và các thỏa thuận và không dính đến bạo lực, được xem như mẫu mực. Mặt khác, sự hoạt động của các định chế và các đảng trong nền dân chủ Tây Ban Nha được củng cố, một phần bởi vì phần lớn vẫn được truyền cảm hứng bởi một loại thương lượng riêng giữa các chính trị gia giống các nhà chính trị đã dẫn dắt sự chuyển đổi, thường xuyên có khuynh hướng để tách các công dân khỏi quá trình sau-bầu cử. Những gì trong một giai đoạn đã hữu ích và đã được dùng như một kiểu mẫu cho sự thay đổi liên tục và không xung đột, trong giai đoạn khác đã thường tạo ra những sự loại trừ và sự xuyên tạc những sự mong muốn chính trị. Những ưu điểm trong sự chuyển đổi đã trở thành những thiếu sót trong nền dân chủ, để diễn đạt theo cách khác.

Tất cả những thứ mà được thấy trong những trang này cho phép bạn đọc hiểu vì sao hoạt động chính trị đã không gây ra sự nhiệt tình lớn cũng chẳng gây ra sự bác bỏ lớn ở Tây Ban Nha dân chủ. Đây là thông điệp thực của sự chuyển đổi Tây Ban Nha, mà thành tựu chính của nó, Hiến pháp dân chủ 1978, đã được chấp nhận rộng rãi hơn bất kể hiến pháp nào trước, đơn giản bởi vì nó đã không thuộc về bất cứ ai nói riêng, cũng đã chẳng ai cảm thấy hoàn toàn bị nó làm cho xa lánh. Thế mà, nhìn trong triển vọng của lịch sử Tây Ban Nha hiện đại, và trong sự so sánh với các quá trình thay đổi tương tự, đây đã không phải là một thành tựu tầm thường.

# Index

1. \* Các quyển trước gồm:

   J. Kornai: *Con đường dẫn tới nền kinh tế thị trường,* Hội Tin học Việt Nam 2001, Nhà Xuất bản Văn hoá Thông tin (NXB VHTT) 2002; *Con đường dẫn tới nền kinh tế tự do* (NXB Tri thức. 2007)

   J. Kornai: *Hệ thống Xã hội chủ nghĩa*, NXB Văn hoá Thông tin 2002

   J. Kornai- K. Eggleston: *Chăm sóc sức khoẻ cộng đồng,* NXB VHTT 2002

   G. Soros: *Giả kim thuật tài chính*

   H. de Soto: *Sự bí ẩn của tư bản*, NXB Chính trị Quốc gia, 2006 [*Sự bí ẩn của Vốn*]

   J. E. Stiglitz: *Chủ nghĩa xã hội đi về đâu?*

   F.A. Hayek: *Con đường dẫn tới chế độ nông nô*

   G. Soros: *Xã hội Mở*

   K. Popper: *Sự Khốn cùng của Chủ nghĩa lịch sử*

   K. Popper: *Xã hội mở và những kẻ thù của nó*, I, Plato

   K. Popper: *Xã hội mở và những kẻ thù của nó*, II, Hegel và Marx

   Thomas S. Kuhn: *Cấu trúc của các cuộc Cách mạng Khoa học*

   Thomas L. Friedman: *Thế giới phẳng*, Nhà xuất bản Trẻ, 2006

   *Một năm Hội nghị Diên Hồng Hungary* do Nguyễn Quang A tuyển, dịch, biên soạn

   Kornai János: *Bằng Sức mạnh Tư duy, tiểu sử tự thuật đặc biệt*, NXB Thanh Hóa, 2008

   Kornai János: *Lịch sử và những bài học*,NXB Tri thức, 2007

   Peter Drucker: *Xã hội tri thức, Quản lý, Kinh doanh, Xã hội và Nhà nước*, tập tiểu luận

   Murray Rothabrd: *Luân lý của tự do*

   Amartya Sen: *Tư tưởng về công bằng*

   Kornai János: *Chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa tư bản, dân chủ và thay đổi hệ thống*

   Kornai János: *Các ý tưởng về chủ nghĩa tư bản*, NXB Thời Đại, 2012.

   Robert Kagan: *Thế giới mà Mỹ tạo ra,* 2012

   Daron Acemoglu, James A. Robinson: *Vì sao các Quốc gia Thất bại, 2012* (NXB Trẻ có bản dịch khác được xuất bản năm 2013)

   Kỷ yếu hội thảo Đại học Michigan: *Bàn tròn Ba Lan-Những bài học, 2013*

   *Thương lượng những thay đổi cơ bản: Hiểu và mở rộng các bài học của các cuộc đàm phán Tròn Ba Lan, 2013*

   Adam Michnik*: Những lá Thư từ Nhà tù và các Tiểu luận khác, 2013*

   Elzbieta Matynia: *Dân chủ ngôn hành, 2014*

   [↑](#footnote-ref-1)
2. \* còn được biết đến như nguyên tắc dao cạo Ockham (lex parsimonie hay principle of parsimony – nguyên tắc dè sẻn) theo nghĩa trong số các giả thuyết tranh đua nhau (tức cùng giải thích được các hiện tượng nào đó) thì phải chọn giả thuyết tằn tiện nhất, có ít giả thiết nhất. [↑](#footnote-ref-2)
3. Liên quan đến nửa sau của các năm 1970, có một số khảo sát mà có thể được diễn giải theo các phạm trù được phác họa ở đây. Để trích dẫn chỉ một điều tra được Trung tâm Nghiên cứu Xã hội học (CIS) tiến hành trong năm 1980, giải quyết câu hỏi về “bạn đã muốn nhất cái gì xảy ra sau cái chết của Franco”, những kết quả là như sau: 17% đã muốn “tình hình thay đổi nhanh và triệt để”; 47% đã thích “tình hình thay đổi từng ít một”; và 13% đã chọn “mọi thứ tiếp tục ít nhiều vẫn như thế” (được báo cáo trong Rafael Lospez Pintor (1982), *La Opición Pública Española: del Franquismo a la Democracia,* Madrid: CIS, p.63). Xem cả dữ liệu ý kiến và văn hóa chính trị của các năm 1970 được sưu tập trong Linz *et al.* (1981), *Informe Sociológico sobre et Combio Politico en España, 1975-1981,* Madrid: Euramérica; và A. Lospez-Pina and E. Aranguren (1976), *La Cultura Política de la España de Franco,* Madrid: Taurus, các bảng 5.1, 5.3, 5.33. [↑](#footnote-ref-3)
4. \* Thực ra phải là mức kỳ vọng tối đa, tức là 100-r, chứ không phải là r (xem hình 2.1) [↑](#footnote-ref-4)
5. \* Trong trường hợp đường Cong C, chỉ có một cân bằng duy nhất ở mức cao, mọi điểm đều dẫn tới đó mà không cần có tác động thêm, phong trào không bị thoái lui. [↑](#footnote-ref-5)
6. \* Nếu giả định rằng chọn đồng thời 3 người, theo thứ tự được ưu thích nhất, ưa thích nhì và ưa thích thứ ba, chỉ giữa 6 ứng viên còn lại, theo Bảng 3.1 thì López-Bravo (15 phiếu [do Fraga và Areilza đã bị loại, nên López-Bravo được 5 phiếu từ các nhà mở cửa, 8 phiếu từ các nhà liên tục và 2 phiếu từ các nhà cực đoan [ưu tiên thứ 3]); Fernández de la Mora cũng được 15 phiếu (do là ưu tiên số 2 của các nhà liên tục và cực đoan và ưu tiên số 3 của các nhà mở cửa); và Silva cũng thế. Kết quả cuối cùng cũng giống như tác giả trình bày. [↑](#footnote-ref-6)
7. \* trong nguyên bản là trường công (public schools), có lẽ bị lỗi. [↑](#footnote-ref-7)
8. \* Trong bầu cử với đại diện theo tỷ lệ, danh sách kín là danh sách các ứng viên của mỗi đảng và cử tri chỉ bỏ cho các đảng (các danh sách) và mỗi đảng tự chọn người trúng cử của mình theo danh sách và theo tỷ lệ phiếu mà đảng nhận được [với danh sách ngỏ, cử tri không những bầu cho đảng mà còn có thể ảnh hưởng đến việc chọn người trúng cử của đảng mà mình đã bỏ, thí dụ bằng đánh dấu đích danh ứng viên của đảng đó trong danh sách]. [↑](#footnote-ref-8)